



**TOÁN QUỐC QUÂN KỲ
CỦA
TRƯỜNG VĨ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM**

QUAN ĐIỂM & QUI ĐỊNH CỦA TẬP SAN ĐA HIỆU &&&

QUAN ĐIỂM:

Đa Hiệu là cơ quan ngôn luận của Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN, là gạch nối giữa các Cựu SVSQ, giữa các Hội Võ Bị địa phương, giữa các thế hệ đi trước cha anh và những thế hệ kế thừa, đại diện là các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu trên toàn thế giới. Đa Hiệu cũng là nơi để mọi người cùng chiến tuyến chia sẻ quan điểm, lập trường chống cộng đến các chiến hữu, thân hữu và các độc giả cùng chung Lý Tưởng.

QUI ĐỊNH:

Để thực hiện được những mục tiêu kể trên, chúng tôi mong mọi nhận được những bài vở, như các bút ký qua các thơ văn với nhiều đề tài, đặc biệt liên quan đến những chiến trường xưa, đến Võ Bị. Khi chọn đăng, chúng tôi sẽ theo một số qui định cụ thể như sau:

_ Không nhận những bài viết có nội dung tuyên truyền, cổ vũ cho chế độ và chủ thuyết cộng sản, đặc biệt là chế độ CSVN.

_ Không nhận những bài viết có nội dung đã kích hay bôi nhọ cá nhân trong và ngoài tập thể Võ Bị, trừ lý do đặc biệt: những bài này cần chính xác và có tài liệu dẫn chứng.

Xin ghi rõ tên thật, bút hiệu, địa chỉ, Email và số phone để Tòa soạn liên lạc khi cần.

Khi gởi các sáng tác cho Tòa Soạn, có thể đính kèm qua Email, qua bưu điện hoặc CD. Có thể dùng những nhu liệu tiếng Việt như VNI, UNIKEY, hay các nhu liệu dùng Unicode. Có thể đánh máy có dấu, không dấu hoặc viết tay.

Ban Biên tập sẽ quyết định chọn đăng hay không những bài đã đăng ở các báo khác hay trên các trang Web.

**TỔNG HỘI CSVSQ/TVBQGVN
TẬP SAN ĐA HIỆU**

CHỦ NHIỆM: CSVSQ NGUYỄN PHƯỚC ÁI ĐÌNH- K26

Email: aidinhnguyen@yahoo.com

CHỦ BÚT: CSVSQ KIỀU CÔNG CỤ - K22

Email: kieucongcu@yahoo.com

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ & THỦ QUẢN

CSVSQ TRẦN TRÍ QUỐC – K 27

Email: tran27147@yahoo.com

PHÁT HÀNH: CSVSQ TRẦN VĂN GIỎI – K26

Hội Võ Bì Nam California – Hoa Kỳ

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN:

ĐA HIỆU MAGAZINE

P.O. Box 8628

Fountain Valley, CA 92728

Email: kieucongcu@yahoo.com

WEBSITE CỦA TỔNG HỘI:

<http://tvbqgvn.org>

<http://tapsandahieu.cf/>

GROUP CỦA TỔNG HỘI:

vobivn@googlegroups.com

**BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI
NHIỆM KỲ 2022-2024**

Ban Cố Vấn:

NT Vĩnh Quốc – K16

NT Nguyễn Văn Dục – k17

Ban Chấp Hành:

Các Niên Trưởng & CSVSQ:

Nguyễn Phước Ái Đình	K26	Tổng Hội Trưởng
Đặng Văn Khanh	K25	Tổng Hội Phó Nội Vụ
Trần Văn Giới	K26	Tổng Hội Phó Ngoại Vụ
Anh Đoàn Ngọc Liêm	TTNĐH	Phụ Tá Tổng Hội Trưởng
Nguyễn Văn Dục	K17	THP đặc trách Trung HK
Nguyễn Văn Lân	K17	THP đặc trách Đ Bắc HK
Nguyễn Thiện Nhơn	K26	THP đặc trách Đ Nam HK
Trần Văn Giới	K26	THP đặc trách T Nam HK
Cao Văn Hải	K25	Đại Diện TH tại Sacramento
Đỗ Trọng Đạt	K29	THP đặc trách TTN/ĐH
Nguyễn Duy Niên	K27	Tổng Thư Ký
Nguyễn Đức	K26	Trưởng Ban Điều Hợp Diễn Đàn
Đỗ Trọng Đạt	K29	Ban Điều Hợp Diễn Đàn
Nguyễn Viễn	K28	Ban Điều Hợp Diễn Đàn
Trần Trí Quốc	K27	Trưởng Ban Trị Sự kiêm Thủ Quỹ Đa Hiệu
Phan Văn Lộc	K30	Ủy Viên Xã Hội

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN & GIÁM SÁT

Cố Vấn ----- CSVSQ Ngô Như Khuê – K12
Chủ tịch ----- CSVSQ Hoàng Như Cầu – K27
Phó Chủ tịch ----- CSVSQ Trương Thành Minh- K28

BAN CHẤP HÀNH TỔNG ĐOÀN THANH THIẾU NIÊN ĐA HIỆU

Các Anh Chị:

Cao Xuân Thanh Ngọc	K 14/2	Tổng Đoàn Trưởng
Đỗ Anh Tú	K 1/2	Tổng Đoàn Phó Ngoại Vụ
Nguyễn Adam	K 14/2	Tổng Đoàn Phó Nội Vụ
Nguyễn Diễm Nga	K 17/2	Thư Ký
Trần Tuyên	K 21/2	Thủ Quỹ
Đoàn Ngọc Liêm	K 4/2	Thành Viên
Tammy Huỳnh	K 19/2	Thành Viên
Đỗ Nguyễn Nhật Khai	K 20/2	Thành Viên












MỤC LỤC

- 4 Quan Điểm và Qui Định
5 Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN
8 Mục Lục
10 Hình Ảnh các Vị Chi Huy Trường Trường VBQGVN
11 Tham Gia Gói Báo ĐH 125 – Trần Văn Giới
17 Người Việt và Quốc Khánh Mỹ - Giao Chỉ, San Jose
28 Vu Lan Mất Mẹ - Cao Xuân Thanh Ngọc
30 Thương Mẹ - Cao Xuân Thanh Ngọc
33 60 Năm Hạ Sơn – Nguyễn Đức Thu
47 Bức Thư của Cha Già Gởi Con Gái – Hoàng Yên
52 Đến Thăm Tướng Trần V. Trung – Nguyễn Bích + ĐVK
55 Những Ngày Năm Ấy – Trang Châu
69 CHXHCN/ VN Không Phải Là...– Trần M. Lâm
72 Chuyện Trong Nước VNCS – BS Đỗ Hồng Ngọc
74 *Quên – Vi Vân*
75 90 Năm Sau Cuộc Đại Thanh Trùng – Mai Vũ Phạm
80 Một Gói quà Cho Thương Phế Binh – Phan Văn Lộc
83 Lễ Ra Mắt Sách – Trần Văn Giới

- 87 *Khép Cửa – Phạm Kim Khôi*
- 89 *Thư Người Gái Quê – Lê Phùng Xuân*
- 99 *Quần Y Sĩ Nhảy Dù – Phan Ngọc Hà*
- 104 *Thơ Lê Anh: Con chốt cũ xứ người*
Chiếc áo rách
Em đến thăm rìng
Thăm nuôi tù
Tháng Tư nắng mưa
- 110 *Lương Y Như Từ Mậu – BS Võ Tam Anh*
- 117 *Phạm Tín An Ninh – Nguyễn Phụng*
- 126 *Đọc Truyện Ngắn PTAN – Nguyễn Hoàng Quý*
- 131 *Một Y Sĩ Hải Quan - Nguyễn Vĩnh Bình*
- 152 *Đặng sau niềm vui có nỗi buồn... Vũ Dương*
- 156 *Mùa Thu và Thi Nhân – Vi Vân*
- 164 *Viết Vội Cho Em Tôi – Phạm Văn Tiền*
- 169 *Các Niên Trưởng và Đồng đội TQLC – Tô Văn Cấp*
- 200 *Câu Chuyện Gia Đình Đỗ Hữu Tùng – Đoàn Văn Tịnh*
- 213 *Con Gái Hà Nội Xưa – Vũ Thế Thành*
- 218 *Tâm Tư của Một Nàng Dâu Võ Bị - Bà Nguyễn C. Hiến*
- 222 *Chuyện Trong Nhà – Minh Nguyệt*
- 229 *Cựu Đại Úy Quách Vĩnh Tường – Nguyễn Quý*
- 233 *Trường VBQGVN – Kiều Mỹ Duyên*
- 240 *Về Bên (Không) Thua Cuộc – Phan Nhật Nam*
- 250 *Phong Vần TS Thủy Nguyễn – Triều Giang*
- 258 *Chàng Từ Khi Vào Nơi Gió Cát – Kiều Mỹ Duyên*
- 264 *Đôi Điều Chưa Nói Về Tướng T.Q. Ân – Lê Quốc Toàn*
- 276 *Hội Khóa và Số La Mã – Nguyễn Nho*
- 280 *Thơ Tường Thủy*
- 282 *Phan Rang: Trận Chiến Cuối Cùng... Nguyễn Q. Khuê*
- 296 *Sự Thật Cho Lịch Sử - Đặng Kim Thu*
- 310 *Giới Thiệu Sách: “Huỳnh Đệ Chi Binh” – Khôi An*
- 315 *Danh Sách Ủng Hộ Tập San Đa Hiệu – Trần Trí Quốc*
- 320 *Bản Tổng Kết Chi Thu – Trần Trí Quốc*
- 322 *TH/CSVSQ Thành Kính Phân Ưu*



		CÁC CHỈ HUY TRƯỞNG TRƯỞNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM					
	<p>Th. Tướng Nguyễn Văn Chuẩn 1954-1955</p>		<p>Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu 1955-1957/1958-1960</p>		<p>Th. Tướng Hồ Văn Tồ 1957-1958</p>		<p>Th. Tướng Lê Văn Kim 1960-1962</p>
	<p>Đại Tá Trần Ngọc Huyền 1962-1963</p>		<p>Th. Tướng Trần Tử Oai 1963</p>		<p>Trung Tướng Trần Văn Trung 1963-1964</p>		<p>Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Kiêm 1964-1965</p>
	<p>Th. Tướng Lâm Quang Thơ 1965-1966/1972-1975</p>		<p>Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận 1966-1968</p>		<p>Trung Tướng Lâm Quang Thi 1968-1972</p>		

Tham Gia Gói Báo Đa Hiệu số 125

CSVSQ Trần Văn Giỏi –K26

Thành thật cảm ơn:

Quý Niên Trưởng, Quý Phu Nhân

Quý Bạn, Quý Niên Đệ

Đã đến tham dự buổi gói báo Đa Hiệu số 125

Vào ngày Chủ Nhật 28 tháng 05 năm 2023.

Tại tư gia: CSVSQ Nguyễn Phước Ái Đình, K26

Số 8971 Mac Alpine Rd ,Garden Grove, CA 92841

Thành phần tham dự:

Khoá 15:

NT Nguyễn Công Hiến, K15 và Phu Nhân

Chị Nguyễn Trọng Mạc, K15/1

Chị Trần Nguyệt, K15/1

Khoá 16:

NT Nguyễn Văn Úc, K16 và Phu Nhân

Khoá 17:

NT Võ Ý, K17

NT Hoàng Đình Ngoạn, K17

Chị Nam Sinh Tín, K17/1

Khoá 18:

NT Nguyễn Văn Thiệt, K18 (Cựu THT) và Phu Nhân

NT Phạm Văn Thuận, và Phu Nhân

Khoá 19:

NT Dương Văn Chiến, K19 và Phu Nhân

NT Lê Khắc Kha, K19

Khoá 20:

NT Phạm Văn Hồng, K20 và Phu Nhân
Chị Quách Thương, K20/1

Khoá 22:

NT Kiều Công Cự, K22

Khoá 23:

NT Đỗ Mạnh Trường, K23 và Phu Nhân
NT Nguyễn Trọng Việt, K23 và Phu Nhân

Khoá 25:

NT Nguyễn Hàm, K25 (Cựu THT) và Phu Nhân
NT Lê Khắc Phước, K25
NT Vũ Văn Hùng, K25

Khoá 26:

Anh Nguyễn Phước Ái Đình, K26 (THT)
Anh Đào Quý Hùng, K26 và Phu Nhân
Anh Trần Văn Giới, K26 và Phu Nhân
Anh Phạm Đình Lê, K26

Khoá 27:

NĐ Trần Trí Quốc, K27
NĐ Diệp Quốc Vinh, K27 và Phu Nhân
NĐ Nguyễn Hoàng Phước, K27

Khoá 28:

NĐ Phạm Công Thành, K28 và Phu Nhân
NĐ Nguyễn Trung Long, K28

Khoá 29:

NĐ Tsu A Cầu, K29 (Cựu THT) và Phu Nhân
NĐ Phòng Tít Chăng, K29 và Phu Nhân

Khoá 30:

NĐ Phan Văn Lộc, K30 và Phu Nhân.

Tổng cộng : 44 người

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn quý Niên Trưởng, các Bạn Khoá 26 quý Niên Đệ cùng quý Phu Nhân đã bỏ thời giờ quý báu ngày Chúa Nhật để cùng nhau hoàn thành tốt đẹp công tác gói báo số 125.

Kính chúc quý vị và gia đình luôn vui khỏe, hạnh phúc may mắn.

TM/BCH/Hội Võ Bị Nam CA
Hội Trưởng
Trần Văn Giới K26

TB: Những hình ảnh rất vui tươi, của tất cả mọi người trong công tác gói báo số 125 đã được Niên Trưởng Lê Khắc Phước K25 đưa lên và lịch sử của Đa Hiệu được Niên Trưởng Võ Ý K17 ghi lại rất đầy đủ từ lúc khởi đầu cho đến hôm nay.



ND Thành (K 28)+ND Long (K 28) +ND Hùng (K 26)+ NT Cự (Chủ Bút, đứng, K 22) +NT Ngoạn (K17) + NT Hiến (K15)+ NT Ý (K17)



Các Chị: Thường (K20) + Hiến (K15) + Hùng (K26) + Tín (K17)

Kính mong tất cả các Cựu SVSQ/ TVBQGVN khắp nơi khi nhận Đa Hiệu hãy nhớ rằng đây là đứa con chung được sinh

ra từ Trường VBQGVN và được bảo vệ nuôi dưỡng dù lịch sử đất nước và cuộc đời của từng cá nhân có nhiều biến đổi, dù anh em nay kể còn người mất, sức khỏe yếu kém, tản lạc khắp nơi,



**Các Chị: Vinh (K27) + Cầu (K29) + Chặng (K29)+ Trường (K23)
Việt (K23) + Thành (K28)+ Giỏi (K26)**



**Các Anh: Thuận (K18) + Thiệt (K18)
Hàm (K25) + Thành (K28) + Trường (K23)**

dù bất cứ hoàn cảnh nào chúng ta cũng phải có bổn phận yêu thương và đoàn kết không làm tủi hổ uy danh của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam mà máu xương thân xác đàn anh, bạn cùng khoá và đàn em đã nằm xuống cho chúng ta còn chút hãnh diện hôm nay, nên phải trân trọng, bảo vệ nó trong những năm tháng còn lại của cuộc đời và dùng Đa Hiệu như sợi dây nối kết, gói

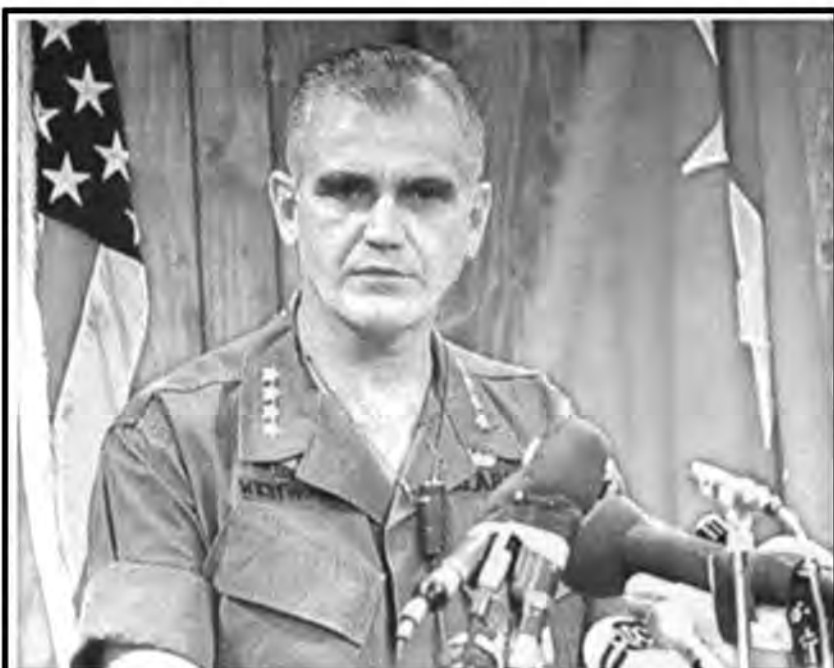
ghém tình yêu thương giữa chúng ta những người may mắn còn sống sót sau cuộc chiến và chính chúng ta phải có bổn phận ghi lại, nhắc **nhớ** vinh danh những người Cựu SVSQ/Võ Bị đã hy sinh cho tổ quốc hoặc mất tích trong các cuộc đào thoát từ nhà tù cộng sản mà đến nay vẫn bặt vô âm tín...



Các Anh: Kha (K19), Hàm (K25), + Phước (K25) + Vinh (K27)



*Các Anh: Kha (K19) + Phước (K25) + Vinh (K27) +
Quốc (K27)+ Hùng (K26)+ Trường (K23).*



"Chúng ta không thua ở VN nhưng chúng ta đã không giữ lời cam kết với QLVNCH, đồng minh của chúng ta Thay mặt cho quân đội Hoa kỳ, tôi xin lỗi các bạn cựu quân nhân Quân Lực Việt nam Cộng hoà vì chúng tôi đã bỏ rơi các bạn"

**On behalf of the United States Armed forces
I would like to apologize to the Veterans of the
South Vietnamese Armed forces for the
abandoning you guys!**

General Williams. C. Westmoreland

Người Việt & Quốc Khánh Mỹ.



Giao Chỉ, San Jose.

Phần thứ nhất:

Lời nói đầu:

Tôi phải kể câu chuyện này. Hai chính khách gốc Nhật danh tiếng của Mỹ mới gặp nhau ở San Jose nhắc lại thời thơ ấu đã cùng gia đình phải vào trại tập trung khi Trân Châu Cảng bị tấn công. Những cậu bé sinh ra tại Mỹ, không biết nói tiếng Nhật, tưởng mình là Mỹ chính thống bỗng nhiên bị coi là kẻ thù Nhật Bản. Sau đệ nhị thế chiến, cậu bé Mineta lên làm thị trưởng San Jose. Năm 1976 ông đến dự lễ thành lập cơ quan IRCC tại đường Almaden. Sau lên tổng trưởng giao thông cho chính phủ Bush. Còn ông Honda làm hiệu trưởng trường trung học tại San Jose. Là người đầu tiên mở của các lớp học cuối tuần cho chương trình Việt Ngữ Văn Lang. Sau ông làm dân biểu liên bang. Hai ông già Hoa Kỳ gốc Nhật về hưu được báo chí hỏi có nhắn nhủ gì cho thế

hệ tương lai. Cả hai cùng trả lời một câu vô cùng ý nghĩa. Làm gì thì làm, luôn luôn phải nhớ rằng mình là ai?

Luôn luôn phải nhớ rằng mình là ai?

Hôm nay với tư cách là người Việt quốc tịch Mỹ, mãi mãi vẫn nhớ mình là ai, xin ghi lại câu chuyện Hoa Kỳ lập quốc nhân ngày lễ Độc Lập. Lịch sử nước Hoa Kỳ ngắn và tương đơn giản nhưng thực sự rất phức tạp. *Những người Anh tha phương tìm được đất sống đã nổi dậy chống lại cố quốc để trở thành người Mỹ.* Văn hóa và ngôn ngữ vẫn từ nước Anh, nhưng di dân đã làm cách mạng chống lại nước mẹ để trở thành Hiệp Chúng Quốc. Cách mạng thành công, họ viết ra bản tuyên ngôn độc lập rồi soạn thảo hiến pháp.

Đó là cuốn Kinh Thánh của nền dân chủ. Tuy nhiên những áng văn chương bất hủ đó cũng chỉ mới là lý thuyết. Tân quốc gia Hoa Kỳ ra đời đưa ra những ý tưởng cao quý và lý tưởng nhưng không thực sự thi hành. Người Mỹ trắng gốc Âu Châu miền Trung Mỹ chiếm đất và tập trung dân da đỏ vào khu đồng khô cỏ cháy. Mỹ trắng miền Nam thi hành chế độ nô lệ khắc nghiệt đối với dân da đen. Tuy gọi là thể chế dân chủ nhưng không cho phụ nữ đi bầu. Di dân ngoại nhập từ Á châu cũng chỉ làm trong nông trại và nhân công đường xe lửa. Người Mỹ cũng đã từng mở cuộc chiến tranh chiếm các miền đất tốt đẹp của Mễ Tây Cơ từ Texas đến California. Phải trải qua 1 trăm năm lập quốc Hoa Kỳ mới đi được từ con đường vị kỳ qua vị tha. Sau cuộc nội chiến đẫm máu Mỹ mới giải phóng nô lệ và cho phụ nữ đi bầu. Phải thêm 1 trăm năm thứ nhì nước Mỹ mới có các đạo luật đón nhận di dân và đến cuối thế kỷ 20 Mỹ mới trở thành cường quốc về chính trị, kinh tế và quân sự. Hoa Kỳ sau khi trải qua 2 đại chiến thế giới mới thực sự là quốc gia tự do dân chủ kiểu mẫu toàn cầu và đem cơ hội đến cho mọi sắc dân. 80 năm trước Mỹ đã chỉ huy trận đổ bộ từ Anh Quốc vào bờ biển nước Pháp chiến thắng phát xít Đức và xây dựng lại toàn thể Âu Châu. Chính người Mỹ đã góp phần lớn vào việc trực tiếp viện trợ cho Nga Sô vươn lên để trở thành quốc gia dẫn đầu cộng sản thế giới. Tại Á Châu, Hoa Kỳ đã xây dựng kẻ cựu thù Nhật Bản từ một nước quân phiệt thành quốc gia dân chủ hùng cường nhưng vẫn giữ được truyền thống hoàng gia. Mang danh nghĩa là đất nước

cha đẻ của Liên Hiệp Quốc, Hoa Kỳ là quốc gia duy nhất không ngần ngại đem chiến binh đi khắp thế giới bảo vệ hòa bình cùng với các chương trình viện trợ các quốc gia chậm tiến. Tham dự vào chiến tranh Cao Ly trong 3 năm hy sinh hàng ngàn chiến sĩ chỉ đem đến kết quả giữ cho nguyên trạng chia cắt Bắc Nam. Tham dự vào chiến tranh Việt Nam trong 10 năm với kết quả bi thảm phải đón nhận trước sau hàng triệu dân Việt trở thành di dân tỵ nạn. Sau kinh nghiệm Cao Ly và Việt Nam, giữa thế giới tự do và cộng sản, nước Mỹ đã tìm ra đường lối đấu tranh khác qua cuộc chiến tranh lạnh và sau cùng cờ đỏ phải hạ xuống tại thủ đô Mạc Tư Khoa. Trong vai trò cường quốc lãnh đạo thế giới tự do, Hoa Kỳ vẫn không ngần ngại dấn thân vào mọi hoạt động dân sinh để bảo vệ hòa bình cho nhân loại trên khắp năm châu bốn bể. Anh ngữ cũng nhờ Hoa Kỳ trở thành ngôn ngữ khuôn vàng thước ngọc toàn cầu và đồng Mỹ Kim trở thành bản mệnh kinh tế thế giới. Từ khi Hoa Kỳ chiến thắng trong đệ nhị thế chiến năm 1945 đến nay, nước Mỹ chưa bao giờ từ bỏ vai trò vĩ đại lãnh đạo toàn cầu. Cùng một lúc nước Mỹ chia sẻ phúc lợi vật chất cho thế giới và đồng thời hướng dẫn con đường xây dựng dân chủ cho các dân tộc chưa phát triển. Tinh thần quảng đại của dân tộc Mỹ có được hôm nay đã trải qua nhiều phen lột xác từ gần 300 năm lập quốc. Với tinh thần đó, xin độc giả cùng chúng tôi đọc lại trang sử Hoa Kỳ nhân ngày Quốc Khánh 4 tháng 7 năm 2023. Phần sau cùng, chúng tôi sẽ có nhận định về hoàn cảnh hiện tại. Vai trò của cựu tổng thống Trump hiện là một thách đố của chính trường Hoa Kỳ trong ngày quốc khánh.

Phần thứ hai:

Dân Việt và Lễ Độc Lập Mỹ.

Người Việt đến Mỹ ngay sau biển cỏ tháng tư 75 được gọi là di tản. Ra đi bằng phi cơ và bằng tàu trên biển Đông. Sau khi hải quân Hoa Kỳ rời khỏi hải phận Việt Nam thì những con thuyền vượt biển đầu tiên ra đi. Tất cả đều được nhận vào Hoa Kỳ dưới danh hiệu tỵ nạn vào khoảng 150 ngàn. Con số này nhiều hơn con số chính phủ Mỹ dự trù chỉ nhận có hơn 60 ngàn người. Vào thời đó nước Mỹ chưa có vấn nạn di dân và lòng người Mỹ

còn mở rộng sau thảm kịch cộng sản chiến thắng Sài Gòn. Ngày 4 tháng 7 năm 75 những người Việt đầu tiên hiện diện tại Hoa Kỳ vẫn chưa cảm nhận được hương vị của lễ Độc Lập. Nhiều gia đình còn ở trong trại tạm trú chờ các nhà thờ bảo trợ. Qua đến năm 1976, Hoa Kỳ kỷ niệm 200 năm lập quốc, người dân Việt mới lưu ý tham dự cùng các gia đình bảo trợ. Ngày nay, trải qua gần nửa thế kỷ sống trên quê hương mới, xin nhắc lại một lần ngày lễ vĩ đại nhất của Hoa Kỳ

Lịch sử lễ Độc Lập

Hoa Kỳ lập quốc năm 1776 có 4 triệu dân, ngày nay 2023 có 350 triệu. - Năm 1976 người Việt tại Mỹ có 180 ngàn, ngày nay có 1 triệu 800 ngàn. Sau 48 năm tăng hơn 10 lần-- Dân Việt tỵ nạn xây dựng cuộc sống trên đất mới trong khi thế giới chuyển tiếp giữa 2 thế kỷ 20 và 21.-- Về kỹ thuật, điện tử thay đổi toàn bộ đời sống.--Về nhân văn, với sự chấp nhận hôn nhân đồng tính, Hoa Kỳ đã tiến bước rất dài trên phương diện tư tưởng, bỏ xa phần còn lại của thế giới cả trăm năm.

Người Việt đã có mặt trên miền đất lịch sử trong một giai đoạn lịch sử. --Xin cùng quay về với câu chuyện lập quốc Hoa Kỳ. Lịch sử quê hương mới một thời bao dung mà di dân tỵ nạn chúng ta đã một thời sống chết tìm đến

Ngày quốc lễ

Ngày 4 tháng 7 hàng năm là ngày lễ trọng đại nhất của Hoa Kỳ. Đó là ngày Mỹ quốc Tuyên Ngôn Độc Lập năm 1776 và bắt đầu chiến tranh cách mạng chống lại Anh quốc trong 6 năm. Đến 1782 Anh và Mỹ ký thỏa ước ở Paris và công nhận Hoa Kỳ độc lập. Người Mỹ đã chiến thắng trận chiến tranh đầu tiên của lịch sử Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Sau kỳ kiểm kê dân số 2010 nước Mỹ tương lai dần dần trở thành là đất nước của các sắc dân mà trong đó da trắng sẽ chỉ còn 50% tổng số .

Là công dân gốc Việt trong đợt di dân cuối cùng của thế kỷ 20, chúng ta nên tìm hiểu về đất nước mà chúng ta lập nghiệp. Các di dân tỵ nạn Việt Nam đầu tiên đến Mỹ năm 1975. Đến bây giờ nước Mỹ đã già thêm hơn 50 năm nhưng lịch sử trẻ trung của Hiệp Chúng Quốc rất phong phú và cũng rất độc đáo. Hoa Kỳ là

quốc gia bao gồm tất cả các sắc dân, các ngôn ngữ, các tập tục văn hóa.

Nước Mỹ đã có các kỷ niệm vừa hung bạo vừa nhân từ. Tiêu diệt da đỏ, bắt da đen làm nô lệ, kỳ thị da vàng, đem quân đi làm cảnh sát trên thế giới, đi đến đâu là gây sóng gió ở đó. Hoa Kỳ cũng là quốc gia phát huy tự do dân chủ toàn cầu, viện trợ kinh tế, quân sự, giáo dục, xã hội, văn hóa cho toàn thể các quốc gia chậm tiến trên thế giới. Nước Mỹ sống giữa 2 đại dương và có ba múi giờ. Biên cương của Hoa Kỳ trên địa cầu là một vùng đất bao la tiếp giáp với Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Tiểu bang Alaska của Hoa Kỳ là ải địa cầu trấn giữ Bắc Băng Dương. Biên giới không gian của Hoa Kỳ lên đến mặt trăng và Mỹ quốc cũng là quốc gia tiên phong ghi dấu vết trên Hỏa tinh. Hai nghìn vệ tinh kinh tế thương mại và quân sự của Hoa Kỳ canh gác toàn vùng khí quyển của quả đất. Để quốc nhân văn của Hiệp Chúng Quốc thống trị thế giới bằng các đại sứ quán và tòa lãnh sự luôn luôn tập nập các khách hàng xin visa. Cơ sở ngoại vi của các sứ quán Hoa Kỳ là những chỗ bán thức ăn Fast Food McDonald, Kentucky, nước Coke, nhạc Rock và quần Jeans. Mỹ phát thực phẩm cho dân nghèo toàn thế giới nhưng đi đến đâu cũng bị đuổi về nhà: Yankee go home. Đó là Hoa Kỳ ngày nay, quá trẻ trung vì chỉ có hơn 240 năm lập quốc. Đất nước mà chúng ta đang là công dân có đứng lên tuyên thệ bảo vệ và tuyệt đối trung thành. Vì vậy chúng ta cũng nên biết qua lịch sử của quê hương mà phần đông chúng ta sẽ cùng các thế hệ tiếp theo ở lại đời đời.

Người đầu tiên trên đất Mỹ?

Các nhà nhân chủng học cho biết 12 ngàn năm trước con người tiền sử Á Châu đi tìm đường sống đã đi từ Á qua Mỹ. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là giả thuyết. Thực tế ghi nhận đây là miền đất mới không có nhiều chỉ dấu của các nền văn minh ngàn năm trước như Âu châu. Chỉ có dấu vết các bộ lạc tàn lụi. Sau cùng chỉ còn các bộ lạc da đỏ tồn tại cho đến thời kỳ 1500 các sắc dân tây phương mới đến Mỹ bằng đường biển. Nổi danh nhất là nhà hàng hải Columbus khám phá ra Mỹ châu. Rồi tiếp theo là Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh Cát Lợi, Pháp, Đức rồi đến Nga và

các quốc gia Đông Âu. Các cuộc chiến đẫm máu, triền miên ở tân lục địa giữa người địa phương và dân giàng hồ mới đến. Chiến tranh giữa các thế lực Tây phương. Sau cùng Anh quốc ổn định được tại phần lớn miền Đông Hoa Kỳ và các di dân bắt đầu lên đường. Con tàu Hoa Tháng Năm, Mayflower nổi tiếng đến Mỹ năm 1620 vồn vẹn có 100 người mà một nửa là thủy thủ đoàn. Con tàu này đã trở thành biểu tượng của di dân định cư trên đất mới vì có đem theo gia đình. Năm 1621 di dân được mùa đã cùng tổ chức Lễ Tạ Ơn và ăn tiệc mừng với dân da đỏ trong một lễ Thanksgiving đầu tiên của nhân loại.

Trong khi đó hơn 100 năm nước Mỹ thuộc Anh đã hình thành với 13 tiểu bang liên hiệp ở miền Đông. Phần lớn làm nghề nông, trồng thuốc lá, trà, và lúa. Các vùng khác thuộc Tây Ban Nha, Pháp vẫn còn tranh chấp. Cuộc chiến 1754 giữa Pháp và Anh giành đất trong 7 năm, sau cùng Anh thắng và mở rộng biên cương thuộc địa. Tiếp theo nước Anh cản tiền cho mẫu quốc nên đánh thuế các thuộc địa, thu tiền các nhà sản xuất và các đồn điền tại Hoa Kỳ. Chính sách thuế của Anh ban hành năm 1774 trở thành mầm mống cho cuộc chiến giành độc lập tại Hoa Kỳ. Tướng Washington nhận trách nhiệm lãnh đạo cuộc chiến tranh cách mạng vào năm 1775 và chính thức đứng ra tuyên bố độc lập 1776. Bản Tuyên Ngôn Độc Lập do Thomas Jefferson đại diện tiểu bang Virginia viết ra lúc ông 33 tuổi được coi là một áng văn tuyệt tác nhất của nhân loại và mở đầu cuộc chiến giành độc lập cho đến chiến thắng cuối cùng bằng hiệp định Paris 1782. Sau chiến thắng, Hoa Kỳ có 5 năm xây dựng dân chủ từ 1782 đến 1787 để hiến pháp ra đời với 9 tiểu bang chính thức rồi đến 13 tiểu bang thỏa hiệp. Những lá cờ Mỹ đầu tiên có 9 ngôi sao rồi 13 ngôi sao và bây giờ là 50 ngôi sao. Suốt từ buổi bình minh của Hiệp Chúng Quốc cho đến nay, nước Mỹ đã trải qua biết bao nhiêu là biến động. Từ hơn 4 triệu dân trở thành trên 350 triệu. Trên giấy tờ có 250 năm lập quốc nhưng thực sự quốc gia này đã thành hình từ trên 300 năm.

Ý nghĩa Hiệp Chúng Quốc

Phải chăng Hoa Kỳ là một đĩa rau trộn gồm đủ mọi sắc thái nhưng tía tô vẫn là tía tô, rau giấp cá vẫn nồng nàn mùi tanh

của biển mặn. Hay đây là nồi cháo mà mọi thứ thực phẩm đã được hòa tan thành một hương vị mới. Trước khi nói đến nhân quyền, tự do và bình đẳng, nước Mỹ đã trải qua các giai đoạn hành động tàn nhẫn với các sắc dân thiểu số. Vào thế kỷ thứ 19, da trắng buộc dân da đỏ phải di cư tập trung vào các khu vực dành riêng, phần nhiều là đồng khô, cỏ cháy. Thảm kịch diễn ra trên các con đường mòn di chuyển dân da đỏ được gọi là: *Đường mòn nước mắt*. Da đỏ già trẻ lớn bé đều phải ra đi, bỏ nhà cửa, vườn trại để vào các khu hoang vu xa cách vạn dặm. Hàng chục ngàn người đã chết. Trong khi đó ở miền Nam Hoa Kỳ, dân da đen bị bắt làm nô lệ đem từ Phi châu qua đã trở thành một lực lượng lao động quan trọng. Những bàn tay đen đũi đã xây dựng nên nền nông nghiệp miền Nam nuôi cả nước Mỹ vào thời kỳ lập quốc với những vườn bông vải trắng xóa. Nhưng cũng chính da đen là vắn nạn cho cuộc chiến tranh tàn Nam Bắc. Những người da đen bỏ trốn các nông trại đã bị đánh roi cho đến chết. Câu chuyện Uncle Tom với bài ca lòng danh: *Let my people go, Hãy cho dân tôi đi*, đã trở thành một vắn nạn trong lương tâm Hoa Kỳ.

Da đỏ xin ở lại thì bị đuổi đi. Da đen xin đi thì bị giữ lại. Ngay khi nội chiến chấm dứt, da đen được giải phóng mà vẫn còn bị kỳ thị. Cuộc chiến đấu vĩ đại của một đàn bà da đen năm 1955 không chịu ngồi phía sau xe bus đã trở thành một cuộc tổng đình công tẩy chay xe bus tại Hoa Kỳ. Từ cuộc đình công này, da đen có được một nhà lãnh đạo đầy huyền thoại là mục sư Martin Luther King mà tên tuổi trở thành một ngày quốc lễ. Rồi đến lịch sử Tây tiến làm đường xe lửa đem da vàng Nhật Bản và Trung Hoa nhập cuộc. Các tiền nhân di dân châu Á cũng đã ngậm đắng nuốt cay ở miền Tây Hoa Kỳ trong suốt thời lịch sử cận đại. Dân da vàng có một thời chỉ được làm nhân công đường xe lửa hay thợ giặt ủi. Sau cùng đến lượt chúng ta. Việt Nam ngày nay có một triệu tám trăm ngàn người tại Hoa Kỳ. Sau đợt di tản 75 tiếp đến là thuyền nhân từ 75 đến 95 rồi là các HO, con lai, ODP đoàn tụ nhập cư cho đến cuối thế kỷ thứ 20. Sau cùng là diện hôn nhân. Mười quận hạt có dân số đông đảo nhất là Orange, Santa Clara, Los Angeles, Houston, San Diego, Seattle, Oakland, DC, và

Dallas. Chúng ta không phải là sắc dân cuối cùng, và chúng ta không phải là sắc dân duy nhất có quê hương cố quốc.

Di dân tỵ nạn Việt Nam tùy theo hoàn cảnh và cảm nghĩ, có người mang theo quê hương, có người bỏ lại quê hương. Tuy nhiên chúng ta không thể hành xử khác tập thể di dân trong trách nhiệm xây dựng đất mới. Sắc dân nào cũng có những niềm tự hào của họ. Ai cũng có các hãnh diện về truyền thống văn hóa, ngôn ngữ của cội nguồn. Điều quan trọng là phong cách đối xử và tìm hiểu để hội nhập. Chúng ta phải cảm ơn những người đi trước đã mở đường. Kể cả người xấu lẫn người tốt đã sống và đã qua đi trong công cuộc chinh phục đất nước vĩ đại này. Có điều hết sức trùng hợp là dù bất cứ sắc dân nào, dù cố quốc lắm than hay tươi sáng. Dù quê hương cũ còn độc tài cộng sản hay đã tự do dân chủ, di dân đến đây là ở lại đây. Những nhà văn Nga và Đông Âu lưu vong chống Cộng đã từng sống chết với quê hương rồi cũng phải nói rằng. Quê hương chính là nơi chúng ta sống có hạnh phúc. Đó là lý do người Anh ngày xưa chiến đấu chống cố hương để trở thành người Mỹ. Người Nhật trong đệ nhị thế chiến, bị cầm tù trong trại tập trung nhưng vẫn tình nguyện cầm súng chiến đấu chống Thiên Hoàng để trở thành người Mỹ. Bởi vì trên thế giới chỉ có Hoa Kỳ mới thực sự là đất của cơ hội. Quốc gia mà con một người da đen ngoại quốc, xuất thân cán sự cộng đồng đã trở thành tổng thống. Bản Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ hơn 200 năm trước đã ghi điều khoản bất hủ là con người được quyền mưu cầu hạnh phúc.

Mùa Hè năm qua, để chào mừng lễ độc lập lần thứ 237, tối cao pháp viện Hoa Kỳ đã ban hành nghị quyết lịch sử. Công nhận hôn nhân đồng tính, cho phép các cơ thể khác biệt cũng được mưu cầu hạnh phúc. Và bây giờ là chuyện dân Việt tại Hoa Kỳ.

Một lần nữa, đợt người Việt đầu tiên ở Mỹ sẽ là những cây tràm, cây đước giữ chặt đất cho một cộng đồng tương lai phát triển. Con cháu chúng ta sẽ vừa nhớ ơn ông cha đã đến đất này mà cũng không hổ thẹn về những đóng góp của chúng ta trong những giai đoạn đầu tiên. Bỏ lại phía sau con sông Hồng, sông Hương, sông Cửu Long và dãy Trường Sơn. Bây giờ ta phải làm quen với con sông Sacramento và rặng Rocky Mountain để con

cháu ta đứng lên đáp lời sông núi mới. Xin hãy công bình với hoàn cảnh. Hãy lưu tâm ngày 4 tháng 7 của Hoa Kỳ. Bước ra khỏi cái ghetto của cộng đồng nhỏ hẹp, tham dự vào cái xã hội vĩ đại đã đem phúc lợi cho chúng ta. Đó là cách hay nhất để xây dựng cùng một lúc cộng đồng tại Mỹ và quê hương bỏ lại ở Việt Nam. Bao gồm cả giấc mơ tự do và dân chủ. Hãy làm một công dân tốt và chân thành với xứ "tạm dung", chúng ta sẽ góp phần xây dựng dân sinh tại Hoa Kỳ và đồng thời xây dựng cả dân quyền cho Việt Nam.

Phần thứ ba:

Thử thách trên chính trường. Hoa Kỳ vốn sẵn có một thể chế dân chủ kiểu mẫu với 3 ngành Lập, Hành và Tư Pháp. Thêm vào đó truyền thông là sự thể hiện mạnh mẽ của đệ tứ quyền. Hiến pháp Mỹ ghi thêm quyền tuyệt vời. Đó là quyền Mưu Cầu Hạnh Phúc.

Tuy nhiên Hoa Kỳ cũng có những vấn nạn truyền kiếp không bao giờ giải quyết xong. Súng đạn, homeless, phá thai, đồng tính, di dân, kỳ thị. Tùy theo hoàn cảnh lần lượt các tổng thống Hoa Kỳ từ lưỡng đảng thay phiên cầm quyền với các phương thức khác biệt nhưng sự thực guồng máy công quyền và việc tổ chức xã hội với 50 tiểu bang độc lập luôn luôn giữ cho đất nước này đi vào khuôn phép. Nhưng đến lần ông Trump với vai trò tổng thống thứ 45 thì cuộc điện có phần khác biệt. Là ứng cử viên tài tử dưới danh nghĩa đảng Cộng Hòa nhưng ông hoàn toàn đi ra ngoài khuôn phép của đảng. Ông vẽ ra hình ảnh một nước Mỹ đang xuống cấp bị toàn cầu lợi dụng và ông đã thành công. Với khẩu hiệu *Làm cho nước Mỹ vĩ đại trở lại* (Make American Great Again), dù cá nhân ông có rất nhiều điều đáng chê trách nhưng cá tính mạnh mẽ đã thuyết phục cử tri Cộng Hòa và đánh bại 16 ứng cử viên toàn là chính khách kinh nghiệm. Vượt qua thách đố đầu tiên Trump tiếp tục tranh cử với ngôn từ mãnh liệt lại thêm một lần nữa chiến thắng đối thủ phe Dân Chủ. Dù toàn thể khối truyền thông Hoa Kỳ gần như hoàn toàn tin tưởng bà Clinton, ứng cử viên xuất sắc được tiên đoán sẽ cầm chắc kết quả. Ngay chính ông Trump cũng không ngờ mình chiến thắng. Nhưng giây phút ngỡ ngàng qua mau. Hết sức tự tin, tân tổng

thống khi tuyên thệ nhậm chức đã lên tiếng chê trách toàn thể các vị tổng thống tiền nhiệm lưỡng đảng. Ngôn từ của ông ngay trong giờ phút lịch sử thiêng liêng đã báo trước cơn sóng gió trên chính trường Hoa Kỳ. Lần lượt ông xóa bỏ tất cả các cam kết, các thỏa hiệp và các chương trình hiện hữu dù tại quốc nội hay hải ngoại. Nước Mỹ từ lâu nay vẫn mang niềm hãnh diện về một hệ thống truyền thông tự do và trung thực. Trump trực tiếp phá vỡ huyền thoại khi tuyên bố báo chí toàn tin láo và trở thành kẻ thù của nhân dân Mỹ. Hệ thống tình báo quốc nội, quốc ngoại của Mỹ từ FBI cho đến CIA trở thành các cơ quan bắt tài và bắt công dưới sự phê phán công khai của tổng thống. Từ bao năm qua lưỡng đảng tuy có cạnh tranh như chưa bao giờ trở thành thù nghịch như hiện nay. Bạch Cung và quốc hội trở thành cuộc tranh chấp hàng ngày giữa hành pháp và lập pháp. Tổng thống dù chưa thể đưa nước Mỹ trở thành độc tài nhưng với khối cử tri hết sức nhiệt thành và tiếp tục kiên trì ủng hộ, ông đã áp dụng chính sách độc tài tuyệt đối ngay trong Bạch Cung và trong nội các. Trump sử dụng tối đa quyền hạn tổng thống và bất chấp cả hiến pháp trong vai trò lãnh đạo quốc gia. Mỗi ngày ông đều có những quyết định thách đố các nguyên tắc tam quyền phân lập, thách đố các luật gia giải thích lại hiến pháp. Với khối cử tri nhiệt thành và kiên định ông luôn luôn chứng minh được quyết tâm thi hành các điều đã cam kết và sẽ đi hết cả hai nhiệm kỳ trọn vẹn 8 năm. Với quyết tâm sắt đá ông thách đố mọi phê phán, mọi trở ngại và giữa thời điểm của ngày lễ Độc Lập Hoa Kỳ 2019 vị tổng thống thứ 45 hiện là một thử thách của cả nước Mỹ. Dù Trump không tồn tại qua nhiệm kỳ thứ hai, hiện tượng Donald Trump cũng vẫn ảnh hưởng tương lai Hoa Kỳ. Truyền thông Mỹ đã phải duyệt lại vai trò của mình. Hệ thống an ninh nước Mỹ với FBI và CIA cũng phải điều chỉnh lại nội bộ. Sự tranh đua và hợp tác giữa các chính đảng cũng phải xem lại. Ngay cả bản Hiến Pháp truyền thống hãnh diện của nền dân chủ cũng phải xem lại về nguyên tắc bầu cử, về quyền súng đạn, quyền phá thai và các tu chính án về di dân. Đề tài di dân sẽ là các điểm quan trọng cho tương lai Hoa Kỳ với cuộc sống toàn cầu. Với tất cả những chủ trương đầy thử thách và ngôn ngữ phóng túng nhưng ngày nay cựu tổng thống thứ 45 vẫn giữ vững được sự tin tưởng của số cử tri quan trọng

hết sức trung thành thì sự phán xét thành bại không nằm trong khuôn khổ thông thường. Năm nay 2023, ông 45 đang trên đường muốn trở lại đóng vai ông 47 để tiếp tục làm mạnh thêm nước Mỹ.

Tuy nhiên điều quan trọng trong tiền đề Hầy Làm Cho Nước Mỹ Mạnh Trở Lại tuy được lòng một số dân chúng những tìm được định nghĩa mạnh yếu ra sao mới là chân lý. Trăm năm qua Hoa Kỳ vẫn hùng mạnh đóng vai cường quốc số một trên thế giới là do tinh thần hy sinh và chia sẻ. Chủ trương hoàn toàn trên căn bản quyền lợi dù là quyền lợi cá nhân, quyền lợi của một sắc dân hay một quốc gia sẽ dẫn đến những bất toàn nội trị và hận thù quốc tế ngay giữa đồng minh. Với chủ trương thu toàn quyền lợi về một mối, đóng cửa rút cầu gậy hấn bằng ngôn ngữ e rằng ông Trump đang đưa toàn dân Mỹ từ tinh thần vị tha trở về với chủ trương vị kỷ. Ông đi ngược con đường tiền nhân đưa nước Mỹ tiến bộ từ ngày lập quốc đến nay. Rất mong thể chế dân chủ với tam quyền phân lập giữ chân được vị tổng thống ngang tàng từ thương trường lạc đường vào chính trường đã thử thách toàn dân Hoa Kỳ. Năm 2020 Hoa Kỳ đã kiểm kê dân số 10 năm một lần. Đếm đầu người dân nhưng cũng đo lòng người. Tổng thống muốn đưa vào phiếu kiểm kê một câu hỏi về quốc tịch của di dân. Như vậy dù nửa đêm đi đếm người ở gầm cầu hay xó chợ cũng sẽ có hàng triệu dân bất hợp tác. May thay tối cao pháp viện dù với đa số là thân hữu của Bạch Cung 45 đã bác bỏ câu hỏi về quốc tịch. Chúng ta vẫn còn niềm tin vào thể chế dân chủ Hoa Kỳ. Đó là thiện nghĩ của chúng tôi nhân ngày lễ độc lập. Điều quan trọng nhắn gửi sau cùng theo gương 2 ông chính khách già gốc Nhật là luôn luôn biết mình là ai. Dù ngoại nhập hay sinh ra tại Mỹ chúng ta vẫn là thiểu số gốc Việt. Hiện tại đang sống giữa giai đoạn thử thách của nền dân chủ rất phức tạp Hoa Kỳ, phải tự tìm lấy vai trò hợp lý nhất trên quê hương mới. Hầy hòa nhập với các sắc tộc di dân để cùng người bản địa vượt qua cơn sóng gió chính trị. Cuốn thánh kinh dân chủ có ghi 2 chữ nhiệm mầu. Đó là Nhiệm Kỳ. Dù cai trị hay lãnh đạo cũng không thể vĩnh viễn muôn đời.

Vu Lan Mất Mẹ

CAO XUÂN THANH NGỌC

*Gió đưa cuộc sống chòng chành
Con nay bỗng chốc hóa thành mồ côi
Bông hồng cài áo đỏ tươi
Bốn bảy năm đời có Mẹ đã xa
Công ơn dường dục hôm qua
Vu Lan Tháng Hội, con là chẳng quên
Diễm phúc đó đã buồn tênh
Bông Hồng tang trắng, cài lên mái đầu*

*Lòng ghen ngào, mắt trừng sâu
Vòng tay ôm ấp còn đâu nữa rồi
Cảm ơn Mẹ cảm ơn trời
Được làm con Mẹ, được đời Mẹ thương
Mẹ Diệu Minh, Mẹ ngát hương
Ấm bông con trẻ suốt đường con đi
Đường thiên lý nẻo thiên di
Tuổi thơ trẻ dại, vu quy trưởng thành
Từ học vấn đến công danh
Ngày sầu đau khổ, ngày lành tốt tươi
Muôn nẻo đất, vạn nẻo trời
Bóng hình của Mẹ phủ đời con đi*

*Nay Mẹ mất, con còn gì?
Nửa hồn trống vắng, nửa thì xòt xa
Nhân sinh thiên địa một nhà
Cớ sao chẳng thể cùng ta đồng hành
Gửi lòng lên áng trăng thanh
Gửi lòng về chốn cao xanh chập chùng
Lòng con trẻ chẳng thể dùng
Gửi về bên Mẹ xin đừng bỏ con*

Ba nèn hương, một linh hồn
Hòa cùng trời đất càn khôn vĩnh hằng
Cúi đầu khấn nguyện thành tâm
Tiếng kính khấn vài hương trầm thoảng bay
Linh hồn Mẹ, ở đâu đây
Xin ôm con trẻ vào tay của người
Quy trên đất, dưới gầm trời
Con nguyện nhớ Mẹ suốt đời, Mẹ ơi!

Mẹ Diệu Minh, có tên đầy đủ là **TRẦN THỊ DIỆU MINH**, là con Ông Trần Xuân Vịnh.

Chị sinh tại thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam, ngày 9 tháng 10 năm 1942. Chị lập gia đình với Anh Cao Xuân Lê, cựu Trung tá QL/VNCH, Khóa 14 VBQGVN và có 4 gái + 1 trai.

Chị học trường Tiểu Học Hội An, Trung Học Trần Quý Cáp (Hội An, niên khóa 1956-1960). Tiếp tục học Trường TH Đồng Khánh, Huế. Tốt nghiệp Trường Sư Phạm Qui Nhơn và là giáo viên Trường Tiểu học Đa Thiện, Đà Lạt và Trường Kim Đồng, Long Khánh.

Chị tham gia sinh hoạt với Hội Đồng Hương Quảng Nam – Đà Nẵng và Hội CSVSQ/ TVBQGVN.

Cả gia đình đều trong ngành Y, Dược nên chị được săn sóc kỹ lưỡng trong thời gian nằm bệnh. Chị ra đi ngày 20/5/2023 tại thành phố Victorville, California.

Tập San Đa Huệ xin thành kính chia buồn cùng Anh và các Con và Cháu, nhất là **cháu Cao Xuân Thanh Ngọc**, là con út và hiện là Tổng Đoàn Trường Thanh Thiếu Niên Đa Huệ.

Thương Mẹ

*Lộc Xuân Ất Mão giáng đời
Mẹ sinh cô út, mừng mười Tết Ta
Niềm vui tràn ngập cửa nhà
Bé Ty mập ú ai mà chẳng thương*

*Nào ngờ thế cuộc nhiều nhưong
Ngày lành sớm hết, chiến trường nổi lên
Nhà nhuộm khói, phố súng rền
Đời tan bọt biển, sĩ hiền khóc than*

*Hai tháng tuổi đã gian nan
Ba tù "cải tạo" trên ngàn xa xôi
Mẹ Ty vất vả bên đời
Chị Hai 7 tuổi nụ cười vắng xa
Anh Long 4 tuổi thôi mà
Ngây ngô hỏi Mẹ Ba là ở đâu
Chị Trúc 3 tuổi đã nhàu
Mặt mày ngơ ngác canh thâu khóc nhè
Chị Giang 2 tuổi ngủ mê
Mẹ ngồi ôm gối ủ ê khóc thầm*

*Thần cò lặn lội suốt năm
Đàn con chờ đợi Mẹ chăm sóc mà
Thương con Mẹ chẳng nề hà...
Dầu cho khổ nhọc bốn ba khắp vùng
Các con ngoan khỏe Mẹ mừng
Các con sốt, bệnh, Mẹ lòng nát tan
Mực nào viết hết gian nan*

Bút nào vẽ được tim vàng Mẹ yêu

*Hy sinh đâu chỉ sớm chiều
Công ơn đâu chỉ vài điều nói xong
Con đây xin nguyện tu hành
Thành tâm hồi hướng kết thành khói hương
Cầu xin Chư Phật mười phương
Đón Mẹ Ngọc Nhiệm về nương Niết Bàn*

*Vô thường cõi thế trái ngang
Sinh ly tử biệt muôn vàn khổ đau
Nhìn Ba đứng tựa thang lầu
Ngơ ngác nhớ Mẹ nỗi sầu lắt lay
Mong Ba đừng quá đắng cay
Giữ gìn sức khỏe ngày ngày với con*

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Sinh lão rồi bệnh tuổi già
Nhìn bàn thờ Mẹ, mắt ra mịt mù
Mẹ già yên giấc ngàn thu
Vãng sanh Cực Lạc, trăng thu sáng ngời
Lòng Mẹ vĩnh viễn trên đời
Như vầng trăng sáng, sống đời với con.*

***Con gái út của Mẹ!
Cao Xuân Thanh Ngọc K14/2
5.24.2023***

Thương Tiếc Mẹ

*Nguyễn Văn Nhật, K14/2
(phu quân Christina Cao)
Con rể Út của Mẹ Diệu Minh
6.11.2023*

*Tiền Mẹ đi lòng con đây trống vắng
Nhớ Mẹ nhiều bao kỷ niệm yêu thương
Thương tiếc Mẹ biết làm sao nói hết
Khóc Mẹ đi con lạc lũng chiều mưa*

*Dù đã biết hợp nào cũng sẽ tan
Con vẫn tiếc, không muốn rời xa Mẹ
Vẫn thèm nghe giọng ngọt ngào Mẹ hát
Ru con thơ bao năm tháng vắng Ba*

*Nhớ tháng ngày Ba đi tù xa xứ
Mẹ tảo tần khuya sớm với đàn con
Ơn nuôi dưỡng con xin hoài ghi nhớ
Nghĩa sinh thành con giữ mãi trong tim*

60 NĂM HẠ SƠN, MỘT ĐÒI ĐỂ NHỚ

Nguyễn Đức Thu, K16



ND Thu tại Great Lakes Naval Station -USA

Bài viết dưới đây một phần được trích đoạn trong Hồi ký Mai Trung Ngọc, CSVSQ K16/ TVBQGVN đã từ trần tại Paris, Pháp và KQ Nguyễn Anh K16 từ San Jose, California.

Bài viết cũng được góp nhặt từ những ký ức, những câu chuyện bên lề, chuyện vui buồn Võ Bị của K16. Bài viết không phải là tiểu sử của khoá, được ghi nhận bởi một số CSVSQ K16 để kỷ niệm 60 NĂM NGÀY MÀN KHÓA TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM, ngày 22 tháng 12 năm 1962.

*"...Bàn tay bất lực che ngang mặt
Người ơi, người hỡi, sao đoạ trường
Chim bỏ trời xanh, đau cánh gãy
Ngựa lìa chiến địa, nhớ yên cương
Mượn men tui hận làm phong vũ
Mơ thuở đầu xanh dựng tuổi vàng..."*

(Thơ Thanh Nam)

Mơ về thuở đầu xanh, mắt còn sáng, dưới bóng cờ Vàng với những hoài bão mang nặng Lý Tưởng Quốc Gia Dân Tộc, để thả lòng nhớ chuyện xưa chẳng phai mờ, "Chuyện khóa 16 và Trường Võ Bị"

Chẳng ai có thể phủ nhận lúc đầu Quân Lực Quốc Gia Việt Nam đã thoát thai từ Quân Đội Viễn Chinh Pháp. Lúc đó vì thời cuộc phải đương đầu với Cộng Sản ẩn danh Việt Minh được Cộng Sản Trung Quốc - với ý đồ lâu dài bành trướng lãnh thổ - hết lòng yểm trợ, nên Pháp với thỏa hiệp Hạ Long ngày 5 tháng 6 năm 1948 đã phải bằng giấy tờ do Cao Ủy Bollaert ký, long trọng nhìn nhận độc lập cho Việt Nam, do Quốc Trưởng Bảo Đại cầm đầu.

Sự kiện này đưa đến việc thành lập Quân Đội Quốc Gia VN. Bác sĩ Phan Huy Quát là Tổng Trưởng Quốc Phòng đương thời, ủy thác Đại Tá Lê Văn Kim và Đồng Lý Văn Phòng Bùi Diễm đàm phán quân sự với Pháp để hình thành cơ cấu căn bản (1), với các cấp chỉ huy quân đội lúc đầu từ Quân Đội Pháp chuyển qua. Do đó phải nghĩ ngay tới việc đào tạo sĩ quan cho quân đội non trẻ này, các sĩ quan trừ bị được đào tạo ở Trường Sĩ Quan Trừ Bị tại Nam Định, sau đó là Võ Khoa tại Thủ Đức, còn các sĩ quan hiện dịch ở Trường Võ Bị tại Huế, sau đó Liên quân tại Đà Lạt, với các Chỉ Huy Trưởng là sĩ quan cấp tá người Pháp. Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Liên Quân người Việt đầu tiên là Thiếu Tá Nguyễn Văn Chuân, K1 Huế.

Kể từ khóa 16 Trường Võ Bị Liên Quân được cải tổ thành Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam theo quyết định của vị Nguyên Thủ quốc gia lúc đó, Tổng thống Ngô Đình Diệm.

Năm 1955, nền Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam được khai sanh với ông Ngô Đình Diệm làm Tổng Thống đầu tiên. Sau khi ổn định chính trị và kinh tế, Tổng Thống Diệm nghĩ ngay tới việc cải tổ Trường Võ Bị Quốc Gia VN, muốn người sĩ quan hiện dịch phải có văn võ toàn tài, với lý tưởng Quốc Gia Dân Tộc vững chắc, lúc loạn có khả năng chỉ huy quân đội, và thời bình phải như là những kỹ sư để xây dựng đất nước. Thiếu Tướng Lê Văn Kim được đề cử làm Chỉ Huy Trưởng với sự phụ tá của Chỉ Huy Phó kiêm Văn Hóa Vụ Trưởng Trung Tá Trần Ngọc Huyền.

Năm 1960, Bộ TTM chỉ định ông làm CHT kiêm Văn Hóa Vụ Trưởng, thay thế Thiếu Tướng Lê Văn Kim. Ông được giao nhiệm vụ cải tổ toàn diện việc huấn luyện người sĩ quan hiện dịch. Trung Tá trừ bị Trần Ngọc Huyền là người tài năng, tuổi trẻ tài cao, nuôi nhiều hoài bão, cũng là 1 người rất được Tổng Thống Diệm tín nhiệm. Ông nâng thời gian huấn luyện từ 1 năm qua



Đ/Tá Trần Ngọc Huyền

thời gian giao thời 2 năm và sau cùng 4 năm, bắt đầu từ Khóa 16 - Nhưng vì chính biến với áp lực Cộng quân gia tăng, K16 ra trường sớm hơn dự liệu, chỉ thụ huấn hơn 3 năm. K17 hơn 2 năm, K18 trở lại 2 năm. Đến khóa 22B mới thực sự được thụ huấn chương trình 4 năm cho đến K27. Các khóa sau cùng của TVBQGVN như K28, K29, K30 vì cảnh nước sôi lửa bỏng của đất nước cũng lần lượt ra trường sớm hơn, có khóa còn

ôm hận không được quý tuyên thệ trên Vũ Đình Trường để nâng cao đầu bước qua cổng trường, nơi mấy năm trước hồi hà chạy vào nhập học. Như chuyện giàu con út khó con út, khóa Út 31 mới chính phục Đình Lâm Viên chưa lâu, đã phải chịu cảnh nước mất, nhà tan.

Chỉ Huy Trưởng Trần Ngọc Huyền chủ trương áp dụng triệt để chương trình huấn luyện quân sự và văn hóa phỏng theo chương trình đào tạo các Sĩ quan Học Viện Quân Sự Hoa Kỳ (US Military Academy Westpoint). Ông muốn người sĩ quan không bị thành kiến coi là một thứ võ biến như các ông quan võ thời phong kiến hoặc các sĩ-quan-trung-sĩ-Pháp cũng có, nhưng chính là để thực hiện được ý muốn của vị Nguyên Thủ Quốc Gia, đó là: Thời bình phải có khả năng xây dựng đất nước, như Napoleon Đệ Nhất của Pháp đề ra khi lập trường Ecole Polytechnique.

Lúc đó với sự ủng hộ triệt để của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ngôi trường mới tọa lạc trên đồi 1515 được xây cất, với kiến trúc tối tân kiểu Tây Phương, ngay như các viên gạch đỏ

nung giả trang trí bên ngoài cũng đã được chở từ Mỹ qua. Với Văn Hóa Vụ có các lớp học theo tiêu chuẩn Mỹ và Phòng Thí Nghiệm Vật Lý được trang bị dụng cụ tân tiến nhất Đông Nam Á (kể cả ở Nhật, trong thời điểm đó). Xin đưa ra một thí dụ nhỏ để thấy việc quan tâm đặc biệt của vị Nguyên Thủ Quốc Gia. Khi kiến trúc sư Ngô Viết Thụ, Khôi Nguyên 1 đại học Kiến Trúc ở Roma (Ý) về nước phục vụ, chính Tổng Thống Diệm đã đem ông theo lên Đà Lạt để khảo sát sơ đồ xây cất trường VBQGVN.

Theo thể đất đòi 1515, kiến trúc sư Ngô Viết Thụ đã khuyên cáo nên uốn cong 2 building bên cánh phải, chỉ riêng để tạo nên vẻ duyên dáng cho khu doanh trại SVSQ.



Kỹ Sư Ngô Viết Thụ và Dinh Độc Lập

Còn tiện nghi vẫn thế mà chi phí tăng lên thêm gần 2 triệu (giá vàng 3400 đồng/ lượng), cũng đã được Tổng Thống chấp thuận ngay. Tuy SVSQ K14 đã làm hàng quân Danh Dự để Tổng Thống Đặt Viên Đá Đầu Tiên cho trường mới, nhưng khi K16 vào trường cuối năm 1959 vẫn ở trường cũ, đó là những xây cất khi trước của Quân Y Viện Pháp Catroux, cộng thêm các nhà mua được của trang trại Farraut. Phải đến năm 196, Khóa 16 khai trương trường mới và cũng đã đổ mồ hôi trong nhiều Chủ Nhật bị xung công không đi phố, để lấy cỏ ở các đồi lân cận đem về trồng lại trên Vũ Đình Trường. Không có ngân khoản cho việc trồng cỏ, thì mình vẫn phải tự làm đẹp trong khả năng mình. "Nobless Oblige", Trung Tá CHT thường nói vậy. (Ông thông thạo cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp.)

I

Bài viết này không đề cập đến chuyện các khóa khác, mà chỉ nói nhiều về giai đoạn chuyển mình của Trường Võ Bị, ở thời điểm các khóa 14, 15, 16, 17, 18, 19.

Tương cũng nên cùng nhớ lại tôn chỉ của SVSQ là "**Tự Thăng Đễ Chí Huy**", và lời tuyên thệ của Tân Khóa Sinh khi được gắn Alpha Đỏ là "Không ăn gian, không nói dối và không ăn cắp", còn lời tuyên thệ khi nhận cấp bực Thiếu Úy là "Tôn Trọng Danh Dự và Trung Thành Với Tổ Quốc để Bảo Vệ Quê Hương" (khác biệt không như lời thề của sĩ quan Quân Đội Nhân Dân Cộng Sản VN là "Trung Thành với Đảng").

Khi đó chương trình thụ huấn 4 năm, dự định dành khoảng 40% số giờ cho Quân Sự Vụ bao gồm việc huấn luyện quân sự và thể dục thể thao, trực thuộc QSV cũng có các sĩ quan Cán Bộ Liên Đoàn SVSQ, mà sĩ quan Liên Đoàn Trường bao giờ cũng là một sĩ quan nghiêm khắc, khuôn thước, với vẻ mặt khắc kỷ kiêu Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, như các Thiếu Tá Huỳnh Hữu Lạc, Đại Úy Đoàn Công Hậu, hoặc Thiếu Tá Cao Yết sau cùng chẳng hạn. Còn 60% số giờ dành cho Văn Hóa Vụ, với chương trình ôm đồm Toán, Lý Hóa, Công Chánh, Cơ Khí, Điện, Họa Đồ Kỹ Nghệ, Luật Hành Chánh và Công Pháp Quốc Tế, Triết Học, Quân Sử, Sinh Ngữ Anh Pháp. Lại còn lớp Lãnh Đạo Chí Huy dành cho năm cuối, K 16 do đích thân CHT Trung Tá Huyền hướng dẫn tranh luận.

Về thành phần Giáo Sư giảng huấn.

CHT Trần Ngọc Huyền dựa vào nhiệm vụ do đích thân Tổng Thống ủy thác, đã can thiệp để có được những chất xám "cream of cream" do Quân Đội điều động được, bắt kể từ các Quân Chung Hải, Lục, Không Quân như các SQ Hải Quân, HQ Trung Úy Lê Phụng, Kỹ sư HQ Trung úy Nguyễn Tiến Ích xuất thân từ Trường Hải Quân Brest. (Brest được coi là một Grande Ecole của Pháp, so sánh tương đương với Ivy League của Mỹ.) Muốn nhập học Trường Sĩ quan Hải quân Brest, sinh viên phải học qua 2 năm dự bị Toán - Vật Lý Math Sup. và Math Spé, qua 1 kỳ thi tuyển rồi học 3 năm, cao hơn BS Mỹ 1 năm. Sau này còn có một cựu sĩ quan Brest là HQ Trung Tá Nguyễn Văn,

trước làm Giáo Sư. Sau khi lên cấp HQ Đại Tá, ông được chỉ định làm Văn Hóa Vụ Trường sau cùng của trường.

Cũng có các SQ Không Quân làm giáo sư như Đại Úy Không Quân NB An, Đại Úy Không Quân DT Hiếu đều có bằng Cao Học (Master) Đại học Pháp, Thiếu Úy Không Quân Võ Đệ chuyên lo Phòng Thí Nghiệm Hóa Học cũng tốt nghiệp ở đại học Pháp. Đại Úy Nguyễn Ngô đang được biệt phái cho bộ Giáo Dục để giảng dạy tại đại học Khoa Học Sài Gòn cũng được lựa chọn về Trường Võ Bị.

Nhiều Giáo Sư dân sự như LM Tiến Sĩ Nguyễn Văn Thính, Dòng Chúa Cứu Thế, một số sư huynh (Frères) dòng Tabert Sài Gòn v.v.. cũng được mời về tăng cường cho các giáo sư thuộc quân đội. Sau này với luật động viên 1964, Bộ Quốc Phòng tha hồ điều động các trí thức khoa bảng từ các Khóa 14 Thủ Đức trở về sau. Các giáo sư Toán, Vật Lý tên tuổi sáng chói ở Sài Gòn lúc đó như NX Nghiễn, PV Phú, ĐQ Hưng, BD Hiền, PK Viêm v.v... đều đã từng là Giáo Sư Văn Hóa Vụ. Một số GS động viên sau, không còn được giải ngũ theo quy định, đã từ từ thay cấp từ Chuẩn Úy lên Thiếu Tá chỉ chuyên lo việc giảng huấn đến tận khóa cuối cùng như GS PK Viêm chẳng hạn.

Sau này, số giáo sư Văn Hóa Vụ rất hùng hậu, vì theo tiêu chuẩn West Point mỗi lớp học văn hóa chỉ có khoảng 14 SVSQ, nên để giảng huấn cho 1000 SVSQ 4 khóa, đã có gần 200 Giáo Sư, trong đó có nhiều Giáo Sư được gửi qua Mỹ học Hậu Đại Học, rồi trở về giảng huấn cho thêm phẩm lượng. Thành thực nói, giới trí thức khoa bảng tập trung ở TVBQGVN còn hơn nhiều trường đại học dân sự.

Sách giáo khoa giảng dạy, lúc đầu dùng tài liệu dịch ra từ chương trình Pháp của các đại học dân sự ở Sài Gòn, sau lần hồi các sách khoa học được giảng huấn ở West Point được khối Giáo Sư VHV dịch ra Việt Ngữ để dùng cho TVBQGVN. Cũng vì thế sau Quốc biến, nước mất nhà tan, phải đem thân lưu lạc quê người, nhiều Cựu SVSQ các khóa trẻ khi đi học lại tại các đại học Khoa học Mỹ đã được cho free một số Tín Chi, ngay cả được chấp nhận vào các đại học danh tiếng Mỹ như M.I.T, UCLA, UTA, George Washington v.v... Đã có rất nhiều cựu SVSQ/ TVBQGVN lấy được bằng Master hoặc Ph.D của Mỹ.

Lại nói đến việc bắt SVSQ chăm chú trong các lớp văn hóa. Sau này có lần nói về Giáo Sư Hải Quân Trung Úy Lê Phụng, Robert Lừa của K16, thích thú kể rằng "chẳng có ở một đại học nào mà các giáo sư có thể bắt ngay sinh viên ra nhảy xôm tại chỗ, vì lơ là không nghe lời giảng, như ở đây". Hoặc đã có những SVSQ nhận được thư của Mẹ, của Chị khóc lóc khuyên con, em ráng học, nguyên bởi vì Ban Tâm Lý Chiến Nhà Trường đã gửi thư "mách Bu" về gia đình anh SVSQ lơ là học đó, với khuyến cáo xin dùng tình thân gia đình khuyên lơn. Nhưng đây chưa phải là những áp lực nặng nề nhất về văn hóa.

Bây giờ hãy nói đến "Những Vật Tể Thần K16", khi CHT Trung Tá Trần Ngọc Huyền nhận thấy một số đồng coi thường các môn văn hóa. Ngày mới vào trường 23 tháng 11 năm 1959, K16 có các Niên Trưởng thời Tân Khóa Sinh là K14. Trước hàng quân, có một Niên Trưởng, không hiểu cố tình hay vô ý hay nói đùa, đã khuyên Đàn Em, đại ý là :..." Đạp vào Võ Bị, lớp Văn Hóa là chỗ để có thể nghỉ ngơi, các ông chỉ cần hết sức giữ gìn kỷ luật, lo học đảng hoàng quân sự rồi ra trường. Hơn nhau là ở đánh đấm. Nếu các ông thích học văn hóa thì tại sao không vào các đại học dân sự mà lại chọn Võ Bị..."

Nghe ra bùi tai, lại như có lý, một số đồng Đàn Em K16 nghe ngay. Thế là đại họa đổ xuống, nạn nhân do may rủi, chứ nếu được thông báo kỹ trước, thì K16 không ai bị đại họa này. Cuối năm Thứ Nhất sau các cuộc khảo hạch, thành lĩnh ngang xương có quyết định dánh xuống: Ai có điểm Văn Hóa dưới 8 điểm bị cho ra trường ngay, 9 điểm được "khoan hồng" cho theo học lại K17, không cho lấy điểm Quân Sự bù vào. Chuyện rất vô lý, nhưng 52 SVSQ/K16 đã phải ra trường sớm, mà oái oăm hơn nữa là với cấp Trung Sĩ (sau này đều tiếp tục thụ huấn ở Đồn Đế để trở thành các Chuẩn Úy hiện dịch. Đã có nhiều bạn trong số 52 CSVSQ/K16 này sau là sĩ quan rất có tiếng tăm, thành tích ở BDQ, TQLC, có nhiều vị lên đến cấp trung tá. Trong số 52 SVSQ này, có một số có điểm Quân Sự rất cao, lên tới 15, 16 điểm. Nếu đem cộng với điểm Văn Hóa thì đã có điểm trung bình còn cao hơn 12, nhưng không được cứu xét).

Khi đề nghị trình về bộ Tổng Tham Mưu phê chuẩn, đã bị Bộ TTM bác bỏ với lý do là tất cả các đại học, điểm loại có

môn là 06, còn luôn luôn được lấy điểm các môn khác bù vào, nếu dưới 10 điểm vẫn được đúp 1 năm. Nhưng Trung Tá Huyền là người có uy tín với Tổng Thống và các vị lãnh đạo cao cấp, nên Bộ TTM nhượng bộ bằng lòng chấp thuận giải pháp cho ra trường sớm với cấp bậc Chuẩn Úy vì đây không phải lý do kỷ luật, mà vì điểm văn hóa yếu. Vậy nếu ở Thủ Đức, 1 SVSQ trừ bị vào trường văn hóa có bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp, thụ huấn 6 tháng (lúc đó) và tốt nghiệp với cấp bậc Chuẩn Úy, thì 1 SVSQ hiện dịch vào trường Võ Bị Đà Lạt có Tú Tài lại đã thụ huấn 12 tháng, thì không thể có cấp bậc thấp hơn. Nhưng Trung Tá CHT Huyền nhất định không chịu, đích thân lên trình diện Tổng Thống trình bày, và cương quyết giữ vững quyết định cho ra trường với cấp bậc trung sĩ để đạt cho được tiêu chuẩn chương trình mới của TVBQGVN.

Có lẽ chính Tổng Thống cũng khó nghĩ. Nhưng sau cùng Tổng Thống Diệm phải chiều theo các lý lẽ biện giải của Trung Tá Huyền: Phải quyết định như vậy để làm gương cho các khóa sau, phải hết sức lưu tâm học Văn Hóa hầu có kiến thức vững chắc thực sự cho thời bình, như những tiêu chuẩn do chính Tổng Thống đề ra. Vì việc này, Trung Tá Huyền đã tự tạo cho cá nhân của ông nhiều hiềm khích và bị giải ngũ khi là Đại Tá trong giai đoạn Chinh Lý của Tướng Nguyễn Khánh.

Ở Hải Ngoại, trong những năm 90, Mai Trung Ngọc có đến thăm cựu CHT Trần Ngọc Huyền nhiều lần, mỗi khi qua Texas. Ông ở Houston và không giao dịch với ai, kể cả K16. Chỉ cho cựu SVSQ K16 TVH biết địa chỉ. Lần đầu Ngọc cùng vài bạn K16 khác, được bạn H. đưa lại. Những lần sau đến một mình, Ngọc thưa với ông: "... những việc tận tâm tận lực vì Trường Võ Bị của Đại Tá thì cũng như các chỉ huy trưởng quân đội khác, cũng muốn đơn vị do mình chỉ huy được lấy lòng hơn vậy thôi, nhưng Con xin gọi Đại Tá là Thầy vì đã có tấm lòng của bậc Thầy khi xưa. Thầy có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan, SVSQ học hết khóa thì ra trường, nhưng Thầy lại coi các SVSQ như đám học trò nhỏ, lo lắng muốn hết sức trang bị tinh thần trước khi phải đẩy chúng vào đấu trường. Thầy đã đích thân hướng dẫn luận bàn trong lớp Dẫn Đạo Chỉ Huy, do Thầy chế ra, hy vọng để đám học trò phải biết "phóng tâm suy tưởng vào tận tương lai". Các thí dụ Thầy

đưa ra, với kiểm chứng thực sự ngoài đơn vị không hoàn toàn đúng. Tuy nhiên thầy có một tấm lòng bao la. Chẳng có vị chỉ huy trưởng nào làm được như Thầy cả." Ngọc thấy mắt ông ẩm áp hơn.

Sau thân tình, trong một lần được chia xẻ đĩa xôi như bữa ăn trưa do Bà Thầy để lại cho ông, cùng nhìn chìm sè ria bánh mì ông dặt trên cây trước nhà, Ngọc lân la hỏi về việc 52 người bạn K16, nên biết thêm tình tiết. Ông nói nếu phải làm lại, ông vẫn làm như vậy, nhưng chỉ hối hận là đã không thông báo trước. Theo ông, khi phải làm một việc quan trọng thì phải sẵn sàng hy sinh. 52 người trẻ tuổi như là một sự hy sinh cho chương trình 4 năm Võ Bị được thành công như hoài bão của Tổng Thống Diệm và những vị lãnh đạo có ưu tư cho Đất Nước. Ông chẳng có lý do gì để thù hận những người tuổi trẻ đó cả.

Như thế 52 bạn cùng khóa 16 chúng tôi tự xưng đã là VẬT HY SINH cho tương lai của Trường Mẹ. Ông cho biết sau sự kiện này, ông đã gặp đòn thù oán cá nhân, nhưng đã sẵn sàng chấp nhận. Khi tướng Nguyễn Khánh chính lý năm 1965, ông "được" bộ TTM cử làm "Thanh Tra Người Khinh Binh Tiền Phương", có nhiệm vụ đeo ba-lô, súng ngắn đi theo người khinh binh tiền phương thứ nhất, để biết khả năng tác chiến của khinh binh này. Trong các quân đội trên khắp thế giới, không có 1 nhiệm vụ nào như thế cho 1 Đại Tá cả. Ông được đưa về một Đại Đội Bộ Binh do 1 bạn trong số 52 K16 này, Trung Úy ĐĐY, chỉ huy. Nhưng chính Trung Úy ĐĐY đã bảo vệ, cứu ông. Sau đó ông được giải ngũ và làm giám đốc cho hãng xăng Esso Sài Gòn cho đến khi mất nước. Cận ngày 30-4-75, khi 2 cựu SVSQ K16 TĐK và BQ đang là Lữ Đoàn Trưởng, Lữ Đoàn Phó một Lữ Đoàn Nhảy Dù, ở Sài Gòn, ông đã liên lạc để cùng bàn soạn kế hoạch gì, chắc phải hỏi 2 đương sự TĐK và BQ mới rõ được.

Các SVSQ K14, 15, 16, 17, 18 được Chi Huy Trưởng Trần Ngọc Huyền gọi là "Cùi", chúng tôi cũng tự gọi nhau là "Cùi". Có lần người viết hỏi ông "Cùi" có nghĩa là gì, thì ông nói "Cùi nghĩa là Cùi chứ còn gì nữa", nhưng tất cả đều hiểu rằng ông muốn các học trò của ông đừng bao giờ tự mãn, tự thị hãy học thêm để phục vụ những việc tốt đẹp. Chi Huy Trưởng Trần Ngọc Huyền nay đã tạ thế, tôi viết các dòng trên như đề tưởng

niệm 1 bậc Thày Trở lại việc trước, lúc đó K16 còn lại và các khóa sau sợ xanh mặt lo "gao" Văn Hóa. Riêng K16 sau cú đại họa chung đó đã nảy sinh tình lân cận trong khóa đặc biệt, lại như cấp thời mơ hồ đến những hy sinh bắt buộc phải chịu đựng và phải tình nguyện nhận lãnh. Có lẽ vì uyên nguyên tâm lý sâu xa đó, sau này ra trường đã có nhiều đơn vị trường đã đi vào Quân Sự, từ tiết cùng đơn vị như các Trung Đoàn Trưởng Đặng Phương Thành, Nguyễn Hữu Thông, Đoàn Cư, hoặc Lữ Đoàn Trưởng TQLC Nguyễn Xuân Phúc (Robert Lira của K16), cùng các Tiểu Đoàn Trưởng TQLC Nguyễn Đăng Tổng, Đỗ Hữu Tùng.

Chắc cũng nên nhắc đến những đơn vị trường nhiều lần ngã khụy rồi lại đứng lên, trong mình vẫn còn mang nhiều mảnh sắt, như ở Nhảy Dù với các Lữ Đoàn Trưởng, Lữ Đoàn Phó LMN, TĐK, BQ, và "người về từ đôi Gió" PKB, hoặc ở TQLC với các Tiểu Đoàn Trưởng NKĐ, TVH, TNT và Trung tá TQLC Nguyễn Văn Cảnh (một trong 52 người ra Trường sớm) đã là một trong những người chỉ huy Tiểu đoàn "cắm cờ trên cỏ thành Quảng Trị" năm xưa. BĐQ với các Liên Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng NVH, Hồ Văn Hòa, ĐTQ. Cũng trong tinh thần chia sẻ gian nguy, đã có Phi Đoàn Trưởng Trực thăng Vinh Quốc, có nhiệm vụ tải thương, tiếp tế cho An Lộc đã không ngần ngại tắt motor, cho rơi thẳng, xuống gần đất mới mở lại để hy vọng tránh phòng không của Cộng Quân, hoặc như Hải Quân Trung Tá Nguyễn Như Phú, Hạm trưởng Dương Vận Hạm 504, trong nhiệm vụ chở quân dân di tản từ Miền Trung về Nam, đã chủ trương chỉ một chế độ khẩu phần, nước uống duy nhất cho tất cả sĩ quan, thủy thủ đoàn cùng hơn 10,000 quân dân di tản trong suốt trong tháng 3, 1975 kinh hoàng.

Nhắc lại, vì không phải là sử gia Quân Đội, mà chỉ là những cựu SVSQ K16, nên chúng tôi chỉ biết về những sự việc trong khóa mình. Nhưng chắc ở các khóa khác cũng có những sự việc hy sinh, anh hùng tương tự như vậy. Và cũng xin lớn tiếng khẳng định rằng không phải chỉ riêng có TVBQGVN đóng góp, mà những hành vi anh hùng, hy sinh tràn đầy khắp QLVNCH, trong việc đã tử chiến để chống lại cuộc chiếm tranh Xâm Lấn của Cộng Sản.

Hãy trở lại Khóa 16 bước vào giai đoạn trước khi "hạ sơn" 60 năm về trước và những thành tích sau ngày mãn khóa ngày 22 tháng 12 năm 1962:

- Ngày 24 tháng 11 1962, Khóa 16 bắt đầu năm thứ tư.

- Ngày 21-11-1962 K19 nhập học. Lần đầu tiên, TVBQG VN có 4 khoá cùng thụ huấn và Liên Đoàn SVSQ có 4 khóa gồm 1.000 SVSQ: K16, K17, K18, và 19.

- Vì tình hình chiến trường và nhu cầu cấp chỉ huy, Khóa 16 phải hoàn tất chương trình thụ huấn ngắn hơn 4 năm để được mãn khóa ngày 22 tháng 12 năm 1962 theo chỉ thị của TT Ngô Đình Diệm.

Khóa 16 là khóa đầu tiên được làm lễ mãn khóa tại Trường VBQGVN trên Vũ Đình Trường Đồi 1515. Có thể nói đây là Lễ Mãn Khóa long trọng nhất từ ngày thành lập Trường Võ Bị để chứng tỏ cho thế giới thấy sự trưởng thành của của Quân Đội VNCH là một quân đội độc lập. Thành phần tham dự chủ tọa bởi Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Phó TT Nguyễn Ngọc Thơ, Đại Tướng Lê Văn Tỵ (sau này là Thống Tướng), Bộ Trưởng Quốc Phòng, hầu hết Nội Các và ngoại giao đoàn, các Tư Lệnh Quân Binh Chung, Quân Khu và các sĩ quan đại diện các khoá, cùng hàng ngàn quan khách Danh dự.

Tuyển chọn đơn vị.

226 tân thiếu úy được phân phối:

Lực Quân: 15 sĩ quan được lưu dụng tại Trường, vì muốn duy trì các hệ thống chỉ huy và huấn luyện theo tinh thần cải tổ của TVBQGVN để đảm nhiệm các chức vụ chỉ huy trong LĐ/ SVSQ và huấn luyện viên quân sự. Sau đó, số sĩ quan này đã được chuyển về các đơn vị. Thời gian sau lại có một số khác từ các đơn vị tác chiến được chuyển về Trường.

Nhảy Dù: 3 tân sĩ quan được tuyển chọn. Sau này được chuyển về thêm 2 sĩ quan K16.

Thủy Quân Lục Chiến: 10 tân sĩ quan được tuyển chọn. 3 SQ K16 khác cũng đã được chuyển về Binh Chung này.

Biệt Động Quân: 13 tân sĩ quan được tuyển chọn.

Lực Lượng Đặc Biệt: Không ai được tuyển chọn. Nhưng về sau, có 3 SQ/ K16 được chuyển về.

Các Sư Đoàn Bộ Binh: 166 tân sĩ quan chọn phục vụ trong 9 sư đoàn Bộ Binh.

Không Quân (KQ):

- 28 tân sĩ quan được chọn. Trong số này có 11 sĩ quan theo khóa hoa tiêu trực thăng và 2 sĩ quan theo khóa hoa tiêu khu trục tại Hoa Kỳ. Số còn lại theo học khóa hoa tiêu trực thăng tại phi trường Tân Sơn Nhất. Gần cuối khóa, 2 sĩ quan qua ngành quan sát. Sau có 1 sĩ quan từ TQLC chuyển về TTHL/ KQ Nha Trang, một thời gian sau đã giữ chức Liên Đoàn Trưởng LĐ/ SVSQ/ KQ. Một sĩ quan bộ binh được tuyển về KQ phục vụ tại đơn vị phòng thủ căn cứ.

Hải Quân (HQ):

15 tân thiếu úy được thực tập trên các loại chiến hạm trong thời gian chờ nhập học Khóa 13 Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang vào tháng 5 năm 1963. Nhưng vì không đồng ý đeo Alpha thiếu úy trong 2 năm thụ huấn và phải theo quy chế truyền thống SVSQ Hải quân (ngoại trừ không phải qua 8 tuần huấn nhục), nên 8 sĩ quan sinh viên Hải Quân xin đổi quân chủng và đã được bộ TTM chấp thuận. 7 Sĩ quan sinh viên K16 tiếp tục theo học Khóa 13 Hải Quân và được tốt nghiệp Trường Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang ngành chỉ huy vào tháng 12 năm 1964 cùng lúc với sự thăng cấp HQ trung úy hiện dịch.

III. KHÓA 16 VÀ NHỮNG THÀNH QUẢ TỔNG QUÁT.

Trước ngày 30-4-1975, sĩ quan Khóa 16 mang cấp bậc cao nhất: 6 Đại Tá, trong đó 1 Đại Tá tự vẫn tại Qui Nhơn, sau khi từ chối lên tàu di tản, 1 Đại Tá bị bức tử trong trại tù lao động khổ sai Cộng Sản tại Hoàng Liên Sơn năm 1976 sau khi tổ chức vượt ngục không thành cùng 3 vị Đại tá khác. Một Trung Tá tử trận được truy thăng Đại Tá.

SQ đảm nhiệm các chức vụ quân sự tại:

- Trường VBQGVN: Các sĩ quan cán bộ Trung Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng, và Đại Đội Trưởng của Trung Đoàn SVSQ; Trưởng Phòng Điều hành quân sự vụ, và các SQ/ HLV các bộ môn quân sự.

- Không Quân: 1 Không Đoàn Trưởng, 1 Không Đoàn Phó, 6 Phi Đoàn Trưởng, 1 Tham Mưu Phó An Phi Sư đoàn, 1 Trưởng Phòng Kế Hoạch BCH/ Liên Đoàn Kiểm Báo, 1 Trưởng

Phòng Thống Kê & Huấn Luyện BCH Hành Quân KQ, 1 sĩ quan phòng thủ căn cứ, 1 Liên Đoàn Trường LĐ/SVSQ thuộc TTHL/KQ Nha Trang.

- Hải Quân: 3 Hạm Trưởng, 1 Chi Huy Trưởng THD của Bộ Tư Lệnh Hải Quân, 1 CHT/Căn Cứ Hải Quân Nha Trang, 1 sĩ quan Đại Diện Hải Quân tại Bộ TTM, 1 sĩ quan đại diện Hải Quân tại Trung Tâm Phát Triển Khả Năng Tác Chiến Bộ TTM.

- Bộ TTM: Trưởng Ban các Phòng, Sở và Tổng Hành Dinh, ĐĐT/ ĐĐ1/ Quân Cảnh.

- Nhảy Dù: 2 Lữ Đoàn Trưởng (LĐT), 1 Lữ Đoàn Phó, 1 Tiểu Đoàn Trưởng.

- Thủy Quân Lục Chiến: 2 Lữ Đoàn Trưởng, 2 Lữ Đoàn Phó, 3 Trưởng Phòng BTL/ SĐ/ TQLC, 5 ĐĐT, 1 LĐT và 1 LDP mất tích, 1 LĐT chết trong trại tù lao động khổ sai của CS tại Bắc Việt.

- Lực Lượng Đặc Biệt: 1 CHT Đoàn Công Tác 11 thuộc Sở Công Tác Nha Kỹ Thuật TTM, 1 Phụ tá B Trưởng KonTum, 1 HLV/ LLDB tại Long Thành, 1 Chi Huy Toán.

- Biệt Động Quân: 1 Liên Đoàn Trưởng và một số tiểu đoàn trưởng.

- Bộ Binh: 7 Trung Đoàn Trưởng (2 tử trận và 1 bị CS Hà Nội sát hại trong trại giam ở Miền Bắc) và một số Trưởng Phòng cấp SĐ, Trung Đoàn Phó, Liên Đoàn Trưởng Địa Phương Quân.

* Nha Quân Pháp: 1 Giám Đốc Quân Lao, 1 CHT Trại Giam tù phiến cộng.

* Chức vụ hành chánh: 2 Tỉnh Trưởng, và 27 Quận Trưởng (6 QT đã hy sinh)

Một số Trưởng Ty các Bộ trong chính phủ. BTL Cảnh Sát, và 4 QT Cảnh Sát.

- Chức vụ dân cư: Một nghị viên tỉnh, một nghị viên thị xã, Một nghị viên Đô Thành Sài Gòn..

Sau ngày 30-4-1975:

Đa số SQ Khóa 16 bị đi tù lao động khổ sai của CS, ngoại trừ 1 số ít may mắn di tản.

* Vượt thoát lao tù cộng sản thành công: Trung Tá Nguyễn Phú Thọ.

* Chết trong lao tù CS: Đại Tá Đặng Phương Thành, và Trung Tá Nguyễn Đăng Tổng.

Nhìn lại biết bao nhiêu bạn đã đền nợ nước từ ngày ra trường cho đến ngày tan hàng 30/4/1975, nhiều bạn đã bỏ mình trong trại cải tạo, trên đường tìm tự do, và nhiều bạn đã ra đi vì tuổi già bệnh tật trên quê hương thứ hai này.

Xin các Huynh Đệ một phút để tưởng nhớ đến các Huynh Đệ của chúng ta đã không còn nữa.

Xin gửi lại vài hình ảnh ngày "Những Ngày Xưa Thân Ái" trên Đỉnh 1515, 22/12/1962.

Chẳng phải bài này viết ra chỉ với mục đích đề cao các cựu SVSQ Trường VBQGVN hay Khóa 16, nhưng để thấy việc huấn luyện một người sĩ quan Võ Bị đã tốn kém dường nào trước năm 1975 ngay trong lúc toàn dân đang phải lo chống trả cuộc xâm lăng của Cộng quân. Ngoài ra, còn phải nói tới kỳ vọng của dân Miền Nam qua những Nguyên Thủ Quốc Gia đã đặt đẽ ở chúng ta.

Nếu thật sự chương trình huấn luyện của TVBQGVN đã đào tạo ra những sĩ quan có khả năng ĐA HIỆU, thì dù bất cứ trong hoàn cảnh nào, dưới không gian và thời gian nào, chúng ta cũng phải chứng tỏ tinh thần Tô Quốc Danh Dự Trách Nhiệm. Dĩ nhiên sau năm 1975, dù chúng ta không còn cầm súng nhưng chúng ta vẫn có thể cầm bút, hoặc đề ra những phương thức khác để làm tròn bổn phận. Nên nhớ tất cả chúng ta chưa ai tự ý tuyên bố từ bỏ nhiệm vụ.

Sau 60 năm từ ngày 'hạ sơn', đặc biệt là trong thời gian chiến tranh Việt Nam, Khoá 16 thực sự đã phục vụ bằng tất cả khả năng, bằng những hy sinh xương máu với tinh thần trách nhiệm truyền thống của những Sĩ quan tự hào xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Khoá 16 cũng đã ít nhiều góp phần viết lên những chiến tích bi hùng, những trang sử vẻ vang trong Quân sử cận đại của Quân Lực VNCH.

Bức Thư Cha Già Gửi Con Gái Nhân Ngày Father's Day.

HOÀNG YẾN



Đây là thư của người cha già gửi con gái nhân ngày Father's Day, được viết với rất nhiều xúc động. Theo nội dung bài viết, tác giả là một vị cao niên đã 80 tuổi: cựu sĩ quan VNCH, cựu tù chính trị, cựu thuyền nhân, vượt biên tới Mỹ trước đây 18 năm (1987). Bài viết được chuyển tới bằng email, mong tác giả sẽ có thêm những bài viết mới và vui lòng bỏ túc chi tiết tiểu sử và địa chỉ liên lạc. Father's Day 2005.



Con gái của Ba,
Còn bốn tháng nữa con tròn 56 tuổi. Nhưng trong lòng
Ba con vẫn còn trẻ như tuổi 15.

Ba nhớ lại cũng ngày này 18 năm về trước, cha con mình
đùm tùm dắt nhau đi vượt biên, rồi sang Mỹ.

Ba nói là "đùm tùm" vì hồi đó Ba từ trại tù "cải tạo" về
thì con đã gần 40 tuổi.

Khổ. Nghèo. Nhìn con gái Ba héo úa dung nhan mà Ba
khóc ròng.

Tại ba! Tại Ba hết thầy! Làm con gái của một "sĩ quan
ngụy" nên từ trường Đại Học ra con không có việc làm.

Hàng ngày, ngồi ở góc chợ Bàu Hoa vùng Ngã Tư Bảy
Hiền-Sài Gòn để bán từng tô bún mắm.

Cứ ba tháng một lần lặn lội ra Bắc thăm Ba.

Năm 1975 Mẹ con mới 50 tuổi. Người vẫn nghĩ rằng Ba
chỉ đi "học tập ít ngày". Thành ra, nghe Ba đi Bắc, Mẹ con bị
shock. Cộng thêm bệnh cao huyết áp sẵn có Mẹ còn "nhất định
nằm một chỗ!". Thế là con gái của Ba vừa lo cho Mẹ, vừa lo cho
Ba. Ba ở tù 8 năm thì Mẹ con mất. Phải đến 4 năm gian khổ đời
con nữa Ba mới được trở về.

Buổi tối đoàn viên ấy, cha con mừng mừng tủi tủi. Nhìn
ảnh Mẹ con vẫn như tươi cười Ba tan nát cả lòng.

Nhưng biết nói làm sao "Vận mệnh cá nhân mình gắn liền
với vận mệnh quốc gia dân tộc".

Cả thời tuổi trẻ của Ba hầu như đi khắp 4 vùng chiến
thuật. Mẹ con cứ bồi hồi theo dõi đường Ba đi. Không biết mình
sẽ thành góa phụ lúc nào. Thời gian ở nhà của Ba rất ít. Con là
con đầu lòng. Lại là con gái. Cảm ơn con gái của Ba. Một đứa
con gái có lòng hiếu thảo.

Trong một lần thăm nuôi tại trại tù, con kể Ba nghe: Từ
nhà mình tới chợ Bàu Hoa chừng non 1 cây số. Sáng nào con
cũng bày hàng bún mắm ra. Mùi mắm kho thơm lừng. Có cả tôm
thế lột, thịt quay, cà tím. Có cả những rau nhút, cây bông súng,

rau đắng, húng cây, giá sống và bắp cải bào. Khách hàng đông lắm!

Con còn cười vui nói với Ba:

Khi nào Ba về con sẽ mở một tiệm bún mắm và rau VÂN KHANH cho Ba ngồi thu tiền.

Ba nghe với lòng se sắt.

Con gái của Ba,

Trở trâu thay, lúc Ba về con đã là con gái lờ thì. Ba buồn lắm. Nhờ ơn Thượng Đế mình vượt biên một lần trót lọt. Ba đặt chân đến đất Mỹ vào cái tuổi người ta sắp nghỉ ngơi. Chính vì vậy mà con lại khổ vì Ba. Con không muốn Ba đi làm ca đêm giữa trời rét buốt. Con nói cái lạnh miền Bắc Việt Nam đã cứa nát thịt da Ba cả chục năm trời cũng đủ lắm rồi. Ba hãy để con lo. Nhưng Ba đâu đành lòng như thế.

Buổi sáng con ra khỏi nhà là Ba cũng đi. Tiệm giặt ủi gần nhà mình quá mà. Ba nhận phần việc ủi và xếp quần áo. Đi tới đi lui xem máy giặt nào ngưng. Máy sấy nào đồ đã khô. Chỉ vậy thôi. Một ngày, tính ra Ba đi cũng gần 5 cây số. Tội nghiệp con gái của Ba. Lúc người ta báo tin Ba bị xỉu thì con khóc ròng. Ba về nhà ở không cho con nuôi tiếp. Thật người xưa nói đúng! "Trẻ cậy cha, già cậy con" mà.

Vân Khanh con,

Cho đến một buổi chiều, con đưa về nhà một trung niên trẻ. Trung niên mà Ba cho là "trẻ". Vì Ba thấy diện mạo anh ta cũng dễ nhìn. Ba mừng vì con của Ba rồi cũng có một bến đợi để neo thuyền. Ba cầu mong cho con hạnh phúc.

Chồng của con cũng là chiến hữu của Ba. Gia cảnh cũng không may mắn giống như Ba. Vợ anh đã chết trong lần đi thăm chồng. Cả chiếc xe lăn xuống vực. Từ đó anh dờ dờ ương ương. Qua Mỹ rồi anh vẫn sống như người mộng du. Cho tới ngày gặp con. Tình yêu thật là kỳ diệu! Chẳng những khiến cho con gái của Ba trẻ lại mà anh chàng "dở hơi" kia cũng chững như mới cải lão hoàn đồng.

Cứ 4 giờ khuya, anh thức dậy đi bỏ báo. Tới 9 giờ sáng về. Nghi ngơi rồi 5 giờ chiều đi vào hãng. 1 giờ đêm mới trở về

nhà. Ba cảm ơn Thượng Đế lần nữa vì con có người chồng hiền lành và độ lượng. Chỉ vào tuổi của Ba không bị đưa vào nhà dưỡng lão là hiếm lắm. Con nhớ gia đình Bác Th. Không? Hai bác cưới vợ cho anh Cảnh từ lúc còn ở Việt Nam. Vậy mà qua Mỹ rồi Bác Thanh bị cô dâu xem như gánh nặng. Nhất định đòi anh Cảnh phải đưa Mẹ vào Nursing home cho đến chết.

Vân Khanh con,

Cả một thời trẻ tuổi của con đã dành để sống cho cha mẹ. Bây giờ con hãy sống cho con đi. Ba rất cảm động mỗi lần khách đến thăm nhà con hay nói: Vợ chồng con có phúc lắm nên suýt soát tuổi 60 mà vẫn còn có cha để phụng dưỡng. Phải! Hồi đó ba khó nghĩ mỗi lần nghe người ta cho rằng sự sống con người tính theo công thức: 5 năm, 6 tháng, 7 ngày. Nghĩa là ở tuổi đời 5 bó, tuổi thọ tính theo năm. Đến 6 bó thì tính theo tháng, mà 7 bó thì tính theo ngày. Ba đã 80, chắc phải tính theo giờ quá!

Cảm ơn vợ chồng con đã chăm sóc Ba mỗi ngày.

Con nói: Ba ơi! Với chúng con ngày nào cũng là Father's Day cả.

Ba thật có lỗi với con. Hồi đó Ba vẫn buồn thắm trong lòng khi mẹ con sinh con là con gái. Ông Nội con sợ Ba chết trận thì không có con trai nối dõi tông đường. Còn nếu Ba già mà yếu đau thì con là gái không thể chăm cho Ba được.

Ca dao có câu:

"Trai mà chi. Gái mà chi"

Con nào có nghĩa có nghi thì hơn.

Nói đến đây Ba chợt nhớ loáng thoáng câu chuyện "Tám đắp mông ngựa" mà Ba đã đọc từ rất lâu:

Chuyện kể:

Một người cha đã đem cả gia tài còn lại của mình cưới cho con cô vợ giàu, trẻ đẹp. Một thời gian đầu sống vui. Rồi những đứa cháu nội lần lượt ra đời. Người cha mỗi ngày một già yếu. Người con trai rất yêu và nể vợ. Dần dần quên đi trong nhà còn có người cha. Mùa Đông lạnh lẽo mà sức già chịu không thấu những ngày giá tuyết phủ phàng. Trong khi những con ngựa nuôi trong chuồng thì được giữ ấm bằng những tấm đắp mông.

Đến chùng không thể chịu đựng được nữa người cha bèn gọi con trai để nói rằng:

- Con ơi, hãy cho cha một tấm đắp mỏng ngựa để cha dễ ngủ vì mùa Đông này lạnh quá!

Con dâu nghe được bèn nói với chồng:

- Anh hãy lấy tấm đắp cũ ngoài sân kia mà cắt cho cha một nửa.

Người con trai làm theo lời vợ. Trong lúc cố dùng sức cắt đôi tấm đắp ra thì đưa con nhỏ đến gần, hỏi:

- Cha ơi, sao không cho ông Nội cả tấm đi. Cha cắt ra làm chi?

Người cha trả lời:

- Để dành con à.

Hôm sau, người con trai thấy đưa con mình cũng đem tấm đắp mỏng ngựa khác cắt ra làm đôi. Người con trai giận dữ hỏi:

- Con làm cái gì vậy? Tại sao con cắt nó ra?

Đứa con nhỏ đáp:

- Nửa tấm này con cho ông Nội. Còn nửa này để dành khi nào cha già con sẽ cho cha.

Người cha giật mình hồi hận. Từ đó, hết lòng chăm sóc cha mình cho đến cuối cuộc đời.

Vân Khanh,

Ba ước ao những người cha khác cũng có con hiếu thảo như con gái của Ba.

Ba rất tự hào về con. Trong lúc có biết bao gia đình, cha mẹ ngậm đắng nuốt cay vì những đứa con Việt Nam sống theo kiểu Mỹ. Rất tự do! Thậm chí đã khước từ hai chữ HIẾU KÍNH cha mẹ, làm cho các bậc sinh thành hàng ngày sống "nước mắt chan cơm" thì Ba đã được vợ chồng con hết lòng chăm chút từng miếng ăn, giấc ngủ.

Người xưa nói: "Hiếu thuận hườn sanh hiếu thuận tử. Ngõ nghịch hoàn sinh ngõ nghịch nhi".

Ba ước nể nếp gia đình mình là như vậy.

Ba của con,

HOÀNG YẾN

ĐỀN THĂM TƯỞNG TRẦN VĂN TRUNG, K1/TVBQGVN

*NT NGUYỄN BÍCH, K20
A/C ĐẶNG VĂN KHANH, K25*



Chúng tôi gồm NT Nguyễn Bích K20 và vợ chồng Khanh – Trang đến thăm viếng NT Trần Văn Trung K1 tại nhà riêng của ông vào một buổi chiều nắng gay gắt, nhiệt kế trên xe chỉ đến 31° C dù chưa qua đến mùa Hè. Thời tiết thay đổi thật bất ngờ, mới tuần rồi trời rét căm căm, hôm nay nóng như đổ lửa.



Vừa đến cửa tòa nhà, đang lần mò tìm số để gọi thì điện thoại đã kêu vang. NT Trung gọi đến để hỏi đang ở đâu, thế là ông mở

khóa điện và chúng tôi lên đến lầu 5 nơi ông ở. NT đã đứng chờ trước cửa.

Căn nhà ông đang ở gồm 5 phòng, trong đó có 4 phòng ngủ, 1 phòng khách và 1 nhà bếp rất gọn gàng, ngăn nắp và sạch sẽ, ông bảo sở dĩ chỉ có một mình mà được căn nhà rộng như vậy là vì lúc mới sang Pháp cả gia đình 10 người cùng ở chung, sở nhà đất của thành phố cho ông mượn căn nhà này với giá rẻ vì gia đình đông người và lợi tức hàng tháng của ông rất thấp, ngày nay các con đã ăn nên làm ra nên đã ra riêng hết nhưng sở nhà đất vẫn cho ông tiếp tục cư ngụ tại đây.



NT Trung, người tuy ốm như xác ve nhưng vẫn còn rất minh mẫn, trong suốt buổi thăm viếng ông không nhầm lẫn một chi tiết nào dù đã rất lâu, khi Trang-Khanh ngồi đọc cho ông nghe đoạn văn của NT Trần Văn Trừ K19 viết về ông trên ĐH 125 vừa phát hành. Ông còn nhớ Tướng Oai là CHT trước và Tướng Kiêm là người ông bàn giao lại, nhưng đến đoạn Bà Hoài Nam Hoa khôi Đồng Khánh thì ông chỉ cười mỉm, không nói gì. Chẳng biết ông còn nhớ hay không, hỏi ông chẳng trả lời.

Đang ngồi nói chuyện, uống trà bỗng nhiên ông nói: «Anh Khanh cho tôi gửi 100 \$US để yểm trợ ĐH», rồi ông móc ví đưa cho tôi tờ 100 \$US đã để sẵn từ lúc nào, và nói

tiếp «Tôi lâu lắm không có dịp đóng góp, mình phải nuôi cho Đa Hiệu sống để anh em mình còn mối dây liên lạc. Tội nghiệp mấy anh em bên đó, vừa bỏ công làm báo mà không có tiền thì làm sao xoay sở.»

Ngồi chơi với NT Trung đến gần 5 giờ chiều chúng tôi từ già ông ra về, lòng buồn ngủi, chúc nhau sức khỏe và thăm hẹn sẽ thường xuyên đến thăm ông nhiều hơn.



*Tướng Trung và NT Nguyễn Bích (bên phải) và
ND Đặng Văn Khanh tại Châu Âu.*

NHỮNG NGÀY NÀY NĂM ẤY...

- *Trang Châu*

Tôi nhớ mãi buổi làm việc cuối cùng ở phòng mạch, đường Tổng Độc Phuong ở Chợ Lớn, vào chiều thứ sáu 25 tháng 4 năm 1975. Bệnh nhân hôm đó đông hẳn lên. Hỏi ra tôi mới biết các phòng mạch chung quanh đều đóng cửa, các bác sĩ đi hết. Cô Bảy, cô y tá người Việt gốc Hoa, lo lắng hỏi tôi:

- Ông có tính đi không?

- Tôi có một, hai đường dây nhưng chưa quyết định đi. Chờ xem tình hình ra sao đã.

Tôi nói cho cô Bảy an lòng, nhưng tôi có linh cảm đây là buổi làm việc chung cuối cùng. Chiều nay trước khi đến phòng mạch, tôi đã khám bệnh từ 5 đến 6 giờ ở trạm y tế của Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam, còn được gọi là Nhà Kiến, của ông Trần Quốc Bửu. Định đã về đến Long Khánh. Ông Nguyễn Bá Cán, người của ông Bửu, vừa lên làm Thủ Tướng. Hôm ấy người đến chờ xin được ông Bửu tiếp đứng chật ra cả sân sau. Ông Bửu vừa từ Hoa Kỳ trở về. Tôi lo lắng muốn biết tình hình ra sao, liền gọi cô Linh, cô y tá của trạm y tế nói riêng:

- Tôi muốn gặp “anh Tám”, nhờ cô lên hỏi anh có cần tôi lên đo áp huyết không.

Cô Linh đi độ 5 phút rồi trở về với một người cận vệ của ông Bửu. Anh này nói:

- Bác sĩ theo em, đi cửa riêng, anh Tám chờ bác sĩ. Tôi theo chân người cận vệ của ông Bửu lên lầu trên, đi dọc theo một hành lang. Ngang qua hai phòng khách, tôi liếc thấy nhiều ông bận đồ lớn ngồi chờ. Tôi được đưa vào phòng riêng của ông Bửu. Tôi thấy ông đang lặng lẽ đứng xé từng xấp giấy vát xuống

một thùng cạc tông lớn để dưới chân. Hình như ông không biết đến những người khách đang chờ xin gặp ông. Nhìn thấy tôi ông nở một nụ cười. Nụ cười của ông Bửu lúc nào cũng đầm ấm.

- Em đó à, đo giùm áp huyết cho anh đi.

Tôi biết bệnh của ông Bửu rất rõ. Ông đã đưa cho tôi xem bản sao hồ sơ bệnh lý của ông được thực hiện ở bệnh viện Walter Reed lúc ông sang Hoa Kỳ. Tôi cứ dựa vào đó mà theo dõi. Đo áp huyết cho ông Bửu xong, tôi hỏi ngay:

- Tình hình ra sao anh Tám. Có hy vọng gì không?

Ông Bửu tiếp tục xé giấy vát xuống thùng. Gần cả phút nặng nề trôi qua. Lần đầu tiên tôi thấy tình hình thật sự đen tối.

- Người Mỹ họ không ủng hộ mình nữa. Chắc phải liên hiệp. Em nên đi ra nước ngoài. Nếu chưa có đường đi thì nên liên lạc thường xuyên với gia đình anh, chừng nào anh đi thì đi cùng.

Tôi tin lời ông Bửu nói. Trên đường đi đến phòng mạch tôi như người mất hồn. Tôi cảm thấy ân hận đã bỏ lỡ dịp ra đi bằng máy bay tuần trước. Sắp đến giờ đóng cửa, cô Bảy hỏi tôi:

- Thứ hai ông có đến làm việc không?

- Có chứ, trừ phi tình hình thay đổi

- Nếu ông đi thì phòng mạch này ai trông coi?

Tôi sực nhớ đã trả tiền mượn địa điểm cho nguyên năm.

Tôi liền viết giấy ủy quyền cho cô Bảy trông coi phòng mạch cho đến hết hạn và cho cô tất cả đồ đạc trong phòng mạch. Tôi đưa cô Bảy về nhà cô. Ngồi trên xe cô Bảy khóc. Đã mấy mươi năm trôi qua, mỗi lần nhớ lại ngày cuối cùng làm phòng mạch ở đường Tổng Đốc Phương, tôi vẫn hình dung ra được những giọt nước mắt của người nữ y tá trung thành và tận tụy.

Trên đường về, tôi ghé cư xá sĩ quan Chí Hòa. Tôi muốn gặp ông Chí Huy Trưởng Trường Quân Y để báo tin. Ông hay tâm sự với tôi ông có đường đi nhưng vì trách nhiệm ông chưa thể đi. Ông nói có lẽ ông sẽ để gia đình ông đi trước. Tôi đến nhà ông Chí Huy Trưởng lúc 8 giờ tối. Chừng nửa giờ sau thì ông về. Tôi lập lại với ông những lời ông Bửu nói với tôi và góp ý:

- Nếu đi thì anh nên đi luôn với gia đình. Tình hình này chần chờ người trước người sau có khi kẹt.

Sau này liên lạc lại được với ông ở hải ngoại ông cảm ơn tôi đã đến cho tin, giúp ông có một quyết định kịp thời.

Nhưng tôi không có dịp đi cùng ông Bửu. Tôi nghe nói sáng 30 tháng 4 ông Bửu mới rời Sài Gòn trên một chiếc xà lan do tàu Đại Hàn kéo.

Đêm 28 tháng 4 địch pháo dữ dội phi trường Tân Sơn Nhất. Sáng ngày 29 tháng 4 là một sáng bàng hoàng cho dân Sài Gòn. Yên chí mình có đường dây đi với ông Bửu tôi bình tĩnh lái xe vào Trường Quân Y xem tình hình. Cổng vẫn có lính gác. Tôi đến văn phòng tôi. Chẳng có văn thư nào để đọc hay ký cả. Lệnh cấm trại 100% của Cục Quân Y vẫn hiệu lực. Đến giờ này tôi biết một số bác sĩ của Trường đã ra đi, đi trước cả ông Chí Huy Trường. Tôi đứng ở cửa văn phòng mình một lúc thì gặp Trung Tá Tá, sĩ quan hành chánh. Ông hỏi tôi, giọng đầy lo lắng:

- Tình hình có sao không, há bác sĩ?

Tôi trả lời ông như một người am hiểu tình hình:

- Chắc là phải liên hiệp nhưng rồi cũng mất, trung tá ạ.

Trung tá có đường đi nên đi.

- Tôi nghe ông Chí Huy Trường đi rồi thì phải

Tôi gật đầu. Tôi khuyên Trung Tá Tá cũng như tôi đã khuyên ông Chí Huy Trường những gì ông Bửu đã khuyên tôi. Tôi thổ lộ điều tôi biết cho Trung Tá Tá vì hai lẽ: Ông là người có nhiều huy chương nhất Trường Quân Y vì ông đã từng phục vụ lâu năm trong quân đội Pháp trước khi sang quân đội VNCH và vì ông có một người con trai đang là sinh viên quân y ngành dược. Qua ông và rồi qua con ông, một số sinh viên Quân Y đang bị cấm trại có thể tìm cách ra khỏi Trường để tìm đường đi. Với chức vụ Trường Khối Tâm Lý Chiến của Trường tôi không thể công khai nói với mọi người nên tìm đường đi ra nước ngoài. Cho một tin như thế tôi có thể bị truy tố. Tôi rời văn phòng về nhà lúc 12 giờ trưa. Về đến nhà thì vợ tôi vừa hốt hoảng vừa trách:

- Làm thế nào bây giờ anh? Phải đi chứ không thể ở lại được. Đáng lẽ để em và con đi tuần trước cho rồi, cứ cản mãi..
Tôi trấn an vợ tôi:

- Em yên tâm, có đường dây đi rồi, đi với ông Bửu.

- Chùng nào?

- Để xem tình hình sao đã.

- Coi chừng để trễ ông đi mất là hết đường.

Tôi cho thêm mình một chữ nữa. Nếu đêm nay tình hình không yên tĩnh thì sáng mai sẽ lên nhà ông Bửu. Vừa lúc ấy một chiếc xe hoa kỳ màu đen, băng trước có gắn một sao hải quân đỏ ngay trước nhà.

Xe của Phó Đề Đốc Thăng, ông anh cột chèo với anh tôi. Vợ chồng anh Thăng đang ở Cần Thơ, nhưng chị Thăng gọi điện thoại lên cho vợ anh tôi, cho biết có một đoàn tàu của Hải Quân sẽ rời Hải Quân Công Xưởng và khuyên nên vào ở nhà chị, đổi điện với công vào Hải quân Công Xưởng, để khi có cơ hội là đi. Cũng vừa lúc ấy anh Thành, thiếu tá Không Quân, phi công trực thăng, anh cột chèo với tôi, chở vợ và hai con trên chiếc vespa đến tôi hỏi đường đi. Anh Thành nói:

- Anh định vào Tân Sơn Nhất nhưng không vào được. Có đường nào cho tụi này đi cùng.

Vợ tôi giục tôi:

- Đi với anh chị Trang cho rồi, anh!

Tôi trả lời buông xuôi:

- Ủ, đi thì đi.

Đằng nào cũng đi, vậy thì đi với ai cũng vậy. Gia đình ông anh tôi 5 người, gia đình tôi 4 người, gia đình anh Thành 4 người, phía bên ông cụ tôi và bà kể mầu 8 người. Ngoài chiếc xe của phó đề đốc Thăng, còn có chiếc Fiat của tôi, chiếc Toyota của anh tôi. Tất cả 21 người chen chúc nhau trên 3 chiếc xe đó. Sài Gòn ở khu bến tàu lúc bấy giờ vẫn yên tĩnh. Lính gác ở Bộ Tư Lệnh Hải Quân mở hàng rào chắn cho đoàn xe chúng tôi vào. Chúng tôi tạm trú trong nhà phó Đề Đốc Thăng và chờ đợi. Không biết lúc nào thì có lệnh cho qua cổng Hải Quân Công Xưởng để xuống tàu. Bốn giờ chiều vẫn không có tin tức gì thêm. Ông cụ tôi sốt ruột muốn về. Ông nói:

- Hôm qua chúng nó pháo Tân Sơn Nhất, tối nay có thể chúng pháo vào Hải Quân Công Xưởng. Nếu không đi được, qua đêm ở đây nguy hiểm lắm.

Tôi nói với ông cụ tôi:

- Ba ráng chờ, con nghĩ thế nào cũng có tàu đi.

Ông cụ tôi bỏ vào nhà trong. Tôi bước ra ngoài, lang thang trên một đoạn đường Lê Thánh Tôn. Bất ngờ gặp Tướng Tôn Thất Xứng. Ông bạn đồ xi-vin. Tướng Xứng vốn vã hỏi:

- Ba có đi cùng không cháu?
- Dạ có, ông đang ở trong nhà anh Thăng. Chờ lâu quá ông có ý định muốn về nhà.

Tướng Xứng la lên:

- Chết! Chết! Nói ba đừng về. Cứ ở đây. Tình hình tuyệt vọng rồi, chú biết.

- Để cháu vào nói ba cháu ra gặp chú.

- Ủ, mau lên nghe cháu.

Khi tôi đưa được ông cụ tôi ra chỗ tôi vừa gặp tướng Xứng thì ông không còn ở đó nữa. Ông cụ tôi lặng lẽ trở vào nhà.



Chừng nửa giờ sau, anh tôi gặp tôi và nói:

- Ba mẹ và mấy em về nhà rồi. Phải nhờ tài xế lái xe anh Thăng đưa ra, lính gác mới mở cổng. Bây giờ ở cổng Bộ Tư

Lệnh Hải Quân có lệnh nội bắt xuất, ngoại bắt nhập.

Tôi cũng tự hỏi mình có nên liều mạng nằm đây chờ không. Tự hỏi rồi tự trả lời: Nằm đây thì còn hy vọng đi, về nhà là kẹt chắc. Ông anh tôi, cảnh sát; tôi, gốc nhảy dù ở lại chắc khó sống lắm. Ba tôi, tuy là tướng, nhưng ông về hưu lâu rồi, chắc không sao.

Đúng 5 giờ chiều, trên không xuất hiện hai chiếc phản lực hình cá thu, bay lượn quanh tòa đại sứ Mỹ. Chừng mười lăm phút sau, tiếng trực thăng nghe mỗi lúc một gần. Rồi đoàn trực thăng từng chiếc, từng chiếc bay qua đầu chúng tôi, sà xuống trên nóc Tòa Đại Sứ Mỹ. Mọi người nhón nháo:

- Mỹ đi tản Toà Đại Sứ!

Hai chiếc phản lực nhào xuống thấp, xé gió nghe quận cá ruột! Một tròng M16 nổ dòn ở cổng Bạch Đằng, rồi một tròng M16 khác nghe phía cổng Cường Để.

- Ai bắn vậy?

- Lính mình bắn vào trực thăng đi tản à?

- Không phải đâu, chắc dân chúng tính tràn vào, lính Hải Quân bắn cảnh cáo.

Tôi hỏi khẻ anh tôi:

- Anh có súng không?

- Tao chỉ có một khẩu roulette nhỏ phòng thân.

Tôi nghĩ đến cảnh hỗn loạn trong các cuộc di tản tại miền Trung trước đây. Tôi nghĩ điều gì sẽ xảy ra nếu lính gác Hải Quân không can nổi làn sóng người tràn vào. Tôi chỉ nghĩ thoáng đến đó mà không dám nghĩ gì thêm.

Vào khoảng sau 6 giờ chiều, cổng Hải Quân Công Xưởng mở. Anh tôi quýnh quýng:

- Có lệnh cho xuống tàu! Gọi điện thoại cho ba mẹ hay, hỏi ông bà có muốn đi trở lại không.

Anh tôi nói và làm. Giọng anh run run:

- Có lệnh cho xuống tàu rồi. Ba mẹ có đi không, tụi con chờ để nhờ người đưa vào.

Anh tôi nghe một lúc rồi gác máy:

- Cậu Kế sẽ lấy chiếc Fiat của chú đưa ba mẹ và mấy em đến cổng Bạch Đằng. Tôi sẽ nhờ chú tài xế của anh Thăng ra đón và năn nỉ lính gác. Nếu cần tặng họ chiếc Fiat của chú. Chiếc Toyota của chị còn đây cũng tặng họ luôn. Cô chú có con dại vào trước đi.

- Xuống cầu tàu nào và đi chiếc nào vậy anh?

- Thì thấy người ta lên chiếc nào mình lên chiếc đó.

Hôm ấy là hôm tôi gặp mặt ông cụ tôi lần cuối cùng. Về sau anh tôi kể lại: Xe đưa ông cụ tôi bị kẹt lại trên đường Hai Bà Trưng, gần hàng nước đá. Cậu tôi gọi điện thoại vào cho anh tôi. Anh tôi nói phải cố đến gần cổng mới đón vào được. Tình hình bây giờ gần như hỗn loạn, lính gác đã bắn ngang chứ không còn bắn chỉ thiên nữa. Ba mẹ và mấy em tôi phải quay về. 14 năm sau những người trong gia đình tôi đã lần lượt đoàn tụ, trừ ba tôi. Chúng tôi nhận được điện tín ngày ông lên đường đoàn tụ và ngày ông mất cách nhau 48 tiếng! Không biết ông cụ tôi không có duyên đoàn tụ với con cái hay có cái gì níu kéo ông lại, không muốn ông rời xác nơi xứ người.

Gia đình tôi theo làn sóng người tràn vào hải quân công xưởng. Đi một quãng chúng tôi đứng lại chờ. Gia đình anh Thành

vào kế tiếp, có thêm chị Thoa, chị vợ thứ hai của tôi, với 3 đứa con cùng đi với vợ chồng trung tá Nam. Chúng tôi hợp lại thành một nhóm. Chờ thêm một lúc không thấy gia đình anh tôi đâu. Tôi chưa bao giờ vào hải quân công xưởng nên không biết có bao nhiêu cầu tàu và con đường nào dẫn xuống cầu tàu nào. Chúng tôi đi trên con đường nhỏ một đoạn khá xa và gặp một nhóm người bồng bế nhau đi ngược trở ra. Tôi hỏi ngay một người đàn ông, dáng bơ phờ, tay nách một em bé gái chừng 2 tuổi đang dụi dụi khóc:

- Không thấy tàu hay sao mà trở ra?

- Có một chiếc nhưng đông nghẹt. Chỉ có nước dầm lên nhau mà chết. Kinh nghiệm ở Đà Nẵng một lần rồi. Sợ lắm! Chúng tôi đi về đây.

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau. Nhưng tất cả lòng muốn đi mạnh hơn ý muốn ở lại hiện rõ trong các ánh mắt. Chúng tôi cứ đi lần theo theo hướng của những người đang lê tề đi ngược trở ra. Đến cuối đường chúng tôi thấy một con tàu lớn với hàng trăm người đang chen lấn trên bờ. Tôi lo thảm trong bụng: đông thế này làm sao lên liền cho được. Nếu tàu nhỏ neo ngay thì mình còn xa cả mấy chục thước! Tôi nói với mọi người trong nhóm:

- Mỗi gia đình lo lấy cho nhau. Ai lên trước được sẽ giúp người sau. Coi chừng trẻ con khi lên tàu.

Trên không hai chiếc phản lực vẫn vẫn vũ. Từng đoàn trực thăng chóc chóc lại bay qua đầu chúng tôi. Sài Gòn bây giờ là một vùng tiếng động khốc liệt. Tôi đã từng hồi hộp trong vài cuộc đổ quân gặp sự chống trả của địch, nhưng hôm nay trong tiếng gầm thét của hai chiếc phản lực nhào lộn, tiếng tình tịch của cánh quạt trực thăng, tôi không mang tâm trạng căng thẳng của cuộc đổ quân, mà là một tâm trạng rã rời, uất ức, cô đơn đến ghê rợn, của một cuộc tháo chạy, tháo chạy ngay từ thủ đô của đất nước mình, để dần thân vào một vùng đất lạ nào tôi chưa được rõ. Chúng tôi nhích từng chút về hướng chiếc tàu. Khoảng cách còn chừng 5 thước. Số người thôi chí bỏ ra về khá nhiều cho tôi hy vọng có thể lên được tàu trước khi tàu rời bến. Tôi ẵm đứa con trai đầu lòng, bé Ngọc, mới 3 tháng, trong vòng tay phải; cái túi xách đeo ở vai phải; tay trái tôi sẽ dùng để nắm dây bước lên tàu. Hai cái xách còn lại, vợ tôi, một cái đeo vai, một cái cầm ở tay

phải. Vợ tôi bám sát lưng tôi. Tàu đậu cách bến chừng một thước. Một thanh gỗ vuông rộng chừng hai mươi phân được bắc ngang làm cầu. Một sợi dây thừng, to bằng ngón chân cái, được căng từ lan can tàu xuống cái khoen sắt để buộc dây tàu nằm trên bờ. Chiếc cầu khi ngắn ngủn này là nơi tôi chứng kiến một thảm cảnh: Khi tôi men lại được gần thanh gỗ, thì trước tôi, một người đàn bà, vai mang một em bé gái nhỏ trên lưng, tay phải dẫn một đứa bé trai chừng bốn, năm tuổi bước lên thanh gỗ. Nói là đi nhưng thật ra chúng tôi bị khối người phía sau đẩy tới. Lúc đứa bé nắm tay mẹ tiến lên thì trên tàu bỗng dung có một người đàn ông chen lấn đi ngược xuống. Thanh gỗ nhẩy nhựa bùn đất trở nên trơn trượt. Thằng bé, không biết hệt chân hay trượt chân, vụt khỏi tay mẹ nó, rơi tòm xuống sông. Nó chìm ngấm. Tiếng bà mẹ thất thanh:

- Cứu con tôi với! Cứu con tôi với!

Không một ai đáp ứng lời kêu cứu. Tôi nghe lạnh cả người, mồ hôi toát ra đầy trán. Tay phải tôi siết chặt bé Ngọc, nó dấy lên khóc vì nghẹt thở. Tôi biết lúc này không cần thận là ngã xuống sông tức khắc.

Người đàn bà không chịu bước, nhìn xuống mặt sông, tiếp tục la cầu cứu. Tôi hét lớn:

- Đi lên tàu rồi tính! Cứ đứng lại, bị dăng sau dòn, rớt xuống sông chết cả đám bây giờ!

Tôi tiến sát người đàn bà, dùng đầu gối phải thúc bà đi tới. Tôi bước lên được tàu. Người đàn bà, hai tay nắm chặt lan can tàu, nhìn xuống mặt sông khóc thảm thiết. Tôi nới tay siết bé Ngọc, nó thở được, nín khóc. Sờ nắn xương sườn nó, thấy nguyên vẹn, tôi yên tâm.

Cả nhóm chúng tôi lên tàu an toàn. Khoảng 7 giờ tối thì dứt tiếng phản lực lẫn tiếng trực thăng. Yên lặng và bóng tối mờ mờ bao trùm cảnh vật. Đến 9 giờ tối, tàu không còn ai lên nữa. Tôi thấy thương cho người đàn bà có đứa con rớt xuống sông ban nãy. Giá biết đến giờ này tàu vẫn chưa đi hà tất phải chen lấn nhau và đứa bé khỏi mất mạng một cách thê thảm. Một nguồn tin truyền miệng đến tai tôi rằng tàu này hư máy có thể không đi được làm cả nhóm lo lắng. Tôi len lỏi trong đám đông kiểm các sĩ quan Hải Quân hỏi tin tức. Tôi gặp hai người: Trung Tá Minh, chồng

của nhà văn Diệp Mỹ Linh, và Trung Úy Lý, sĩ quan cơ khí, anh của dược sĩ Vũ, trước đây cũng ở Dù với tôi. Minh cho tôi hay anh nghe Bộ Tư Lệnh Hải Quân có tổ chức một đoàn tàu đi sang Phi Luật Tân, nhưng anh không biết chiếc này có nằm trong đoàn tàu ấy hay không. Lý cho tôi biết tin đích xác hơn về con tàu: Tàu đang ở thời tu chỉnh đại kỳ, nhưng ông hạm trưởng, Thiếu Tá Tánh, trong thời gian qua có đốc thúc sửa chữa. Giờ này đang ráp máy thứ nhất. Tàu sẽ chạy một máy. Lý nói thêm:

- Tôi đang phụ sức vào đây. Tàu sẽ chạy rất chậm vì chạy có một máy và vì người quá đông. Hy vọng 12 giờ đêm máy sẽ ráp xong.

Tàu rời Hải Quân Công Xưởng lúc 1 giờ 30 sáng ngày 30 tháng 4. Gặp lại Trung Úy Lý, mồ hôi nhễ nhại nhưng nụ cười thỏa mãn:

- Ráp máy xong tôi sợ nó trục trặc không chạy thì khốn. Minh đi trên sông Lòng Tảo. Hải trình này an ninh hơn nhưng ngại ở điểm lòng sông có chỗ cạn. Mắc cạn là nằm chịu chết vì tàu một máy lại chở quá nặng nên không cách gì lui được. Khoảng trưa mai mình sẽ ra tới Vũng Tàu.

Đúng 2 giờ sáng địch tấn công Nhà Bè. Những bồn xăng trúng đạn bốc cháy dữ dội. Giờ hấp hối của Sài Gòn bắt đầu. Tôi thương vô hạn những người lính Cộng Hòa giờ này còn ở vị trí chiến đấu. Chồng trá mà biết là vô vọng thì đau khổ dường nào! Tôi úp mặt khóc một mình. Bao nhiêu năm chiến đấu để rồi vào giờ phút này mới biết số phận đất nước mình chỉ là số phận một con tốt thí trên bàn cờ quốc tế! 13 năm sau, cũng ngày 30 tháng 4 này, khoảng 5 giờ chiều, tôi đang ngồi trực ở phòng lái của chiếc tàu Mary'S Kingstown được hội Y Sĩ Thế Giới gởi đi vớt thuyền nhân, thì thuyền trưởng Francois, tay cầm ống nhòm, leo lên đứng cạnh tôi. Tàu đang chạy sát lằn ranh hải phận Việt Nam. Ông đưa ống nhòm lên quan sát một lúc rồi nói với tôi:

- Ông hướng ống nhòm về hướng tôi chỉ, nhìn cho kỹ, sẽ thấy Côn Đảo.

Tôi hướng ống nhòm về phía bờ biển Việt Nam, điều chỉnh cho hình ảnh thật rõ thì quả thật thấy Côn Đảo hiện ra mờ mờ như bóng mây. Tôi nghe lòng mình xôn xao. Hình ảnh con tàu năm nào đã đưa tôi rời khỏi nước lại hiện trở về. Con tàu đã

đi thâu đêm trên sông Lòng Táo, xa dần Sài Gòn đang bị địch siết chặt vòng vây. Tôi đã thắm cầu nguyện tàu đừng hỏng máy bắt chùng, đừng mắc cạn và nhất là đừng gặp địch.

10 giờ sáng ngày 30 tháng 4, qua máy thu thanh trên tàu, chúng tôi bàng hoàng nghe Tướng Dương Văn Minh đọc lời kêu gọi buông súng. Bài hát Nối Vòng Tay Lớn ra rả không ngừng. Nghe bài hát tôi không thấy vòng tay mình lớn ra mà chỉ nghe tim mình thất lại. Cái hy vọng mong manh về một chính phủ liên hiệp, sau lời kêu gọi của Tướng Dương Văn Minh, bây giờ với tất cả mọi người thật sự là mây khói. Riêng chúng tôi, những người trên tàu, còn một hy vọng: thoát ra khỏi nước.

2 giờ chiều, tàu ra đến cửa biển Vũng Tàu. Mọi người vừa mừng vừa hội họp. Bờ biển Vũng Tàu bây giờ như một cánh chợ chiều. Cả trăm chiếc thuyền, ghe lớn ghe nhỏ lêu bêu đầy mặt nước. Có chiếc ghe gắn máy đuôi tôm, không người lái, cứ lạch tạch chạy vòng vòng trên biển như chiếc ghe ma. Tàu tiếp tục chạy. 4 giờ chiều tàu ra tới hải phận quốc tế. Mọi người trên tàu vỗ tay mừng thoát nạn. Câu hỏi được đặt ra là bây giờ đi đâu? Ý định ban đầu của Hạm Trưởng Tánh là đi Tân Gia Ba. Nhưng với tình trạng tàu chạy một máy hiện nay cộng với cả ngàn người trên tàu, thực phẩm và nước ngọt ít ỏi thì không thể nào thực hiện cuộc vượt trùng dương được. Trung Tá Minh nói:

- Hợp ở Bộ Tư Lệnh Hải Quân tôi nghe tin có một đoàn tàu Hải Quân sẽ đến một điểm hẹn ở ngoài khơi Côn Đảo. Ở đó sẽ có Hải Quân Hoa Kỳ hộ tống đoàn tàu Việt Nam qua Phi Luật Tân. Đoàn tàu của Hải Quân Việt Nam sẽ được giao lại cho Hải Quân Hoa Kỳ.

Tàu hướng về Côn Đảo với vận tốc 4 hải lý một giờ. Trên đoạn đường ra Côn Đảo tôi chứng kiến thêm một cái chết thứ hai: Cái chết của phi công lái chiếc phi cơ trinh sát. Anh liên lạc với tàu cho biết trên phi cơ có hai người. Tàu cho biết trên tàu có một toán người nhái sẵn sàng vớt họ sau khi nhảy ra khỏi phi cơ. Phi công cho biết phi cơ sẽ hạ thấp vòng đầu cho người hạ sĩ quan cơ khí nhảy, vòng thứ nhì anh sẽ nhảy. Vòng đầu máy bay bay rất thấp, là là mặt nước. Một người nhảy ra. Mười giây sau một cái đầu nhồi lên khỏi mặt nước. Chúng tôi trên tàu vỗ tay reo hò. Hai người nhái phóng xuống biển vớt anh lên một cách thông thạo. Ở

vòng nhì máy bay không hạ thấp như lần trước. Khi máy bay ở thể song song với tàu người phi công nhảy ra. Anh không rơi thẳng mà rơi lộn vòng. Mọi người im lặng chờ đợi. Một số người la hoảng:

-Trời đầu lên! Trời đầu lên!

Mặt biển vẫn im lìm. Tôi nghĩ người phi công đã bất tỉnh sau khi va chạm mạnh vào mặt nước. Cái chết ở thời điểm này được chứng kiến không nước mắt và được quên đi rất nhanh. Trưa ngày 1 tháng 5 tàu ra đến Côn Đảo. Nhìn lên đảo thấy người đứng lồ lộ và cờ đỏ sao vàng trên đỉnh cột cờ. Tàu chạy thẳng ra khơi. Khoảng 4 giờ chiều, những tiếng la gần như đồng loạt vang lên trên tàu:

- Hạm đội Mỹ! Hạm đội Mỹ!

Tin của Trung Tá Minh chính xác. Đoàn tàu chiến Mỹ, trắng xóa, trải kín cả chân trời. Tàu đánh điện xin tiếp tế lương thực, nước uống và thuốc men. Trên tàu lúc bấy giờ đếm ra có 10 bác sĩ. Chúng tôi họp nhau thẩm định tình trạng sức khỏe của đồng bào. Tiêu chảy và viêm mắt khá nhiều. Một người đàn bà mang thai đến ngày sinh cần chuyển gấp sang tàu Mỹ. Chúng tôi cũng cần sửa cho trẻ con. Tôi được giao phó báo cáo tình trạng sức khỏe và nhu cầu thuốc men.

Tàu tiến dần về một khu trục hạm rồi tắt máy nằm song song với chiếc tàu Mỹ. Thủy thủ, sĩ quan Mỹ đứng kín cả boong tàu nhìn chúng tôi. Họ cười với chúng tôi; chúng tôi cười với họ. Tôi cố tìm mà không hiểu nổi nghĩa nụ cười của đôi bên. Tôi nghe có chút gì cay đắng trong lòng. Tôi không biết phải coi họ là gì của mình bây giờ? Những người bạn đồng minh hôm qua! Đúng rồi hôm qua, hôm qua!

Sáng hôm sau mười mấy chiếc tàu của Hải Quân Việt Nam được sắp lại thành đoàn. Chiếc tàu của chúng tôi vì đông người, vì chạy có một máy, nên được một chiếc tàu khác của hải quân Việt Nam cột giây kéo cho đi nhanh thêm và được ưu tiên sắp đi đầu. Theo lục lặc của hải quân, hai chiếc phân lực, cất cánh từ một hàng không mẫu hạm nào đó, lượn mấy vòng, rồi đoàn tàu bắt đầu di chuyển đi Subic Base của Phi Luật Tân.

Sau 13 ngày trên biển, tàu đến hải cảng Subic Base của Phi Luật Tân. Có lệnh phải hạ lá cờ vàng ba sọc đỏ xuống trước

khi cập bến vì Phi Luật Tân đã thừa nhận thể chế mới ở Việt Nam. Chúng tôi làm lễ hạ cờ và hát quốc ca. Có lẽ đây là buổi chào hạ cờ duy nhất mà mọi người hiện diện, già trẻ, lớn bé, dân sự lẫn quân sự, đều nước mắt chan hòa. Tôi có làm một bài thơ chỉ có 4 câu:

*Tôi đứng trên boong tàu
Chào quê hương lần cuối
Nước mắt bỗng tuôn dâng
Khí màu cờ hạ xuống.*

Chúng tôi được chuyển từ chiếc HQ 400 sang một chiếc tàu buôn của Mỹ. Đi thêm 2 ngày thì tới đảo Guam. Tôi hôm đó tôi ngồi thao thức rất khuya trước lều. Tôi nghĩ đến những ngày sắp tới. Tôi thấy mình đang trắng tay. Gia tài còn lại là 20 mỹ kim, đổi được từ tháng lương cuối cùng trước khi rời nước.

Bây giờ làm thân tị nạn, tôi sẽ phải đi đâu, xin định cư xứ nào? Xin đi Pháp thì có thể tôi sẽ dễ dàng lấy lại bằng hành nghề nhưng nghe nói đời sống kinh tế bên đó khó khăn. Ở Canada nghe có tỉnh bang Québec nơi đó người ta nói cả tiếng Pháp lẫn tiếng Anh, khí hậu lạnh nhưng đời sống dễ chịu. Lúc đó tôi không hề nghĩ đến chọn nước Mỹ. Không biết có phải vì vốn liếng Anh ngữ của tôi không dồi dào bằng vốn liếng Pháp ngữ hay còn có một lý do thầm kín nào khác thì tôi không rõ.

Chẳng biết câu châm ngôn thời đi Hướng Đạo: "Hướng đạo sinh vui tươi trong lúc khó khăn" có giúp tôi giữ được vui tươi trong những lúc khó khăn hay không, nhưng câu châm ngôn ngắn gọn mà giản dị của thời đội Mũ Đỏ: "Nhảy Dù! Cố Gắng!" quả thật đã giúp tôi rất nhiều. Cố gắng bình tĩnh, cố gắng nhẫn nại, cố gắng hy vọng. Tôi đã cố gắng bình tĩnh trả lời ông sơ di trú ở đảo Guam khi tôi đến xin định cư ở Québec, Canada. Ông nhìn hồ sơ của tôi rồi nói:

- Đất nước chúng tôi không ưu tiên cho thành phần ở trong Quân Đội.

Tôi nhớ tôi đã trả lời ông:

- Tôi ở một nước đang có chiến tranh, ngoại trừ trẻ em và người cao niên, đàn ông thuộc thành phần còn lại đều phải ở trong quân ngũ.

Ông ta bồi thêm câu thứ hai:

- Tỉnh bang Québec hiện đang thừa bác sĩ. Rất có thể qua đó ông không hành nghề trở lại được.

Tôi cũng đã bình tĩnh trả lời:

- Tôi sẽ hết sức cố gắng để trở lại nghề. Nhưng nếu không được ít ra tôi và gia đình tôi cũng được sống trong một xứ tự do.

Bốn ngày sau gia đình tôi cùng với khoảng 200 tị nạn người Việt đầu tiên được bốc từ đảo Guam sang thành phố Montréal của tỉnh bang Québec. Sau hai tuần nhận được trợ cấp, tôi được ông di trú thúc đi kiếm việc làm. Tôi được giới thiệu đi làm bán thời gian ở một bệnh viện tâm thần. Tôi làm ca đêm, thuộc "équipe volante", trại nào thiếu người tôi được gởi đến. Tuy chức vụ chỉ là phụ y công, với đồng lương cao hơn đồng lương tối thiểu 40 xu, tôi cũng phải qua một khóa huấn luyện một tuần để biết cách làm giường, cách thay quần áo cho bệnh nhân, cách đỡ bệnh nhân ngồi dậy v.v.. Nếu có những ca đêm rơi đúng vào các trại bệnh nhân ổn định, gặp các bà y công tốt bụng, biết tôi là bác sĩ tị nạn chưa hành nghề lại được, họ làm hết mọi việc, tôi chỉ ngồi ôm sách học. Nhưng nếu ca đêm nào rơi đúng vào trại bệnh tâm thần nặng, tôi phải ngồi canh ở một chiếc ghế đặt giữa hành lang, dưới ánh đèn mờ mờ. Bệnh nhân ở trại này mỗi người được giữ trong một phòng riêng, có khóa bên ngoài. Trong phòng không có vật dụng nào ngoài cái xô vệ sinh. Cái giường ngủ cũng làm bằng xi măng. Tôi không rõ họ được nuôi ăn như thế nào. Làm ca đêm ở trại này tôi không những không học được mà còn hầu như không ngủ được vì những tiếng hú, tiếng hét chốc chốc lại vang lên trong đêm khuya. Một kỷ niệm từng khiến tôi "lạnh người" làm tôi nhớ mãi. Ở trại này, buổi sáng trước khi chấm dứt ca trực của mình, người y công chính giao tôi nhiệm vụ mở khóa phòng từng bệnh nhân, lấy cái xô vệ sinh của họ đem đi đổ. Một buổi sáng, mở khóa cửa phòng của một bệnh nhân, bước vào trong tôi không thấy anh ta đâu. Tôi hết hồn vì nếu bệnh nhân đã thoát ra khỏi phòng thì tôi sẽ gặp rắc rối.

- Bonjour!

Tôi giật mình quay người lại thì thấy người vừa chào tôi, trần truồng như nhộng, lông lá đầy mình, đứng núp sau cánh cửa, hai tay chéo nhau như cố che kín hạ bộ của mình, nhìn tôi với cặp mắt dò xét. Tôi vội vàng khom người với tay kéo cái xô vệ sinh.

mắt vẫn không rời người bệnh kèm thêm một nụ cười cầu thân. Xong, tôi rút nhanh ra khỏi phòng và khóa cửa.

Tôi đã sống với nghề phụ y công trong 10 tháng. Cho đến khi thi đậu nội trú. Y Sĩ Đoàn Québec vào đầu năm 1976 mở một khóa huấn luyện 3 tháng nói là để trình bày về nền y khoa ở Québec cho nhóm bác sĩ Việt Nam, lúc đó có khoảng 80 người. Sau khóa huấn luyện, Y Sĩ Đoàn Québec mở một khoa thi đặc biệt dành cho các bác sĩ Việt Nam. Có 40 người được chấm đậu. Tôi may mắn có tên trong số người này. Tiếp đó Y Sĩ Đoàn Québec thông báo 4 Đại Học Y Khoa ở Québec cho biết chỗ nội trú dành cho các bác sĩ Việt Nam niên khóa 1976-1977 là 20 chỗ. Tôi lại may mắn có tên trong số người được chọn. Tôi được gởi đi làm nội trú cùng 3 bác sĩ Việt Nam khác ở Đại Học Y Khoa Sherbrooke, cách Montréal chừng 100 cây số. Tại đây có thêm 5 bác sĩ ngoại quốc, 4 ở Nam Mỹ, 1 ở Bắc Phi, sang tu nghiệp vừa nội trú vừa thường trú. Chúng tôi hợp thành một nhóm mà chúng tôi gọi đùa là "Peloton des Légionnaires" (Tiểu Đội Lê Dương). Nội trú người bản xứ được thi lấy bằng hành nghề vào năm thứ tư. Vì thế khi làm nội trú họ không phải lo thi cử gì cả. Các nội trú hay thường trú gốc Nam Mỹ hay Bắc Phi họ cũng thi lấy bằng hành nghề. Nhưng đậu thi cũng tốt, không đậu cũng chẳng sao. Đàng nào trước khi trở về nước họ cũng được cấp chứng chỉ đã tu nghiệp ở Canada. Riêng với nhóm nội trú Việt Nam thì chuyện thi lấy bằng hành nghề là một vấn đề sinh tử. Cho nên ngoài trực gác, chăm sóc bệnh nhân, phụ mổ, chúng tôi còn phải lo học thi. Đêm nào tôi cũng phải thức đến một hai giờ sáng để học. Và may mắn đã đến cho 3 trong 4 nội trú Việt Nam chúng tôi năm đó. Kể từ tháng 9 năm 1977, tôi chính thức trở lại nghề trên quê hương thứ hai của mình.

Mới đó mà đã gần nửa thế kỷ xa quê hương! Chừng nào tôi mới về thăm? Có lẽ phải chờ cái ngày mà miền Bắc chân thật nhìn nhận, vào thời điểm 30 tháng Tư năm 1975, họ cũng chỉ là một con tốt trên bàn cờ quốc tế. Chỉ khác hơn miền Nam một chút, họ được chọn làm con tốt sang sông, thế thôi.

CHXHCN VIỆT NAM Không Phải Là Tổ Quốc Của Tôi.

TRẦN MỘNG LÂM

Tôi sinh ra vào đầu thập niên 40, giữa lúc Thế Chiến Thứ hai đang bước vào giai đoạn quyết liệt, tại một quốc gia nhỏ bé nằm bên bờ Thái Bình Dương. Khi còn nhỏ, tôi đã học nằm lòng: Việt Nam là một nước hình chữ S, chạy dài từ ái Nam Quan đến Mũi Cà Mau, diện tích là 326.000 cây số vuông, dân số là 25 triệu người... Bài học địa lý ấy, đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ như in. Thế Chiến thứ hai kết thúc, trong khi trên quả địa cầu, các nước tham chiến đang băng bó lại các vết thương, thì nơi tôi ở người dân lại từ bước từ bước tiến vào một cuộc chiến tranh khác mệnh danh Chiến Tranh Đông Dương mà không phải ai cũng tình nguyện bước vào. Độc Lập, người dân nào không ham, nhưng viễn ảnh của một lý thuyết vô thần và một chế độ độc tài sắt máu, chiến tranh giai cấp giữa những người cùng một màu da, một tiếng nói còn ghê rợn hơn nạn thực dân. Sau hiệp định Genève, gia đình tôi theo đoàn người di cư bỏ hết gia sản do tổ tiên để lại, bỏ hết ruộng vườn và mồ mả ông cha, để đi vào Miền Nam rất xa lạ, với bàn tay trắng để lập lại cuộc đời. Tổ Quốc của tôi thu hẹp lại, chỉ còn kéo dài từ vĩ tuyến 17 đến Mũi Cà Mau, bao gồm thêm cả hai vùng Hải Đảo là Trường Sa và Hoàng Sa. Tổ Quốc tôi tên gọi Việt Nam Cộng Hòa. Quốc Kỳ của VN Cộng Hòa là cờ vàng ba sọc đỏ và Quốc Ca là bài Tiếng Gọi Công Dân: *Này công dân ơi, quốc gia đến ngày giải phóng...*

Khi vận nước đến hồi bĩ cực, năm 1975, khi Thủ Đô Sài Gòn thất thủ, thì tôi còn ở trong quân đội. Những năm tháng sau đó là tù tội, vượt biên, rồi tha phương cầu thực, thời gian ấy nên được quên đi, vì nhắc chi ngày xưa ấy, chỉ thêm buồn lòng ta !!! Sờ dĩ ngày hôm nay ngồi viết lại bài này, chỉ vì mới đây có người nói với tôi: “Bây giờ mở Tự Vị ra tra cứu, hay vào Internet, đánh chữ Việt Nam, chỉ còn thấy cờ đỏ sao vàng. Hỏi làm sao một đứa trẻ học mẫu giáo có thể nhét được lá cờ vàng ba sọc đỏ vào đầu? Có phải phi lý không với em nhỏ đó?? Gần nửa thế kỷ đã qua,

sao chúng ta không chấp nhận sự thực, dẫu đau đớn cho chúng ta.”

Anh bạn đã nêu ra câu hỏi đó không hoàn toàn vô lý. Anh chỉ là một người rất thực tế, nói có sách, mách có chứng. Nhưng này, anh bạn, cái quốc gia mà anh nói đến đó có tên Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

CHXHCNVN không phải là tổ quốc của tôi.

Về phương diện lãnh thổ, nó không phù hợp chút nào với 2 định nghĩa tôi nói tại đoạn mở đầu, không phải là từ ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau, cũng không phải từ vĩ tuyến 17 đến Mũi Cà Mau, và quốc gia đó không có hai vùng Hải Đảo, khi Phạm Văn Đồng đã công nhận Hoàng Sa và Trường Sa là của tàu cộng.

Về phương diện pháp lý, không một người dân trong Miền Nam nào được hỏi ý kiến khi bỗng dưng bị gán cho cái nhãn hiệu là công dân CHXHCN Việt Nam.

Người Miền Nam không phải là trường hợp duy nhất trên thế giới này bị ép buộc nhận một quốc tịch mà họ không muốn. Trước họ, đã có người Tây Tạng, người Tân Cương, người Mông Cổ. Sau họ, đã có người Hồng Kông và có lẽ sẽ có Đài Loan. Từ 70 năm nay, tuy sống trong sự kìm kẹp, người dân Tây Tạng vẫn kiên trì chiến đấu. Nhiều người dân Tây Tạng, dân Hồi Giáo Tân Cương vẫn chấp nhận hy sinh tính mạng để trút bỏ cái quốc tịch China. Mới đây, 2 triệu người dân Hong Kong xuống đường. Tại sao chúng ta lại phải chấp nhận cờ đỏ sao vàng chỉ vì lễ Liên Hiệp Quốc hay Larousse, hay Wikipedia chấp nhận nó??

Một thương binh VNCH hiện còn sống trong nước đã viết cho bạn những dòng chữ này, đọc xong, tôi thấy buồn vô hạn:

Tao bị thương hai chân.

Cựa ngang đầu gối.

Vết thương còn nhức nhối.

Da non chưa kịp lành.

Ngày “Giải Phóng Miền Nam”.

Vợ tao ẵm tao như một đứa trẻ sơ sanh.

Ngậm ngùi rời Quân Y Viện.

Trong lòng tao chết điếng.

Thấy người Miền Bắc mang khẩu súng AK!

Súng Trung Cộng hay súng Nga.

Lúc này tao đâu cần biết.

Tao chiến đấu trên mảnh đất Tự Do Miền Nam-Nước Việt.

Lâu lắm, tao nhớ mày quá chừng

Kể từ ngày mày được đi cải tạo.

Hàng thân lơ láo-Xót xa cảnh đời.

Có giúp được gì cho nhau đâu

Khi tất cả đều tả tơi...

(Trích Thơ Trang Y Hạ)

Thế đó. Hàng thân lơ láo. Người dân Miền Nam chiến đấu cho Tự Do, nhưng họ đành chịu đầu hàng dưới họng súng AK, của Trung Cộng hay của Nga, không biết. Nhưng họ “ngậm ngùi”, họ “chết điếng” khi người Miền Bắc mang súng kéo vào ngày 29 tháng 4 năm 1975. Với tâm trạng đó, thử hỏi làm sao họ tự nguyện trở thành công dân của CHXHCN- VN??

Bởi thế cho nên anh bạn, CHXHCN Việt Nam không bao giờ là Tổ Quốc của tôi, của chúng tôi, những người Miền Nam, chiến đấu vì hai chữ tự do. Anh còn nói: Mấy chục năm nay, không thể chối cãi là họ có làm được một số điều tốt, dân chúng có thể kiếm ăn hơn trước, đường xá có tiện lợi hơn trước. Tôi không phủ nhận những điều anh nói khi nhìn trên internet, facebook, những hình ảnh trong nước gởi qua. Thế nhưng bên cạnh đó, cũng có hình ảnh những bà mẹ già máu mếu, những phụ nữ bị ức hiếp đến nỗi phải tụt cả quần ra để chứng tỏ sự phẫn uất, và nhất là những người dân đánh chết cán bộ rồi vào tù hay tự sát. Và hạnh phúc đâu phải chỉ được chứng tỏ bằng cơm áo. Thà sống trong nghèo nàn nhưng cả nước nghèo, vẫn hơn là có cơm no áo ấm, mà có kẻ phè phỡn chẳng phải đổ ra một giọt mồ hôi nào, tôi muốn nói đến khoảng cách giữa người thân cô thế cô trong xã hội đối với những tên cán bộ hay Hoàng Tử đỏ của Triều Đình Cộng Sản Việt Nam.

Không, CHXHCN Việt Nam không là Tổ Quốc của tôi, và cuộc tranh đấu phải được tiếp tục cho đến khi một Việt Nam khác thành hình. Và Việt Nam này nhất định không phải là CHXHCN biến dạng hay làm cho tốt hơn. Phải Xoá nó đi, và làm lại. Còn nếu không, với tôi, nó cũng chỉ bất quá là một đất nước tầm thường ở một xứ xinh nào đó trên trái đất mà thôi. Đâu phải Tổ Quốc của tôi.

CHUYỆN TRONG NƯỚC VIỆT NAM CỘNG SẢN

Sự Tàn Nhẫn Và Vô Nhân Đạo !!!

Bác Sĩ Đỗ Hồng Ngọc

Tôi không có dịp đi nước ngoài nhiều, nên không biết ở ngoài người ta có hệ thống chăm sóc sức khỏe cho lãnh đạo hay không. Nhưng nhìn từ góc độ y đức tôi thấy chuyện dành ra một tài khoản và ban bệ chỉ để lo chuyện sức khỏe cho lãnh đạo thật là vô minh.

Thời còn làm trong bệnh viện nhà nước tôi chứng kiến nhiều cảnh đau lòng. Thường dân không có thuốc phải nằm chờ chết. Cán bộ cao cấp thì được lệnh mua thuốc ngoại, giá bao nhiêu cũng được duyệt. Thường dân nằm la liệt hành lang bệnh viện. Cán bộ nằm phòng có máy lạnh. Đó là thời 1979-1985. Nhưng thời nay cũng chẳng có gì khác. Cũng như giữa giàu và nghèo, khoảng cách giữa dân và quan càng ngày càng lớn. Quan thì giàu, dân thì nghèo.

Người ta nói một chuyện làm một chuyện khác. Nói xóa bỏ giai cấp, nhưng lại tạo nên một giai cấp ăn trên ngồi trước. Nói là đầy tớ nhân dân, nhưng trong thực tế là cha mẹ nhân dân. Ngôn ngữ dưới thời XHCNVN không còn ý nghĩa thật của nó nữa!

Sài Gòn có bệnh viện Thống Nhất dành cho lãnh đạo. Nhưng ít ai biết rằng bất cứ tỉnh nào cũng có một khu trong bệnh viện chỉ dành cho lãnh đạo. Phải bao nhiêu tuổi đảng mới được nằm ở các khu đặc trị đó. Tôi không có vinh dự điều trị cho các vị lãnh đạo vì tôi đoán lý lịch của mình không “sạch” mấy (do học y thời trước 75). Nhưng tôi được biết đồng nghiệp điều trị cho các lãnh đạo than trời lắm. Họ nói các vị lãnh đạo coi bác sĩ chẳng ra gì, đối xử với bác sĩ như là cấp trên và cấp dưới. Chán lắm. Bực tức lắm. Nhưng nhiệm vụ và y đức thì phải làm, chứ chẳng ai ham làm trong các khu đặc trị cho lãnh đạo cả.

Thật ra, mấy khu đặc trị là những khu nguy hiểm trong bệnh viện. Dù trang bị tốt hơn các khu khác, nhưng tử vong vẫn

cao trong mấy khu đặc trị. Lý do đơn giản là bác sĩ chẳng dám quyết định gì cả. Cái gì cũng hỏi cấp trên.

Có lẽ nhiều người không biết, nhưng có ca phải hỏi ý kiến... cấp ủy. Không có hệ thống y khoa nước nào quái đản như nước ta, bác sĩ xin ý kiến cấp ủy để điều trị!?

Cố cụ bị để nằm cho đến chết vì chẳng ai dám quyết định, ai cũng sợ trách nhiệm. Có lần tôi tham dự hội chẩn về một trường hợp và bị ám ảnh lâu dài về hệ thống y tế dưới thời XHCN. Ông cụ không phải là cán bộ cao cấp, nhưng là bố của một ông thứ trưởng, nên cũng được nằm khu dành cho lãnh đạo. Ông cụ bị cao huyết áp và tiểu đường, bệnh rất hay gặp.

Người ta hội chẩn mãi, xin ý kiến mãi, thậm chí ông thứ trưởng bay vào Sài Gòn thăm bố. Chẳng ai dám làm gì! Ba tuần sau, ông cụ qua đời. Chính cái hệ thống phân biệt đối xử và giai cấp làm cho ông cụ chết. Chính cái hệ thống đó đang giết người dân nữa. Đọc blog thấy có tin Thanh Hóa “đầu tư xây dựng trụ sở Ban Bảo Vệ – Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Thanh Hóa”. Có cái gì ghê tởm ở đây. Chúng ta biết rằng người dân Thanh Hóa đang đói. Gần 250.000 người đói. Vậy mà người ta thần nhiên tập trung tiền bạc vào việc chăm sóc sức khỏe cán bộ!?!

Đâu chỉ Thanh Hóa mới lo chăm sóc sức khỏe cán bộ. Trung ương cũng thế. Chẳng những huy động, mà còn huy động toàn hệ thống. Thử đọc bản tin huy động sức mạnh của toàn hệ thống trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thì biết người ta muốn gì. Đọc bản tin đó gần chục lần tôi vẫn không giải thích được tại sao người ta lại vô cảm, ngạo mạn, ngang nhiên, trắng trợn như thế.

Trong khi bệnh viện các cấp quá tải, trong khi hai ba bệnh nhân phải nằm chung giường, trong khi bệnh nhân nằm ghé bó la liệt ngoài hành lang, mà có một giai cấp ngang nhiên huy động toàn hệ thống để chăm sóc cho một nhóm cán bộ đảng viên.

Họ xem bệnh viện, bác sĩ, y tá, chuyên gia như là tài sản của riêng họ, muốn làm gì thì làm. Không hiểu trong lịch sử nước nhà, đã có một giai cấp thống trị nào chẳng những bắt tài mà còn tàn nhẫn với người dân như hiện nay. Tìm hoài trong cổ sử mà chưa thấy. Tạm thời có thể nói đảng viên là giai cấp tàn nhẫn nhất với người dân trong lịch sử Việt Nam??

QUÊN

Vi Vân.

*Quên đi một thuở yêu người
Quên đi cho hết một đời đắng cay
Mộng tình khi tỉnh khi say
Nhớ làm chi nữa những ngày tháng qua
Quên đi hình dáng ngọc ngà
Đêm cô liêu lạnh trăng tà héo hon
Quên đi ngày tháng mỗi mòn
Xa chàng nên thiếp như hòn vọng phu
Quên đi một kiếp phù du
Cuộc đời trước mặt mịt mù khói sương
Quên đi giấc mộng đêm trường
Quên đi hình bóng người thương một thời
Chập chờn mờ ảo ngoài khơi
Cuồng phong đi chuyển chơi voi dập dồn
Cho tôi quên hết linh hồn
Và xin quên hết giận hờn xa xưa...*



90 Năm Sau Cuộc Đại Thanh Trừng: Đấu Tố Vẫn Tồn Tại Nhờ Putin

Mai Vũ Phạm



Tổng Thống Nga Vladimir Putin.

Một sản phẩm đặc trưng của chế độ cộng sản Soviet là bộ máy tố cáo, đấu tố, thanh trừng nhau. Vào ngày 30 Tháng Bảy năm 1937, từ một mệnh lệnh bí mật, Stalin đã phát động cuộc đại khủng bố (Great Terror), hay còn được biết đến là cuộc Đại Thanh Trừng (*Great Purge*) nhằm đàn áp giới bất đồng chính kiến.

Stalin kêu gọi người dân tố cáo các phần tử chống Liên Xô và nhằm mục đích loại bỏ tận gốc kẻ thù của đảng cộng sản. Lực lượng cảnh sát và đặc vụ an ninh lúc đó phải đáp ứng đủ con số bắt giữ được đặt ra cho mỗi nước cộng sản thuộc khối Soviet.

Hệ thống này hoạt động mạnh nhất trong những năm 1930-1940 và được xuất khẩu qua các nước cộng sản khác.

Khi cuộc Đại Thanh Trừng bắt đầu vào năm 1936, Stalin đã tìm mọi lý do để loại bỏ các đồng minh và đối thủ cũ của mình để tranh giành quyền lực.



Joseph Vissarionovich Stalin

Bi kịch “Cải cách ruộng đất” ở miền Bắc Việt Nam 1946 – 1957 dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam từ sự chỉ dẫn của ‘quan thầy’ Trung Quốc, đã khiến hàng trăm ngàn người bị oan, hàng chục ngàn người thiệt mạng, là một hình thức thanh trừng, đấu tố tương tự.

Người Nga lúc đó không chỉ tố cáo nhau nơi làm việc, xóm làng, mà thậm chí trong gia đình. Chuyện người này tố cáo người kia treo ảnh đồng chí cũ của Stalin là Trotsky trong nhà là thường xuyên. Không chỉ dừng lại ở đó, con cái cũng viết đơn tố cáo cha mẹ mình. Một trong những câu chuyện tai tiếng nhất trong lịch sử Soviet là về **Pavlik Morozov**, một cậu thanh niên 13 tuổi, đã tố cáo cha mình với chính quyền về tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa. Năm 1932, Pavlik Morozov bị giết. Sau đó, chế

độ cộng sản Soviet đã biến cậu trở thành hình mẫu cho giới trẻ em Liên Xô vì lòng trung thành của cậu với chế độ.

Cuộc Đại Thanh Trừng đã khiến hơn 1,4 triệu người bị bắt giữ và gần một triệu người thiệt mạng. Người ta cứ ngỡ sau khi khỏi 15 nước của chế độ cộng sản Liên Xô đã bị sụp đổ vào cuối Tháng Mười Hai năm 1991, thì bộ máy tố cáo, đầu tố sẽ không còn đất sống. Nhưng, dư âm của những năm tháng đen tối nhất dưới sự đàn áp của Stalin vẫn đang diễn ra dưới thời “sa hoàng mới của nước Nga”, Vladimir Putin.

Theo *Washington Post*, một bầu không khí ghê sợ của tố cáo và đầu tố nhau đang diễn ra tại Nga. Theo cơ quan giám sát thông tin của Nga, trong sáu tháng đầu tiên của cuộc xâm lược Ukraine, người Nga đã gửi 145.000 đơn tố cáo.

Yelena Kotenochkina, một phó đại biểu trong Hội đồng quận Krasnoselsky của Moscow, đã gọi Nga là một “*nhà nước độc tài phát xít*” do xâm lược Ukraine trong một cuộc họp hội đồng vào tháng Tư năm ngoái. Khi những tuyên bố phản chiến của cô đến tai những đồng nghiệp, họ đã tố cáo Kotenochkina với Văn phòng Tổng Công tố và cô hiện phải đối mặt với bản án 10 năm tù. Tuy nhiên, Kotenochkina đã trốn khỏi Nga và đang nằm trong danh sách truy nã của Nga.

Chính phủ Nga đã quyết định ngừng khoe khoang về con số đầu tố này, nhưng các nhà báo tự do cho biết số vụ án hình sự liên quan đến việc đầu tố ngày càng tăng. Theo nhóm quyền hợp pháp OVD-Info, ít nhất 19.718 người Nga đã bị nhà nước bắt vì phản đối chiến tranh. Tổ chức này cũng cho biết nhiều người khác phải đối mặt với sự đe dọa hoặc quấy rối từ chính quyền, mất việc làm, hoặc bị người thân tố cáo.

Tóm lại, Vladimir Putin đã khuyến khích người dân tố cáo bất kỳ ai không ủng hộ cuộc xâm lược Ukraine. Vào tháng 3 năm ngoái, Putin kêu gọi đất nước tự thanh lọc, bằng cách nhờ bỏ những kẻ phản bội. Kể từ đó, Putin đã nhiều lần đưa ra những cảnh báo đen tối về kẻ thù trong nước, tuyên bố rằng Nga đang chiến đấu vì sự sống còn của mình.

Vì thế, nhiều người Nga ra sức kiểm soát lẫn nhau. Các giáo dân tố cáo các linh mục Nga ủng hộ hòa bình thay vì ủng hộ Nga chiến thắng trong cuộc chiến ở Ukraine. Giáo viên bị mất

việc sau khi học sinh kể lại rằng họ phản đối chiến tranh. Những người hàng xóm giấu trong mình mối hận thù trong nhiều năm đã có thêm cơ hội để báo thù.

Các cuộc trò chuyện riêng tư và chôn công cộng đều có thể bị nghe lén. Các bài đăng và tin nhắn trên mạng xã hội, ngay cả trong các nhóm chat riêng, cũng trở thành bằng chứng buộc tội có thể dẫn đến việc các đặc vụ FSB phải gõ cửa. Bị bạn học cùng lớp tố cáo, Olesya Krivtsova, một nữ sinh viên 19 tuổi đến từ Arkhangelsk, đã bị truy tố tội làm mất uy tín của quân đội và bao che cho chủ nghĩa khủng bố vì lên án cuộc chiến ở Ukraine. May mắn cho cô khi kịp trốn khỏi Nga, trong lúc đang bị quản thúc tại gia.

Marcel Rosenberg (1896 – 1937) người thực hiện lệnh Đại Thanh Trùng.

Một bầu không khí sợ hãi và nghi ngờ lẫn nhau bao trùm mọi ngõ ngách ở Nga. Thêm vào đó, tin tức về các vụ bắt giữ và truy tố được phóng đại trên các đài truyền hình nhà nước. Andrei Kolesnikov, nhà phân tích chính trị có trụ sở tại Moscow cho biết: *“Làn sóng tố cáo này là một trong những dấu hiệu của chủ nghĩa toàn trị, khi mọi người hiểu điều gì là tốt, theo quan điểm của tổng thống, và điều gì là xấu, vì vậy ‘Ai chống lại chúng tôi phải bị truy tố’.”*

Cũng giống như thời Soviet, động cơ của một số lời tố cáo đến từ sự thù hận hoặc lợi ích vật chất. Nhà khoa học chính trị nổi tiếng người Nga, **Ekaterina Schulmann**, người có hơn một triệu người theo dõi trên *YouTube* và hiện đang làm việc tại Berlin, đã bị hàng xóm tố cáo đã man trong một báo cáo gửi thị trường Moscow sau khi bà rời khỏi đất nước vào Tháng Tư năm ngoái. Họ gọi Schulmann và gia đình cô là những phần tử “lật đổ” lâu năm, *“hành động vì lợi ích của những kẻ phương Tây điều khiển, những kẻ có mục tiêu là chia rẽ xã hội của chúng ta.”*

Daniil Ken, người đứng đầu Liên minh Giáo viên, cho biết cố vô số vụ tố cáo trong trường học, bao gồm giáo viên tố cáo học sinh, học sinh tố cáo giáo viên, phá hoại công tác giáo dục và gieo rắc sự chia rẽ, sợ hãi, và mất niềm tin trong môi trường giáo dục.

Putin sử dụng bộ máy đầu tổ thời Stalin và dùng an ninh bắt bớ tràn lan là để nhấn chìm người dân trong nỗi sợ và sự chia rẽ. Nhà phân tích chính trị Kolesnikov mô tả chế độ của Putin ngày càng độc đoán và dự đoán những năm khó khăn ở phía trước: ***“Tôi chắc chắn rằng ông ấy sẽ không trở lại bình thường. Ông ấy không phải bị điên về mặt y học, nhưng ông ấy điên về mặt chính trị, giống như bất kỳ nhà độc tài nào.”***

Bầu không khí lo sợ và nghi ngờ lẫn nhau không chỉ có ở người dân Nga, mà ngay cả ở Putin. Putin đang rất lo sợ và gần như không tin tưởng ai. Ông ta biết mình đang thua. Con điên đại của Putin có lẽ chỉ chấm dứt khi sức chịu đựng của người Nga đã cạn kiệt.



Tập Cận Bình

Cả thế giới đều quay lưng với Putin chỉ còn lại Tập Cận Bình, một tên đại gian ác của nhà nước cs Trung cộng.

Mục tiêu tối thượng của sự hợp tác giữa Tập Cận Bình và Putin là để củng cố quyền lực và phá hoại các nền dân chủ trên toàn thế giới .

Một Gói Quà CHO THƯƠNG PHẾ BINH.

Phan Văn Lộc , K30

Thượng Đế ban cho chúng ta đồng đều mỗi người một điều quý giá nhất và chỉ có ngài mới có quyền lấy lại: Đó là sự sống.

Nhưng bọn quỷ satan phương Bắc đã tràn vào mà cướp đi sự sống của đồng bào nên nhiều anh em đã phải hy sinh để bảo vệ, trong đó có hơn 1 ngàn sĩ quan tốt nghiệp Trường Võ Bị!



Kính Thưa Quý Vị:

- Giáo Sư Văn Hoá Vụ, Sĩ Quan Quân Sự Vụ.
- Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường VBQGVN và gia đình.
- Các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.

Trong số hơn 6 ngàn sĩ quan do Trường Võ Bị đào tạo thì đã có hơn 1 ngàn hy sinh. Vậy thì đã có bao nhiêu chiến sĩ Quân Lực VNCH hy sinh để bảo vệ Tổ Quốc? Nếu 1 hy sinh thì có 4 thương binh. Vậy đã có bao nhiêu chiến sĩ đã bỏ lại một phần

thân thể ngoài chiến trường để rồi phải sống đời tật nguyên Thương Phế Binh (TPB)?

Những TPB/VNCH sống dưới chế độ cộng sản đã, đang chết dần chết mòn vì thiếu không khí để thở, thiếu tất cả những gì mà chúng ta ở hải ngoại đang có, chẳng bao lâu nữa sẽ không còn người TPB nào!

TPB là đồng đội, là thuộc cấp của những trung đội trưởng tốt nghiệp Võ Bị, càng cao danh vọng tướng tá thì càng nhiều TPB gọi chúng ta là “ông thầy”

Những huy chương chúng ta mang luôn thấm máu của TPB.

Những vòng hoa chiến thắng chúng ta được quàng cổ là những vành khăn tang đau khổ của vợ con tử sĩ đã hy sinh để chúng ta được sống.

Quý Thầy Oi!

Mặt Trời, Sao Mai, Đại Bàng,

Sao Vàng, Dương Liễu, Bào Quốc ơi!

Xin mở rộng lòng thương để gửi đến các TPB một gói quà giữa cảnh khốn cùng.

Anh em TPB đang chờ quý thầy.

Xin cầm bút lên, chỉ một chữ ký thôi.

Kính Thưa quý cựu SVSQ Võ Bị và Gia đình.

Hàng năm chúng ta vẫn tiếp tay với Hội HO Cứu Trợ TPB qua các kỳ đại nhạc hội Cám Ôn Anh. Số tiền đóng góp của chúng ta không nhỏ so với các hội đoàn khác, nhưng với số TPB hiện tại mà Hội HO đang chịu trách nhiệm thì sự đóng góp chung còn quá khiêm nhường cho một gói quà nhỏ nhoi.

Mỗi năm một gói quà... chỉ là lời thăm hỏi của các “ông thầy” đối với thuộc cấp của mình là TPB, có đáng gì đâu mà thầy suy tính thiệt hơn.

Cách cho quý hơn của cho,

Dù ít dù nhiều, mấy ai dám đành lòng “chia sẻ”.

Xin cứ vững tâm gửi về nơi đáng tin cậy:

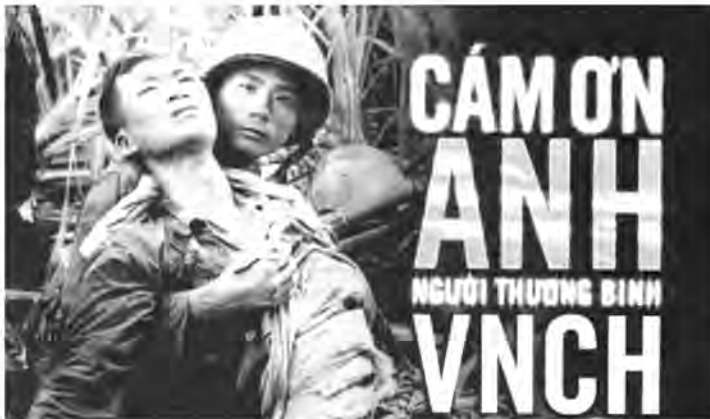
Trân trọng

Ngày 01 tháng 05 năm 2023.
Cựu SVSQ PHAN VĂN LỘC K30
Ủy Viên Xã Hội

Cựu SVSQ Trần Trí Quốc K27.
Thủ Quốc

YÊM TRỢ:
hi phiếu xin ghi: Pay To ĐNH/CỎA Kỳ 16.
Memo: TPB.
Gửi về:
TRẦN TRÍ QUỐC
1475 Highpoint St.
Upland, Ca 91784

Liên lạc
CSVSQ Phan Văn Lộc K30
email: locphank30@yahoo.com
số phone: (626)534-1572.
CSVSQ Trần Trí Quốc K27
email: tran27147@yahoo.com
số phone: (949) 212.0261



Lễ Ra Mắt Sách Lược Sử Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam

Sẽ tổ chức tại:

Viện Việt Học
15355 Brookhurst St # 222
Westminster, CA 92683

Thời gian:

Thứ bảy ngày 24 tháng 06 năm 2023
Từ 9:00am đến 12:00am

Kính thưa:

Quý Niên Trưởng,
Quý Phu Nhân,
Quý Bạn K26,
Quý Niên Đệ,
Các Cháu Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.

Lược sử TVBQGVN đối với các Cựu SVSQ/Võ Bị liên quan thiêng liêng mật thiết vì:

1. Sau khi quý xuống Vũ Đình Trường tuyên thệ, nhận Alpha đỏ và trở thành Sinh Viên Sĩ Quan Võ Bị kể từ đó anh em chúng ta có cùng một họ: Họ của chúng ta là Cựu SVSQ/Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam mỗi người đều có trách nhiệm bốn phận để bảo vệ, danh dự dòng họ Võ Bị dù bất cứ hoàn cảnh nào.

2) Tình Huynh Đệ đã có cùng kỷ niệm học tập, huấn luyện gian khổ tại Trường Mẹ và thấm thía ngậm ngùi ngay lúc còn là Sinh Viên Sĩ Quan trong Quân Trường Võ Bị, khi khoá đàn anh mãn khoá, sau những ngày nghỉ phép ngắn ngủi, tin dữ từ chiến trường ác liệt lần lượt gởi về:

1. Khóa 23:

Cố Trung Úy Lương Văn Của K23, Cố Trung Úy Lê Thảo K23, Cố Trung úy Bùi Ngọc Chiến K23, Cố Trung Úy Lưu Đình Công K23, Cố Trung Úy Trần Đình Nhạn K23....

Khóa 24:

Cố Trung Úy Trần Đại Chiến K24, Cố Trung Úy Ngô Đức Hải K24, Cố Trung Úy Lê Văn Lẹ K24, Cố Trung Úy Nguyễn Thanh Long K24, Cố Trung Úy Phạm Đại Tá K24

Khóa 25:

Cố Trung Úy Trần Việt Doanh K25, Cố Trung Úy Nguyễn Văn Báo K25, Cố Trung Úy Nguyễn Văn Hát K25, Cố Trung Úy Lại Ngọc Chính K25, Cố Trung Úy Đinh Văn Quế K25, Cố Trung Úy Võ Thiệu Thư K25

Và các Niên Đệ khoá 27, 28, 29, 30 Cũng đã mặc niệm cho: Cố Trung Úy Lê Hải Bằng K26, Cố Trung Úy Nguyễn Văn Dòn K26, Cố Trung Úy Võ Văn Đáng K26, Cố Trung Úy Tô Văn Nhị K26, Cố Trung Úy Lê Quang Quảng K26, Cố Trung Úy Trần Đại Thanh K26, Cố Trung Úy Diệp Thanh Sơn Thấu K26, Cố Trung Úy Hà Duy Tung K26... đã hy sinh đền nợ nước tại chiến trường... Trung Đoàn Sinh Viên Sĩ Quan dành một phút mặc niệm... thật thâm thía ngậm ngùi tinh thần Võ Bị chúng ta. Một lần chào đưa tiễn, chia tay xuống núi, không có ngày tao ngộ. Cố lai chinh chiến, kỷ nhân hồi.

2) Sau khi tốt nghiệp về phục vụ các đơn vị, luôn noi gương uy dũng của đàn anh, tâm niệm mình có trách nhiệm phải làm gương cho binh sĩ, Tự Thăng Để Chỉ Huy trên mũ beret không phải chỉ cho ngày tháng bình yên trong quân trường, mà luôn nhắc nhở tự mình phải chiến thắng bản thân trong cực khổ gian nan nguy hiểm trong cuộc chiến, ngay cả nghiệt ngã trong lao tù cộng sản Việt Nam, nhọc nhằn sống kiếp lưu vong và anh em Võ Bị tán lạc khắp nơi trên quả địa cầu, chúng ta đã cố gắng tìm nhau để ôn và sống lại những kỷ niệm cũ, khi nhận ra đã từng mang màu Alpha đỏ nhanh chóng tự nhiên có sợi dây vô hình ràng buộc thân mật và quý mến bất luận là khoá nào.

3) Vận mệnh của Cựu SVSQ Võ Bị thăng trầm theo vận nước: Chiến tranh - Tù ngục - Lưu vong

Quyển Lược Sử TVBQGVN được hoàn thành do công lao hy sinh thời giờ công sức, sưu tầm, biên soạn nghiên cứu của rất nhiều người với kỳ vọng ghi lại cho từng Cựu SVSQ được dịp hồi tưởng kỷ niệm chính mình và để lại con cháu mai sau. Đến tham dự Lễ Ra Mắt Sách Lược Sử Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam để:

1) Tưởng niệm những Niên Trường, bạn Đồng Khoá, Niên Đệ đã hy sinh bảo vệ Lý Tưởng Tự Do của Miền Nam

2) Nhớ ơn Trường Mẹ đã cưu mang, huấn luyện và đào tạo chúng ta trở thành những sĩ quan can trường xuất sắc được tin yêu và nể phục bởi các quân nhân trong các quân binh chủng Quân Lực VNCH.

3) Làm gương hy sinh, yêu thương đoàn kết cho các thế hệ mai sau, để con cháu vững bước tiếp tục dẫn thân đấu tranh cho nước Việt Nam được Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền.

4) Đến tham dự Lễ Ra Mắt Sách để cùng nhau hỗ trợ đóng góp công sức của mình vào việc vinh danh Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam là một Danh Dự và Bồn Phận của tất cả Cựu SVSQ/ TVBQGVN.

Kính mong quý Niên Trường, quý Bạn, quý Niên Đệ tại CA hoặc các tiểu bang khác có dịp về Nam CA trong dịp lễ Độc Lập Hoa Kỳ mong quý vị đến tham dự hỗ trợ, mặc quân phục Jaspe với mũ Beret nếu có và quý Phu Nhân trong Hội Võ Bị Nam CA mặc áo dài đồng phục màu xanh và các Cháu TTNDH mặc áo dài xanh để chúng ta cùng:

1) Làm Lễ Chào Cờ Việt, Mỹ & Phút Mặc Niệm.

2) Đồng ca Võ Bị Hành Khúc

3) Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ

Hoặc những bài ca chiến đấu khác nếu có thời giờ.

Những hình ảnh buổi lễ sẽ được trình chiếu toàn cầu.

Kính mong toàn thể quý Cựu SVSQ/ Võ Bị, quý Phu Nhân, các Cháu TTNDH và Gia Đình sắp xếp thời gian để đến tham dự buổi Lễ Ra Mắt Sách quan trọng này.

TM/BCH/Hội Võ Bị Nam California

Hội Trưởng

Trần Văn Giới K26



LƯỢC SỬ
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

KHÉP CỬA

Phạm Kim Khôi, K19

*Em có bao giờ về thăm phố cũ
Từ độ xa xôi cách trở muôn chiều
Có những hôm lòng bình yên bỗng nhớ
Đôi mắt xanh xưa dâng sóng thủy triều*

*Nhớ thuở êm đềm đời vui đôi lứa
Khi thẹn thùng em chỉ biết ngoan thôi
Anh đã dìu em qua miền đất hứa
Lên đỉnh tuyết vời cao ngắt mây trôi.*

*Rồi dĩ vãng mây trôi anh thường kể
Ru em hiền nhu đứa trẻ nằm nôi
Chỉ sợ em giật mình dù rất khẽ
Anh đã thức cho em ngủ một đời.*

*Trắng một canh đời anh còn chi nữa
Tất cả ân tình anh đã cho em
Hành trang cuối mang theo lời em hứa
Anh tưởng rằng không bao giờ phai quên*

*Anh vẫn tưởng nhưng đâu còn em nữa
Đêm cánh tay dài nhớ tóc nằm nghe
Em đã vắng ngôi nhà xưa khép cửa
Và gió mùa sang rụng lá bên Hè.*

Closed Door

*Have you ever return to see home
Since the day you have been far away alone
Suddenly recalls my calm mind
You blue eyes raise tide.*

*Remember our joyful time
Though be you're always so nice
I led you in happy grounds
Up to delicious top among flying clouds*

*By rainy nights I told you my past stories
Lulled you like a baby
I'm constantly afraid of making you start
So I stay up for you sleep so far.*

*I give you all my love I have
Through a life I saved nothing for myself
But your promise
That I dream you would never forget it.*

*I still dream yet I can see you anywhere
In nights my long arms miss your falling hair
You weren't here home closed the door
And mind returns blowing leaves in the air.*

Thư Người Gái Quê

Lê Phùng Xuân, K20

Tiếng súng trung liên nổ dồn tan trong đêm khuya ở khu Hoàng Diệu. Khu này có nhiều quán ba. Lính thường hay nhậu nhẹt say sưa và đánh lộn sau mỗi lần hành quân về. May là ở Xuân Lộc chỉ có lính của Sư Đoàn nên ít khi đổ máu. Mấy chàng GI thường hay né trong những dịp này. Hơn nữa Xuân hông hề thấy có sự đụng chạm nào xảy ra. Nói đúng ra, đó là khu quán ba yên lành.

- Trung Úy ơi! Trung úy xuống đó lôi đầu tụi thằng Ni, thằng Lang về. Mau đi, chớ để Quân Cảnh hốt là sáng mai mình mắc công đi lãnh tụi nó. Rồi còn bị ký cù nữa.

- Mấy thằng qui nầy. Lăn nào cũng vậy. Hành quân lâu ngày về là có phá làng phá xóm. Kỳ này, lôi tụi nó về là tui cắt cu mấy thằng qui sứ nầy cho tụi bầy hết quậy nữa.

Nói vậy chớ chàng cũng thấy thương và tội nghiệp cho lính của mình. Họ lội trong rừng sâu, chịu đói, chịu khát, muỗi, mòng cắn chích, vất búng, trần mình giữa làn tên mũi đạn, sống chết không biết lúc nào, quanh năm suốt tháng

hông biết thế nào là bữa cơm ngon. Nhiều khi ăn được tô hủ tiếu nước lèo lạt nhách, uống được ly lade, ly xá xí... bên quán xập xệ ven đường, sau cuộc hành quân dài ngày trong rừng sâu là niềm sung sướng vô biên. Từ trong rừng chui ra gặp được quán lèng xèng, uống được ly lade con cạp có đá, hút điếu nút chuồn, Thiếu Úy Thanh nhiều khi phán bạt mạng xanh dờn: "Trời ơi, con đi mẹ nó. Người nó tăng tăng rần rần, sưng sưng và đa đa còn hơn thầy lố!"

Khi thấy ánh đèn xe Jeep 606, đám lính biết có chuyện nên tản đi mất hết. Ni và Lang chắc xách súng lùi ngõ nào về đại đội. Ngày mai, biết thế nào Xuân cũng cho tụi nó vô chuồng cạp, nên có khi họ trốn biệt đâu đó.

Phùng Xuân bước vào ba. Trống vắng. Một cái bàn ngả nghiêng nằm đó. Vài cái ghế lẩn lóc. Chàng tính hỏi xem có chuyện gì xảy ra. Chợt một người đàn bà trẻ hiện ra.

- Trung Úy, muốn uống gì hôn?

- Mấy thằng quý hỏi này quây quán chị phải hôn? Có bị hư hao gì hông?

- Thì mấy ông thân đó mà. Hành quân về là vô đây uống đã đời rồi khích tướng, đập bàn đập ghế tính oánh lộn. Nghe tiếng xe, mấy ông nội đó vọt mất rồi.

- Có phải Ni và Lang hôn?

- Ủa? Lĩnh của Trung Úy à? Mấy người đó trời thần đất đờ lắm đó. Còn Trung Úy, sao coi hiền quá vậy?

- Sức mấy! Tui mà hiền há? Chưa gì hết sao chị biết tui hiền? Hồi mới ra trường, lon lá còn nhỏ, hông có hiền đâu! Cũng bán trời hông mời thiên lôi. Ký củ hoài.

Một người thiếu nữ mang ra cho Xuân một chai lade và một ly đá. Chàng ngược nhìn lên. Đôi mắt tròn, đen. Chợt một tia sét chớp trong đầu chàng. Nhanh. Thật nhanh làm chàng choáng váng. Đứng rồi. Chắc chắn là phải. Hông ai khác hơn. Nụ cười này. Gương mặt này. Đôi mắt này.

- Xin lỗi cô. Cho tui hỏi chút nhen? Cô tên là Loan?

- Tui... tui... tui...

- Cô ở Cái Bông, Giồng Tre, Bến Tre.

- Sao... sao Trung... Úy biết?

- Tư Ớn. Loan trào đờm. Anh Ba đây mà!

- Chèng ơi! Anh... Anh... Anh Ba!

Bà chủ quán ba lấy làm lạ. Con nhỏ này quen với chàng Trung Úy như thế nào mà bá vai ôm cổ ổng khóc mũi mần. Loan lính quỳnh lảng quáng quơ tay. Chai lade đổ. Nước rượu chảy tràn trên bàn, sủi bọt lan xuống đất.

Hai người đi bộ. Bóng họ mờ nhạt, chập chờn theo ánh đèn nhà hai bên đường om lòm. Trời đêm hun hút cao đầy sao. Hồng có trăng. Trăng đâu rồi, hờ Loan? Ánh trăng sông của đồng Mỹ Nhiên? Chút chút, Loan dừng lại, cứ ôm chặt người thanh niên như sợ mất đi. Hàng mấy năm, Loan hông tin mình tìm lại được anh Ba của mình. Nàng bắt chàng ngừng lại, đứng trước mặt chàng, nghiêng đầu ngó qua ngó lại, coi có đúng là Anh

Ba của nàng của mấy năm về trước. Anh Ba của nàng giờ đây coi có vẻ khác hơn năm xưa. Hình như oai hùng hơn là phải? Chàng bật cười rồi dang hai tay ôm lấy nàng, ôm thật chặt, hun một hồi lâu, làm nàng muốn nghẹt thở, hụt hơi. Hồng còn mùi nắng khét, mùi bồ bồ, mùi bùn sinh của cánh đồng Mỹ Nhiên nữa. Loạn bây giờ trắng trẻo, xinh xắn. Mái tóc dài uốn quăn bỏ lơ xuống bờ vai. Nét đẹp của nàng sắc sảo hơn, mặn mà hơn như trái vú sữa trắng đã chín mùi. Vẻ ngây thơ hồn nhiên của đồng hoang ruộng vườn hồng còn nữa. Loạn nói huyên thiên, về những ngày ở trong cánh đồng đầu tiên Loạn gặp Xuân...

Họ về tới chỗ đóng quân. Thật khuya. Xuân banh poncho cho thêm rộng. Hai người nằm xuống nhìn lên bầu trời đầy sao. Chỉ có một cái ba lô anh làm gối. Em nằm lên cánh tay anh vậy. Họ chưa vội nói một lời nào. Loan muốn Xuân mở lời nói trước. Nàng e ngại sợ anh Ba hông hiểu mình tại sao lại trở thành gái bán ba như vậy? Còn Xuân, chàng đợi Loạn, đợi một cử chỉ âu yếm của nàng. Bây giờ Xuân cũng đã có gia đình rồi. Hai người hồng còn như thuở ở Mỹ Nhiên nữa. Cái thời hăng say, bông bột của tuổi trẻ đã đi qua. Có một khoảng gì xa cách mà họ hông hiểu được. Họ hông còn tự nhiên như ở giữa đồng không mông quạnh thuở xưa. Nàng choàng tay qua người Xuân trước tiên, rồi rúc đầu vào ngực chàng, xong chòm người lên hun vào má. Ôi! Mùi thuốc lá ngậy ngậy, một chút cay nồng, một chút ngọt thơm nồng nàn như tiêu lốt (*khi chín màu hơi đỏ, trái thon dài, hạt chi chít*). Loan kê môi hun, say sưa thưởng thức những gì nàng chưa tìm được ở người tình lúc thời còn nơi đồng hoang. Chàng xoay người qua, đấm đuối ôm siết Loạn. Má, môi, ngực chạm ngực. Nàng hiểu rõ phải như thế nào. Loan chậm rãi, hông còn mạnh bạo và ồ ạt như xưa. Qua bao năm, Loan dày dặn hơn.

Trời sắp hừng đông. Ai cũng mệt rã rời... Loan vội vàng bận lại quần áo, vuốt lại mái tóc cho suông sẽ. Nàng hối Xuân trời sắp sáng rồi đừng nằm chần chờ nữa.

- Anh có mắc cỡ hôn, khi ngủ với gái bán ba hông? Anh có nhớ em hôn? Em cố gắng tìm anh trong mấy năm nay mà hông gặp.

Xuân hơi ngạc nhiên. Lời nói và thái độ của Loạn rất chừng chặc. Từ Ên bây giờ đã trưởng thành. Nàng tỏ ra hiểu biết

nhiều hơn và hông còn vẻ quê trất của cô gái đồng ruộng chuyên chăn vịt chạy đồng.

- Hông có gì anh phải xấu hổ. Gái bán ba thì có gì đâu mà phải dẫu dẫm. Em bán ba chớ có phải bán thân đâu mà em mắc cỡ ? Mà dẫu em có bán thân, gặp em trong tình cảnh này anh lại càng thương em. Vì anh mà em nên nổi này!

Sao lại hông nhớ em. Anh tìm em ở nhà thương Bến Tre rồi Mỹ Tho. Về sau, còn xuống tận Cái Bông. Thôi em đừng khóc nữa. Giờ mình gặp lại nhau rồi. Sao lúc rời đồng về nhà em hông hú một tiếng cho anh biết. Nè em, còn con của mình ra sao rồi?

- Sao anh biết? Bữa đó má vô rước, làm sao ghé chòi cho anh và Vân biết. Chuyện còn dài lắm. Khi nào có dịp, em sẽ kể anh nghe.

Buổi khuya sau, Xuân đón Loan về rất trễ. Hai người nằm nghỉ một chút thì trời đã sáng. Sau khi đi ăn, Loan dẫn Xuân đi vô con hẻm bùn sình. Một xóm nhà “ổ chuột” ở đầu sân bay Xuân Lộc. Xuân biết khu xập xệ này. Chỉ có những gia đình lính nghèo nàn mới ở đây, chung đụng với nhóm người buôn gánh bán bưng ở chợ Xuân Lộc.

- Vào đây làm gì hở em?

- Thì đi với em đi. Em gọi con ở trong xóm này. Anh có muốn gặp nó hông?

Xuân hy vọng gặp lại đứa con tính ra nay cũng đã sáu, bảy tuổi. Xuân nghĩ đến đứa con chắc giống chàng từ gương mặt, cái cằm, lỗ mũi. Còn hai mắt chắc giống Loan. Người ta nói đứa con của những trai gái yêu nhau rồi xa nhau, khi sinh con, đứa trẻ rất giống cha? Tới căn nhà ở cuối sân bay, hai người bước vào.

- Sao mấy hôm nay cô Tư hông tới. Thằng nhỏ nó nhớ cô, nó khóc quá chời.

Người đàn bà bông xóc nách thằng nhỏ bước tới. Xuân nhìn thấy, hơi ngỡ ngàng. Một đứa trẻ lai, tóc màu bạc, mắt xanh, da trắng ngà. Loan đoán biết Xuân đã hiểu gì rồi. Nàng xoay nhìn Xuân ngại ngùng. Nhưng đứa con đòi mẹ nên Loan vội vàng đưa hai tay ra ôm con. Đứa bé gặp mẹ, mừng rỡ. Hai tay, hai chơn nó vung vẩy. Xuân lấy tay xoa xoa lên đầu, nó cười hắc hắc.

- Anh có khinh em hông? Em là con me Mỹ. Em thấy ai cũng coi rẻ em. Em trốn tránh mọi người. Em hông cho ai biết em có con Mỹ lai.

- Hồng có gì đâu. Tội nghiệp cho em. Anh hiểu rõ tình cảnh của em.

- Anh có muốn thỉnh thoảng mình đến thăm thằng Ken hông?

Hồng có thời giờ cùng Loan đến thăm Ken. Hành quân lùng và diệt địch lại tiếp tục. Vào sâu trong Mật Khu Hắc Dịch. Cả bầu đoàn thể từ ì ạch kéo vào cánh rừng âm u để kiếm bóng dáng của Trung Đoàn 33VC muốn đánh mình lúc nào thì đánh. Cũng cảnh mưa rừng, cũng đói khát rã rời. Lần này chẳng thấy bóng ma nào hết. Cuộc chiến du kích mưu mẹo, tinh quái. Chỉ có một cách thắng là bày thế trận để VC chấp nhận giao tranh với mình. Như vậy chắc chắn là VC sẽ thua. Như trận đánh Long Tân với Chiến Đoàn Úc ngày 18 tháng 8 năm 1966. VC dàn trận đánh với đội quân thiện chiến, hoả lực mạnh, vũ khí tối tân thì kể như lượm xác...

Xuân mệt mỏi, ngã lưng nằm xuống ghé bố. Chàng ngạc nhiên thấy đồ đạc được sắp xếp gọn gàng. Lại có thêm mấy gói Ruby xanh. Chưa kịp tháo đôi giày ra thì Trung sĩ Trương Xuân Thu đi đến, đưa cho chàng một bao thư dán kín.

- Cửa ai đó anh Thu?

- Cửa cô Loan đó Trung Úy. Mấy ngày thăm quyền đi hành quân, cổ hay tới đây, nấu nướng ăn uống một mình và dọn dẹp đủ thứ. Cách đây hai ngày, cô đưa cho tôi cái thư này nhờ tôi trao lại cho Trung Úy. Rồi hông thấy cô tới nữa.

Anh thương mến,

Chắc anh hông ngờ là em viết được những dòng chữ này? Con Tư Ẽn hay con Lon trào đờm ngày nào bây giờ đã thoát xác rồi, phải hông anh?

Lúc anh đi khỏi Cái Bông, chừng hai tháng sau là em thấy người em lạ lùng. Em bù trát, ngu dốt lắm. Em đâu biết là mình đã có chữa. Tới chừng Sáu em biết được, ông nổi lồi đình, ông đánh em một trận gần chết cha mẹ tổ. Em biết rồi đây em cũng hông thể sống ở làng được. Dân làng họ sẽ rêu bểu người con

gái chưa hoang. Đêm đó, em tóm gọn quần áo. Em bỏ nhà trốn đi như một con điên.

Em lang thang ở chợ Bến Tre hơn nửa ngày. Em sợ lắm. Em biết đi đâu bây giờ? Sự nhớ tới dì chín Mạo, bà con họ xa với Má em, ở Vang Quới. Em đón xe về Bình Đại, xuống xe Vang Quới, em hỏi thăm lần nhà đi, tính xin đi ở nhờ. Tối gần chiều tối, em mới tìm được nhà. May hôn, đi ở có mình ên. Con cái đi làm xa. Mới đầu em hông dám nói cho đi biết là em có bầu. Sợ đi biết đi tống em đi. Em chỉ nói là em gây lộn với Sáu em. Ông giận ông đuổi em đi. Em ở đó chừng một tháng, em thấy đi coi bộ cũng thương em, cần em để hủ hí với đi. Tối chừng đó em mới thú thiệt. Đi chỉ chửi em: "Tổ cha mày, đồ con gái đĩ ngựa, mê trai" rồi thôi.

Mang cái bụng bầu, em đi làm thuê làm mướn để sống qua ngày. Lắm khi ngồi làm cỏ mướn trong vườn vắng lặng, em thầm khóc một mình. Bây giờ anh ở đâu? Có biết tên anh đâu mà kiếm anh? Bụng mang dạ chứa em sống cu ki? Sao em khổ thế này? Mai đây em sẽ sanh đẻ ra sao? Rồi làm sao nuôi con? Rắc rối quá, em khóc và hi ướt cả cánh tay áo.

Tối ngày sanh, em đành bán sợi giây chuyền để có tiền trả cho bà mụ vườn. Dì chín Mạo cũng tốt bụng, chăm lo cho mấy ngày đầu em đẻ. Rồi đầy tháng, em cũng lết đi làm để có chút dính tiền, mong ăn uống khá hơn để có sữa cho con bú. Dì chín nhắc em ra làng để làm khai sinh cho đứa nhỏ. Vì là con hông cha, nên làng bắt phải khai họ mẹ. Em đặt tên con là Trần Anh Thương, để mãi nhớ tới anh. Anh có quên hôn? Lúc khuya đó, ở sau chòi, em nói là em sẽ đẻ cho anh đám con và sẽ đặt tên là thằng hai Thương, thằng ba Anh, con tư Quá, thằng năm Trời. Bà mụ mát tay mà thằng nhỏ cũng dễ nuôi, mau số sữa. Những khi em đi làm hơi xa nhà, hông về kịp cho nó bú. Dì chín quậy nước cơm với đường tán cho nó uống, vậy mà nó cũng uống ừng ực. Gặp em là nó mừng quỳnh và cười hăng hắc.

Có cô bạn cùng làm cỏ mướn rủ em lên Sài Gòn làm thợ ở mấy hãng xưởng có tiền hơn. Nhưng kẹt thằng Thương còn nhỏ quá em bỏ con đi hông đành. Hơn nữa dì chín có chịu nuôi nó hôn. Em tính khi nào thằng Thương biết đi lấm dẫm, em dứt sữa

nó, em sẽ năn nỉ đi chịu khó coi sóc thằng nhỏ. Em lên Sài Gòn làm cố tiền đem về cho đi nuôi con dùm em.

Cố lẽ Trời Phật phù hộ cho em và con, anh à. Dĩ chín cũng thương thằng Thương, tối ngày hai bà cháu quẩn quít nhau. Ngày em bỏ con đi lên Sài Gòn làm việc, hai mẹ con ôm nhau, em khóc ngất. Bỏ nó ở lại, em như đứt ruột vì nó là máu mủ của anh. Anh ơi! Em thương nhớ con và nhớ anh lắm. Biết tìm anh ở đâu? Em thậm vái cố ngày Trời còn thương em, sẽ cho em gặp lại anh.

Những ngày đầu tiên ở Sài Gòn em lạ nước lạ cái, hông biết gì hết. Con nhỏ bạn có người quen xin được việc làm trong hãng dệt ở Thị Nghè. Em với nó mượn một chái nhà cũ, ọt ẹp gần trường tiểu học Thạnh Mỹ Tây. Hai đứa nấu cơm ăn chung nhau, cũng chỉ là rau muống chấm tương chao, trứng vịt, đôi khi là cá mèi hộp, nhưng còn đỡ hơn ở dưới quê... Em dành dụm được chút ít. Hàng tháng em về Vang Quới đưa tiền cho dì Chín và thăm con.

Lần hồi em mua chiếc xe đạp, tập chạy và đi được đây đó. Chời ơi! Sài Gòn sao mà rộn rịp. Phố phường đông đúc. Thật là một đời sống an bình. Biết kiếm anh ở đâu giữa rừng người ồn ào náo nhiệt, hở anh?

Phong trào văn hóa bình dân nở rộ. Tụi bạn rủ đi học lớp đêm miễn phí ở bên Gia Định. Từ nào giờ Tư Ân này cố biết gì, một chữ căn làm hai hồng bẻ, nên nghe nói được đi học miễn phí, em liền theo các con nhỏ bạn ghi tên học. Đêm nào cũng vậy, cả toán tụi em, bốn năm đứa, đạp xe từ Thị Nghè đến ngã ba Hàng Xanh theo đường Ngô Quyền qua Gia Định. Đi học như vậy em thấy vui vẻ, đỡ nhớ thằng Thương và anh.

Thầy giáo khen em sáng dạ. Học tới đâu nhớ tới đó. Mấy nhỏ bạn thấy vậy súi em học nhảy. Kỳ đầu em học nhảy hai lớp: năm, tư. Năm sau ba lớp: ba, nhì, nhất. Đến bậc trung học em học một năm hai lớp: đệ thất và đệ lục, đệ ngũ và đệ tứ. Em học kịp những đứa bạn đã học trước em hai năm. Có lần lớp đêm phải nghỉ học vì đảo chánh lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Sau đó, em có ghi tên học tư thêm lớp đệ tứ để luyện thi Trung Học Đệ Nhất Cấp. Có bằng cấp thì đi làm khá lương hơn, phải hôn anh? Nhưng có lẽ vì học nhảy quá nhiều, em hông có căn

bản nên bị trượt vó chuối. Mà cũng phải, chỉ lo học tử và gạo hông thì làm thế nào mà giỏi được, trở thành bùi kiệm thôi. Em buồn quá, bỏ học luôn.

Khi không khi không đưa đẩy em làm sờ mỹ ở Long Bình. Cũng là do mấy đứa bạn rủ ren, cho là làm ở đó khá và nhàn nhạ hơn. Nóng lòng làm việc có tiền nhiều để nuôi con sau này, em đi theo tụi nó. Sau những đợt làm giấy tờ và kiểm soát lý lịch kỹ lưỡng, em được nhận. Buổi sáng và buổi chiều xe buýt đưa đón ở Ngã ba Hàng Xanh. Công việc cũng hông có gì khó khăn và cực nhọc: chỉ là quét dọn, làm sạch sẽ những căn phòng của các binh sĩ. Dãy trại làm bằng gỗ, có nhiều phòng cho các người lính. Mỗi phòng nhỏ, vừa đủ cho một cái giường, một cái bàn và những món đồ lặt vặt mà em hông biết là những thứ gì.

Chàng sĩ quan Mỹ kỳ lạ, cứ đeo bám em như đĩa đói. Mọi đầu em tưởng ông ta chỉ giúp mình như mọi người khác, nhưng hông, ông ta lo cho em mọi thứ thật đáng hoàng vậy đó. Đưa em từ chỗ làm ra đến công; rồi sáng, đứng chờ từ công chờ em đến chỗ làm. Hông hiểu làm sao ông biết được ngày sanh của em. Đến ngày đó ông mua tặng em một phần quà. Và kết quả, sau những tháng đeo đuổi em, em biết ra Biu cũng yêu em một cách tha thiết. Rồi tụi em đã sống chung với nhau như vợ chồng.

Nhưng em đâu biết rằng mấy người bạn em từ đây nhìn em với con mắt khác. Tụi nó bắt đầu ít chơi thân với em. "Thứ đồ lấy Mỹ" là giọng nói thường thường em nghe thấy. Xã hội đã ruồng bỏ, khinh khi em, cho em là hạng gái vô học, chạy theo vì mê đồng đô la xanh, đô la đỏ. Họ cho những người lấy chồng mỹ là hạng gái mặt rệp. Mà thực ra, cũng có những người lấy chồng mỹ có tình bòn rút, thậm thụt buôn bán chợ trời đủ thứ. Chiều nào ở chợ Tam Hiệp cũng ồn ào náo nhiệt bán đủ các mặt hàng chui từ căn cứ Long Bình ra. Họ còn cố tình tạo ra những tiếng ba rọi để khi dễ các bà mẹ Mỹ. "Ai đồng nai tổ bị chọt" (I don't like to be touched) là thứ tiếng em thường nghe thấy khi họ trêu ghẹo các cô gái bán ba.

Nhưng Biu rất thương em và càng chăm sóc em như một người chồng tốt. Em nghĩ như vậy là cũng đủ cho em. Em là cô gái quê nghèo nàh mà giờ đây được ám no là hạnh phúc lắm.

Cuộc sống em dư dả nhờ Bui cung cấp cho em mọi thứ. Em đem về di chín để nuôi Thương được đàng hoàng hơn.

Từ khi có bầu thằng Ken, em hông cho di Chín biết là em có chồng Mỹ. Di tin rằng em đã lấy chồng Việt Nam. Di nói mai một mảy đừng bỏ thằng Thương cũng đừng dẫn nó theo mảy. Di sợ mất nó. Nhiều khi lâu quá em hông về, thằng Thương nó nhìn em trôn trôn và còn làm mặt lạ. Anh ơi, biết làm sao bây giờ? Con hông cha mà mẹ ít khi ở gần. Có thể lớn lên nó hông nhìn em quá.

Sau khi đẻ thằng Ken, rất lâu em mới về Vang Quới một lần. Gởi con lai rất khó. Ít có ai chịu giữ con lai. Họ lấy cớ là cái thứ đồ lai khó nuôi, khó dạy, hay phá phách... Tìm được người coi chừng thằng Ken một ngày, chạy về thăm thằng Thương rồi lên liền chớ đâu có dám ở lâu để nựng nịu nó, chơi giỡn với nó. Bui được đổi về Long Khánh. Bui muốn em phải hông con theo. Tụi em mượn một căn nhà ở đầu sân bay gần chỗ Bui làm việc. Cách đây mấy tháng, chồng em bất thành linh được chuyển về Bến Tre. Nghe thấy thế em sợ lắm. Em nói với anh xin đi chỗ khác đi, đừng về đó. Ai cũng nói Bến Tre là cái ổ VC, anh cũng biết mà! Nhưng Bui nói để anh về quê hương em cho biết. Thế là chồng em nhứt quyết đi. Và còn dặn khi nào yên chỗ, Bui cho hay, em hãy bông thằng Ken xuống.

Hai tháng trôi qua. Mất tin tức Bui. Em hết tiền. Biết mần gì để mà có tiền nuôi hai mẹ con. Gái lấy chồng Mỹ lại dốt trắng, đâu có nghề nghề gì. Đường cùn, em xin đi bán ba. Những quán đó là nơi xô bồ xô bộn. Phần đông khách vô ăn nhậu đều tưởng gái bán trong tiệm đều là gái điếm hay loại hư hỏng. Họ giả bộ ngà ngà say bốc hốt sàm sỡ: xoa xoa lưng, sờ sờ đít, bóp bóp vú, ngất nhéo má... và ăn nói bộp chộp, lỗ mãng, trây trúa. Nhậu đã đời, họ còn cà chớn hỏi có đi hôn? Nhứt là mấy tay ba sồn ba sứt, hay giả khủi để. Khi mềm môi, hông hiểu có sướng ích gì mà hai tay họ bươi móc còn liều linh hơn, cứ tìm mấy chỗ hiểm hóc mà mò mà thọc riết tới? Em biết làm sao? Chỉ cười nói và lả và ngậm đắng nuốt cay để có tiền nuôi con. Hơn năm tháng rồi em chưa về thăm thằng Thương. Tội nghiệp cho con em. Hai đứa bây giờ biết thương đứa nào bỏ đứa nào.

Gặp lại anh, em vừa mừng vừa tủi. Mừng là gì mấy năm nay cố gắng tìm anh để cho anh biết là mình còn có đứa con. Tủi là gì em hông còn xứng đáng với anh nữa. Em đã có chồng khác, người chồng Mỹ và một đứa con lai. Mấy hôm anh đi hành quân, một mình em ngồi ở lều trống vắng, em tủi thân em khóc và hông còn hy vọng gì ở mãi với anh. Anh còn có gia đình và em còn có Biu và Ken, nên em quyết định đi về Bến Tre tìm Biu. Chỉ xin anh một điều: Anh ráng lo coi sóc thằng Ken dùm em độ mười ngày. Khi tìm được Biu, em sẽ quay trở lại thăm con đi theo. Con Lon trào dờm thương anh hoài vậy đó.

TB. *Nhờ Trung sĩ Thu, nên em bây giờ mới biết tên anh. Anh Xuân của em. Anh có biết là anh mất cái áo sơ mi sọc rằn lúc ở Mỹ Nhiên hông. Tay em đã lấy đó. Nếu sau này, có dịp thăm con ở Vang Quới, anh hỏi đi Chín Mạo. Đi sẽ đưa cho anh cái áo đó.*

Mấy ngày sau, ngày nào Xuân cũng tới thăm Ken. Thằng bé thấy chàng cũng quần quít. Nhưng chàng nghĩ hông thể kéo dài tình trạng như thế này mãi. Rủi bất thành linh, Xuân bận hành quân xa, lâu ngày, người chủ nuôi họ sẽ đem cho Ken vô cô nhi viện, hoặc bán hay cho ai đó. Nên sau khi năn nỉ chị Hiền ráng trông coi Ken một thời gian, chỉ đồng ý. Chàng đón Ken về đại đội.

Ở đại đội kêu nó là thằng Mỹ lai, chớ hông kêu tên. Tối ngày nó lẩn quần bên mấy người vợ lính, chọc phá, bươi móc đồ đạc, nhứt là moi mấy cái vớ hôi rình trong mấy đôi giày thúi hoắc. Nhiều khi họ la om sòm nhưng hông dám đánh nó. Một thời gian sau, chị Hiền tính trả nó lại cho Xuân. Chỉ sắp sửa lấy chồng ở trong rẫy xa. Còn Loan đi đâu tới giờ hông thấy trở lại? Chỉ còn có một cách là đem nó về sống với gia đình. Người thư ký đại đội đã xuống quận Xuân Lộc làm khai sanh cho Ken, khai bót đi hai tuổi...

(Trích trong Trăng Suông)

Quân Y Sĩ Nhảy Dù Khoá 21 Hiện Dịch

Phan Ngọc Hà

Kính thưa quý niên trưởng và các bạn,

Để góp ý với anh Tổng Viết Minh về truyện ngắn *Đôi Mắt Phượng* của ông Nguyễn Đạt Thịnh nhiều lần xuất hiện trên internet và các diễn đàn Y khoa, tôi, với tính cách là một Quân Y sĩ thuộc khoá 21 Hiện Dịch xin được trình diện trước quý vị các Quân Y sĩ Hiện dịch thuộc Khoá 21, đã một lần hiên ngang "*xem cái chết nhẹ tựa lông hồng*" khi tình nguyện đầu quân về Sư Đoàn Dù vào những năm cuối cùng của cuộc chiến. Vì danh dự, chuyện "*thanh minh thanh nga*" này lẽ ra là việc mà các Quân Y sĩ về Tiểu Đoàn Quân Y Dù phải làm, nhưng có lẽ như người Pháp vẫn nói "*cái tôi đáng ghét*" (le moi est pire), nên tôi, một Quân Y sĩ Bộ Binh sẽ khách quan hơn khi đề cập đến các bạn *Nhảy Dù Cố gắng*.

Và đây...

Các Quân Y sĩ Hiện Dịch tốt nghiệp năm 1974 về phục vụ ở Sư Đoàn Dù

1-Châu Hữu Hầu- Nguyên là một SV trong Ban Cán Bộ của TD SVQY trong Hệ Thống Tự Chỉ Huy của Trường Quân Y, hiện giờ là một giám đốc bệnh viện tư nhân ở Đồng Tháp, khá thành công về mặt tài chánh và rất nhiệt tình đón tiếp bạn bè từ ngoại quốc về thăm quê hương.

2-Nguyễn Văn Liêm, là y sĩ trưởng của một tiểu đoàn Dù tân lập, giờ thứ 25 vẫn còn chiến đấu với các binh sĩ Nhảy Dù trên Xa lộ Biên Hoà. Người rất tử tốn, học khá giỏi, đậu phần chuyên môn ECFMG vào năm thứ 6 Y khoa ở VN. Hiện đang sống ẩn dật đầu đó ở Houston, rất ít tiếp xúc với bạn bè

3- Trương Văn Như, người rất chịu khó, làm nhiều việc để kiếm tiền ngoài giờ học, ca cải lương rất mùi với bài "*Năm Con Vợ*" nên có nick name là *Như 5 vợ*. Hiện làm phòng mạch đất khách ở vùng Orange County đã cùng với Nguyễn Chi Vỹ,

Hội Trường hội Tây-Sơn Bình Định (cũng là QYSĩ K21 HD) đóng góp số tiền khá lớn để xây tượng đài Vua Quang Trung ở vùng này.

4- Trần Duy Thanh, tự là "*Thanh kều*" vì tầm thước khá cao, giỏi nhiều môn thể thao, nhất là bóng bàn, đã một lần vô địch bóng bàn ở Trường Y khoa (1973), đã cùng với danh thủ Trần Thanh Nhơn, Nguyễn Chi Vỹ và *Dũng "gù"* mang cúp vô địch bóng bàn do Tổng Cục Quân Huấn tổ chức vào năm 1973 về cho TQY, hiện "*Thanh kều*" đang định cư ở Australia

5- Nguyễn Văn Thạnh, biệt danh *Thạnh đen*, người duy nhất trong 7 QY Sĩ của Khoa 21 HD về SĐ Dù lập gia đình vào năm cuối ở Trường Quân Y. Định cư ở Canada vào năm 1975, có ECFMG từ VN, khá thành công ở một BV ở Montréal. Người vợ tào khang đã mất khoảng hơn 10 năm trước, rất thương vợ nên Thạnh chỉ mới tục huyền từ vài năm nay.

6- Nguyễn Xuân Thiều, một trong những SV cán bộ trong Hệ Thống Tự Chi Huy, người sống rất nề nếp (được anh Phạm Gia Cồn khen là người giữ kỷ luật trong ngày cuối cùng ở mặt trận Phan rang), đã đi vào lòng đại dương trong chuyến vượt biển tìm tự do. Xin bạn Thiều yên nghỉ trong cõi vĩnh hằng

7- Nguyễn Văn Thịnh, có nick name là *Thịnh con* hay *Thịnh "đui"* vì bạn mang kiếng cận thị và cũng để phân biệt với Lê Vĩnh Thịnh hay Thịnh "*diên*", Thịnh "*diếc*" (ngày nay đã hết diếc nhờ sự tân tiến của ngành y khoa Hoa Kỳ); người bạn vẫn còn ở cầu Sài Gòn trong ngày 30 tháng 4 năm 1975, chạy vào BV Nguyễn Văn Học, khu nội trú SV để thay bộ quân phục vì không nỡ vứt chiếc áo hoa với băng nhảy dù với hai bông mai đen trên cổ áo và con rắn vàng trên băng tên trên lễ đường chạy loạn. Sau này Thịnh vẫn rất lưu luyến cái áo hoa dù nên may cho cậu con trai chừng 5 tuổi chiếc áo hoa với đầy đủ băng Dù (rất đáng tiếc, cậu quý tử đã già từ chúng ta rất sớm ở tuổi mới vào đời).

Những quân y sĩ trẻ nhất của SĐ Nhảy Dù tốt nghiệp năm 1974 không có người nào có hoàn cảnh giống như nhân vật Trần Quang của ông Nguyễn Đạt Thịnh đã tượng tượng và viết ra khi hư cấu truyện ngắn *Đôi Mắt Phượng*.

Ngoài ra cũng để rộng đường dư luận, cho sự biện bạch về sự nhầm lẫn, tiện đây tôi cũng xin kể đến quý danh của bốn vị

đàn anh của Khoá 20 QYHD chọn về SĐ Dù: Phạm Ngọc Ân, Nguyễn Kiêm, Nguyễn Tấn Trí, và Lê Văn Nhân với những thành tích của họ trong những ngày cuối cùng của chiến cuộc và những ngày sau đó, Sờ dĩ tôi nêu tên các đàn anh khoá 20 ở đây vì ngày họ chính thức đi vào cuộc chiến là đầu năm 1974 mặc dù họ đã tốt nghiệp Y Khoa từ cuối năm 1973 vì nhân vật của ông Nguyễn Đạt Thịnh trong truyện Đồi Mắt Phượng xưng là SVQY ra trường năm 1974.

1- Phạm Ngọc Ân khi còn ở Trường Quân Y là SV Tiểu Đoàn Trưởng (SV Trưởng Tràng) của Trường Quân Y niên khoá 1972-1973, người được Trung Tướng Chủ Toạ và Y Sĩ Đại Tá Chi Huy Trường gán cấp bậc y sĩ trung úy trong buổi lễ mãn khoá. Thông thường trong các buổi lễ mãn khoá ở TQY, tân sĩ quan được hân hạnh nhận cấp bậc từ vị tướng chủ toạ không phải là SV Thủ Khoa mà là SV Trưởng khoá vì cho đến ngày làm lễ mãn khoá các tân sĩ quan còn phải qua một lớp hành chánh Quân Y và một khoá ngắn về cấp cứu hồi sinh nên TQY vẫn chưa đủ dữ kiện để xếp vị thứ. Anh Ân đã được di tản cùng với gần một Lữ đoàn Dù vào ngày cuối cùng của cuộc chiến ở bờ biển Vũng Tàu. Hiện khá thành công trong nghề nghiệp ở Mỹ.

2- Nguyễn Tấn Trí, người vẫn làm phòng mạch và vẽ tranh lụa để trợ giúp Thương phế binh và nạn nhân của vườn rau Lộc Hưng, ở Sài Gòn.

3- Nguyễn Kiêm tự là Kiêm "máu" (hay *Kiêm Thiếu Máu*) từ bài thơ **Chiều Thiếu Máu**

<http://www.svqy.org/chieuthieumau.html>

Ngày cuối tháng 3/1975 Nguyễn Kiêm ra trình diện đơn vị sau mấy ngày phép ngắn ngủi thăm gia đình, và rồi người Y Sĩ Trưởng Tiểu Đoàn 2 cùng với Lữ Đoàn bị kẹt lại ở Khánh Dương. Vỡ trận ở Khánh Dương đã mò về được Nha Trang, vào làm việc tại một Bệnh Viện ở Nha Trang cùng với anh Nguyễn Lạc Thái, Bác Sĩ Tiểu Đoàn Phó TB 22QY. Vì thiếu bác sĩ nên VC cho các quân t sĩ của VNCH tiếp tục công tác điều trị bệnh nhân, nhưng vài tháng sau phe chiến thắng đã bắt các sĩ quan của VNCH phải trình diện và vào trại tập trung. Anh Thái phải mất vài năm trong trại, riêng Nguyễn Kiêm phải trốn gần 2 năm trên căn gác nhỏ của người quen, nằm tưng **Harrison's Principales of Internal**

Medicine và với trí nhớ rất tuyệt vời anh rất có căn bản về ngành nội khoa. Sau này vào Sài Gòn lang thang ở chợ trời thuốc Tây để kiếm tiền nuôi vợ, nuôi con. Anh xin được làm ở khoa cấp cứu BV Sài Gòn và bác sĩ điều trị BV Việt Pháp (BV tư của người Pháp). Hiện anh đã về hưu và cuộc sống nghe đâu khá vất vả, tuy nhiên mỗi lần gặp bạn bè anh vẫn giữ tiếng cười rất lớn và rất đặc biệt với châm ngôn "*sống như Lý Bạch*" mà anh đã viết trong quyển kỷ yếu của Khoá 20 QYHD

4- Anh Lê Văn Nhân, biệt danh *Nhân Oshawa*, là một cựu học sinh Taberd, một sinh viên Y Khoa xuất sắc, tính tình điềm đạm, người tự khép mình vào khuôn khổ, sống như một thầy tu, rất tận tụy với bệnh nhân thực hành nghiêm chỉnh lối dinh dưỡng Oshawa, dáng người mảnh khảnh, đi đứng nhẹ nhàng như đang đi trong sương trong gió. Ngày tình nguyện về Tiểu Đoàn Quân Y, Sư Đoàn Dù anh đã gây nhiều ngỡ ngàng cho anh em đồng khoá và làm mất cơ hội "*tung mây lướt gió*" của Nguyễn Mạnh Tiến (*Tiến đế*), khiến *Tiến đế* đành phải làm người hùng ở Liên Đoàn Biệt Động Quân biên phòng.

Sau khi *trả nợ* vì những năm binh nghiệp trong trại tù VC, anh được làm việc ở Phòng Y Tế Quận 8, Sài Gòn và đã quá vắng từ nhiều năm trước. Xin anh Nhân yên nghỉ trong cõi an bình.

Đến đây thiết tưởng đã đủ chứng minh rằng câu chuyện *Đôi Mắt Phượng* chỉ là một hư cấu và nhân vật Trần Quang trong câu chuyện không phải là nhân vật có thật trong hàng ngũ Quân Y sĩ của Tiểu Đoàn Quân Y Sư Đoàn Dù, nhưng vẫn còn thừa chút giấy nên người viết xin kể nốt quý danh của các Quân Y Sĩ Trung Tập Khoá 16. Họ tốt nghiệp năm 1973 từ Y Khoa Đại Học Sài Gòn và Huế và vào Quân đội VNCH năm 1974 về phục vụ ở Sư Đoàn Dù vào năm 1974. Vì người nào đó ***khí post câu chuyện Đôi Mắt Phượng đã không ngần ngại viết lên rằng: Đây là câu chuyện có thật.*** Các Quân Y Sĩ trung tập có mà tôi sắp kể tên có thể không liên quan đến câu chuyện nhưng vì họ thật sự phục vụ trong Sư Đoàn Nhảy Dù từ năm 1974 (danh sách này có thể còn thiếu) nên xin được mạo muội kể ra:

1- Nguyễn Văn Thắng (*Thắng Nghe*), hiện định cư ở Hoa kỳ

2-Nguyễn Thanh Liêm (*Liêm show*), người mà câu chuyện vượt thoát từ Khánh Dương còn hấp dẫn hơn chuyện vượt ngục của Papillon; khi về Sài Gòn đã được Lữ Đoàn Trưởng Bùi Quyền đích thân đưa xe đến nhà rước vào trại để mổ một con bò khao quân. Anh Liêm đã vừa từ giã cuộc chơi trần thế

3-Bùi Cao Đăng cũng đã yên nghỉ ngàn thu

4-Vĩnh Chánh đang định cư ở Hoa Kỳ, thỉnh thoảng vẫn đóng góp các bài hồi ký

Tập thể nào hoàn mỹ đến đâu vẫn có vài con chiên ghè, qua cuộc bể dâu. Có người vì háo thắng đã có lần quên liêm sỉ, tận tụy với chế độ cai trị được phong hàm Giáo Sư, nhưng nhìn chung xưa nay, lúc nào tôi cũng ngưỡng mộ các Quân y thuộc Sư Đoàn Dù vì họ đã làm những việc mà tôi chưa làm được. Ít nhất họ đã hơn tôi cái bằng Nhảy Dù. Họ đã có vài giây rơi tự do, mấy phút lơ lửng trên *không gian còn vương giáu dầy*, và bị dù lôi khi đôi chân vừa chạm mặt đất, nhất là những Quân Y sĩ trẻ, những sĩ quan ưu tú của QLVNCH không thể hèn hạ bám váy vợ, như sự tưởng tượng của ông Nguyễn Đạt Thịnh.



Thơ

Lê Anh, K28

Con Chốt Cũ Xứ Người.

Con chốt cũ qua sông bờ ngõ
Khi dòng đời đổi mới, thay tên
Ta từ đây bắt đầu làm lại
Học làm người bên phố hoa đèn

Những nắng mưa của thời xưa nhớ
Nghe thời gian ở tận chân mây
Ta giữa phố, nhà cao mây thấp
Thấy gì đâu xứ lạ mỗi ngày

Con chốt đã hay con chốt bị
Cả hai đều có tương tự nơi
Thời thế vậy nên người xưa nói
Tâm sinh vật thì vật theo người

Ta vốn chỉ là thân con chốt
Cuộc sống thường nặng một bẻ dâu
Xứ người lạ. Ta thời mặt vắn
Tìm cái vui trong chỗ bên nhau

Sáng đi. Chưa thấy mặt trời mọc
Ngậm ngùi sao thiên hạ cũng là
Chiều từ sở về trời xạm tối
Một nẻo ngày quen giống như ta

Tháng tư đến. Ta ngồi bóc lịch
Tượng, xe, pháo, mã... ở trong tù
Ta chốt cùn ngồi nghe hết chuyện
Mới thấy đời phận đủ hẩm hiu

Tháng tư đến nỗi buồn không nói
Tóc xanh nay héo úa thành màu
Tuổi mau chóng già lên muối bạc
Biết còn chờ đợi được bao lâu?!

Ta sông núi buồn ngày đi tản
Lớp người lam lũ chạy đằng sau
Mắt hướng trông vời nơi cổ quận
Mà mờ năm khuất bóng cây cao

Ta mây nước buồn mùa thương nhớ
Cơn gió xua ngày bão tố rơi
Trong nắng chiều xưa vàng cây cỏ
Có người con gái đã qua đời

Ta con chốt - thân cùng cát bụi
Bọt bèo trôi đi luống dậm đường
Non nước ngẩn ngơ màu nước bạc
Ta về thành phố mắt còn vương

Ta ty nạn xứ người quạnh vắng
Đời xôn xao nỗi nhớ lạ thường
Cả một trời mơ giờ bỏ lại
Một tình yêu cũ hay vết thương

Năm tháng nào còn nhiều thôn thức
Ai như nắng ấm buổi thiếu thời
Mây trắng phương trời kia, viễn xứ
Thu tàn còn mãi lá thu rơi

Lá vàng ơi, có rụng về cội
Ta vẫn chờ em ở cuối thu
Chiều qua ghềnh đá nhìn nước chảy
Đất mẹ nào trôi khuất mặt mù

Ta thấy chiều nay - người thăm lạnh
Tinh trong con lốc của giao mùa
Gió tạt sương đời lên da thịt
Sầu gieo muôn thớ hạt mầm đau

Ta con chốt cũ nơi xứ người
Nỗi mừng ngắn ngủi những lúc vui
Nỗi đau xanh cỏ như ngày đến
Tiếc gì thêm nữa tuổi xế chiều.

Chiếc Áo Rách.

Bị bỏ nằm một góc
Len lén nhìn người qua
Nằm nơi khuất nhất trong nhà
Bâng khuâng tự biện bạch
Mình bị quên lãng
Cho đến một ngày
Tôi lục lạo tìm áo
Chiếc áo đã rách, không ai vá
Mà vá làm chi nữa
Cuộc đời riêng mình đã không như ý
Nó nát như chiếc áo rách
Thì dầu có vá lành
Cũng chỉ là mặc tạm khi cần
Những bất hạnh trong đời

Chỉ có quên đi như quên chiếc áo rách
Tôi tìm mãi chiếc áo mới giống như cũ
Nhưng không bao giờ còn nữa...

Em Đến Thăm Rừng.

**Nhớ những ngày tù ở Phước Long.*

*Những con sông lạ hoắc tên
Rừng hoang chưa một lần quen nơi này
Vây mà lại có mặt đây
Mai về nhớ lắm những ngày còn bên*

*Xuôi chân xao động lá mềm
Nỗi buồn xiêu tán hẳn thêm lạc loài
Gặp nhau chỉ giữa lưu đày
Em lên rừng rú dấu bày mộng sau*

*Tình riêng xót cảnh nghe đau
Bến mơ hẹn muộn nhạt màu nguyên trinh
Em mang kỷ niệm một mình
Bóng soi xuống mặt nước hình hài xưa*

*Lưng trời bụi nắng hôn mưa
Mây ngang núi hẹn hò chưa cuối ngàn
Em đi hoa cô héo tàn
Cây im lá thấp nghe tan tác rừng.*

Thăm Nuôi Tù.

*Gặp nhau nơi đây
Chỉ biết hôm nay
Nỗi mừng run lên tiếng nấc
Vui vì địa ngục mở cửa*

Ta nhìn nhau quên cả thời gian
Nói chỉ những điều không cần
Thiên đường long lanh nằm trên má
Nhưng nó hiện hữu kéo dài
Bởi vì hàng rào kẽm gai
Làm cho mọi thứ trở nên thế giá
Và dào nghĩa ...

Rồi thời gian đọng lại
Nhà thăm nuôi chật người
Ánh mắt nói nhiều điều muốn nói
Nụ cười pha lệ trên môi
Nét mặt ai như còn tiếc nuối
Giờ chia tay chỉ biết lưu luyến
Bước chân ngập ngừng
Nỗi lòng kéo dài hơn sự im lặng
Vì địa ngục tới giờ khép cửa.

Tháng Tư Nắng Mưa.

Tháng tư vỡ những mảng đời
Đất nghiêng lệch tiếng khóc cười qua trang
Mây tầng xám một trời gần
Bước chân lạ dấu cảnh tan phố người

Tháng tư về những nỗi đời
Ngày ru còn chỉ một lời dỗ vui
Tháng tư khoát áo ngậm ngùi
Thân xương hồn lạnh hắt hieu giọt bà

Tháng tư sạm mặt bóng gầy
Mộ bia trơ bãi sầu ngây ngất nhiều
Ngày lên thành phố rong rêu
Nắng không đủ ấm vàng xiêu xuống chiều

Tháng tư này nữa tịch liêu
Tiếng chim vỗ cánh xa kêu từ ngàn
Bước chân mây đã có lần
Đốc đời nặng trĩu phù vân mặt người
Dặm sầu đọng lại hồ người
Tình xanh như lạc mất nơi cuối mùa

Tháng tư trang sử về đâu?
Mấy ai còn nhớ đến màu thời gian
Núi sông hồn lếch xa gần
Chân trời hện lại sương ngàn giãng ngang.



Câu chuyện “ Cá tháng Tư ”

LƯƠNG Y NHƯ...TỪ MẪU

*Bác sĩ Phương Vũ
Võ Tam Anh*

Sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, nhân dân Miền Nam Việt Nam lâm vào một tâm trạng hoang mang tột độ, mịt mù trước tương lai, lo âu cho cuộc sống hằng ngày. Tại Bệnh viện Vĩnh Long, mặc dầu tôi đã không còn trách nhiệm gì nữa mà anh chị em nhân viên cứ bám lấy tôi để dò hỏi, làm như tôi có phép màu nhiệm gì để giải tỏa được những thắc mắc đang quay cuồng trong trí óc mọi người.

Những người thay thế tôi cố sửa đổi bộ mặt của bệnh viện bằng cách cho sơn vẽ khắp nơi những khẩu hiệu cách mạng mới, mà đặc ý nhất là câu "Lương Y như Từ Mẫu", không biết lược được ở đâu, mà cứ nhan nhản khắp nơi, từ ngoài cổng, cầu thang, hành lang cho đến phòng thay áo, nhà tắm... như cố nhét vào đầu óc mọi người để tranh thủ cái độc quyền đạo đức nhân từ mà chỉ riêng người thầy thuốc cách mạng mới xứng đáng với hai chữ lương y.

Một hôm, tôi bước vào phòng trực y tá để thăm hỏi, thì thấy anh chị em đang quây quần tán gẫu, lẽ tất nhiên cũng không ngoài đề tài số một là gạo com lương bổng sẽ ra sao. Bên cạnh là bàn thờ tổ quốc, một thứ trang trí mới trong tất cả các phòng, bất luận là chuyên môn hay hành chánh, bên trên vẫn là cái câu nhân từ bất hủ đó. Một nữ hộ sinh chỉ vào khẩu hiệu, ngao ngán bảo với tôi: "Ông Thầy biết không, chúng em bị một phen mừng hụt vì nó đấy", rồi lăm lét nhìn ra cửa, nói tiếp: "Chiều nay khi mấy chú cán bộ vào kẻ khẩu hiệu, khi ngang tới chữ "Lương y như..." chúng em mừng quá reo lên vì cứ tưởng là lương y như tháng trước, không ngờ nó lại là như... từ mẫu!".

Thế rồi vì không hiểu duyên nợ nghề nghiệp gắn liền hay đạo đức cách mạng chu đáo lo cho chúng tôi mà các bậc từ mẫu

đó, tuy khoác áo lương y nhưng lại cư xử theo tư cách một... cai ngục, đã đeo đẳng mãi chúng tôi trên suốt đoạn đường dài "cải tạo".

Sau những năm dài da diết trong rừng sâu Sơn La, trên biên giới Hoa Việt, cuối cùng, vì có chiến tranh với Trung quốc, chúng tôi được áp tải về một trại giam gần Hà Nội, một trại giam "kiêu mẫu", một thứ "cây kiềng" để chế độ trình diễn chính sách khoan hồng nhân đạo với thế giới bên ngoài. Trong cái tù kính bày hàng đó, lẽ tất nhiên sẵn sóc sức khỏe cho tù là "ưu tư hàng đầu" của Ban Giám Thị và vị lương y phải được đóng vai kép chính.

Trại Nam Hà, cách Chùa Hương không xa, được thời cuộc nâng lên hàng danh lam thắng cảnh để cho quan khách ngoại quốc lui tới viếng thăm, từ Hội Ân Xá Quốc Tế, báo chí Tây phương, các nghiệp đoàn cộng sản Pháp cho tới cả "đồng chí" Chandra Chủ tịch Hội Đồng Hòa Bình Thế Ggiới v.v... Từ trại nhìn ra, cảnh đẹp như tranh, xa xa những núi đá vôi nhỏ nhỏ, đủ hình đủ dạng, nổi lên trên một mặt nước phẳng lì thơ mộng trông như Vịnh Hạ Long. Cái mặt nước phẳng lì hiền hòa đó, không ai ngờ là một thứ hàng rào thiên nhiên vô cùng độc hại, là những đám sinh lầy cát lở đã nuốt sống biết bao là tù nhân trốn trại.

Bệnh xá nằm dưới chân đồi, trước sân có hòn non bộ với Lã Vọng ngồi câu, bên dưới là bể cá vàng lừ đừ lội nhìn chúng tôi bằng cặp mắt thờ ơ chán ngán, trên mái hiên treo đầy lồng chim đủ màu đủ loại, suốt ngày hót líu lo như để mĩa mai tâm trạng héo hắt toi bời của chúng tôi.

Tất cả cái thú xa xỉ trường giả đó đã được đánh đổi bằng xương thịt của chúng tôi qua sự cắt xén tiền thực phẩm vốn đã vô cùng đói rách. Cá thia vàng, chim hoàng yến, chim họa mi tung tăng bay nháy, đã được mấy ngàn cặp mắt tù sâu hoắc và phờ phạt vì thiếu ăn, thèm thuồng nhìn qua giá trị của mấy chục gờ ram prôtêin mà vô cùng tiếc rẻ, vì nó đang nằm trong tầm tay mà lại ngoài tầm... bao tử. Cây kiềng trước sân được chăm sóc tỉ mỉ mà mỗi lần gọt tĩa là một dịp cho chúng tôi lượm lá rụng nấu thành một bữa rau để dành giựt nhau, tuy vừa dai vừa đắng nhưng màu đỏ của nước lá dền cũng cho chúng tôi ảo tưởng bỏ đường của chất sinh tố B12. Cái quang cảnh thân tiền của bệnh xá đó đã

được lên hình trên báo Liên Xô và được tô điểm đến độ mỗi lần thuyết trình cho phái đoàn ngoại quốc, viên giám đốc trại cũng không bao giờ quên luyện giọng một cách thành thực: "Tôi chỉ mơ ước được sống như những trại viên (ý nói từ chúng tôi)". Tiếc thay!!!

Đến đây tôi mới hiểu tại sao anh em tù Nam Hà gọi cán bộ bằng "Chèo" (phường chèo), trắng trợn đến độ ban giám thị phải gọi lên chính: "Cán bộ thì có nam có nữ, cứ sao các anh lại gọi bằng "chèo đực, chèo cái", nghe chẳng "văn hóa" tí nào". Trại có một mật độ chuyên viên y khoa cao nhất thế giới, trong số hai ngàn người (tù) thì có đến hai mươi bác sĩ (cũng tù). Tất cả đều phải lao động khổ sai như nhau, đập đá, đôn củi, ngâm mình dưới nước để kéo cày thay trâu..., trong khi trên bờ đê, cán bộ cầm cái roi dài quất qua quất lại khiến cho tù ở dưới ruộng không hiểu là mình đang còn ở kiếp người hay đã đầu thay qua kiếp khác làm trâu bò.

Phần điều trị được nhường lại cho những người ngoài ngành y tế được lựa chọn theo tiêu chuẩn hạnh kiểm và mức độ hợp tác. Tuy nhiên, bắt buộc dĩ bệnh xá phải giữ lại một vài bác sĩ tù để vừa giúp đỡ trong việc chuyên môn, để đọc các tên thuốc bằng ngoại ngữ, vừa để làm kiếng cho phái đoàn ngoại quốc xem, vừa để dạy cho các bác sĩ (không phải y khoa) cách mang ống nghe, cách bắt mạch v.v...

Người được chọn ở lại bệnh xá là một đồng nghiệp đàn anh, từng tốt nghiệp đại học Paris khi tôi chưa vào trường y khoa, từng giữ nhiều chức vụ điều khiển trong ngành y tế miền Nam, nay đã lớn tuổi được anh em rất nể nang nên tôn làm "đại ca". Đại ca còn có thêm biệt hiệu nữa là "Vua cháo heo" vì thỉnh thoảng được anh em nuôi heo cho cán bộ, thương tình làm nơ để cho múc một lon cháo heo (dĩ nhiên là béo bở hơn cơm tù) rồi vục chạy cho cán bộ khỏi thấy. Thế là tối hôm đó được một đêm huy hoàng. Sau khi chiếc khóa sắt nặng nề rột rạt khóa kín cửa chuồng lại, chúng tôi bao quanh đại ca, bên cạnh lon cháo heo bốc khói thơm phức, vừa xem đại ca lim dim đôi mắt thương thức từng hạt bo bo cháy khét mà tưởng chừng như ăn trứng caviar, vừa để đại ca kể lại cho đàn em nghe những ngày vàng son còn

du học trên đất Pháp, những đêm liên hoan trên đường phố Montmartre Paris...

Chỉ huy bệnh xá là một bác sĩ ngành công an, luôn luôn nhìn chúng tôi bằng cặp mắt nghi ngờ đầy mặc cảm, có lẽ đã đọc được trong phiếu lý lịch của chúng tôi một tội danh lạ đời: "Can tội: bác sĩ". Một hôm tịch thu được hộp dụng cụ tiểu phẫu trong đó có cây kềm Michel giống cái kéo, dùng để gỡ các móc da, bác sĩ loay hoay mãi không biết làm sao, cuối cùng chê: "Kéo với kiết, thế này thì làm sao cắt được, dốt thế!". Mắt bác sĩ đã quen nhìn những lọ Pénicilline Trung Quốc làm bằng một thứ chai đục ngầu, bọt lỗ đố, nút lọ được khấn kín bằng sáp như thuốc "cao đơn hoàn tán", nên khi gặp một lọ Pénicilline bào chế ở miền Nam, rất kinh ngạc vì kỹ thuật sai biệt, và khi thấy trên lọ mấy chữ: "Laboratoires Ténamyd Thủ Đức", bèn mừng rỡ khoe với chúng tôi: "Thuốc của Đức đấy, xã hội chủ nghĩa anh em ta đấy". Dưới trướng của vị lương y này là một ban chuyên môn (không phải y khoa) gồm đủ thành phần. Một anh có hoa tay đục đẽo, chạm trổ, biến các lon sữa Guigoz thành những hộp thuốc lá, cái lược, cái vòng, tinh vi như những nữ trang thứ thiệt để lương y đem về tặng thân nhân hoặc... đổi chác. Một anh ngành quân cụ lo báo trì chiếc xe đạp "hữu nghị" mà người cỡi cũng hãnh diện như lái chiếc xe Mercedes vậy. Một họa sĩ có biệt tài biến hóa những gương mặt trong gia đình lương y từ một tấm ảnh nhân nhèo vàng khè thành những chân dung sạch sẽ khôi ngô, và lương y cũng không dấu được sự hài lòng khi thấy khoác lên ông cụ thân sinh chiếc khăn nhiễu, cái áo gấm, trông rất "quan", còn phu nhân và ái nữ cũng được mặc chiếc áo dài mà ngoài đời họ chưa bao giờ sờ tới. Riêng bản thân lương y, khi đề nghị mặc bộ âu phục cho oai thì lưỡng lự hồi lâu rồi buồn rầu trả lời: "Chớ, không nên, nhờ trên biết được thì khôn", nên đành chấp nhận bộ đồng phục công an vậy.

Về phần điều trị, có lẽ Đảng đã sáng suốt thấy rõ sự lúng túng của lương y, nên chỉ thị cho quốc doanh cung cấp được phẩm dưới hình thức "viên" hết sức đơn giản, hề đau ở bộ phận nào thì đã có những viên tương ứng: viên gan, viên dạ dày, viên phổi, viên tim, viên xương, viên khớp v.v... Ban đêm nếu có tiếng kêu cứu từ các phòng vọng ra, thì thăm xé nát sự im lặng nặng

nề của trại tù về đêm, rồi cứ lặp đi lặp lại mãi như dội qua vách núi, cho đến khi lương y khệnh khạng đến, cho ông nghe qua một khe nhỏ để khám bệnh nhân ở trong phòng rồi hoặc phát cho vài "viên", hoặc bắt bệnh nhân dán mông đít vào song cửa sắt chích cho một mũi thuốc để chờ tới sáng. Cũng trong hoàn cảnh đó, một Thượng Nghị Sĩ nổi tiếng ở Sài Gòn, bị trúng độc vì ăn sắn sống, trộm được lúc ban chiều khi đi lao động, đã phải chờ mãi cho tới sáng hôm sau, khi được đưa ra khỏi phòng thì đã quá trễ.

Một buổi chiều nọ, khi đi lao động về, anh em ngạc nhiên chứng kiến một hiện tượng lạ thường. Trại được sơn phết lại trắng xóa, trên vách tường lại vẽ thêm những bông hoa màu mè sắc sỡ, có lẽ vì cây cảnh thật đã bị tù bút lá bẻ hoa không đủ đem lại vẻ vui tươi cho nhà tù. Giữa sân lại có cánh nhóm chợ trời, cán bộ bày bán thịt tươi, rau sống cho anh em tù nào còn dẫu đút được chút tiền còm tung ra mua ăn bồi dưỡng. Những người giàu tương tượng cho truyền ngay một câu sấm, không biết có phải của Trạng Trình không:

*"Bao giờ tường đá nở hoa,
Nhà tù nhóm chợ thì ta... ra về"*

Về đâu chẳng thấy nhưng trước mắt là phải ráo riết chuẩn bị doanh trại để đón tiếp một phái đoàn ngoại quốc quan trọng, một công tác làm đảo lộn hẳn nếp sống hằng ngày, để được đèn bù bằng một chút an ủi mơ hồ là còn được người đời biết tới.

Ngay tối hôm đó, một số nhạc cụ kể cả cây dương cầm nặng nề được hì hục chở về từ Hà Nội để cho ban nhạc tha hồ tập dượt mãi tới khuya. Tiếng nhạc vang lên từ một góc núi làm khuây khỏa trong chốc lát những u uẩn của tù nhân. Thịnh thoàng một vài bản "nhạc vàng" được chơi lên, tiếng réo rác của "Diễm Xưa", "Nắng chiều" gợi lên một nỗi nhớ nhà vô biên, mà lỡ cán bộ có hỏi tới thì anh em đã sẵn câu trả lời: "Nhạc Cuba đây", thế là yên.

Căn phòng chật chội hôi hám trong đó hằng mấy trăm mạng người chen lấn giành giựt từng ly, từng phân trên cái tiêu chuẩn hai bàn tay cho mỗi người, nay được thu dọn thành ba mươi chỗ nằm rộng rãi thơm mát, với chiếu hoa mới toanh, chăn len thơm phức, sắp xếp thẳng tắp như trong một quân trường.

Từ mờ sáng, ngoài thành phần ở lại để trình diễn, còn tất cả phái lũ lượt kéo nhau thành từng đàn qua các đường mòn khúc

khuyết để vào trốn sâu trong núi. Các anh em bệnh nặng thì được công, gánh hoặc khắp khênh lết đi thật xa để khuất khỏi tầm mắt trong sáng của người ngoại quốc cái hình ảnh vẫn đục thê thảm đó.

Bệnh xá này nhường lại cho những con bệnh mới, không có bệnh nhưng có một thể xác chưa tàn tạ nhờ có thăm nuôi, lúng túng học thuộc lòng những căn bệnh thời đại do "tàn dư Mỹ Ngụy để lại": Sơ gan vì rượu chè, lên máu vì nhậu nhẹt, nghẽn mạch máu vì xì ke, ma túy... Gọn gàng sạch sẽ trong những bộ đồ ngủ mới toanh, trên mỗi đầu giường có chung thêm một hộp sữa cũng "kiêng" như bệnh nhân, nghĩa là sẽ được thu hồi ngay sau khi phái đoàn ra về.

Ban thể thao, bóng chuyền, bóng bàn, trong đồng phục gọn ghẽ vui mắt, ra sức tranh thủ để được bồi dưỡng thêm mấy củ khoai. Từ sáng sớm ban nhạc đã inh ỏi trời lên những bản nhạc hùng khởi cộng sản, gây không khí vui nhộn làm cho quan khách có cảm giác là đi chơi chợ phiên hơn là đi thăm nhà tù.

Không hiểu là một phần thưởng hay là một cực hình tử nhục cho những ai được chọn để ngồi ăn một bữa cơm "xoàng" mà trong suốt cuộc hành trình cải tạo họ chưa bao giờ được nếm. Thực đơn, được dán ở cửa, gồm có cơm trắng (một hiem hoi trên đất Bắc) và thịt lợn, rau muống (một điều lạ trong nhà tù). Bữa cỗ được diễn tiến theo một lịch trình khắt khe: Ngồi vào bàn khi phái đoàn rời Hà Nội (8 giờ sáng), cầm dĩa khi họ đến công trại (10 giờ sáng) để cho bao tử cồn cào tiết chất chua, nước mắt nước mũi chảy dài vì ngỡ ngàng trước mấy món ăn thơm phức béo bổ, cứ thế mà chịu đựng cái cực hình sinh lý đó suốt mấy tiếng đồng hồ, hai tay thì cứ tuyệt vọng vung vẩy trong một thứ còng vô hình cho đến khi bóng dáng của phái đoàn cứu tinh xuất hiện ở ngưỡng cửa mới được lệnh cho thức ăn vào miệng (1 hoặc 2 giờ trưa).

Phần trình diễn của bệnh xá được mở màn khi phái đoàn đặt chân vào trại. Bác sĩ trưởng, trong bộ áo bờ lu lưng thụng, chiếc nón vải che khuất chân mày, trịnh trọng đặt ống nghe vào bệnh nhân ngồi trước mặt, rồi cứ giữ tư thế đó như một pho tượng sáp cho tới khi phái đoàn đi qua. Lễ cố nhiên "đại ca" của chúng tôi cũng có mặt tại bệnh xá với một chỉ thị nghiêm khắc: Không được nói tiếng ngoại ngữ và cố tránh mặt phái đoàn chừng nào

hay chừng đó. Một nhà báo Pháp hỏi đại ca: "Anh biết tiếng Pháp không?" Vì đã được dặn trước, đại ca phải chờ cho thông dịch viên Bộ Nội vụ dịch xong để chứng tỏ rằng mình không hiểu được câu hỏi, rồi mới trả lời "Không". Nhà báo hỏi tiếp: "Anh tốt nghiệp ở đâu?" Câu hỏi bất ngờ này không được ban giám thị cho học tập trước, nhưng cũng vẫn chờ được dịch xong như thường lệ, đại ca mới trả lời: "Y Khoa Đại Học Paris". Nhà báo bàng hoàng, ngạc nhiên như khám phá được một điều gì bí ẩn, một cái gì bất thường, tò mò hỏi tiếp thì được biết vợ anh là người Pháp, hiện sinh sống ở Paris, nên mừng rỡ chụp cho một tấm hình rồi ân cần thêm: "Tuần sau vợ con anh sẽ nhận được." Lòng nhà báo hân hoan phấn khởi vì vừa làm được một nghĩa cử trọng đại.

Chưa kịp mừng thì tai họa đến ngay. Sau khi phái đoàn ra về, thì ông bạn già của chúng ta, nạn nhân của lòng vị tha nhân đạo kiểu Tây phương, bị bác sĩ trường bệnh xá và ban giám thị gọi lên mắng nhiếc thậm tệ, bắt kiểm điểm lên kiểm điểm xuống, để rồi, bắt đầu từ hôm sau, hằng ngày phải ra lao động, đập đá, kéo cày, ngâm mình dưới ruộng như hàng ngàn, hàng vạn anh em tù khác. Ngày tôi về, đại ca còn ở lại, tiễn đưa tôi bằng cặp mắt đã hết nước mắt và hẹn tôi ở... kiếp sau!

Dư âm nặng nề của cuộc viếng thăm và vì tấn tuồng đóng vụn, làm cho cơn lòi đĩnh của lương y đã trút hết lên đầu chúng tôi, nay không còn khoác áo Từ Mẫu nữa mà lại đội lốt... Ác Mẫu



PHẠM TÍN AN NINH

Nguyễn Phụng



Từ lâu, tôi định viết một bài ngắn về nhà văn Phạm Tín An Ninh (PTAN) nhưng cứ dần dà hoải. Nhiều năm trong cuộc chiến, dù nhiều lần bị tiếng hỏa tiễn làm ù tai và khói lửa làm cay mắt, nhưng tôi chỉ là một người hậu phương, với kinh nghiệm chiến trường quá ít ỏi, suy nghĩ về cuộc chiến chỉ chạy vòng vòng qua năm ba câu chuyện bạn bè kể lại, mấy tờ nhật báo, mấy bút ký chiến trường của vài cây viết nổi tiếng và vài tác giả ngoại quốc quen thuộc. Với kinh nghiệm đó, tôi nghĩ tôi thiếu hẳn sự *đồng cảm* với PTAN — một chiến sĩ gan dạ, thao lược, từ tâm và chiến đấu gian khổ nhiều năm — để nói lên hết những điều đáng nói về tác giả. Mấy trang tôi viết dưới đây là những dòng phụ đề của bức hình PTAN tôi vẽ lên trong trí. Bức hình này chắc không rõ và không đầy đủ các góc cạnh vì sự thiếu *đồng cảm* đó; ước mong độc giả coi bức hình và những dòng phụ đề này như một lời cảm ơn muộn màng gửi đến người lính chiến Miền Nam PTAN và chiến hữu của tác giả*.

1

Hồi cảm súng đánh giặc, PTAN là người lính chiến bền bỉ và gan dạ như bao nhiêu người lính Việt Nam Cộng Hòa khác; PTAN chiến đấu và chiến đấu; PTAN không ngang tàng, không bất cần đời như người lính Nguyễn Bắc Sơn:

Mai ta đụng trận ta còn sống
Về ghé sông Mao phá phách chơi
Chia sớt nỗi buồn cùng gái điếm
Đốt tiền mua vợ một ngày vui
Ngày vui đời lính vô cùng ngắn
Mặt trời thoảng đã ở phương Tây
Nếu ta lỡ chết vì say rượu
Linh hồn chắc sẽ thành mây bay

(Mặt khu Lê Hồng Phong, Nguyễn Bắc Sơn)

PTAN cũng không lừng khùng như người lính Cao Tân nhưng yêu nước chẳng kém gì người lính tài hoa này:

Hai mươi tuổi ta đi làm chiến sĩ
Bước giày đinh lạng quạng một đời trai
Vừa đánh giặc vừa lòng hùng triết lý
Nhưng thằng này yêu nước chẳng thua ai

(Cảm Khoái, Cao Tân)

Tình yêu nước đó là máu huyết và hơi thở của PTAN dù chưa được tác giả trực tiếp nhắc đến, dù chỉ một lần, trong tác phẩm của mình. Điều đó dễ hiểu. Xông pha trong vòng lửa đạn, lý tưởng cao quý đó trở thành mục tiêu gần gũi nhất, thân cận nhất, ngay trước mặt: chiến đấu để sống còn và bảo vệ đồng đội. Lý tưởng cao quý đó là linh hồn của hầu hết các truyện và là sức sống và tình thương chan hòa nơi nhiều nhân vật của tác giả.

Tàn cuộc chiến, PTAN phải làm kẻ thua cuộc và bị đày đọa nhiều năm trong lao tù cộng sản. Tuy vậy, PTAN không hề mang mặc cảm nặng trĩu của kẻ bắt tài hay không làm tròn bổn phận như Hà Huyền Chi “Giữ quê quê mất, giữ nhà nhà tan”. PTAN hiểu mình và hiểu sự đóng góp nhỏ nhoi của mình trong hoàn cảnh hẩm hiu của đất nước Việt Nam trước các mưu mô mua bán, đổi chác của các cường quốc. Rồi khi may mắn vượt thoát khỏi sự kiềm kẹp của người cộng sản để tìm lại “tự do của ngày nào” trên quê hương thứ hai Na Uy, PTAN không cay đắng như Thanh Nam; dù đã hít thở không khí tự do của nước Mỹ, Thanh Nam vẫn thường cứ tưởng như còn “*Nằm giữa sa trường nát gió mưa*”.

Hơn bốn mươi năm trôi qua, vết thương trên thể xác, vết chém trong tâm hồn, nỗi đau vì tù tội và nỗi buồn chiến bại vẫn

còn đó nhưng chúng không băng hoại tâm tình trong sáng của PTAN, không gây chứng bệnh tâm thần hay ung thư như trường hợp Nguyễn Bắc Sơn:

*Ta mắc bệnh ung thư thời chiến
Thoi thóp còn một trái tim khô
Sợ hãi con người hơn thú dữ
Nhìn nơi nào cũng thấy hư vô
Mai kia trong những ngày ngưng chiến
Ta chắc rằng không thể yêu ai
Nhà thương điên nếu còn chỗ trống
Xin chiếc giường cho xác tàn phai.*
(Căn Bệnh Thời Chiến, Nguyễn Bắc Sơn)

Độc giả quen thuộc với truyện *Mặt Trận Miền Tây Vẫn Yên Tĩnh* (*À l'Ouest, rien de nouveau*) của Eric M. Remarque, thấy ngay rằng người lính PTAN khác hẳn với anh chàng lính Đức, Paul Bäumer. Paul bị hủy hoại thể xác, tình cảm, tâm linh, phải vất bỏ cảm xúc, lý trí để sống như súc vật và rồi kết thúc bằng cái chết hững hờ vì muốn nhìn một cành hoa dại ngoài miệng hầm. Trong cách nhìn đó, PTAN cũng cách xa người lính Pháp Bardamu trong truyện *Cuộc Hành Trình Khi Trời Tàng Sáng* (*Voyage au bout de la nuit*) của Louis-Ferdinand Céline. Chiến tranh biến Bardamu thành người cay chua, bi quan về cuộc sống, oán trách xã hội, thù ghét loài người...

Mang thương tích trên thể xác và tâm hồn, nhưng PTAN không kết án hay bào chữa; hình ảnh cuộc chiến với hầm hố, mìn bẫy và tiếng bom đạn còn in sâu trong tâm trí, nhưng PTAN không thù hận; tiếc thương bạn bè ngã xuống và dân chúng chịu lầm than nhưng PTAN không đem sự đau thương đó làm nặng lòng người đọc. Và giờ đây, khi chia sẻ tâm tình bằng ngòi bút, PTAN không tặng người đọc một món quà chua cay, một hàng rào kìm gai — như *A Gift of Barbed Wire* của Robert S. McKelvey — một loại hàng rào làm bằng dây leo thời đại, loại dây leo đậm màu máu khô và thêm khát máu tươi

2

Kỷ sự chiến trường là một đặc điểm của văn học Miền Nam trước 1975, dồi dào đa diện và nhiều màu sắc cá nhân. Lý

do chính của hiện tượng đó là người viết không phải viết theo đơn đặt hàng của chính phủ, không phải ca tụng một lãnh tụ hay một chủ nghĩa chính trị nào hết; tác giả viết theo tâm tình và nhận xét của mình, về một biến cố hay một trận chiến nào đó tùy theo cơ hội và sở thích. Đó là lý do tại sao bút ký của Phan Nhật Nam, Nguyễn Vũ, Trang Châu... tuy cùng quy về cuộc chiến đấu mất còn để bảo vệ Miền Nam, nhưng mỗi tác giả một vẻ riêng. PTAN nổi tiếp truyền thống bút ký chiến trường đó nhưng đứng ở một góc riêng biệt.

PTAN là một sự trái ngược tuyệt đối của Phan Nhật Nam. Phan Nhật Nam viết với nỗi bất bình đang sôi sùng sục và hận thù mênh mông tiềm ẩn trong lòng. Phan Nhật Nam “viết bút ký như là một thứ cầu kinh trong niềm cô đơn đen đặc, viết bút ký để thấy những giọt nước mắt vô hình tha hồ tuôn chảy sau bao nhiêu lần nín kín, viết bút ký như một tiếng nức nở được thoát hơi sau hàm răng nghiến thật chặt thấm máu tươi từ đôi môi khô héo”. Phan Nhật Nam viết với một thái độ rõ rệt như khi cầm súng bắn vào giặc, người đọc tưởng như Phan Nhật Nam có thể bay theo viên đạn về phía địch và hét to vào tai quân thù: “Tại sao chúng mày bỏ vợ con, bỏ vườn ruộng vào đây để đốt làng xóm, để giết hại chúng tao? Tại sao? Tại sao? Tại sao?” Đó là thời Phan Nhật Nam tay cầm súng tay cầm viết. Giờ đây, hơn bốn mươi năm trôi qua, Phan Nhật Nam trong *Phận Người Phận Nước* năm 2013 chẳng khác mấy Phan Nhật Nam của *Mùa Hè Đỏ Lửa* năm 1972.

PTAN không hò hét, không nghiến răng, không bặm môi; khi viết tác giả bình tâm, để cuộc sống lắng xuống thật sâu và lắng nghe tiếng nói của con tim — con tim của cả ngàn người lính chiến đã ngã xuống hay đang sống đâu đó trên xứ lạ quê người và con tim của bao nhiêu mẹ già, vợ hiền, trẻ thơ thôn thức vì đau thương do cuộc chiến gây nên mà tác giả đã gặp. PTAN không ồn ào; dòng chữ của tác giả là dòng nước mắt vô hình và lời an ủi vô thanh chia sẻ và xoa dịu nỗi đau triền miên của cuộc chiến.

Hỏi còn đánh giặc, chỉ trong bảy năm cầm súng, Nguyễn Vũ cho ra đời hơn hai mươi tác phẩm nhưng ông cho việc viết lách đó chỉ là một “trò chơi”. Có lẽ Nguyễn Vũ nói trong lúc cao

húng nhưng xét cho cùng, trong cuộc sống mà nổi chết ám ảnh từng phút từng giờ, chiến tranh quả là một trò chơi quái ác, phi lý của con người, viết lách thành ra là một trò của cuộc sống — trò chơi để quên đời, như bao nhiêu trò chơi khác, rượu bia bài bạc...

PTAN không viết để chơi hay quên đời mà viết để hít thở lại bầu không khí thơm mùi hoa cỏ của những miền đất nước mến yêu tác giả ngày nào đã đi qua, miền đất nước nay xa xôi, quá mệt mỏi vì ai đó quá vô tình... PTAN viết để nhận định sự sống và chết của người lính chiến. Chết vì trái mìn, mảnh đại bác hay viên đạn không có mắt là cái chết tình cờ, không chờ đợi; chết vì không bỏ rơi đồng đội hay xông vào lằn đạn để cứu đồng đội là một hành động có ý thức, một lựa chọn, một lựa chọn mang ý nghĩa đích thực của sự sống. PTAN viết để tìm lại một thứ cảm giác mệnh mang — cảm giác được sống còn nhờ cái chết có chọn lựa của đồng đội. PTAN viết để sống, sống trọn vẹn cuộc sống của người già từ vũ khí; đó là cuộc sống không cần ý thức làm quen với nổi chết để sống, một cuộc sống không có sự xung đột giữa hai ý tưởng đối nghịch — quyết tâm *tiêu diệt* con người và đem *tình người* đến cho con người. Xa rời bản năng tự vệ tác hại của con người, PTAN chỉ nhìn thấy *tình người* và viết để hâm nóng lại *tình người* chan chứa nơi các chiến hữu đã nằm xuống hay đang phiêu bạt đầu đó và nơi những người dân vô tội chịu đau thương vì cuộc chiến.

3

Trước đây hơn nửa thế kỷ, qua tác phẩm *Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử* Nguyễn Mạnh Côn đem tình yêu nước thiết tha của một người trai trẻ để viết những trang sử đen tối của lịch sử Việt Nam, những trang sử đau thương do người cộng sản gây ra: Họ lừa gạt và giết hại những người Quốc Gia yêu nước, họ tuyên truyền mị dân để ru ngủ dân chúng, dùng đầu tranh giai cấp để giết hại dân lành vô tội, làm tay sai cho ngoại bang Nga, Tàu... Lịch sử viết bằng tâm tình sẽ thiếu sót hay thiên lệch, vài người e ngại như vậy. E ngại đó quen thuộc nhưng gò bó vì nhà văn là sử gia của thời hiện tại và sử gia là nhà văn của thời quá khứ — *Le romancier est l'historien du présent, alors que l'historien est*

le romancier du passé. Nhiều sự việc các nhà văn mô tả trở thành sử liệu quý báu, chân thật và chân thật hơn những trang “chính sử” viết để phục vụ một lãnh tụ hay một chế độ chính trị. Ngoài ra, diễn tả sự việc với tâm tình, nhà văn đem lại sự linh hoạt cho sự việc; và trong nhiều trường hợp, nhà văn phô bày sự thật toàn diện hơn sự thật chính nó. Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn là một sử gia đáng kính và đáng đọc.

Cuộc chiến Việt Nam bị bóp méo và trình bày sai lạc; người lính chiến Miền Nam bị chê bai một cách bất công và bị bức tử. Hơn bốn mươi năm qua rồi từ ngày tàn cuộc chiến, lớp cát bụi chiến trường đã lắng xuống, những lời khoác lác của kẻ thắng cuộc trở thành lỗ bịch, và nhiều nhân chứng của cuộc chiến đã lên tiếng; sự thật của cuộc chiến vì thế phơi bày thêm rõ ràng. PTAN góp một phần nhỏ trong việc phơi bày đó. PTAN nổi gót Nguyễn Mạnh Côn *đem tâm tình viết lịch sử*. Nhưng khác với Nguyễn Mạnh Côn, PTAN chỉ nhắm vào một góc cạnh, đó là *người lính chiến Miền Nam* — người lính chiến đấu trong hoàn cảnh nghiệt ngã, khó khăn và chiến đấu để bảo vệ *giá trị con người* của chính mình và của mọi người khác. Giá trị này vượt lên trên lẽ thắng bại và sẽ không bao giờ bị mờ nhạt dù kẻ thắng cuộc đang bóp méo và bôi xóa lịch sử.

Vì bản tính khiêm nhường PTAN chỉ nhận mình là một người kể chuyện chứ không phải là nhà văn. Sự từ chối này có lý do thực tại, vì dù sao PTAN cũng chỉ là một người lạc vào lịch sử và nghệ thuật vì thời cuộc, nhưng đó là dấu hiệu của sự khiêm tốn và nhã nhặn của tác giả. Từ thuở sơ khai và trong nhiều xã hội, văn chương bắt nguồn từ kể chuyện; và khi chữ viết thịnh hành, người biết sắp xếp câu chuyện cho thú vị và trình bày các diễn biến lôi cuốn được người nghe thường là những nhà văn lớn.

Dù PTAN không nhận mình là một nhà văn cầm bút chủ yếu vì nghệ thuật (*écrivain*) như chúng ta thường hiểu thì tác giả là một nhà văn viết lách với một sứ mệnh (*écrivain*) nghĩa là dùng văn chương như một phương tiện để nói lên những điều cần nói. Tuy chưa một lần nói lên điều cần nói đó (và chắc sẽ chẳng bao giờ nói lên với cường điệu hay thậm xưng), nhưng PTAN đã nói rất nhiều: Những dòng chữ chân tình của tác giả *đắm ướt tình yêu*

quê hương đất nước. Cuộc chiến phi lý vừa qua chẳng dạy chúng ta phân biệt kẻ mạnh người yếu hay điều đúng điều sai, mà chỉ nhắc nhở chúng ta một điều: *Tình yêu quê hương đất nước* trên hết. Và giờ đây, Mẹ Việt Nam đang trên giường bệnh, đang chiến đấu mỗi mòn với cơn bạo bệnh ngặt nghèo. Mẹ Việt Nam sẽ chóng bình phục và may ra sống còn nếu ai đó *tập nói lại* tiếng nói *tình yêu quê hương đất nước*.

4

Chân dung của chiến sĩ PTAN trong cuộc chiến bi thảm vừa qua *khó* nắm bắt hơn nghệ thuật kể chuyện và dựng truyện và của tác giả. Với ký ức phi thường, PTAN ghi nhớ nhiều chuyện để kể cho nhiều lớp người nghe; nhưng ký ức tự nó không đủ, nếu câu chuyện không được ghi nhớ bằng sự tế nhị và chiều sâu của tâm hồn. “*Chuyện Người Lính Trinh Sát*”, “*Chuyện Một Người Bạn Học*”, “*Chuyện Cái Nón Lá*”, “*Câu Chuyện Từ Một Bộ Quân Phục*”... là một chuỗi dài những mảnh vỡ thương tâm của cuộc sống, những mối ân tình, những tâm hồn cao thượng... Đó là những sự việc cần biết, những sự việc cần được kể lại cho hậu thế. Mỗi sự việc mang một giá trị nội tại đặc thù của nó: để riêng biệt, mỗi chuyện là *lời tâm tình* thi vị, văn vẻ; xếp vào nhau, chúng thành một tập tài liệu *lịch sử* giá trị; trải ra kể cận bên nhau, chúng tạo thành một bức tranh *hiện thực* linh động.

Bên cạnh các chuyện kể là các truyện ngắn với nhiều sự việc, diễn biến, xung đột, và kết thúc bất ngờ. Truyện “*Ở Cuối Hai Con Đường*”, “*Ba Dòng Nước mắt*”, “*Rừng Khóc Giữa Mùa Xuân*”... mang đầy đủ các yếu tố kỹ thuật và nghệ thuật để đi sâu vào tâm tư và ký ức người đọc. Truyện “*Rừng Khóc Giữa Mùa Xuân*” đi xa hơn chút nữa, gây một âm vang xa xôi, một dư vị buồn vui lẫn lộn trong lòng người đọc.

Truyện “*Rừng Khóc Giữa Mùa Xuân*” làm sống lại một cảnh đau thương của cuộc chiến, đó là cuộc di tản kinh hoàng trên đường số 7B từ Pleiku xuống Tuy Hoà giữa tháng 3 năm 1975 trong kế hoạch triệt thoái Cao Nguyên. Nhân vật chính là người vợ lính di tản theo chồng, một sĩ quan Biệt Động Quân. Chị bế đứa con gái, Lê Thùy Dương, giao chồng đứa con trai, Lê Cao Nguyên bốn tuổi. Bị cộng quân tấn công bốn bề, người

chồng lưng công con, tay cầm súng điều động binh sĩ chiến đấu. Những người lính Biệt Động Quân chiến đấu tới cùng rồi tự sát. Trong cảnh chém giết đó, chị lạc chồng nhưng may mắn trốn được về Nha Trang. Một tuần sau, chị trở lại chỗ cũ tìm kiếm nhưng không được tin tức gì về chồng và con. Sau cùng, theo lời kể của một người lính, chị được biết chồng chị bị thương và cố lết đến nơi có dân cư. Mười năm sau chị vượt biên được tàu Na Uy vớt và định cư tại nước Bắc Âu này.

Hai mươi năm sau Thùy Dương lấy chồng, chị đưa con về thăm Nha Trang và trở lại Cao Nguyên tìm chồng và con. Chị gặp một anh bán gà người Thượng tên *Tlang*, anh ta có vết sẹo trên cánh tay y như con trai của chị. Chị tìm tới nhà cha mẹ *Tlang*, và được biết rằng hồi tháng 3 năm 1975, một người lính bị thương nặng, lưng công đứa trẻ, lết vào dưới nhà sàn rồi chết ở đó; vợ chồng bà đã chôn người lính dưới một gốc cây gần đó rồi nuôi dưỡng đứa trẻ và đặt tên là *Tlang*... Đứa trẻ ấy chính là Lê Cao Nguyên nay đã một vợ hai con. Chị mời *Tlang* về Nha Trang sống, *Tlang* từ chối vì không muốn từ bỏ núi rừng; chị làm cho con một căn nhà sàn và từ bỏ ý định cải táng chồng về Nha Trang vì muốn ông ở lại với đứa con trai.

Đọc truyện “*Rừng Khóc Giữa Mùa Xuân*”, người đọc bị tác giả nắm chặt lấy tay dẫn đi trên con đường uốn khúc với nhiều biến đổi thương tâm, hãi hùng và oai hùng; người đọc hoàn toàn bị tác giả thu hút qua hết các chặng đường nhưng được chuẩn bị để trở lại với chính mình và suy tư về những gì đã trải qua ở cuối con đường. PTAN tạo ra một khung cảnh sinh động dựa vào lịch sử, thực tại, tình cảm và hoài cảm, một khung cảnh mà người đọc dù vô tâm cũng dễ cảm nhận và hòa nhập. Trong khung cảnh đó, câu chuyện không phải là một *độc thoại* của tác giả mà là cuộc *đối thoại* giữa tác giả và lương tri người đọc về đất nước, chiến tranh, ý nghĩa của cuộc sống và sự lựa chọn.

Hình ảnh đậm nét của câu chuyện là thăm cảnh chiến tranh, môi tình thơ mộng giữa một sĩ quan oai hùng và một người đẹp xứ Huế, sự chiến đấu anh dũng của người lính Biệt Động Quân, lòng chung thủy của người vợ trẻ và sự lựa chọn của *Tlang*, người con rơi rớt vì chiến tranh. Tuy mang máu huyết oai hùng và nét thanh lịch của cha và mẹ nhưng *Tlang* lớn lên với núi rừng;

lựa chọn của *Tlang* không về sống tại Nha Trang là âm vang của tiếng gọi linh thiêng của rừng núi Cao Nguyên. Nghe theo tiếng gọi đó là một *lựa chọn* hồn nhiên, nhưng lựa chọn nào cũng bao hàm ít nhiều *từ chối*. Sự từ chối ở đây, vì hoàn cảnh đau thương của đất nước và éo le của gia đình, là một niềm vui nho nhỏ và nỗi ngậm ngùi khôn nguôi cho người mẹ — người mẹ khắc khoải chờ đợi bao nhiêu năm để vượt ngàn dặm tìm chồng, tìm con.

* * *

Thời cảm hứng, PTAN sống toàn vẹn cuộc sống lính chiến. Dù tâm thức giao động nhưng tác giả luôn luôn biết vị trí của mình tại từng thời điểm khác nhau và nhìn đủ bốn phương để ghi nhận; và cuối cùng, không quên nhìn lại suốt đoạn đường đã đi qua để suy ngẫm. Thời giả từ vũ khí và phải viết để sống, PTAN chuyển đoạn đường lịch sử đã đi qua thành một *tâm tư thời đại* và giải bày sự việc ghi nhận bằng *tình thương yêu* của những người mang hệ lụy của cuộc chiến hòa nhịp theo tâm tư thời đại đó. Với cách ghi nhận, giải bày và dàn dựng truyện đó, truyện PTAN xao động mãnh liệt tâm tư người đọc, đi sâu vào ký ức họ và sẽ trường tồn qua nhiều thế hệ.

Nguyễn Phụng
Raleigh, North Carolina 5/2017

Tác giả Nguyễn Phụng, xuất thân từ trường trung học Phan Châu Trinh Đà Nẵng, tốt nghiệp Đốc Sự & Cao Học tại Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Sài Gòn, tiến sĩ tại Duke University North Carolina, nghỉ hưu sau ba mươi năm giảng dạy tại NC A&T State University.

ĐỌC TRUYỆN NGẮN PHẠM TÍN AN NINH

NGUYỄN HOÀNG QUÝ



Tôi biết đến nhà văn Phạm Tín An Ninh khi đọc truyện của anh lần đầu cách đây hơn 3 năm. (Hồi đó không hiểu sao không thử gõ tên anh trên Google để tìm thêm mà sau này, đọc được một số truyện nữa mới nghĩ ra?).

Vừa rồi, trang tuongtri.com được anh báo qua email cho đăng các truyện trên website chính thức của anh, báo tin hai tập truyện ngắn: “Ở Cuối Hai Con Đường” và “Rừng Khóc Giữa Mùa Xuân” vừa xuất bản ở ngoại quốc, tôi nhắn tin xin người cháu ở Mỹ. Không ngờ cháu và tác giả quen biết nhau từ trước, anh ký và viết lời đề tặng vợ chồng tôi. Tôi viết thư cảm ơn. Lại nghĩ rằng, để đáp lại điều mà người xưa gọi là “duyên tri ngộ”,

tôi ghi lại một số suy nghĩ về truyện anh viết đầu rằng đã có nhiều người làm việc này.

Truyện ngắn đầu tiên của Phạm Tín An Ninh tôi đọc được là “Về cái chết oan khuất của nhạc sĩ Minh Kỳ”, tác giả của hai bài hát về Nha Trang mà tôi say mê từ những năm trung học. Tôi đọc đi đọc lại không biết bao lần. Từ đó, tên tác giả hẳn trong tâm trí tôi với sự quý mến đặc biệt vì bài viết vừa mang tính thông tin vừa chia sẻ tâm trạng.

Tiếp tục tìm đọc các truyện ngắn khác của anh, tôi gặp được nhiều truyện rất ấn tượng mà hai trong số đó là “Cậu bé đánh giày người Nghĩa Lộ” và “Ở cuối hai con đường” liên quan đến những năm tác giả ở tù ngoài Bắc. Có hai tập truyện trong tay, càng tìm thấy nhiều truyện hay, đánh động sâu sắc lên tâm hồn mình mà ít có nhà văn nào, kể cả những nhà văn nổi tiếng tôi đọc nhiều từ trước đến nay được như vậy. Tôi nghĩ cái chính là do điều mà tôi gọi là “chia sẻ tâm trạng”. Truyện của anh đánh động tâm tưởng mình vì nội dung xoay quanh vết thương tâm hồn của người lính VNCH, quanh niềm căm phẫn vì người bạn đồng minh phản bội để những người lính kiêu hùng của quân đội phải buông súng một cách bất ngờ và đầy tức tưởi. Truyện của anh cũng, nơi này nơi khác, lúc này lúc khác kể về tâm trạng những người Việt Nam xa xứ, mơ một ngày về lại quê hương nhưng quê hương ngày càng mịt mù và xa tít vì không thấy sự hòa giải dân tộc như nhà nước tuyên truyền trong khi tuổi tác những người vượt biển và đến Mỹ theo diện HO đều trên 70, 80 (“Những đàn chim thiên di”), (“Những điều mơ ước”).

PTAN không viết theo đơn đặt hàng của những người chống cộng ở ngoại quốc mà viết để bộc bạch tâm tư, kể lại những trần trở của mình trong những tháng năm cầm súng mà “Tổ quốc – Danh dự – Trách nhiệm” luôn là lý tưởng hàng đầu, về những tháng năm tù tội và cả sau này, khi sinh sống ở vùng đất tự do. Suốt những tháng năm đó, tình bạn nổi lên rõ nét bao nhiêu thì niềm căm thù của người lính đối với sự phi nhân của cộng sản sau khi chiếm miền Nam cũng rõ nét bấy nhiêu. Tình bạn trong chiến đấu của Trần Công Lam, Đặng Trung Đức, Phùng trong “Người con gái Phú Hòa”, với Lê Minh Thống trong “Đà Lạt trời mưa”, với Di trong “Chiếc nhẫn”, với Lâm Ni trong “Chuyện

người bạn học” và bằng bạc trong một số truyện khác đều đẹp vô ngần. Tình bạn giữa Narziss và Goldman trong “Đôi bạn chân tình” của Herman Hess hay tình bạn giữa các nhân vật trong “Chiến hữu” (Les Camarades) của Erich Maria Remarque cũng chỉ đến thế.

Tôi cũng rất cảm phục tấm lòng của một viên hạ sĩ, là tài xế (của Di) đối với của viên sĩ quan chỉ huy ngày xưa của mình trong “Chiếc nhẫn”. Ở đời, rất khó kiếm một người trung thành như Lắm, tên anh, sống ở Cần Thơ nơi có ông chủ nhà giàu Hồng Hương là cơ sở “cách mạng”. Anh đã ba lần giúp đỡ “ông thầy” của mình, lần đầu khi Di vừa bị bắt đưa đến nhà giam, lần tiếp theo khi dắt Hồng (vợ Di) tìm đến trại thứ hai thăm Di, giúp lần thứ ba là ra đến Nha Trang tìm Nguyệt, em gái của Di rồi đón Nguyệt và mẹ vào Cần Thơ để xin đưa con của Di về. Những giúp đỡ trên cùng với việc giấu Hồng, đưa lên Rạch Giá tìm cách để cô ấy vượt biên đã đưa đến cho Lắm một kết cục bi thảm: bị bắt và tra tấn đến chết!

Đọc PTAN, độc giả còn thấy một sự giằng co, giành giật giữa lẫn ranh Quốc – Cộng mà nạn nhân là những nông dân hiền hòa do sự phản bội hiệp định Genève 1954 của chính quyền miền Bắc. Đó là trường hợp của chị Ngà, một lòng sắt son với chồng trong “Chị Ngà”, của gia đình ông bác Hai, vừa nhận bằng liệt sĩ chưa bao lâu thì lo chôn người con cả là sĩ quan QLVNCH về hưu chết vì đói và sốt rét trong tù (“Giòng sông tuổi thơ” tr. 111). Một người khác là ông Năm Giảng có lúc là bác sĩ của cụ Hồ, về thăm quê, chở anh Cả đi thăm mộ của cha mẹ, gia đình, thấp nhang và khăn vái trước cả mộ thẳng cháu mới chết. “Đứng trước các mộ bia, ông đều thì thầm với người đã khuất. Nhưng không ai nghe được là ông đã nói điều gì, nhất là với anh em con cháu đã chết dưới tay những đồng chí của ông”.(sđd, tr.111)

Tác giả không nói thẳng nhưng qua những truyện đọc được, dầu đã qua bốn mươi năm, hình ảnh người sĩ quan VNCH, cách riêng, những người xuất thân trừ trường Võ Bị QGVN luôn được nhắc đến với niềm kính phục sâu sắc. Sự kính phục về tư cách, năng lực, tinh thần chiến đấu và nhất là lý tưởng quốc gia nơi họ. Khi mô tả trại tù ở Thượng Sơn, Nghĩa Lộ tác giả viết: “...Và cũng là nơi đã từng nhốt nhiều tù cải tạo từ miền Nam

chuyển ra, từ anh binh nhì TQLC bị bắt trận Hà Lào, cho đến hơn ba mươi tướng lãnh mà đa số đã không bỏ rơi đồng đội mình vào giờ thứ hai mươi lăm” (“Thằng bé đánh giày...” tr.141) Đặc biệt, truyện ngắn “Những cánh đại bàng qua cơn bão lửa” là bằng chứng hùng hồn nhất về tấm lòng tác giả đối với lớp người này nhân dịp dự họp mặt “Bảy mươi tuổi đời – Năm mươi tuổi lính” của những cựu sĩ quan VBQGVN khóa 17.

Anh PTAN nhiều lần nói với bạn bè, kể cả trong email gửi cho tôi rằng anh không có tham vọng trở thành nhà văn. Điều này có lẽ rất thật. Anh viết như kể chuyện, như ôn lại những quá vãng cả đón đau lẫn vàng son của mình, không than van, ít trách cứ, cứ như một người ở xa nhìn vào hơn là người trong cuộc dầu cái đón đau gặm nhấm tâm hồn anh không ít và vết thương quá khứ lâu lâu lại tấy lên mỗi khi có điều kiện tái hiện. Văn anh không trau chuốt, không dụng công như của những nhà văn chuyên nghiệp làm người đọc có cảm giác như anh bất ngờ gặp lại một đồng đội cũ, kéo nhau vào một quán cóc ven đường kể chuyện ngày qua hơn là nghe anh đọc diễn văn trước hội nghị. Và có lẽ chính điều này, chính sự tự nhiên, mộc mạc cùng với những tình tiết bất ngờ, hấp dẫn và lôi cuốn độc giả để cứ muốn đọc hết truyện này qua truyện khác mà không thả sách xuống được.

Tôi cứ ao ước những tên như (bà) Vương Chu Khánh Hà, anh Nguyễn Văn Thà, nàng “Sylvie Vartan” Jacqueline Cuvéro Gauthier, Giáng Vân... là tên những con người thật, kể cả hai nhân vật tác giả đã tự đổi tên theo yêu cầu của họ: Nhất Anh, Nhị Anh là có thật. Có thật để cuộc đời này đẹp hơn, để những người trải lòng với cuộc đời được nhận từ cuộc đời những tưởng thưởng xứng đáng, để người đọc, dầu chưa hề quan tâm gì đến giáo lý nhà Phật thấy được lẽ nhân quả báo ứng, lý vô thường và thuyết nhân duyên. “Trời đất bao la” không để gì tác giả gặp lại mộ người yêu xưa khi xe hồng trong một chuyến đi ngang qua nước Pháp!. Và chỉ có tấm lòng đối với Người bán sách trên bãi biển Nha Trang mà tác giả tìm lại mộ An Bình, cô em gái mà những lần tìm trước ngỡ như vô vọng. Những cơ duyên, những trùng hợp quá bất ngờ để khó tin là thật.

Từ câu nói ngây ngô của Thăng bé đánh giày...: “Bạn đồng đội của chú chắc là những người tốt”, từ lời hứa – rất trịnh trọng – với tác giả là ba thằng sẽ thường xuyên rủ nhau đến nghĩa trang quân đội Biên Hòa khi bốn người ghé thăm trên đường đi Vũng Tàu về, tôi nghĩ đây là một chi tiết tác giả cố ý đưa vào, rất tài tình, làm nên giá trị thật của truyện này. Xếp sách lại, tôi cứ mong rằng, trong một ngày không xa, bản dịch sang tiếng Anh của hai tập truyện sẽ được phát hành rộng rãi để các thế hệ F1, F2 của người Việt ở ngoại quốc hiểu thêm về một thời kỳ đau buồn trong lịch sử Việt Nam, đất nước mà ông bà cha mẹ các cháu phải bỏ đi dẫu biết trước phải đối đầu với muôn vàn khó khăn, kể cả cái chết.

Một số kết cục trong các truyện là buồn, tất nhiên, nhưng với lời ghi cuối truyện, như là nói lên tâm trạng của mình, tác giả đã giúp người đọc vui đi những cảm thương lẫn bức xúc. Nhờ đó, truyện của Phạm Tín An Ninh đi vào lòng người nhẹ nhàng, thoải mái và độc giả luôn mong chờ những sáng tác mới của anh.

uploaded in HD @ TunesToTube.com

	<p>Xương Ngân Viễn Nam Phong</p>	<p>CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC TRUYỆN RADIO TIẾNG NƯỚC TÔI 1816 TULLY ROAD SUITE 206, SAN JOSE, CA 95122</p> <p><i>Tác phẩm :</i> Cuộc Trùng Phùng Bỉ Thảm</p> <p><i>Tác giả :</i> Phạm Tín An Ninh</p> <p>WWW.RADIOTIENGNUOCTOI.COM</p>
	<p>Xương Ngân Viễn Phương Dung</p>	
	<p>Xương Ngân Viễn Cẩm Thu</p>	

Một Y Sĩ Hải Quân Đi Tù Cải Tạo Tại Miền Bắc XHCN

Nguyễn Vĩnh Bình

Tôi thật rất có phước được là một y sĩ Hải Quân, và tôi là y sĩ Hải quân duy nhất “được” đi tù “cải tạo” tại miền Bắc.

Nhiều người thương hại cho số phận hẩm hiu của tôi, nhưng tôi coi đó là một hân hạnh. Hân hạnh vì đất nước tôi trong cuộc tranh đấu cho Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ đã trải qua một cuộc chiến anh dũng. Nay vì vận nước nghiêng ngả, đồng bào lâm cảnh lâm than đau khổ, chúng tôi bị đi đầy tận miền bắc thì kẻ như chúng tôi tiếp tục tham dự cuộc chiến trong phần đen tối nhất và đóng góp phần đời và xương máu để cùng chia xẻ với cái nhục mất nước chung của toàn dân.

Sau đây tôi xin ghi lại khoảng đời đó của chúng tôi:

I-Y Bạ trích ngang.

Tôi tốt nghiệp Y Khoa Đại Học năm 1965, và được trưng tập về phục vụ Quân Chung Hải Quân năm 1966. Được bổ nhiệm làm việc tại Vùng II Duyên Hải, ở Cát Lở, Vũng Tàu và Bệnh Viện Hải Quân ở Sài Gòn và Khối Quân Y thuộc Bộ Tư Lệnh Hải Quân.

Năm 1972, nhà tôi được Bộ Y Tế bổ nhiệm làm việc tại Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Long Xuyên. Tôi xin chuyển về làm tại Bệnh Xá Căn cứ Hải Quân Long Xuyên.

Năm 1973, tôi được biệt phái về làm việc ở Long Xuyên.

II-Cuộc đổi đời.

Thế rồi ngày 30-4-1975 đến.

Một tiểu đội Việt Cộng từ Bắc Vàm Cống rụt rè tiến về thành phố.

Không một tiếng súng.

Không có cảnh đau lòng của bọn cách mạng 30 nhiều nhưng đường phố.

Nhưng bỗng nhiên mọi việc đều thay đổi. Một bầu không khí ngột ngạt bỗng xúông. Phố xá vắng người. Tiếng ra rả tối ngày của các loa tuyên truyền là vang động duy nhất của một thành phố đang hấp hối trở thành thị xã của tỉnh Long Châu Hà của Việt Cộng, gồm Long Xuyên- Châu Đốc- Hà Tiên cũ.

Công an xử bắn một hai người.

Bệnh nhân Quân Y Viện Long Xuyên bị đuổi ra đường. Các bạn ở Quân Y Viện bị đưa về đâu không biết. Anh em chúng tôi ở Bệnh Viện Long Xuyên rồi thì cũng bị gom vào trung tâm cải huấn cũ. Nơi đây tập trung đầy đủ quân-dân-cán-chính của chế độ cũ. Nhanh chóng chúng tôi trở thành tù, mặc dù chánh sách “khoan hồng” bảo là “cải tạo viên”. Chúng tôi sớm biết thế nào là ngoan ngoãn tuân hành nội quy cách mạng.

Ban điều hành trại cho một anh lao công cũ của trại lên nhận thư của một số anh em chúng tôi nhờ chuyển tin tức về gia đình, để rồi nạp cho trại. Chúng tôi bị tập hợp lại và bị “lên lớp”. Những anh em gởi thư lên liền bị điều động đi biệt tích, còn lại chúng tôi bị làm nhục, hăm he đủ điều.

Sau nhiều cuộc “biên chế” (sắp xếp), dân số tập trung bị chuyển đi dần, mà không biết chuyển đi đâu.

Lỗi tháng 8/ 75, chúng tôi gồm 5 y sĩ thiếu tá biệt phái của Châu Đốc, Long Xuyên bị đưa qua trại giam tù binh cộng sản ở Cần Thơ. Lúc này, toàn thể quân nhân thuộc Quân đoàn IV đều bị tập trung, và cấp tướng và đại tá đã bị chuyển khỏi vùng, còn lại cấp trung tá, thiếu tá và một binh nhất. Anh này không biết do ai cố vấn, tự động trình diện cải tạo với cấp bậc thiếu tá, hy vọng sẽ được tốt nghiệp như thiếu tá cải tạo để le lối với đời. Bị phát giác, nhưng anh vẫn được giữ lại, có lẽ để được xử dụng theo dõi chúng tôi.

Một hôm chúng tôi đang lao động nhỏ cò, một anh bạn thì thầm nhận xét: Việt Nam Xã hội chủ nghĩa sang thiệt! Dùng toàn thành phần bác sĩ để làm việc nhỏ cò. Mà sang thật, họ bắt chúng tôi vào tù, chúng tôi phải tự mình biến chế tự làm ra từ chiếc ghế nhỏ để ngồi đến soạn thiếc để ngủ, từ hội trường đến nhà bếp, từ xây giếng đến đào nhà xí. Bếp núc cũng do chúng tôi xây, dĩ nhiên nấu nướng cũng do chúng tôi. Đồ ăn thức uống thì nói cho có, chỉ toàn rau úng, cá ôi, gạo ẩm đầy sỏi cát. Khẩu phần thì ngày càng hạn chế. Trại cho như vậy là rất tốt để chuẩn bị chúng tôi vào học tập và đón nhận chân lý cách mạng và nếp song văn minh của Xã hội chủ nghĩa-

Bài học gồm 10 bài. Nội dung và cách giảng dạy rất sơ đẳng. Mục đích không phải là thuyết trình lý luận Chủ nghĩa vô sản, mà chính là để ghép chúng tôi vào tội phản quốc, chống cách mạng, là bắt chúng tôi phải nhận đã gây nhiều tội ác “trời không dung, đất không tha”, và phải thành khẩn khai tội lỗi càng nhiều càng tốt, càng khai nhiều tội thì càng sớm được cứu xét về lại với gia đình. Chúng tôi còn được khuyến khích, bắt buộc phải khai báo, phóng đại những “tội ác” có thật hoặc tưởng tượng của toàn thể các cấp của chế độ cũ. Dĩ nhiên là trại đã thất bại, chúng tôi đã “nín thở qua sông”, khai báo lấy có.

Sau cùng gần như toàn thể chúng tôi bị đưa ra miền Bắc.

III-Một chuyến ra đi, trên đất thù.

Vào tháng 6/1976, giờ “đền tội” đã đến. Giống như Tết Mậu Thân, ở Huế, vì sợ tổn đạn, hơn 3,000 đồng bào bị chôn sống trong những nắm mồ tập thể, giờ này, để khỏi mang tiếng diệt chủng như Pol Pot ở Cao Miên, chúng tôi bị đày ra miền Bắc để chết lẩn mò, suy kiệt ở các trại lao tù hẻo lánh của Thượng du Bắc Việt.

Chúng tôi xuống những chiếc chiếc tàu sắt dài khoảng 20 thước tại Bình Thủy, Cần Thơ. Qua một khung vuông, chúng tôi leo xuống một hầm bit bưng chặt hẹp vừa đủ chỗ để ngồi sát nhau. Suốt 4 ngày đêm, với nắp hầm được khép kín, tàu lên đênh không biết về đâu. Có anh trào phúng cho rằng: “chúng mình được đưa về phóng thích tại Sài Gòn trước sự chứng kiến của truyền thông quốc tế để chứng minh chính sách khoan hồng của

chế độ”, ai nấy đều ngao ngán, khoan hồng như thế này à? Cảnh người nô lệ thời trung cổ không thể tệ hơn.

Anh T.Đ.V, trung tá (đường như là bạn cột chèo với tướng Ng.C.K) huych tẹt cho rằng: Chúng nó đưa bọn mình ra Bắc chứ không có đưa đi đâu hết. Nghe ra ai nấy đều ngỡ ngàng. Miền Bắc xa vời lắm, đưa ra ngoài để làm gì?

Sau cùng thì đoàn tàu cũng cập bến. Vừa thoát ra khỏi hầm, ánh bình minh làm chói mắt sau những ngày trong bóng tối. “Xem kia, rặng núi nơi xa kia là rặng núi Bửu Long Biên Hòa, chúng mình sắp được về Sài Gòn rồi!” Đó là lần chót chúng tôi nghe nói đến 2 địa danh của miền Nam, vì hiện tại, chúng tôi đang đặt chân lên miền Bắc Xã hội chủ nghĩa, thành phố Vinh.

Xế chiều chúng tôi bị dồn vào những toa xe lửa để xuôi ra Bắc. Đường rầy xe lửa Xuyên Việt thời Pháp để lại, chiều ngang rất hẹp nên mỗi lần quẹo cua, thì xe chao đảo tưởng chừng như sắp ngã lúc nào không hay. Từ nay vĩnh viễn xa quê hương, sống chết có nghĩa gì!

Xe lửa chậm chạp đưa chúng tôi qua làng xã miền Bắc. Chúng tôi qua Thủ Đô Hà Nội nghèo nàn, vượt sông Hồng cạn nước, và đến một vùng đồi núi, cây cọ vùng Phú Thọ, đất của Tổ Hùng Vương. Trên toa xe có một linh mục già nhìn ngọn cây cọ xa xa, mắt chan chứa đồ lệ, vì đây là quê của ngài. Là người đã lia bỏ quê làng để vào Nam 20 năm trước, nay nhìn lại cổ quận qua khe vách của cửa xe tù, bảo sao mà cảm được nước mắt! Cha ơi, con xin chia xẻ và cảm thông với nỗi xót xa của Cha.

Tối đến, chúng tôi đến một nơi không biết là đâu, đèn đuốc lu cầm. Chúng tôi bị lừa xuống, và hồi hả bị đóc xuống một chiếc phà gỗ nhỏ. Chiếc phà được kéo bằng giây lược xuống một khúc sông khá rộng. Đó là phà Yên Bái vượt qua sông Hồng. Chúng tôi bị tách rời thành nhiều toán, và rải rác phân phối khắp miền Tháp Bà, Lào Kay, Tuyên Quang, Cao Bằng, Sơn La ... Nhóm chúng tôi được chất lên những xe Molotova và vát vát đoàn xe rỗng rần vượt qua núi đồi. Thế là hết, chúng tôi sẽ được đem đi dẫu ở những đỉnh núi miền Thượng du, để rồi như bầy cua bị nhốt cùng chung một rọ, lần hồi gãy gọng gãy càng chết lần chết mòn. Đang mệt mỏi ngủ gà ngủ gật thì có tiếng quát: “tối rồi, tắt cả xuống hết, khẩn trương tập hợp ...”. Thì ra trời vừa sáng, một

khoảng đất trống đầy sương hiện ra trước mắt, chung quanh núi đồi, không thấy nhà cửa, trại lều... thật là hoang vắng, sơn dã. Quá xa lạ, ngỡ ngàng, chúng tôi như con người máy, lữ lượt làm theo lệnh. Tối đến chúng tôi ngã người xuống đất đầy cỏ gai và sâu, ngủ một giấc không hồn.

Sáng hôm sau thức dậy, chúng tôi thấy còn sống vì còn nhận ra được mặt mày thân quen của bạn tù. Từng cuộn khói bốc lên sau các ngọn đồi chung quanh. À, bạn hữu mình cũng được phân phối quanh đây.

Chúng tôi thuộc Trại 6, Liên Trại 4 của Đoàn 776. Tất cả có 9 trại rải rác ở quận Phú Yên, tỉnh Sơn La, nghe nói cách Điện Biên Phủ 60km về phía tây.

Sau 3 tháng ổn định nơi ăn chốn ở, có nghĩa là làm từ con số không, với 2 bàn tay trắng chúng tôi đã xây dựng được trại, lán, và hàng rào tre chia cách các khu. Chúng tôi sống như những người tiền sử, không đèn đuốc, không dụng cụ, không 1 cây đinh, khúc sắt.

Tuy nhiên việc tẩy não không hề thiếu vắng. Nào họp tổ, bình bầu, đấu tố (vâng đấu tố) nghĩa là kiểm thảo, tố cáo, vạch mặt, chửi bới, không thiếu mục nào.

Những thức ăn chúng tôi hầu được sau nhiều đợt khám xét cạn dần. Cái đói, và bệnh đã xuất hiện.

Trời đã cuối Thu, se sẽ lạnh. Từng cơn gió ào ào thổi qua ngọn cây. Chúng tôi bắt đầu nếm mùi giá lạnh thượng du Bắc Việt.

Ngay sau khi đến đây được một tuần, một sáng đang tập họp nhận lệnh công tác lao động trong ngày, một lán báo cáo vắng mặt 4 anh. Anh em xầm xì “trốn trại!” Ai nấy đều cảm phục nhưng đầy lo âu cho 4 anh, thậm mong các anh thoát khỏi.

Bây ngày sau, bốn anh mình mấy sung vù, máu me, cùm trói như con vật, bị vệ binh kéo xệt về trại, và bị giam nhốt riêng ra. Về sau bị chuyển nào biết nơi nào. Cả năm sau, anh B, một trong 4 anh, vì bệnh phong, được chuyển về Bệnh Viện Yên Bái kể lại. Ngay ngày đầu, các bạn bàn với nhau và quyết định trốn trại. Các anh tích trữ khẩu phần ăn, muối, phơi khô. Tạm đủ, các anh rời trại vào buổi tối lố 11 giờ, tương đối dễ, vì vệ binh canh gác sơ sài. Nhóm gồm có một anh thiếu tá Biệt Động Quân, trước

có tham dự trận Điện Biên Phủ. Anh hướng dẫn đêm đi, ngày nghỉ, hướng về phía Tây, cố vượt biên giới Việt-Lào, để tìm đường đi Thái Lan ... Đến ngày thứ năm bị lộ vì quá đói, đào trộm sắn (khoai mì) của người Mường. Họ phát giác sắn bị đào, nên săn đuổi các anh ráo riết và bao vây các anh ở một ngọn đồi. Với giáo mác gậy gộc, họ lăn xả vào các anh, đánh đập, đâm chém, vừa la hét: “giết, giết bọn hút máu ăn thịt này, chính bọn này đã hãm hiếp, giết người, đốt làng xã của họ”. Toàn là những luận điệu tuyên truyền của nhà nước với người thiểu số.

Sau một hồi, tưởng là các anh đã chết, họ mới giao nộp cho công an xã và bọn này giải giao các anh cho bộ đội trại. Đó là trận đào thoát thất bại đầu tiên mà chúng tôi chứng kiến.

Một buổi sáng, chúng tôi gồm khoảng 14 anh em gồm y, nha, được sĩ được chọn từ 9 trại về 1 nhà trảng xi măng duy nhất của liên trại để thành lập bệnh xá. Nhà này nghe nói trước là nhà tù Sơn La của thực dân Pháp, giam cầm các lãnh đạo cộng sản đầu thập niên 40. Cùng với 5 anh em được chuyển về từ các trại khác, chúng tôi bắt đầu vào việc chuyển nhà giam thành bệnh xá. Từ tay không, và không phải tay nghề, chúng tôi đã dựng nên được một nơi mà chúng tôi hy vọng các anh em đồng cảnh tù bị bệnh sẽ tìm được sự chăm sóc, hoặc ít nhất là sự an ủi cảm thông, vì chúng tôi thừa biết phương tiện y tế và thuốc men kể như là số không.

Quả vậy, sự hiện diện của chúng tôi, những người áo trắng, giữa cảnh tù tội, đã đem lại cho anh em tù một nguồn an ủi. Vì trong mấy tháng vừa qua, một số chúng tôi đã giúp nhiều đồng đội trong cơn bệnh hoạn, ngay cả đã giải phẫu một, hai trường hợp cứu cấp khá thành công, cán bộ, bộ đội cũng lén lút đến nhờ chúng tôi cứu chữa, hoặc xin thuốc “con nhộng” (Aureomycine, Terramycine...). Phần nào chúng tôi cũng có được sự nể nang âm thầm, nhưng vẫn phải chịu chung sự đối xử nhục nhã, thô bạo của kiếp tù. Nhất là trong những buổi học tập chính trị không thể thiếu.

IV-Lên đồi: xin nhận nơi đây là quê hương.

Anh em bệnh hoạn từ các trại được chuyển về. Có gì đâu để chữa trị, nhưng ít nhất cũng không phải lao động.

Và cái chết đầu tiên xảy ra: đó là một anh Trung Tá bị ung thư phổi giai đoạn cuối. Thật đau lòng. Tuyệt vọng không phải vì không thuốc chữa, nhưng mộng ước được chết giữa người thân yêu xa vời, mặc dù đã nhiều lần xin cứu xét.

Anh ra đi! Một kiếp người. Ai nấy đều tủi cho số phận của anh và cũng của chính mình.

Anh thứ hai là một trung tá của Quân đoàn II. Anh được chuyển đến để làm lao động cho bệnh xá. Anh rất yếu, bị “xơ gan cổ chướng” (Cirrhosis), anh cùng tôi nằm gần bên nhau. Anh rất hiền lành. Tôi không nghe anh than thở, xin hỏi thuốc men. Một tối, anh mửa ra máu và ra đi. Tôi tiễn người bạn tôi lên đồi.

Nhưng có một anh khi ra đi đã gây trong lòng tôi một nỗi buồn sâu đậm. Anh đến bệnh xá vì có vẻ khác thường: Thầm lặng và biếng ăn. Một đêm anh lên cơn làm náo động cả bệnh xá. Vệ binh ôm súng lên cò la hoảng: “Tù binh thoát trại”. Chúng tôi giữ yên được anh. Sáng ra, ban quản giáo ra quyết định cách ly (nhốt riêng) anh. Anh hoàn toàn mất trí. Tôi tình nguyện săn sóc anh. Tôi sống với anh 24/24 ở một chòi cách ly. Giữa mùa Đông giá lạnh, sống và chăm sóc một người lú lẫn nặng không phải dễ. Ban ngày đút cho anh ăn chiếm cả thì giờ. Tối lại, anh thường lên cơn, vì bóng tối khiến cho anh hoảng sợ, tôi phải canh anh suốt canh dài. Cả một sự kiên nhẫn, ân cần giữ anh sống được qua ngày. Rồi anh yếu dần và ra đi sau một cơn động kinh. Tôi chăm sóc anh như một người thân. Anh đi rồi, tôi buồn lắm.

Một buổi tối, cận Tết, chúng tôi nhận lệnh đón một bệnh nặng từ Trại 9 chuyển đến. Đến 4 giờ sáng anh mới được vồng đến (anh nằm trên vồng do hai anh gánh đến). Anh bị bệnh viêm màng bụng (peritonitis) đã 2 ngày, tình trạng rất nguy kịch. Cán bộ ra lệnh “phấn đấu giải phẫu!” Trại mọc gần bên “khẩn trương” đóng bàn giải phẫu. Anh V.T.A (cựu Thứ Trưởng Bộ Chiêu Hồi) được lệnh đi bệnh viện Phú Yên (cách 7-8 km) xin tiếp liệu y cụ và được phẩm cần thiết cho cuộc giải phẫu. Phải đến 2 giờ chiều anh mới về trại. Anh kể, anh phải chờ, Bác sĩ bệnh viện đang bận giải phẫu. Và bác sĩ quả thật đang mổ heo, vì ngày hôm nay là ngày bệnh viện được cấp 1 con heo. Bác sĩ mổ thịt chia bán cho nhân viên. Anh A. mang về được một chai nước cất, 2 ống ether, 2-3 cuộn băng. Thế thôi.

Chưa có ca giải phẫu nào mà có nhiều bác sĩ, dược sĩ tham dự như vậy, và cũng không có cuộc giải phẫu nào mà y dụng thô sơ đến như thế. Đánh thuốc ngủ bằng đồ ether qua một lớp bông gòn, bịt ngay lỗ mũi. Cuộc giải phẫu rất đơn giản. Thành bụng lép xẹp, không mỡ, bị rạch mà không chảy máu (có máu đầu mà chảy). Ổ bụng có mù, một cọng rễ (có lẽ là rễ một loại rau dại) đâm thủng thành ruột non mỏng dính. Phải nung tay lắm mới khâu được lỗ thủng. Và cũng vừa lúc bệnh nhân cựa quậy ra khỏi con mê vì đã hết ether từ lâu. Thành bụng không khâu, sợ bệnh nhân chết vì quá yếu, chịu đau không nổi.

Hai ngày sau, khi chúng tôi lao động trên núi, có tiếng keng từ Bệnh xá gọi về. Qua khỏi cổng, chúng tôi nghe: “Gi. đã địt được rồi!” Ai nấy đều mừng, đường ruột của anh Gi... đã hoạt động. Và chúng tôi có được những ngày Tết ấm cúng bên cạnh đồng củi khô cháy rực giữa phòng, với sự bình phục của anh Gi., một Gi., cựu tiểu đoàn trưởng Biệt Động Quân vui tính và rất tiếu.

Sau Tết riêng mình tôi bị “biên chế”. Tôi người trẻ nhất, bị tách rời để đi Yên Bái. Anh em ái ngại nhìn tôi trèo lên xe Molotova chở đầy bộ đội xa rời liên trại.

V-Bệnh viện Yên Bái, Đoàn 776.

Vào khoảng trưa, tôi qua phà Yên Bái, và được đến một ngọn đồi, mênh mang giữa bao ngọn đồi- Nơi đây tôi gặp lại Ng. Tr. B., trung tá Công Binh trước cùng nằm bên nhau ở trại tù Cần Thơ. Anh và một nhóm anh em được điều động đến xây dựng một lều tạm để bắt đầu xây dựng bệnh viện xử dụng chung cho trung đoàn 776 và tù cải tạo.

Lần hồi tụ tập thêm một nhóm anh em hạ sĩ quan Cảnh Sát Quốc Gia, trước bị giam ở Phú Quốc, và 3 bác sĩ tuyển mộ từ các trại Tháp Bà, Tuyên Quang, Nghĩa Lộ.

Chúng tôi lại xây dựng từ con số không, với 2 bàn tay trắng. Đến khi vào sinh hoạt, chúng tôi có 1 khu cho chỉ huy trại, khu cho cán bộ quân giáo, khu giải phẫu và điều trị cho đoàn 776, khu dành cho bệnh nhân cải tạo, một nhà chờ xuất viện, một khu nhà bếp, một gian nhà cho tù cải tạo phục vụ bệnh viện, và một khu cách ly.

Chúng tôi xây được một cái giếng ciment, và những cầu xí 2 ngăn.

Không bao lâu, bệnh viện lác đặc nhận bệnh, bộ đội, cán bộ riêng, tù cái tạo riêng. Ba anh bạn bác sĩ được phân phối phục vụ bệnh viện, cùng với một số anh em già yếu. Tôi được sắp cùng với số còn lại để lao động nặng. Ngoài ra, có một số được chia ra để làm mộc, đóng bàn ghế, rương hòm cho cán bộ, và một số khác phụ trách trông trọt tăng gia nuôi cả trại.

Tôi ở đây từ đầu năm 1977 đến cuối năm 1978. Nơi đây tôi chứng kiến vực thẳm của tù đầy và sự vinh quang của sự đổi mới.

VI- Hai bạn trong số bạn hữu lại ra đi.

Đúng vậy, thời buổi này là tệ hại nhất. Thiếu ăn, rét lạnh, và dịch bệnh tàn phá chúng tôi không thương tiếc.

Không thăm nuôi, không tin tức gia đình, lao động nặng, khí hậu khắc nghiệt đã quật ngã chúng tôi. Chúng tôi là những xác không hồn, những sinh vật bò bốn chân, lê lét ba chân. Anh em chúng tôi thi nhau ra đi. Riêng tại bệnh viện, những anh em may mắn được chuyển đến, để rồi cũng tiếp tục ra đi. Làm gì được? thức ăn không có, lấy gì có thuốc mà cầm cự. Chúng tôi hết đào huyết rồi lại đào mồ. Chúng tôi liên tục vác các anh em chúng tôi nằm trong 6 tấm ván mục sơ sài xuống đồi. Có lắm lần đường đồi trơn trượt, chúng tôi chúi nhúi, hòm các anh rớt xuống, lăn đề lên chúng tôi. Đâu đó có tiếng cầu nguyện: “Quý anh ơi, xin ra đi thanh thản, chớ bận bịu mà ôm chúng tôi làm gì, tội chúng tôi lắm ...”

Tôi nhớ rõ hai trường hợp.

****Anh Ph Q T, trung tá giải ngũ.***

Anh bị sơ gan cổ chướng. Bụng to như trống châu, da bụng mỏng tanh. Trong gói quà mà tôi nhận được lần duy nhất từ khi ra Bắc, có một gói bột Bích Chi. Tôi đem tặng anh, anh không nhận. Tôi phải thuyết phục anh: “anh dùng đi, cái này rất tốt, vì theo phương pháp dưỡng sinh Nhật Bản, bột gạo lúc có rất nhiều chất bổ dưỡng trị được sơ gan”, Anh nhận, nhưng anh biết rõ tình trạng sức khỏe của anh. Một đêm, anh ọc ra từng bụm máu. Tôi

ngồi bên anh, giữ anh ngồi để máu không tràn vào phổi, anh thì thào: Bác sĩ cho tôi nằm. Anh nằm xuống, gương mặt xanh xao, nhưng tỉnh táo: Bác sĩ, tôi yên tâm có bác sĩ bên cạnh, tôi chết không tiếc nuối. Bác sĩ có được thả về, nhờ ghé nhà tôi báo tin dùm.

- Anh T, tôi xin hứa. Anh có muốn tôi rửa tội cho anh không ?

- Xin Bác sĩ giúp tôi.

- Tôi rửa tội cho anh Phêrô T, Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần.

Anh T lạnh dần và ra đi.

**Anh Trung Tá Lê Văn Ngôn,
người hùng Tổng Lê Chân.*

Anh đến bệnh viện từ lúc bắt đầu. Anh bị bướt ác tính vòm họng, di căn qua các hạch ở cổ và vòm họng, bóp nghẹt khí quản và thực quản. Anh thở và ăn uống rất khó nhọc. Dáng anh rất thư sinh, một thư sinh rất ốm đang vật lộn với căn bệnh ngặt nghèo. Sáng nào cũng vậy, anh để cả tiếng đồng hồ để cố khắc nhỏ đờm dãi ứ đọng trong cổ, để rồi dùng cả buổi để cố gắng nuốt thử hạt bo bo. Nếu có hình ảnh kiên trường chiến đấu cùng tử thần, thì đó là hình ảnh của anh. Hình ảnh thảm thương của cuộc chiến đấu vô vọng trong thẳm lặng anh dưng (gémir, crier, ce n'est que lâche!), anh kéo dài được hơn một năm. Ngày cuối của anh là một đêm rất lạnh. Tôi ngồi cạnh anh, anh rất yếu, khó khăn lắm mới rút được một hơi mỏng manh. Anh bảo: "Chắc... tôi... chết", tôi ái ngại xoa bóp lưng anh, tôi không biết nói chi.

Chôn cất anh xong, nhớ lại câu trối của anh: "Chắc tôi chết!", tôi mới hiểu sự quyết tâm của anh chống lại cái chết để anh về với gia đình, cho đến hơi thở cuối cùng anh mới: "Chắc tôi chết". Anh Ng ơi, người chiến sĩ già không bao giờ chết, họ chỉ thoảng qua thôi.

VII-Những Tướng VNCH đã qua Bệnh Viện Yên Bái.

**Chuẩn Tướng Phạm Hà Thanh,*

Cục Trưởng Cục Quân Y đến bệnh viện không phải để được điều trị, mà chỉ để tạm trú qua đêm, để hôm sau xuôi về

Nam, có lẽ dễ được phóng thích. Chúng tôi rất vui mừng, “hồ hởi” vì ông là người đầu tiên thoát khỏi thiên đường Cộng sản.

****Thiếu Tướng Đoàn Văn Quảng,***

Cựu Tư lệnh Lực Lượng Đặc Biệt đến bệnh viện vì bị đau dạ dày. Là tướng lĩnh của Quân lực VNCH, ông không bao giờ hạ mình tuân lệnh nội quy bệnh viện là nghiêm chỉnh đứng chào cán bộ mỗi khi họ vào phòng. Bọn nhóc thì vô cùng tức giận, hoạnh hộc chửi rủa cộc cằn. Chúng liền trả ông về trại cũ. Có sao, ở đây cũng chẳng có thuốc men, khác chi ở trại. Tôi được biết ông mất một thời gian sau đó, và cũng chẳng có thuốc thang gì.

****Thiếu Tướng Nguyễn Xuân Trang,***

Bộ Tổng Tham Mưu, được đưa đến bệnh viện trong cơn đau đốn tột cùng của Acute Glaucoma Crisis (cơn đột phát tăng nhãn áp cấp tính). Ông đến không đúng lúc vì lúc đó bệnh viện đang có một phái đoàn y tế cao cấp đến công tác, phổ biến và nâng cao trình độ y-học cho cán bộ bệnh viện. Họ đem trường hợp của ông để giảng dạy và phổ trương. Họ đem ông vào phòng mổ, và biểu diễn tài giải phẫu, bằng mổ và móc mắt ông. Đây là cách điều trị siêu hạng của xã hội chủ nghĩa. Từ nay một Tướng VNCH nhờ được ta cứu, nhìn vinh quang cách mạng với một con mắt đầy cảm phục!

****Y Sĩ Thiếu Tướng Vũ Ngọc Hoàng,***

Cựu Cục Trưởng Cục Quân Y đến vì bị sa bẹn (hernia). Sợ trường hợp của Thiếu Tướng Tr tái diễn, anh bạn Bác Sĩ Ph T L nài nỉ xin được làm phụ mổ. May phước, Tướng H được tai qua nạn khỏi. Ông được xuất viện trả về trại cũ sau khi được mổ khá bình thường.

*Một ông Tướng của Thống Tướng Tướng Giới Thạch, tình nguyện phục vụ cho Quân Lực VNCH được đưa đến bệnh viện vì bị đái ra máu do nhiếp hộ tuyến bị sung. Ông rất hễ hà, nói không rành tiếng Việt. Không thuốc men gì, trả về trại thôi.

VIII-Một tù cải tạo hào hùng- Một bạn vàng.

*Ở bên Trại 4 Hoàng Liên Sơn có một cải tạo viên rất nổi tiếng. Từ Nam ra Bắc, anh có cuộc sống rất hào hùng, dọc ngang trời đất, trên đầu nào có ai. Anh sống rất hiền ngang, coi bọn cán bộ không ra gì. Anh có cái hay là lúc nào anh cũng thoát khỏi đòn

thù của bọn họ. Đó là Tiểu Đoàn Trưởng Nhảy Dù Nguyễn Lô. Tôi được kể lại khi ở trại Sơn La, một sáng ra ngoài lao động, đội đang đi thì có một thiếu phụ người Dao (đồng bào Dao rất nổi tiếng vì cái đầu tóc rất bù xù, một năm mới tắm gội một lần) đi ngược chiều. Anh Lô bỏ hàng ngũ và bước tinh bơ theo gót người đẹp và chung sống được một tuần. Nhớ bạn bè, anh lại trở về trại, không nghe nói anh bị hình phạt ra sao, chỉ biết một thời gian sau, anh được chuyển đến bệnh xá của các bạn đồng nghiệp cũ của tôi, vì chảy máu hậu môn (trĩ). Các bạn đồng nghiệp tìm cách chuyển anh về bệnh viện Yên Bái. Anh có đến gặp tôi và chuyển lời chào của các bạn cũ.

Một thời gian sau, anh xuất viện, nằm ở Khu chờ đợi trại cũ đến lãnh về. Một bữa lúc 4:30 giờ sáng anh âm thầm ra trại, đem theo quần áo bạn bè ra chợ Yên Bái đổi lấy thức ăn, bánh trái và ăn uống suốt ngày thoải mái. Đến 11 giờ đêm anh lục tục đi về. Trong nháy mắt, anh quăng phất tất cả bánh trái cho anh em, vừa đúng vệ binh chạy đến bắt và còng anh đi. Sáng sớm tôi ra giếng rửa mặt, gặp anh bị còng trói phơi người trong đêm lạnh. Tôi nhìn anh đầy thán phục, anh nhìn tôi mỉm cười coi như trò chơi. Anh thật là một hảo hán trong cõi lao tù.

*Đồng thời ở bệnh viện Yên Bái có một anh rất được mến mộ, anh Đại Úy Thiết giáp T.T.V. anh có dáng như một ông Địa, tay chân, bụng, mặt no tròn, sung phù. Cái miệng như lúc nào cũng cười toe toét. Anh bị viêm thận vô niệu, mỗi ngày chỉ đái được vài giọt nước đỏ lôm. Và cũng không có thuốc men gì cả. Trong gói quà tôi nhận được có ít viên B1 nội hóa, tôi đem cho anh uống. Do sự trùng hợp ngẫu nhiên, trong đêm anh đi đái được và đái rất nhiều. Sau 2 ngày, anh như ông già Michelin bị xì hơi thành một anh hề Hardy ốm lòi xương. Chúng tôi trở thành đôi bạn đầy cảm thông. Chúng tôi không nói gì với nhau nhiều, nhưng mỗi lần gặp nhau chúng tôi thấy vui trong lòng.

IX-Một sự hồi sinh.

Thời gian ở bệnh viện Yên Bái là thời gian khô tâm vô cùng. Tôi tìm lại nguồn an ủi bằng cách ôn lại trong đầu, những bài giảng đạo khi tôi còn học trường Lasan Taberd. Một ông trung tá cho tôi mượn đọc một cuốn sách Kinh mà ông dấu được. Hằng

đêm tôi đọc kinh thầm và suy gẫm lời thánh kinh. Lân hồi trong tôi xâm nhập lòng thương xót và hoài niệm về Tình Thương. Cái đói lạnh, cái khổ thể xác và tinh thần vẫn còn đó, nhưng tôi cảm thấy dễ chịu hơn. Chung quanh tôi có rất nhiều gương của lòng tốt, tình người. Bọn tôi không ai có thể thoát chết mà về được với gia đình nếu không có sự giúp đỡ, chia sẻ, săn sóc và an ủi của anh em đồng cảnh tù. Về sau tôi được chứng kiến nhiều cảnh cảm động của những cụ già, những thiếu phụ xanh xao ốm yếu, những trẻ thơ gầy guộc ngơ ngác, lặn lội từ xa, gồng gánh những gói quà ra nuôi và cứu chữa anh em chúng tôi. Chính tình yêu của gia đình đã vực chúng tôi khỏi vực thẳm của tử thần.

Tôi cũng đã chứng kiến, trong cảnh lao tù thiếu thốn, một số trong anh em chúng tôi đối xử đầy tình người với chính những kẻ đã đối xử chúng tôi như kẻ thù, và chúng tôi cũng giúp đỡ được đồng bào trong những trường hợp hy hữu. Ngược lại, không ít trường hợp chúng tôi cũng nhận được lòng tốt của cán bộ, vệ binh và đồng bào, tuy là lén lút.

X-Một thời buổi đáng ghi nhớ: Sưởi ấm ở Quảng Ninh.

Thuở đó, vào cuối năm 1978, có tin đồn có vấn đề biên giới Việt-Trung. Đoàn 776 có dấu hiệu “biên chế”. Khu dành cho Đoàn bị giải tán. Bên cải tạo thì có nhiều trường hợp chuyển trại. Còn lại một phần nhỏ để thanh toán trại và 40 anh em bệnh nhân quá yếu không thể chuyển trại được. Tôi được trại “bổ trí” để lo cho 40 anh em này để chuyển tới một địa điểm mới.

Lần đầu tiên trại mượn 2 chiếc xe dân sự, loại Volkswagen 14 chỗ ngồi, chở chúng tôi về Quảng Ninh, một trại tù dân sự do Công An quản lý. Chúng tôi bị nhốt trong một phòng gạch có 2 hàng băng xi măng, có từng trên bằng gỗ làm giường ngủ. Nơi đây có 2 cụ già rất yếu, còn sót lại sau đợt chuyển trại của các viên chức cao cấp chế độ Cộng Hòa, trong đó có Đại Tá Văn Văn Cửa, cựu Đô Yrường Saigon. Một cụ là chủ lò Thủ Thiêm, một cụ là khóm trưởng. Hai cụ vì bị thù oán cá nhân với bọn cách mạng 30 địa phương mà bị đẩy ra đây.

Hàng ngày một trung úy công an với một tù hình sự đến mở cửa sắt, điếm danh, cho tù hình sự đem nhiều bó tre đến để cho chúng tôi đan rổ rá. Chiều đến, ông ta đến kiểm điểm thành

quả lao động trong ngày và nhốt chúng tôi lại vào “chuồng” và đương nhiên là không có thuốc men cho mỗi ai. Ông chỉ định tôi chịu trách nhiệm anh em.

Những ngày đầu chúng tôi rất khôn khổ, chia ra từng nhóm riêng rẽ, và có xảy ra hục hặc tranh chấp. Một bầu không khí nặng nề khó chịu bao trùm chúng tôi, ai nấy nặng trĩu ưu tư, lo sợ. Cảnh thế này, thì khó tránh được điều tệ hại nhưt. Chúng tôi cùng quyết tâm với nhau:

- Không có thuốc, thì phải cố gắng tránh cho bệnh không trở nên trầm trọng.

- Không ăn uống đầy đủ, thì phải tiết kiệm năng lượng.

Làm sao?

- Lao động tối thiểu.

- Ngủ nhiều để dưỡng sức, vì mất ngủ sẽ hao mòn sức khỏe rất nhanh.

- Tránh buồn phiền ưu tư và gây gổ.

- Nâng cao tinh thần bằng vui ca, và tự hào về đời sống “ngụy” của chúng mình.

Từ đó chúng tôi làm việc cầm chừng. Nhiều anh sinh hoạt làm thơ, học đàn, sáng tác nhạc. Tối lại chúng tôi đờn, ca hát nhạc vàng, kể nhau thành tích quá khứ, truyện chương và truyện tiểu lâm. Và chúng tôi đi vào giấc ngủ lúc nào không hay. Chúng tôi có cuộc sống bất chấp kỷ luật và nội qui trại (cùi rồi đau sợ lờ). Cũng may, ông trung úy và cả trại dường như bỏ bê chúng tôi. Chúng tôi đâu có hay rằng chúng tôi được đoàn 776 chuyển đến đây để tạm trú, trong những ngày tháng giá lạnh của mùa Đông. Chúng tôi đã qua được những ngày lạnh giá mùa Giáng Sinh và mùa Tết 78-79 đáng ghi nhớ nhất, vì chúng tôi đã sống như con người của chúng tôi trước năm 75. Không một ai trong chúng tôi bị trở bệnh và mệnh hệ.

XI-Trại Mã Nam Định, rửa tội và về Nam.

Ra xuân, vào tháng 4/79 chúng tôi được trả về trại Nam Hà do công-an quản trị. Chúng tôi được đưa đến trại Mã, trại bệnh của hệ thống trại tù Nam Hà. Trại này ở ngoại ô Phú Lý, Nam Định, cạnh một nhánh của sông Mã. Trại có rất nhiều anh em cải tạo bệnh nặng từ các trại tù Nam Hà chuyển đến. Hằng đêm tiếng

còi hú của đoàn tàu xuôi nam làm không ít anh em thức giấc đêm dài.

Tại đây chúng tôi bắt đầu được gia đình ra thăm nuôi, và trại cũng bắt đầu kinh doanh làm tiền bằng cuối tuần nấu phở bán cho cải tạo viên, hoặc trao đổi lên lút hàng hóa. Và cũng tại đây bắt đầu có những đợt phóng thích. Mỗi lần thấy một số trong 40 anh em chúng tôi được về xum họp cùng gia đình, trong tôi có một cảm giác mừng vui khó tả.

Đặc biệt nơi đây, cha H (tôi gọi thân mật như vậy) linh mục dòng Đòng Công đã rửa tội cho tôi dưới sự chứng kiến của một vài anh em Công Giáo.

Ban trật tự sắp xếp tôi làm công tác y tế cho trại. Đó là mỗi sáng sớm khám những anh em khai bệnh để khỏi lao động. Đã nói nơi đây là trại bệnh, nhưng ban điều hành lại vẫn bắt anh em lao động, dù là chẳng có gì, nhưng mục đích vẫn là đây ải. Vì vậy anh em nào không muốn lao động thì tôi cứ ghi thuận “miễn lao động”, cùng lắm thì tôi sẵn sàng bị đuổi, trở về cùng với anh em lao động.

Rồi một ngày tôi được kêu lên trại “làm việc”. Tôi bị bắt ký vào một tờ giấy khai tôi không bị hành hạ ở trong các trại cải tạo.

Hôm sau, một mình tôi bị chuyển trại. Tôi buồn và hoang mang, nhưng sau hàng rào, sao lại có một vài anh em vẫy tay chào tôi vui vẻ?

Tôi được đưa vào trại A, Nam Hà vào ngày lễ 2/9. Gặp lại một vài bạn các trại tù cũ, tôi được biết nơi bệnh xá trại này đã đã quy tụ các anh em đồng nghiệp đã ở cùng chung trại ở Sơn La.

Sáng hôm sau, chúng tôi độ 14 người được tập họp ở một khoảng sân trống. Nhìn lại toàn là anh em chúng tôi, đều là những Y Nha Dược sĩ của các trại tù miền Bắc. Một cán bộ tuyên bố: “Các anh được tự do, chúng tôi sẽ đưa các anh ra ga Hàng Cỏ, Hà Nội. Chúng tôi sẽ trao các anh vé tàu lửa và tiền lộ phí. Kể từ đây chúng tôi hết trách nhiệm về các anh.”

Chỉ có vậy, vào tù cũng không có lệnh, ra tù chỉ là lời nói! Tôi giữ lại một kỷ niệm với Thủ Đô Xã hội Chủ nghĩa bằng ăn một tô phở ở chợ Đổng Xuân. Tương là bát phở nổi danh của Hà

Nội 36 phổ phùng, nhè dẫu là tô phờ nhạ nhè xã hội chủ nghĩa mà ngay cả tôi, một tù cải tạo đói khát cũng không thương thức nổi!

XII-Từ tù nhỏ ra tù lớn.

Sau 4 ngày 5 đêm thì chúng tôi cũng về được đến Sài Gòn thân yêu. Ga Bình Triệu hơi vắng. Chúng tôi xuống sau cùng một vài bạn được gia đình đón rước. Rồi tất cả cùng rời đi, còn lại tôi và một anh bạn nha sĩ trẻ, không tiền, không thân nhân. Một bác phu xích lô máy đồng ý chờ chúng tôi về nhà, trả tiền sau.

Mà nhà nào? Nhà tôi quanh chợ Bà Chiểu, gần rạp hát Cao Đòng Hưng nay còn đâu. Thôi thì về nhà ông bà già vợ ở đầu đố ở Hóc Môn. Trong thư duy nhất mà tôi nhận được, ba má nhà tôi bị đuổi ra khỏi nhà ở trong nha Mục Súc, và có về Hóc Môn, ở ấp Cây Sộp làm trại nuôi heo. Bác xích lô máy chờ chúng tôi qua Hạnh Thông Tây, đến chợ Cầu. Nơi đây có vài trại nuôi heo, và hỏi thăm trại của bác sĩ Tư. Và đây rồi, chúng tôi cũng tới được: “Ba má ơi, con về đây!”

Tiếng chó sủa rân, một ánh đèn dầu bật sáng. Em vợ tôi bật cửa chạy ra. Vào nhà, ba má già nua thấy rõ, nhìn hai chúng tôi ngỡ ngàng và thương hại.

Hai tin tức đang chờ tôi.

- Má tôi và cả gia đình bên tôi đã vượt biên và hiện đoàn tụ cùng một người chị và một người anh đã ra đi từ 4/75. Ngoại tôi 84 tuổi cũng đi theo vượt biên, bà thờ hơi cuối cùng khi vừa đặt chân trên đảo Bidong. Bà đã hy sinh cho con cháu được sống. Ngoại ơi, ngoại ... ơi.

- Tin thứ nhì là nhà tôi và thằng con trai 10 tuổi đang ở miền Bắc, tìm cách thăm nuôi tôi.

XIII-Một thiếu phụ, 2 con giữa giữa bầy thú dữ.

Nhà tôi là một trong 2 bác sĩ chế độ cũ còn lại phục vụ cho Bệnh Viện Long Xuyên. Nhà tôi phụ trách ngoại khoa và giải phẫu, làm việc rất bận rộn và vất vả. Cùng với toàn thể nhân viên chế độ cũ, nhà tôi được ban giám đốc và lãnh đạo đối xử như những công dân hạng hai (second class citizen). Vào thời bao cấp, ngăn sông cấm chợ, nhà tôi và 2 con sống rất chật vật và thiếu

thốn như mọi người. Không được tin tức của tôi là nỗi đau lòng luôn luôn canh cánh bên lòng. Nhà tôi cần cỗi và tiêu tụy trông thấy.

Đã vậy có lắm lần bọn cách mạng tìm cách lại ve vãn nhà tôi. Có một anh chàng đến nói thẳng: "Thằng chồng của cô sẽ không bao giờ được thả về, có thể mới bắt cô ở lại phục vụ bệnh viện chớ. Cô nên sớm lo liệu cho cô đi!"

Rồi có lần hắn đến dẫn một cái cộp cây súng lục trên mặt bàn và nói: Nhiều khi lời nói không đem đến kết quả, thì vật này sẽ làm được việc. Cũng may, hắn ta, có lẽ có quá nhiều thành tích, nên bị chuyển công tác khỏi tỉnh.

Khi chuẩn bị vượt biên, má tôi cũng kêu nhà tôi cùng đi, bảo rằng: "Biết bao giờ thằng Bình mới được thả về!" Nhà tôi vâng lời. Trùng vào ngày nhà tôi và 2 con đi theo chị tôi xuống rước để xuống ghe trốn đi, thì nhận được lá thư duy nhất của tôi gửi về từ Yên Bái. Nhà tôi nảy ra ý: Nếu nhà đi vượt biên thì bao giờ tôi mới được ra tù? Vì vậy vào giờ chót nhà tôi ở lại. Cũng may tối hôm đó, thằng con trai lên cơn sốt, nó bị sung màng óc. Số nó còn hên, nên được cứu chữa kịp thời.

Có một bạn tôi, bác sĩ Đ.H.Đ làm ở Châu Đốc. Anh bị sắp cho đi tù vì bị kết tội là cố tình mổ chết một cán bộ. Nhà tôi cho anh hay và nói anh khai bệnh để chuyển từ Châu Đốc xuống Long Xuyên để nhà tôi gấp rút chuyển anh về Bệnh Viện Bình Dân vì quá khả năng điều trị. Trước khi đi anh kịp thời bảo nhà tôi "chị ráng lo cho thằng Bình, chớ không thì nó sẽ chết ngoài Bắc" Anh cho nhà tôi địa chỉ của bạn cùng lớp, BS N.V.Tr, anh này là em Thứ Trường Bộ Y Tế, Sáu Cương.

Nhà tôi liền lên gặp anh Tr và Sáu Cương. Ông này nói thẳng "Ai tôi cũng muốn xin về để phục vụ ngành y tế rất thiếu bác sĩ, nhưng vừa lãnh xong, vừa về, thì hôm sau lại đi vượt biên tuốt luốt. Coi kìa, Bác sĩ T.Ph.L cũng là bạn của Tr và chồng cô, tôi lãnh về xong thì cũng vượt biên mất rồi. Vậy cô có bảo đảm với tôi rằng nếu được lãnh ra về, anh Bình và cô có hứa sẽ ở lại phục vụ hay không?"

Nhà tôi trả lời ngay tức thì "danh dự không cho phép tôi hứa những gì trong tương lai thời thế không cho tôi giữ được."

Qua là câu trả lời quá bộc trực của dân miền Nam. Ông Sáu Cương cảm thông và đích thân viết một đơn xin lãnh chồng và đưa cho nhà tôi ký.

Vừa về lại Long Xuyên thì có một cô em đến cho nhà tôi hay: “Em mới vừa thăm ba em ở tù ngoài Bắc vừa về. Ba em cho biết Bác Sĩ Bình đang ở cùng trại với ba em, và Bác Sĩ Bình bệnh rất nặng. Bà bác sĩ đi thăm mau đi, kéo không kịp.”

Tin này loan ra mau, rất nhiều người thân đến giúp nhà tôi chuẩn bị đồ đạc để gấp rút ra thăm tôi. Cùng lúc trong bệnh viện có một bệnh nhân già bị thổ huyết nặng vì loét bao tử. Nhà tôi mổ khẩn cấp. Hôm sau trước khi về Sài Gòn để ra Bắc, nhà tôi vào bệnh viện hậu phẫu thăm ông. Con ông cảm ơn nhà tôi: “Nghe nói bác sĩ sắp ra thăm ông ở ngoài Bắc, tôi có thể giúp bác sĩ mua vé máy bay.” Thời buổi này mà đòi đi thăm chồng bằng máy bay thì chuyện không tưởng, nhà tôi không chú ý lắm. Cho đến khi đến ga xe lửa Sài Gòn mua giấy, thì được bảo rằng phải đăng ký một tuần lễ mới có vé, nhà tôi mới đến nhờ mua vé máy bay, và mua được 2 giấy cho cả hai mẹ con ra Bắc.

Hôm sau nhà tôi và thằng con trai được cô B, một bệnh nhân cũ đến đưa ra phi trường. Tại đây công an đòi phải xuất trình thẻ công nhân vì trên vé máy bay ghi tên nhà tôi là công nhân công ty xăng dầu đi công tác ở Hà Nội. Cô B liền bảo nhà tôi đứng chờ, cô chạy lên lầu và trở xuống với một cán bộ. Ông này là cháu của cô và cũng là trưởng công an phi trường. Ông can thiệp cho nhà tôi được lên phi cơ. Phi cơ rất dơ và chờ toán người ngoại quốc, có lẽ là người Liên Xô.

Đến phi trường Nội Bài cũng hơn 9 giờ tối. Phi trường rất tối và đe dọa. Trên xe ca về Hà Nội có 2 thanh niên trẻ măng mặc quần áo bộ đội, 2 em giúp nhà tôi cất đồ đạc lên xe, vì quá nặng nề cho mẹ con nhà tôi. Nhân tiện nhà tôi nhờ hai em xem 2 địa chỉ nhà tôi được giới thiệu để tá túc trong thời gian thăm tôi, và coi nơi nào thích hợp nhất.

Xem xong, hai em nói “địa chỉ thứ nhất thì ở giữa Thủ đô, nhưng ở tận tầng 5, không tiện, vì khi chढ़ lên đến đó và trở xuống thì đồ đạc bị chúng khuân đi mất rồi. Địa chỉ thứ hai thì ở ven đô thành, tiện hơn và phải đi xe hơi”

Hai em phụ chất đồ lên xe lô, một loại cyclo như trong Nam, nhưng không có gổ có đệm.

Nhà tôi gọi hai em một chút tiền để dùng café, hai em tuyệt nhiên từ chối: “2 em giúp chị vì thấy đồ đạc quá nặng nề, thể thôi.”

Nhà tôi đến nơi, thì đây là một ngãn nhà rất nhỏ, phía trước chung bán tạp hóa, phía sau là một cái phản để làm giường ngủ. Anh chủ nhà bảo: “Cô là bạn của cô Minh nhờ chúng tôi giúp đỡ. Như cô thấy chỗ chúng tôi quá chật. Thật tình nếu cô không ngại, chúng tôi sẽ đưa cô đến một người bà con ở ngoại ô, cô có thể tá túc được?”

Ông mới cho một em bé gái đạp xe hướng dẫn bác xe lô chở mẹ con nhà tôi đến Ngã Tư Sở (về sau chúng tôi cố tìm đến để tạ ơn thì không thể tìm ra, Hà Nội biến đổi quá nhanh). Nơi đây là một nhà xưa, có 2 chái. Chủ nhà vui vẻ cho trú ngụ. Nhà giữa thì có 2 phản cho 2 vợ chồng và 2 con. Bà cụ của chủ nhà ở 1 chái, bên chái kia thì vợ chồng em chủ nhà ở.

Hai đứa con bị đuổi đi sang qua ở bên chái của vợ chồng người em, để chỗ cho mẹ con nhà tôi. Khoảng 1 giờ đêm, nhà tôi nghe lục đục ở trước và tiếng xì xầm. Ông chủ nhà làm ca đêm vừa về. Sáng ra anh chủ nhà cũng tên Tường trùng tên với nhà tôi bảo: “Cô ra thăm chú ấy ở Phú Lý, đồ đạc nhiều quá, chuyên chở bất tiện, nếu cô không gấp thì chờ tôi vào sở xin phép nghỉ, ngày mai tôi chờ giúp cô vào thăm.”

Hôm sau ông cùng người em rể và một người bạn chở vợ con tôi vào trại Mễ. Tới nơi, sau khi chờ đợi khá lâu, thì được cho biết không có giấy phép thăm nuôi thì họ không cho thăm. Anh Tường phải năn nỉ mãi thì mới được cho biết tôi không còn ở trại Mễ nữa và đã được chuyển vào trại A Nam Hà.

Anh Tường bảo: Trại A ở đường đi Chi Nê, nhiều đồi dốc khó khăn, cô và cháu chịu khó ghì chặt, mình ráng vào cho kịp giờ. Khổ nhọc lắm chúng tôi cũng đến được trại A, để được cho biết đã hết giờ thăm nuôi. Anh Tường lại năn nỉ: “Cô em tôi ra thăm chú ấy, tôi phải nghỉ phép để đưa cô. Xin đồng chí thông cảm cho cô thăm chú.”

Nhưng vô ích.

Nhà tôi quá mệt mỏi và thất vọng, ngồi bẹp xuống đất, nón lá che đầu. Một công an trẻ đến khêu trên nón lá, và ngoắc nhà tôi đến một góc phòng. Tưởng là họ muốn làm tiền, nhà tôi đến và được hỏi nhờ: “Phải nhà chị có tên Nguyễn Vĩnh Bình không? Anh ấy được thả rồi.”

Nhà tôi mừng quá cho anh Tường hay, đồng thời nói với anh công an trẻ: Cho tôi tặng lại anh các gói hàng này, tôi không rinh về được”. Anh công an trẻ vội nói: “Áy chết, tôi mà nhận, bọn họ biết tôi cho chị tin, thì tôi chết với họ.”

Chúng tôi lại trở về Hà Nội. Anh Tường đưa nhà tôi lên Bộ Cải Tạo để xác nhận tin tôi được thả về. Nơi đây bao tuần sau trở lại sẽ có kết quả. Suốt thời gian chờ đợi, chị Tường đưa nhà tôi đi quanh Hà Nội. Một hôm chị bảo: “Hôm nay cô Tường và cháu đi thăm viếng lăng Bác nhé.” Nhà tôi chối từ, “Ày, mình đi để được mua mỗi người một mẫu bánh mì giá rẻ, cơ.”

À thì ra thế, người ta bỏ ra một ổ bánh mì rẻ tiền để dựng được huyền thoại lòng sùng kính của quần chúng với lãnh tụ vĩ đại, và để tha hồ tuyên truyền với toàn dân thế giới.

Tuần lễ đã qua, anh Tường và nhà tôi trở lại Bộ Cải tạo và được xác nhận tin tôi đã được thả.

Trên đường đi “đăng ký” vé máy bay, anh Tường nói: “Tôi khuyên, có chú ấy được về, cô chú sớm tìm đường ra nước ngoài. Tôi thấy cháu kháu khỉnh tôi thương quá, cháu sẽ không được đi học, không có một tương lai trong xã hội này,” Anh Tường khuyên thành thật. Về sau chúng tôi được tin buồn, anh Tường và con trai bị bắt khi tìm đường vượt biên ở Hải Phòng.

Trong xã hội độc tài, nhà tù mà chúng tôi sống qua được là cũng nhờ vào lòng tốt, và tình người cả trong Nam lẫn ngoài Bắc. Trong gian nan khốn khó, lòng nhân đạo được cảm nhận sâu xa và đầy đủ nhất. Chúng tôi là những nhân chứng sống.

XIV-Một chuyến ra đi.

Về lại Sài Gòn, chúng tôi quyết định, tôi sẽ ở lại cùng với ba má nhà tôi, và nhà tôi tiếp tục làm việc ở Long Xuyên, để tiện việc lo vượt biên.

Tháng 4/1980, chúng tôi được cố Giám Mục (N.K.Ng) Long Xuyên sắp xếp cho đi vượt biên cùng với tổ chức của ông S. Ông

này đã tổ chức thành công nhiều chuyến. Chuyến này là chuyến chót. Ông đem hết gia đình trên 2 chiếc ghe chờ khoảng 210 người. Chúng tôi ra đi vào cuối tháng Tư. Ngày trước có tin bão cấp 4. Sáng ngày đi, trời còn âm u và mưa lất phất. Chúng tôi chuyển xuống ghe lớn an toàn, và sau 2 ngày 2 đêm chúng tôi tới Khlong Giai, tỉnh Thái ở sát biên giới Cao Miên. Chúng tôi vào trại ty nạn Liem Sinh.

Chúng tôi bị trở ngại khi đi phỏng vấn với phái đoàn INS. Chị hai của nhà tôi hình dáng nhỏ thó rất khác với nhà tôi, quá nhút nhát không chịu trả lời phỏng vấn viên, nên hồ sơ ty nạn bị xếp lại. Cũng may, nhờ có một nhân viên tòa Đại sứ Mỹ ở Bangkok chuyển gia đình chúng tôi về trại Lumfuini ở Bangkok. Tại đây, một cô tình nguyện viên làm thân với nhà tôi, và dẫn ông chồng đến gặp chúng tôi. Ông này là người phụ trách toàn chương trình định cư của Mỹ ở Thái Lan.

Ông đã giúp chúng tôi nhanh chóng hoàn tất thủ tục để định cư ở Mỹ. Lại một lần nữa, gia đình chúng tôi đón nhận lòng tốt và nhiều sự giúp đỡ trên đường đi ty nạn từ nhiều người, thân, lạ, đều có đủ.

Đầu tháng giêng 1981, 11 giờ đêm, phi cơ phản lực American Airway cất cánh, đem chúng tôi lên cao dần, nhìn qua khung cửa, ánh đèn thành phố mờ dần, một quãng đời tôi cũng lùi vào quá khứ, một nỗi buồn man mác tràn dâng trong lòng tôi. Phi cơ càng lên cao, ánh trắng bang bạc soi sáng không trung, lòng tôi thâm cảm tạ ơn Chúa, và tri ân lòng tốt và tình người mà nhiều thân, bạn hữu và ân nhân đã tặng cho chúng tôi.

Một vài đám mây nhẹ nhàng trôi, tôi tự nhủ cố gắng sống cho phải đạo để đáp ứng phần nào nghĩa tình mà tôi chắc chắn rồi đây trong khoảng thời gian còn lại, nơi chân trời xa lạ chúng tôi sẽ tiếp tục đón nhận.

Con tàu tiếp tục phi đạo vào không gian vô tận, không gian của Tự Do và Tình Người.

Đằng Sau Niềm Vui Có Nỗi Buồn, Tận Cùng Nỗi Buồn Có Niềm Vui

Vũ Dương



Cô ấy tên là Kiều, tôi biết cô ấy từ mùa hè năm ngoái. Hôm đó giao ca xong, tôi từ một gian phòng bệnh đi ra, nhìn thấy khu chờ khám có một cô gái mặt hoa da phấn, cử chỉ tao nhã đúng mực, cô ấy đang trả lời câu hỏi của bác sĩ. Khi tôi đi ngang qua, lần nữa bị vẻ đẹp của cô ấy thu hút, thế là tôi nhìn thêm cái nữa, vừa lúc cô ấy cũng quay đầu lại nhìn tôi, đôi mắt của cô ấy thật đẹp, thuần tịnh trong veo giống như hồ nước mùa thu vậy.

Sau khi làm các kiểm tra liên quan, Kiều đã nhập viện và ở phòng VIP. Cô nói cô thường xuyên mất ngủ, có lúc nhưc đầu, cảm giác như trời đất quay cuồng. Bác sĩ dặn dò thêm đôi ba câu, tới lúc truyền dịch, cô đã nằm trên giường bệnh, vừa làm nũng, vừa cười đùa với mẹ.

Giữa trưa, khi còn chưa truyền dịch xong thì có người nhà mang cơm đến, đó là bố cô, cả gia đình ở trong phòng bệnh cùng ăn trưa. Từ cách chi tiêu, ăn mặc có thể nhìn ra đây là một gia đình rất có điều kiện.

Rất nhiều bệnh nhân trong bệnh viện đều là sắc mặt trắng bệch, dáng người tiều tụy, riêng cô ấy lại khác, ngoài lúc truyền dịch sẽ ngủ mê man ra, thì khi tỉnh dậy trông cô rất rạng rỡ, sắc mặt hồng hào, dung mạo xinh tươi.

Mấy người đồng nghiệp thích buôn chuyện nói cô thật tốt số, người thì xinh đẹp, gia cảnh lại tốt. Từ trong những lời nói ấy không khó nhìn ra sự hâm mộ pha lẫn chút đố kỵ, mà cũng đúng thôi, Kiều xác thực là một nàng công chúa bước ra từ trong chuyện cổ tích.

Về sau, tôi lại biết được cuộc sống của Kiều, cô đích thực là một quý cô độc thân có cuộc sống rất vương giả. Cô làm giáo viên dạy piano ở một trường nghệ thuật, thu nhập rất khá, hơn nữa gia đình còn vô cùng giàu có và được cha mẹ hết mực yêu thương, chiều chuộng.

Các chị em y tá trong khoa, trong đó có tôi đều cảm thấy ngưỡng mộ và ghen tị với Kiều. Cô ấy có tất cả những thứ mà mọi cô gái đều mơ ước. Còn tôi thì lớn lên trong một gia đình đơn thân, có một người cha nát rượu, ngoại trừ tự lực cánh sinh, miễn cưỡng có công việc đủ nuôi sống bản thân ra thì chẳng còn gì khác. Càng so sánh thì càng tị ti.

Mãi cho đến một ngày nọ, tôi trực ca đêm và đi kiểm tra các phòng bệnh. Lúc đó khoảng 12 giờ đêm, thấy trong phòng bệnh của cô ấy vẫn còn sáng đèn, tôi đẩy cửa đi vào, cảnh tượng khi ấy thật sự khiến tôi chấn động.

Kiều vẫn chưa ngủ, cô ấy đang ngồi ở mép giường, trên tay cầm một chiếc chân giả và đặt nó vào chân tường, tôi thấy dưới đầu gối bên phải của cô trống rỗng. Nhìn thấy vẻ hoảng hốt trên mặt tôi, một cách vô thức cô ấy vội lấy chăn trùm lên người, lí nhí nói lời xin lỗi, còn tôi thì khó xử quá, không biết phải nói gì, đứng ngây ra một lúc.

Vẫn là Kiều mở miệng trước, phá tan bầu không khí im lặng: *"Thật ngại quá! Làm cô sợ rồi! Mọi khi tôi đều xin nghỉ về nhà, ngoại trừ bác sĩ phụ trách không ai biết bí mật của tôi. Ngày mai có một cuộc kiểm tra phải làm, tôi sợ không kịp, nên đã ở lại bệnh viện, không ngờ lại bị cô nhìn thấy rồi!"* Cô ấy nói xong, vẫn nở nụ cười còn tôi thì xấu hổ giống như đứa trẻ làm sai chuyện.

Tôi nói bằng quơ vài câu rồi vội vã đi ra, trong tâm cuộn trào mãnh liệt. Tại sao có thể như vậy chứ, cô ấy rõ ràng là một công chúa hoàn mỹ không tỳ vết kia mà?

Qua nửa giờ, tôi bất tri bất giác đi tới phòng bệnh của cô ấy. Kiều vẫn chưa ngủ, cô nói, trước khi ngủ cô có đọc sách một chút, nhưng giờ lại ngủ không được. Kiều hỏi tôi, có thể cùng cô trò chuyện một lúc hay không. Thế là, tôi ngồi xuống phía trước giường. Nói là trò chuyện, nhưng nói đúng hơn là cô giải thích cho cú sốc vừa rồi. Kiều nói rằng rất ít người biết bí mật về chiếc chân giả, và tôi là một trong số rất ít người đó.

Cô ấy từ nhỏ đã học khiêu vũ, ước mơ lớn lên sẽ trở thành một vũ công. Thế nhưng, khi lên trung học, sau một lần bị điện giật ngoài ý muốn, một chân đã bị cắt đứt, năm đó cô mới 13 tuổi. Gặp đá kích lớn như vậy, đừng nói đến ước mơ, đã có mấy lần cô đều muốn tự tử.

Một lần cô đã uống hết lọ thuốc ngủ, may mắn là được cha mẹ phát hiện đưa đến bệnh viện rửa ruột. Sau khi xuất viện, cô bị chứng run tay. Mẹ cô hỏi thăm nhiều nơi, biết được có một bác sĩ Trung y có tuổi y thuật cao minh, bèn dẫn cô đến đó khám. Sau khi nói rõ lịch sử căn bệnh, bác sĩ Trung y đó không nói gì cả, chỉ kéo chiếc áo trắng của mình lên, cô nhìn thấy ông ấy chỉ có một chân.

Ông nói, con người ta sống, không phải chỉ dựa vào hai chân, mà là dựa vào một trái tim mạnh mẽ, ông chỉ có một chân vẫn sống rất tốt, cô so với ông còn nhiều hơn nữa cái chân, sợ gì chứ? Từ đó, cô thường xuyên đến chỗ bác sĩ Trung y đó, không phải để khám bệnh, mà là để trị liệu tâm lý.

Về sau, gia đình cô chuyển nhà, cô được lắp chân giả rồi học chơi đàn dương cầm và trở thành giáo viên dạy đàn như bây giờ. Nói xong, cô nhón miệng cười, còn tôi, dường như đã nhìn thấy một con người khác trong cô.

Nếu như không phải tình cờ nhìn thấy chiếc chân giả đó thì trong lòng tôi cô vẫn mãi là một nàng công chúa mỏng manh xinh đẹp, lúc nào cũng chỉ biết làm nũng. Giờ phút này đây, tôi như nhìn thấy tất cả những tổn thương và đau khổ mà cô đã từng chịu đựng, nó ngưng tụ thành sức mạnh, khiến cô trở nên kiên cường.

Một lúc sau, cô ngủ thiếp đi.

Tôi đi về cuối hành lang, tâm trạng khó mà tĩnh xuống được. Tôi nhìn thấy phía chân trời có một ngôi sao sáng lấp lánh, nó giống như con mắt của bầu trời đang nhìn chăm chú xuống mặt đất, mang đến ánh sáng cho màn đêm nặng nề và bất lực này. Một tia sáng đôi khi cũng có thể mang đến hy vọng cho những người lạc đường bước đi trong đêm tối.

Tôi dần thấy chân trời chuyển qua màu trắng bạc. Bình minh đã đến. Khoảnh khắc ấy, những mê mờ trong lòng tôi bị xua tan, được những tia sáng chiếu rọi từng chút một. Tất cả đau khổ khó nói nên lời và tuyệt vọng mà tôi từng nghĩ đến đang dần biến thành hy vọng. Đúng vậy! Đằng sau niềm vui có nỗi buồn, tận cùng nỗi buồn có niềm vui.



MÙA THU VÀ THI NHÂN

Vi Vân.

Sáng nay trời trở gió không gian chợt se se lạnh, từng chiếc lá vàng rơi lá tã ngoài sân, những đóa cúc vàng e ấp cuối vườn đã cho tôi nhận tôi nhận biết rằng trời đã vào Thu và vũ trụ đang bắt đầu cho một thời tiết mới.

Từ ngàn xưa các văn nhân, thi sĩ, nhạc sĩ đã chọn mùa Thu để gởi gắm, chia sẻ tâm tư của mình. Những chân lý cuộc đời, những nhân sinh quan của vũ trụ, những hơi thở, những nhịp tim, những giao cảm với đất trời, những hoang tưởng, những xôn xao trông ngóng một tình yêu sương khói, đam mê, những nhớ nhung da diết, những ngậm ngùi băng khuâng, những khắc khoải đợi chờ...

Một tình khúc thu buồn man mác hòa theo cung đàn piano lênh đênh xa vắng cùng với tiếng hát vút cao của ca sĩ Thái Thanh khiến tâm trí tôi lâng lâng mơ màng, mang một cảm giác thoát thân bay cao trên vùng trời mênh mông, bao la:

*“Em ra đi mùa Thu, mùa Thu không trở lại
Em ra đi mùa Thu, sương mờ giăng âm u.
Em ra đi mùa Thu, mùa Thu không còn nữa.
Đếm lá úa đầu Thu, đo sải ngập tim tôi.
Em ra đi mùa Thu, mưa rơi rơi nã nê
Qua vườn Luxembourg*

Với các thi nhân thì cụ Nguyễn Khuyến nhà ta đã hòa mình vào cảnh sắc của một ngày Thu buồn trong tâm trạng của kẻ tàn cuộc công hầu khanh tướng, khi lòng trung quân bị thất sủng. Trước cảnh thiên nhiên tuyệt diệu bên bờ ao, cụ đã để lòng dâng một chút cảm hoài trong bài “Thu Điếu”:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo

*Một chiếc thuyền con bé tẻo teo
Sóng biếc đưa làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.*

Mùa Thu đã chờ đầy áp muện phiền chán nản đến trong tâm tư cụ khi ngòi lặng lẽ cô đơn soi bóng mình trên mặt nước ao hồ mà ngậm ngùi thương cho thân phận:

*Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Chỉ có mình ta riêng với ta.*

Lưu Trọng Lư nhà thơ của một trời Thu ngập lá rơi, của con nai vàng ngơ ngác đã tìm thấy những giao động, cảm xúc băng khuâng trong lòng mình khi mùa thu chợt đến:

*Em có bao giờ nói với anh
Những câu tình tứ thuở ngày xanh
Khi Thu lá rụng bên hè vắng
Tiếng sáo ngân nga vắng lướt màn.*

Những trách móc nhẹ nhàng ấy cũng tàn theo trời cuối thu, để rồi khi đông đến lại bề bàng tê tái, nã nề hơn:

*Mùa Đông đến đón ở ven sông
Vội vã cô em đi lấy chồng
Em có nhớ chăng ngày Thu vắng
Tình anh lưu luyến một bên lòng.*

Những hình ảnh bằng bạc, phát phơ cơn mưa bụi trong một buổi chiều thu đã khiến cho tâm hồn thi nhân chùng xuống, chùng xuống thật sâu trong nỗi đam mê của tình yêu, của cuộc sống, rồi họ vẫn vờ trong bóng chiều tà mà suy nghĩ mông lung ý nghĩa cuộc đời theo ánh nắng nhạt vương vất ngoài song cửa. Trong ý niệm mơ hồ ấy Xuân Diệu đã tìm thấy những hoài nghi, thắc mắc của cuộc đời giữa hư và thực, giữa hiện tại và chiêm bao:

*Chưa tàn cuối Hạ đã sang Thu
Ngây ngất hôm nay một ánh mờ
Mai hẳn lại về trong nắng Hạ
Ô hay bàng bạc thực cùng mơ.*

Nhà thơ Huy Cận mang tâm trạng buồn bã quạnh hiu, ưu tư xao xuyến trong cái lạnh lẽo của buổi chiều thu, giữa không gian trầm mặc tiêu điều, âm u:

*Bỗng dưng buồn bã không gian
Mây bay lững thấp giăng màn âm u
Nai cao gót lẩn trong mù
Xuống rừng néo thuộc nhìn Hhu mới về
Sắc trời trôi nhạt dưới khe
Chim đi lá rụng càng nghe lạnh lùng
Sầu Hhu lên vút song song
Vội cây hiu quạnh vội lòng quạnh hiu
Non xanh ngây cả buổi chiều
Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia.*

Thi sĩ Tân Đà là người phóng khoáng thích du sơn ngoạn thủy vui cùng mây gió, túi thơ bầu rượu cũng đã để lòng cảm hoài, bi lụy khi mùa thu tới:

*Trận gió Hhu phong rụng lá vàng
Lá rơi hàng xóm lá bay sang
Vàng bay mấy lá năm già nữa
Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng*

*Trận gió Hhu phong rụng lá hồng
Lá bay tường bắc lá sang Đông
Hồng bay mấy lá năm hồ hết
Thơ thần cùng ai vẫn đứng trông.*

Hồ Dzếnh cũng đã thổ lộ tâm tư mình trong một mùa Thu buồn lắng đọng, mang nỗi nhớ, nỗi mong tận đáy lòng:

Suốt trời hôm ấy thê lương quá
Tóc liễu bờm xồm, sóng vô hồ
Mây rối trên trời, cây rối lá
Giường cô xuân nữ gối chẵn xô.

Thu xa bằng gió bằng mây
Không gian thờ nhẹ, buồn vây chìm chìm

.....
Lòng ai không cảm mà im
Không dung bóng nhớ, không tìm bóng mong
Nơi tôi còn ít lá lòng
Chiều nay rơi nốt vào trong lá rừng.

Nhà thơ tài hoa với xác thân bệnh hoạn, là tình nhân chung thủy của vàng trắng muôn thuở Hàn mặc Tử cũng cố gắng đi tìm viễn ảnh của đời mình qua những ảo ảnh mơ hồ, nhạt nhòa. Người thi sĩ đã nhìn thấy hình hài mình ẩn hiện trong một ngày “Thu buồn”:

Áp úng không ra được nửa lời
Tình Thu bi thiết lắm thu ơi
Vội vàng cánh nhạn bay đi trớt
Hiu hắt hơi mây thoáng lại rồi...

Với tâm trạng bi quan, chán nản nên khi nhìn bất cứ sự vật gì cũng gây niềm xúc cảm tái tê đối với thi sĩ trong những ngày “Cuối Thu”:

Thu héo nắc thành những tiếng khô
Một vì sao lạc mọc phương mô?
Người thơ chưa thấy ra đời nhi?
Trình bạch ai chôn tận đáy mồ.

Vào khoảng 1937 xuất hiện trong thi văn đàn Việt Nam bốn bài thơ tuyệt diệu với cái tên T.T.KH. Người con gái này có một cuộc tình buồn, xót xa đầy nước mắt. Nàng chọn mùa Thu

để gởi gắm tâm sự ngồn ngang, lỗi lòng đau khổ, mòn mỏi trông
đợi người tình xa xăm mặt mù bóng chim, tằm cá.

Hình ảnh mùa Thu với mây trời bàng bạc, hiu hắt đã khơi lại vết
thương lòng đang rỉ máu, để rồi từ đó tự đáy tim nàng phát ra
những lời thơ triu mến thiết tha khi nhớ về kỷ niệm với người
xưa:

*Một mùa Thu trước mỗi hoàng hôn
Nhật cánh hoa rơi chẳng thấy buồn
Nhuộm ánh nắng chiều qua mái tóc
Tôi chờ người đến với yêu thương*



Chàng đã hẹn thề rồi ra đi biệt không bao giờ trở lại để
nàng mỗi mòn trông đợi trong tuyệt vọng. Cuối cùng nàng phải
quay lưng chối bỏ cuộc tình đằm đuối đó để sang ngang, sống
trong cảnh bẽ bàng tủi hận, nhìn từng mùa thu đi qua trong đời
với nỗi chua xót, tái tê:

*Từ đây Thu, rồi Thu, lại Thu
Lòng tôi còn giá đến bao giờ
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ
Người ấy cho nên vẫn hững hờ
Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lạnh nhạt của chồng tôi
Mà từng Thu chết từng Thu chết*

Vẫn giấu trong tim một bóng người...

Tâm trạng nàng rất mâu thuẫn, mong chàng đợi chàng trở lại, nhưng cũng rất sợ chàng trở về để chứng kiến mình đã thành người vong phụ:

*Tôi sợ chiều Thu phớt nắng mờ
Chiều Thu hoa đỏ rụng chiều Thu
Gió về lạnh lẽo chân mây trắng
Người ấy sang sông đứng ngóng đò.*

(Hai sắc hoa ti gôn)

Nàng oán trách chàng lỗi thề không trở lại để nàng phải sang ngang, sống bên cạnh người chồng lớn tuổi không yêu thương, khô héo cuộc đời nhưng vẫn mang mặc cảm rằng mình có lỗi:

*Tôi run sợ viết, lắng tai nghe
Tiếng lá Thu khô xiết mặt hè
Tưởng tượng chân người len lén đến
Nhưng lòng nào dám hẹn ai về...*

(Bài thơ thứ nhất)

Nhà thơ Nguyễn Bính đã mang nỗi sầu “Một Trời Quan Tái” trong một buổi chiều Thu vì nhớ thương, vì tuyệt vọng khi mình chỉ là một thi sĩ nghèo không đủ nhưng gấm ngọc ngà để cưới người yêu. Ông đành phải nhìn nàng lên xe hoa về với người chồng sang cả, nên ông đã mượn rượu để say, để giải sầu, để quên lãng:

*Chiều lại buồn rồi, em vẫn xa
Lá rừng Thu đỏ nắng sông tà
Chênh vênh quán rượu mờ sương khói
Váng vát thôn sâu quạnh tiếng gà.*

Em có buồn chăng? Tôi vẫn xa

*Chiều nay say nhấp chén quan hà
Bao giờ cau được tươi màu lụa
Được đón em bằng xe kết hoa?*

.....
*Chiều nay... thương nhớ nhất chiều nay
Thoáng bóng em trong cốc rượu đầy
Tôi uống cả em và uống cả
Một trời quan tái máy cho say.*

Nguyễn Bính cũng có một bài thơ gởi cho T.T. KH như sau:

*"... Vườn Thanh qua đây năm xưa
Trọ nhờ đêm ấy trời mưa tối trời
Quanh lò sưởi ấm bên tôi
Bên người lão bộc đương ngồi quay tơ*

.....
*Chuyện xưa hồ lãng quên rồi
Bỗng đâu xem được thơ người vườn Thanh
Bao nhiêu oan khổ vì tình
Cớ sao giống hết chuyện mình gặp xưa
Phải chăng? Minh có nên ngờ
Rằng người năm ngoái bây giờ là đây?
(Dòng dư lệ)*

Vào những năm đó có một số dư luận cho rằng Nguyễn Bính là người tình của T.T.KH, một số khác cho rằng chính Nguyễn Bính là T.T.KH. Sự thật không ai biết rõ được, chỉ có Nguyễn Bính mới biết mà thôi. Ngoài ra còn một người là thi sĩ Thâm Tâm cũng nhận mình là người yêu của T. T. KH, nàng tên là Khánh. Ông cho rằng chữ T. T. KH là viết tắt tên ông và nàng: Thâm Tâm Khánh.

Một nhà thơ thời cận đại, gần gũi với chúng ta hơn là Nguyên Sa. Nguyên Sa cũng bị thu hút bởi mùa Thu như một mãnh lực huyền thoại dễ mê hoặc lòng người. Mùa Thu đã gọi cho thi sĩ sống lại với tình yêu xa xôi nào đó, đầy áp dẫu yêu mộng tưởng, khơi lại những nhớ nhung say đắm một thời:

*Anh vẫn nhớ em ngồi đây, tóc ngắn
Mà mùa Thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vã về chân dung
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa.*

....
*Em ở đâu hồi mùa Thu tóc ngắn
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng.*
(Áo lụa Hà Đông)

Tóm lại, mùa Thu là mùa của sầu muộn, của chia ly, của tình buồn. Không riêng các thi nhân mà chúng ta cũng cảm thấy thanh thoát nhẹ nhàng khi nhìn mùa Thu tới, cảm thấy ngây ngất, lâng lâng trong nắng thu hiền dịu, trong gió Thu miên man, trong tiếng lá Thu rơi xào xạc ...

Xin cho tôi được mở cả tâm hồn ra để đón nhận mùa Thu, để nghe hồn mình bay cao trên mây từng xa thẳm, để hòa nhập vào cái huyền diệu tuyệt vời của vũ trụ. Và... xin được một lần ngù vui trên cánh tay ai đó trong một chiều Thu nhạt nắng để nghe lời tình tự:

*Mùa Thu thừa nắng gió mang niềm nhớ
Trời chiều man mác buồn nát con tim
Lệ tình đầm ướt tà áo trinh nguyên
Ký niệm êm đềm còn in trên giấy*

.....
*Thà rằng chôn kín mộng ước xa nhau
Quên đi cho hết một kiếp thương đau...*
(Lam Phương – Thu Sầu)

Vi Vân.
Cali một ngày đầu thu.

Viết Vội Cho Em Tôi, Cao Xuân Huy, Tháng Ba Gãy Súng.

Phạm Văn Tiền, K20

Huy thương mến của Anh!

Ngày hôm qua thứ bảy 6-11-2010 lúc 10 giờ sáng, anh có gọi điện thoại thăm Huy, có ai đó bắt phone. Sau khi nghe anh giới thiệu mình và xin phép được nói chuyện với Huy thì không thấy trả lời và cúp máy. Anh tiếp tục gọi thêm 2 lần nữa thì chỉ nghe lời nhả trên máy thôi. Anh nghĩ qua giọng nói có thể là chị Minh vợ em, hay cháu gái con của em.

Sáng nay lên diễn đàn nghe được giọng nói của em vào ngày 3-11-2010 được chuyển bởi Trần như Hùng từ Úc. Anh nghĩ chỉ có 3 ngày phù du thôi nhưng chắc rằng em đang mệt thêm, mệt lắm. Thôi thì để em dưỡng bệnh. Ráng đi em, ráng nữa đi em, biết đâu may ra có một phép lạ nào đó sẽ cứu em, sẽ cho em thêm vài năm nữa để hoàn thành tác phẩm Trận đánh Cửa Việt như anh em mình đã hứa với nhau từ lâu rồi. Nhưng hy vọng chỉ là hy vọng thế thôi!

Hơn 3 tuần trước, anh có nhận được tác phẩm thứ hai của em "Vài mẩu chuyện" với lời tặng như sau "Kính tặng Bạch Yến 324 Phạm Văn Tiền. Cali ngày 9 tháng 10 năm 2010. Cao Xuân Huy." Với nét chữ cứng và chữ ký tên bay bướm quen thuộc ngày nào, làm anh gọi nhớ cách đây hơn gần 20 năm tháng nào anh cũng nhận đều đặn tờ Văn học của em. Anh cứ tưởng vì anh mới qua, em sợ anh buồn nên đã mua sách để tặng anh, nào ngờ lúc đó em đã là tổng thư ký cho tờ báo nổi tiếng này rồi. Em của anh tài quá, đánh giặc cũng hay mà văn chương chữ nghĩa cũng giỏi. Anh có quen với **Mai Văn Đức**, chủ bút tờ báo Bút Việt nổi tiếng ở đây, mỗi lần đi Cali về là gọi điện thoại cho anh. "Anh Tiền ơi em vừa mới gặp Cao Xuân Huy hôm trước, hẳn bảo nhớ anh và chuyển lời thăm anh." Bác sĩ mũ đỏ nhảy dù **Tô Phạm**

Liệu cũng thế, chắc là cũng tay kỳ phùng địch thủ với em về tài uống rượu, cứ bảo là thằng Huy nó thương ông lắm, nhắc ông hoài. Bác sĩ Liệu cũng là tay cự phách uống rượu như em, nay ông cũng đã đi xa rồi rồi vì bệnh xơ gan cũng giống như em hiện tại.



Anh đã qua 3 tiểu đoàn tác chiến trong hơn 10 năm phục vụ binh chủng từ ngày mới ra trường. Tiểu đoàn 2 sáu năm, tiểu đoàn 4 hai năm, tiểu đoàn 5 vài tháng. Nhưng thật tình mà nói những ngày tháng ở tiểu đoàn Kinh Ngự là những ngày vàng son nhất, nhiều kỷ niệm nhất đối với anh. Chúng ta sống với nhau bằng một thứ tình chiến hữu đặc biệt. Chúng ta biết anh biết em, kính trên nhường dưới, chúng ta che chở đùm bọc nhau ngay cả những lúc kẻ bên cái chết tại chiến trường. Những trận đánh để đời của tiểu đoàn này đều có anh, có em tham dự. Anh công nhận em là người sĩ quan ba gai thật sự. Em có khi nào đi phép về đúng hẹn đâu, giận quá la cho em vài phát rồi kêu em về trình diện lại đại đội, thế thôi. Trung tá Tổng, Thiếu tá Toàn và ngay cả anh, chẳng ai muốn phạt em cùng lắm là dọa nạt em để duy trì kỷ luật đơn vị thế thôi. Em được đi phép trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến, chiến trận xảy ra lung tung khắp nơi, hết nơi này đến nơi khác lần lượt lọt vào tay địch. Ban Mê Thuột,

Pleiku thất thủ, Quân Đoàn II ô ạt rút về Nha Trang trong cảnh hỗn loạn. Sài Gòn vẫn còn ăn chơi nhưng rất nao núng về những tin tức bất lợi này. Những kẻ có tiền lắm bạc, chức trọng quyền cao, đang tìm cách cao bay xa chạy. Thế mà em vẫn cố gắng nài nỉ van xin để được có chuyến bay về đơn vị gấp, nơi đó có các bạn bè chiến hữu của em đang ngày đêm đánh đấm với kẻ thù. Đồi 51 bị thất thủ, Thiếu Úy Sáng tử trận cùng cả gần hết trung đội của mình. Em biết, nhưng em vẫn sốt ruột để xin ra trận cùng anh em chiến đấu, sống chết có nhau. Em không đào ngũ mặc dầu biết là mình sắp xung phong vào chốn gian nguy, em không hề nao núng... Bạn bè, chiến hữu mến em, phục em và anh cũng thế.

Quyển sách **Tháng Ba gây súng** của em quả là một tác phẩm để đời. Anh không ngờ thằng Huy em của anh nó có tài đến thế. Sự ra đời của quyển sách này đúng vào thời điểm mà mọi người đang thắc mắc vì sao TQLC đã rút lui khỏi Quảng Trị, Huế một cách mau lẹ như vậy, trong khi thừa khả năng bảo vệ nó, dù cộng sản có cố gắng ra sức tấn công bằng hàng chục sư đoàn. Lương thực còn, súng đạn còn, dân chúng còn, tinh thần binh sĩ còn, các tiểu đoàn 3,4,5, 7.. thuộc Lữ Đoàn 147 còn nguyên vẹn, có súng mìn gì đâu. Thế mà sao có lệnh tử thủ, rồi sau đó vài ngày có lệnh rút để rồi xảy ra thảm cảnh **Pháp trường cát tại cửa biển Thuận An**.

Chẳng ai còn hiểu nổi tài chỉ huy điều binh khiển tướng của các cấp chỉ huy tối cao QLVNCH. Em đã tặng cho mọi người biết một món quà đặc biệt, ngon miệng đúng lúc, vừa ăn vừa tiếp nổi thềm thuồng. Rồi sao nữa viết thêm đi em. Anh em, chúng ta, tất cả Lữ Đoàn 147 trừ hai vị sếp lớn đã lên tàu sớm chắc vì có lệnh cấp trên, số còn lại bị tóm gọn. "Ngày 26- 3 là ngày Người Cày Có Ruộng, Ngày 26-3 là ngày cả một Lữ Đoàn TQLC bị khoảng một đại đội du kích Việt cộng bắt sống. Chuyện không bao giờ tin được đã xảy ra. Hỏi Trời, hỏi đất, hỏi lính, hỏi quan. Hỏi ai đây về chuyện ô nhục này của quân sự."

Cuốn sách ra đời vào tháng 6 năm 1985, có nhiều người vui nhưng cũng có một vài người buồn, giận em lắm, nhất là **Võ Văn Gắt**, đại đội trưởng của em. Đối với anh, Gắt là một đại đội trưởng gương mẫu, xuất sắc, tài đức vẹn toàn, rất anh hùng khi

tiết trong chốn lao tù, nhưng em đã quá mạnh tay không hiểu vì lý do gì, chắc lúc viết em hưng quá, nên quên. Gắt hiện ở Seattle cùng gia đình trong hoàn cảnh khá bi đát, vợ con bệnh hoạn thiếu tiền thuốc men chữa trị. Anh rất mừng, hôm gặp nhau nhân ngày Đại Hội TQLC tại Houston, Gắt và em đã bắt tay thông cảm nhau rồi. Gắt vừa gọi cho Anh để hỏi về em, bệnh em thế nào ra sao. **Mai Văn Hiếu** từ Kansas cũng thế.

Ngoài em ra anh còn có **Trần Kim Tài**, mặc dầu bị bệnh liệt giò đi không nổi nhưng cũng đã có mặt cùng anh em tại San-Jose, ngày đại hội kỳ rồi. Còn anh thì tệ quá, chẳng đi đâu được, bệnh bao tử và ruột hoành hành từ nhiều năm nay, không thể đi đâu xa được. Bác sĩ cũng đành bó tay. Mỗi người một hoàn cảnh. Nhiều người đã hứa với anh, anh Tiền bệnh chẳng đi được xa. Thôi thì kỳ này tháng 9 về Dallas dự Đại hội thăm anh đi kéo muôn, chiều hôm tới rồi.

Anh thích nhất trong một vài điều trong cuốn sách này. Không phải vì em vừa khen Bạch Yến vừa trách nhẹ Phạm Văn Tiền tiêu đoàn Hắc Long, nhưng là cái cung cách sự thật đáng kính phục của em đối với Sao Mai Trần Kim Tài. Thấy sao nói vậy người ơi!

"Gặp tôi đi tới, Đại Úy Tài hỏi: Đụ mẹ, đại đội mấy đâu? Loạn xà ngẫu hết rồi anh Hai - Chúng tôi vẫn gọi Tài là anh Hai, anh Hai Tài - Anh Tài cảm roi nhấp nhấp về phía tôi - Đụ mẹ 5 roi nhen mây! Tôi cười ngượng ngượng- lên tàu rồi đánh, anh Hai. Em đi trước nghe. - Ồ, tới Huế ráng gom đại đội lại đi thẳng lầu cá!.."

Đọc qua đoạn này, người trong cuộc mới biết thế nào tình đồng đội cũng như hình ảnh gương mẫu của một vị đại đội trưởng TQLC Trần Kim Tài. Đêm rút quân từ Cầu An Lỗ cây số 17 về Huế, hầu như các tiểu đoàn di chuyển theo thứ tự hàng dọc tiếp nhau. May ra anh còn được chiếc xe Jeep chạy lên chạy xuống để vớt những con vịt đẹt phía sau. Chính anh chứng kiến tận mắt những điều thật sự như Huy đã viết. Bên phía Tiểu Đoàn 5 TQLC của anh cũng thế, biết Thiếu Tá **Ngô Thành Hữu** rất mệt, anh nài nỉ ông ta hãy lên xe đi cùng với anh, nhưng anh cương quyết từ chối vì phải bao chót để kiểm soát những người lính mệt mỏi sau cùng. Những cấp chỉ huy của binh chủng TQLC chúng ta là

thế đó. Không bao giờ chạy và cũng chưa bao giờ bỏ lại thuộc cấp cũng như anh em binh sĩ trong bất cứ hoàn cảnh nào, trừ cái lệnh kỳ quái chờ đợi lên tàu tại bãi bể Thuận An...

Huy em, thật tình mà nói chuyện đăm đả của anh em trong binh chủng mình, nói mãi, nói hoài, chắc cũng không bao giờ hết. Anh sẽ tiếp tục viết kể tiếp em nếu nhờ khi mình phải xa nhau. Em cho anh biết là tháng 11 này em sẽ về Houston, rồi Dallas ra mắt sách. Anh hứa là sẽ sắp xếp đón tiếp em, nhưng nay thì anh em mình không còn dịp nữa rồi.

Anh cũng như em, mình đang xếp hàng đợi mua vé cho một chuyến đi xa, không có vé khứ hồi. Một **Nguyễn Năng Bảo**, một **Trần Xuân Bằng**, một **Nguyễn Kim Tiền** đã về đến đích và còn ai nữa cứ tiếp tục vui chơi.

Anh nhớ hồi ở trại tù Á Tử, em Trại 5 còn anh Trại 1. Thịnh thoảng anh em mình gặp nhau và lúc nào anh thấy Huy cũng ứa lệ. Anh không hiểu vì sao mà em thương anh như thế. Một sĩ quan dọc ngang trời biển, coi đời như pha, nhưng tiềm ẩn bên trong là một con người dồi dào tình cảm, với nét buồn muôn thuở trên gương mặt của em.

Nếu trời đất đã sắp xếp phát vé cho em rồi, thôi thì cứ chấp nhận làm liều một chuyến xem sao. Dù sớm muộn rồi anh em mình cũng sẽ gặp nhau, em cứ an tâm đi trước. Cười đi em, cười đi mũ xanh Kinh Ngự Cao Xuân Huy tháng Ba gầy sừng. Ráng đi em, ráng nữa đi em, chiều hôm tới rồi!

Dallas 7-11-2010

**Viết vội cho em tôi Cao Xuân Huy, Tháng Ba Gầy sừng
Phạm Văn Tiền. Bạch Yến 324.**

Các Niên Trưởng Và Đông Đội Võ Bị/TQLC.

TÔ VĂN CẤP, Khóa 19

*(*TT: từ trần, tử trận, tuần tiết)*

Trong những buổi “liên quân” họp mặt quanh ly trà café, đề tài được nhắc đến nhiều nhất là “Đông Đội Cựu Chiến Trường Xưa”, ai cũng hành diện về quá khứ của đơn vị và đồng đội mình, thấy tôi làm thính, một ông khều nhẹ:

- Còn bạn thế nào, kể cho anh em nghe về các cựu SVSQ Võ Bị ở Binh Chung TQLC, chẳng hạn như Trung Tá Đoàn Trọng Cảo* K13, Tr/Tá Nguyễn Văn Nhiều*, K15, vì sao ông là Trưởng Phòng 4 Sư Đoàn, có phương tiện, mà ở lại, vào tù rồi bị...!

- Chuyện Võ Bị/TQLC quý vị muốn nghe thì tôi không biết bắt đầu từ đâu và bao lâu mới hết, một ngày hay một tuần? Cần bao nhiêu trang giấy để viết, thôi thì chờ đó, sẽ có ngày...

Tưởng rằng hứa cuội cho xong, nhưng vào Tháng Tư Buồn với những kỷ niệm nhớ thương, tôi bất ngờ nhận hung tin Chương Thiện, một trong hai Tiểu Đoàn Trường tái chiếm Cổ Thành đã theo chân người đi trước: Đỗ Hữu Tùng.

Thứ Bảy ngày 30/4/2022, tôi đến tiễn chân Chương Thiện tại Thánh Đường, nói lời vĩnh biệt, ra về, như có ai bảo sao không viết về đồng đội, một nén nhang cho người đã khuất, một lời hỏi thăm những đồng đội chưa đi? Thế là tôi cảm viết:

TQLC Can Trường Đoàn Trọng Cảo được mọi người kính trọng. Ngày anh ra đi, đồng hương, đồng đội đến tiễn chân đông nhất đã chứng minh điều đó.

(Độc thêm TQLC Can Trường Đoàn Trọng Cảo trong TT này)

Nói về Tr/Tá Nguyễn Văn Nhiều, Trưởng Phòng 4 (P4) Sư Đoàn TQLC, có phương tiện “xuất ngoại”, nhưng anh ở lại, vào tù rồi...

Không chỉ Tr/Tá Nhiều, mà cả Sư Đoàn TQLC có đầy đủ phương tiện. Trung tuần Tháng 4/1975, TQLC trấn giữ Vũng Tàu, Tư Lệnh TQLC là Quân Trấn Trưởng, TQLC có đủ mọi phương tiện “xuất ngoại” nhưng lại tiến quân vào đất liền để đánh giặc cho tới giờ phút cuối cùng.

Không chỉ Tr/Tá P4, mà từ Ông Tư Lệnh Phó, các Lữ Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn, Đại Đội, Trung Đội Trưởng, đều đi tù. Không chỉ Trưởng P4, mà Lữ Đoàn Trưởng (K16), LDP (K17), Tiểu Đoàn Trưởng (K19) và nhiều Mũ Xanh khác cũng bị bức tử trong ngục tù.

Tôi không biết có bao nhiêu SVSQ/VB, thuộc các khóa nào tình nguyện về Bình Chùng TQLC. Nhưng kể từ K16, K17, K18, K19, K20, là những khoá đã có thời gian sống chung và ‘hành hạ’ nhau trong quân trường và cùng mặc quân phục TQLC thì tôi biết khá nhiều. Tôi cũng tiếp xúc và làm việc với một số bạn trẻ các khoá sau (K21, K22...). Chúng tôi luôn tương kính, nhiều người trong họ còn gần gũi thân thiết với nhau hơn ruột thịt.

Nay bước vào tuổi 80 có lẽ, tuy không khoẻ, nhưng còn tỉnh táo nhớ đến quý anh, viết lên trang giấy để nhớ lại một thời còn súng đạn đầy đủ là niềm hạnh phúc của tôi. Các anh là những tấm gương sáng cho tôi soi lại chính mình. Nói chiến tích, chiến công thì không bao giờ hết, nên trong vài trang giấy tôi xin ghi lại một vài kỷ niệm vui buồn với các anh.

Những anh đã ra đi, dù từ trần, tử trận hay tuần tiết (TT) thì đều bình đẳng trước Thượng Đế, nên tôi xin ghi chú bằng một ngôi sao (*)

Khoá 16 Võ Bị/TQLC.

L-R; Tr/Tá Tổng, Phúc, Đễ

Tháng 12/62, có 10 Thiếu Úy Khóa 16VB tình nguyện về TQLC

TD1: Trịnh An Thạch*, Trần Văn Hiến.

TD2: Nguyễn Xuân Phúc*, Nguyễn Văn Kim*.

TD3: Phạm Văn Sát, Nguyễn Đình Thủy*.

TD4: Trần Ngọc Toàn, Nguyễn Đăng Tổng*, Đỗ Hữu Tùng*.

Nghe nói còn một ông nữa vừa về TQLC, chưa kịp mặc áo rằn thì đã được thượng cấp bốc về chốn bình an nên ít ai biết. Sau đó có thêm hai anh nữa là Nguyễn Văn Cảnh và Nguyễn Kim Đề. Các anh chiến đấu cùng TQLC cho tới giờ phút cuối cùng



Các Trung tá Tổng + Phúc + Đề
(K16).

Về binh nghiệp, trừ hai anh An Thạch và Đình Thủy đã tử trận quá sớm, số còn lại sau này đều làm Tiểu Đoàn Trưởng, Trưởng Phòng Sư Đoàn, Lữ Đoàn Phó, Lữ Đoàn Trưởng. Trong 11 anh K16, tôi may mắn được phục vụ trực tiếp dưới quyền 5 anh. Theo thứ tự thời gian là:

Đà Lạt Nguyễn Kim Đề:

Anh gốc SĐ.7 BB, sau trận Ấp Bắc, khoảng 1965, anh chuyển chuyên về TĐ.5/TQLC. Anh và tôi có quá nhiều gắn bó buồn vui từ TĐ.5 cho tới Phòng Ba Sư Đoàn (P3). Sau khi anh đi học thì anh Trần Văn Hiến về P3 thay thế, thế là tôi lại làm việc dưới quyền anh Hiến. Những kỷ niệm buồn vui với anh Đề tôi kể lại ở bài: “Anh Ở Nơi Nào” trong tuyển tập này.

Phúc Yên Nguyễn Xuân Phúc:

Xin đọc: “TQLC Phúc Yên Nguyễn Xuân Phúc” trong tuyển tập này.

Sông Hương Phạm Văn Sắt:

Anh Sắt và anh Phúc cùng được làm Tiểu Đoàn Trưởng (TĐT) một lượt và là hai TĐT đầu tiên của K16/TQLC. Sau khi bị thương, thượng cấp chỉ định anh coi Quận Thủ Đức. Khi anh làm ông quận thì đồng bào phục anh lắm, nhưng với bản tính hiền lành, ngay thẳng, Anh không thích hợp với chính trường nhiều đường lắt léo, nên Anh lại quay về với đồng đội, với chiến trường. Anh và tôi có thời gian ngồi bên nhau cả năm trời ở P3 Sư Đoàn (Hương Điền) nên có nhiều kỷ niệm buồn vui, đáng nhớ mãi là



Họp mặt tại tuyến đầu Quảng Trị, cuối tháng 12, 1972
Đứng: MX Tr/tá TVHiển, MĐ Tr/tá BQuyền, MX Tr/tá NVCành,
MX Tr/tá NĐTống và Nghị Viên NĐT thực áo trắng.
Ngồi: Tr/tá NPThọ SĐ1, Tr/tá MX NXPhúc,
MĐ Tr/tá LMNgọc và Chi Khu Trưởng Th/tá TTCchung.

sáng 29/3/75 ở bờ biển Non Nước, anh và tôi ôm poncho bơi bên nhau, khi sắp “hy sinh vì nước” thì được kéo lên tàu Hải Quân. Để ăn mừng, anh móc túi áo ra bao thuốc lá Ruby Queen còn vài điếu chia nhau, thuốc ẩm ướt, châm mãi cũng chưa cháy thì nghe bên hông tàu nhiều tiếng la: “Rớt xuống rồi*”!

(*Đ/Úy Nguyễn Văn Hưởng K17TĐ thuộc P3 được anh em kéo lên, nhưng nửa chừng thì tuột tay rơi trở lại và Hưởng mất tích từ đó.).

Trở về sau nhiều năm trong ngục, mỗi khi anh Sát đạp xe từ Thủ Đức về Long An thăm Song Thân, anh thường ghé nhà tôi nghỉ chân. Chẳng có gì mời nhau ngoài gói thuốc rê. Nhái thơ cụ Nguyễn Khuyến, tôi chọc anh:



Thiếu Tá Phạm Văn Sát và Thiếu Tá Phạm Kim Bằng

“Lâu lâu bác ghé thăm nhà, trẻ thời đi vắng chợ thời xa, không ao cá, không gà, thôi thì đôi ta “bốc lãn xe” để nhớ người tình khói sương”.

Nay-2022, anh ở miền Đông-Bắc, tôi Tây-Nam, tuổi già khó khăn đến thăm nhau! Nhưng nghe tiếng cười sảng khoái của anh trong điện thoại là tôi hình dung ra ngay người đàn anh “Râu hùm, hàm én, mày ngài”.

Đồng đội đồng môn vẫn nhớ Sông Hương, một trong những người đó là Đại Đội Trưởng Giang Văn Nhân viết về Tiểu Đoàn Trưởng Phạm Văn Sát:

Cả tiểu đoàn mừng rỡ, khi tan hàng họ hét to vang dội và túa chạy về văn phòng đại đội chờ nhận giấy phép. Anh em nào cũng mong cầm được tờ giấy phép, khi có nó trong tay là họ đi ngay nên số người trong doanh trại dần dần thưa thớt, Thiếu Tá Sát cầm cây gậy nhỏ đi vòng quanh nhà ở của binh sĩ, nghe tiếng chuyện trò vắng vắng, ông bước vào nhà ngủ, bốn người lính hoảng sợ đứng nghiêm chào, ông thắc mắc hỏi:

- Các em đã nhận giấy phép chưa?
- Thưa thiếu tá chúng em đã nhận rồi.
- Nếu có giấy phép rồi thì các em rời khỏi đây ngay.
- Thưa thiếu tá chúng em không biết đi đâu bây giờ.

- Tôi đã cho đi phép tại sao các em không đi?

- Quê chúng em ở xa, không có tiền biết ở đâu, thà ở lại trại có cơm ăn chỗ ngủ.

Thiếu Tá Sát nhớ lại kỷ niệm hồi mới về Tiểu Đoàn 3, nhà thì ở xa, không có tiền, được người thượng sĩ thường vụ mời ăn cơm, nhưng vì học “lãnh đạo chỉ huy” ở quân trường, để tránh việc khó xử trí sau này ông nên trả lời là “còn no”, rồi suốt đêm đó ông cố dỗ giấc ngủ với bụng đói meo. Hôm nay ông nhìn thấy và nghe tường tận hoàn cảnh của thuộc cấp sau chuyến hành quân trở về được hưởng phép mà không muốn đi vì lý do nhà xa và không có tiền khiến ông xúc động:

- Các em đi theo tôi.

Thiếu Tá TĐT dẫn bốn người lính xuống Ban Quân Lương và chỉ thị nơi đây làm giấy ứng tiền lương trước cho anh em này và cả cho những người cần về thăm gia đình ở xa.

Sau 5 ngày phép anh em hân hoan trở về đầy đủ, vài người ở miền Trung quá xa trễ 2 hoặc 3 ngày nên cũng được Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng thông cảm bỏ qua.

Một cấp chỉ huy biết quan tâm lo lắng cho thuộc cấp và gia đình của họ đã được các tân binh đang thụ huấn ở Trung Tâm Huấn Luyện Rừng Cầm kháo nhau chuyện đi phép, nên rủ nhau khi mãn khóa sẽ tình nguyện về Tiểu Đoàn 3. Thiếu Tá Phạm Văn Sát rời Tiểu Đoàn 3 cuối năm 1969 để thành lập Tiểu Đoàn 8. Cuộc sống cùng tư cách và tài lãnh đạo chỉ huy của ông khiến thuộc cấp kính trọng. (trích đặc san Sóng Thần 2022).

Tây Sơn Trần Ngọc Toàn:

Khoảng tháng 6/1971, Tây Sơn được làm Chỉ Huy Trưởng căn cứ Sóng Thần, anh gọi tôi về làm Chỉ Huy Phó, Đại Úy Nguyễn Kim Tiền về làm Ban 3.

Dù còn đang nghỉ dưỡng thương chờ tái khám, nhưng chân thấp chân cao, ra vào trong căn nhà hẹp mãi cũng buồn, khi biết Tiền- người cùng nằm bệnh viện, làm Ban 3 nên tôi nhận lời, và đây cũng là dịp cảm ơn Tây Sơn.

Nhớ lại tháng 6/1966, khi tôi bị nhốt 15 ngày trọng cấm ở Q.C202, chiều chiều khi về nhà ăn cơm thì chúa ngục Q.C202

Tây Sơn cho tôi ngồi sau xe jeep ra Mai Hương (Lê Lợi) kiểm ly café. Nếu không có Tây Sơn thì khó yên thân với Ch/Uý Kiều Công Tuyết-người kiểm soát cổng BTL.

Suốt thời gian dưới quyền Tây Sơn ở căn cứ Sóng Thần, tôi có 2 kỷ niệm đáng nhớ cùng xảy ra vào sáng Chúa Nhật.

Một sáng Chúa Nhật, Tây Sơn báo vắng tắt cho tôi và Kim Tiên:

-Sáng nay Trung Tướng Tư Lệnh sẽ xuống thăm căn cứ. Nói xong anh lái xe đi mà không hề ra lệnh cho chúng tôi phải làm gì.

Khi chúng tôi đang lái xe kiểm soát an ninh vòng căn cứ (dài 8 Km) thì QC gác cổng báo có Trung Tướng Tư Lệnh xuống, tôi và Tiên vội chạy đến trình diện thì Tư Lệnh cười nói:

-Tôi dẫn gia đình xuống căn cứ chơi thôi, tôi cũng đã gặp Chí Huy Trưởng lái xe về Saigon, Chủ Nhật mà, các chú cứ tự nhiên đi.

À ra thế, Tây Sơn từ Sóng Thần về Saigon, Tư Lệnh từ Saigon xuống Sóng Thần, hai ông gặp nhau giữa đường, vui vẻ “vẫy tay chào nhau”.

Tôi phục tư cách của hai ông, ông Tư Lệnh không hách dịch, còn ông CHT không quy lụy, cả hai cư xử đầy tình nghĩa “huynh đệ chi binh”.

Lại một sáng Chúa Nhật sau đó ít lâu, sau khi Tây Sơn đi Mỹ, giao cho tôi coi căn cứ, như thường lệ tôi cũng tự lái xe đi kiểm soát vòng đai thì máy gọi tôi đến trình diện VIP tại cửa Trung Tâm Huấn Luyện. Tôi vội lái xe đến, và đó là buổi sáng Chúa Nhật buồn, vô duyên với 15 cù vì cái tội lái xe không có tài xế! Biết nói gì, chỉ còn đưa tay đấm... ngực ba lần:

-Mea Sculpa! Mea Sculpa! Mea Sculpa!

Chương Thiện Nguyễn Văn Cảnh:

TĐT/TĐ.3 Nguyễn Văn Cảnh và TĐT/TĐ.6 Đỗ Hữu Tùng là hai Tiểu Đoàn Trưởng dựng cờ tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị. Tôi chưa được nhận lệnh trực tiếp từ hai anh, nhưng lại có dịp sống rất gần và được các anh thương. Chương Thiện Dương Văn Hưng và tôi đã ngồi chung với nhau trong lớp học Bộ Binh Cao Cấp, đây là thời gian huy hoàng nhất, vui nhất đời

lính. Anh Cảnh lúc nào cũng cười, thường dọa đuổi tôi về đơn vị, không cho học nữa nếu hôm đó tôi đòi chi... Vì vậy tôi đặt cho anh cái hõn danh: “Cảnh Hù”. Hù như anh đúng là Huynh Đệ Chi Binh.

Khi tôi đang viết những dòng này thì nhận được hung tin Chương Thiện Nguyễn Văn Cảnh vừa từ già gia đình và đồng đội



Mũ Xanh vào ngày 22/4/2022. Hưởng thọ 81.

Tôi báo tin cho Sông Hương (New Jersey) ngay, Sông Hương nức nghẹn:

-Lại một đồng khoá, đồng đội nữa ra đi! Cảnh về trên ấy với:

Thạch, Thuý, Tùng, Tổng, Phúc, Kim, Đễ.

Sáng 30/4/2022, lại một buổi sáng buồn đứt ruột, Tổng Hội Phó TH/TQLC, Hội Trưởng TQLC Nam CA và chúng tôi đến chào anh tại thánh đường.

Có 5 Linh Mục đồng dâng Thánh Lễ, vị chủ tế Father Chín Đặng (cựu Tuyên Úy Tr/Tá Hải Quân Hoa Kỳ) giảng lễ an táng với ba điều nhắn nhủ của anh Cảnh đã gây xúc động không riêng cho các con anh Cảnh mà cho tất cả các con cháu đời với cha mẹ già.

Nếu có ai nghĩ: “Thế gian hơn áo hơn quần, già thừa lột trần ai cũng như ai” mà sau 30/4/75 tự lột trần mình ra và lột luôn cấp chỉ huy cũ thì đó không phải huynh đệ chi binh.

Nhưng những trung đội trưởng 50 năm về trước, khi nghe tin Chương Thiện mất, họ đã gọi nhau, báo tin cho nhau, cùng rơi nước mắt nhớ thương cấp chỉ huy cũ, một trong những người đó là Trung Đội Trưởng Trần Trung Ngôn với tâm tình gửi Tiểu Đoàn Trưởng:

CHƯƠNG THIÊN CHÍN KHÔNG CHÍN – 909

Anh Cảnh Kính Mến

Anh biết không, hôm qua thằng Sói Biển Huỳnh Trúc Khanh, Đại Đội 1, gọi điện thoại cho Ngôn, nó nói chậm rãi và rõ ràng:

-Trung Tá Cảnh chết rồi!

Rồi cả hai thằng đều “im lặng vô tuyến” một hồi thật lâu. Sau đó Ngôn mới lập lại câu nói của thằng Khanh:

-Trung Tá Cảnh chết rồi!

Anh Cảnh biết không, rồi hai thằng lại nhắc chuyện ngày xưa xa lắc xa lơ đó. Từ Đại Đội 1 của Đại Úy Chung, Đại Đội 2 của Đại Úy Nhân, Đại Đội 3 của Đại Úy Thạch, Đại Đội 4 của Đại Úy Dương...rồi cả tiếng cười như đại liên M60 của Anh khi Anh hạ con cờ Domino triệt buộc trên chiếc bàn nhỏ bằng ván thông ở “Quán Cà Phê” của Tiểu Đoàn.

Ngày ấy xa rồi...không biết Anh còn nhớ? Anh, Đại Úy Nguyễn Văn Thạch, Trung Úy Nguyễn Đình Chánh, Bác sĩ Nguyễn Văn Tường một phe. Phe địch gồm có Thiếu Úy Lê Đình Lờ, Thiếu Úy Nguyễn Văn Tuấn, Thiếu Úy Lê Văn Hiếu và Ngôn. Cái sân bóng chuyền trước TOC, bên bờ sông Vĩnh Định, trời nắng chang chang thế mà phe ta và phe địch quần nhau còn hơn lúc Tiểu Đoàn mình đánh Cổ Thành.

Ngôn nhớ, thằng Tuấn nó nói:

- Đánh ngay hũ nấp!

Thằng Lờ nâng banh, thằng Hiếu đập về hướng Anh...

Anh thụt lùi, bợ trái banh, từ dưới nâng lên bằng hai lòng bàn tay thay vì bằng hai cổ tay.

Phe địch la chói lói:

- Doubler...doubler!

Anh cười hì hì.

Phe địch la như trúng số:

- Hũ nấp!

Ngày xưa, Anh như vậy đó. Đánh giặc thì hết mình. Chơi thì tới bến. Nói sao phe địch hay phe ta sao mà không khoái.

Cách đây vài tháng, Ngôn gọi thăm Anh và nói Ngôn có tấm hình của Anh, anh cười hì hì bảo gởi cho Anh. Không ngờ mới đây thôi mà bây giờ Anh đã đi.

Bây giờ Anh đi, trên đó Anh sẽ gặp lại những khuôn mặt ngày xưa, Đại Úy Thạch, Đại Úy Anh, Đại Úy Trà... cùng một lô 471, những trung đội trưởng của Anh ngày ấy.

Trung Tá Nguyễn Văn Cảnh, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 3 TQLC từ 1972-1975.

Và Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 14 TQLC từ 1975 cho đến ngày mất nước.

Anh Cảnh ơi!

RIP...My Commander!

Nguyễn Văn Cảnh & Cổ Thành

(Trích hồi ký "Người Lĩnh Tổng Trừ Bị" của MX Giang Văn Nhân):

...Đạn pháo và bóng đêm cũng như sự mệt mỏi không làm người chiến sĩ dừng bước, họ chiến đấu liên tục, tiêu diệt các tàn quân địch còn cố thủ. Sau gần 24 giờ chiến đấu không nghỉ, những người lính Đại Đội 2 Tiểu Đoàn 3/TQLC do Thiếu Tá Nguyễn Văn Cảnh làm Tiểu Đoàn Trưởng, đã dựng Quốc Kỳ trên cổng thành cửa Tả vào mờ sáng ngày 15 tháng 9 năm 1972. Trung Sĩ Trương Văn Hai, Trung Đội Phó Trung Đội 22/ĐĐ.2 đã hy sinh trong giây phút hào hùng này.

Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đã chiến thắng, chiếm lại Quảng Trị trước hạn định 3 ngày. Sự thành công này là do đóng góp của Sư Đoàn Dù (Tích Tường, Như Lệ), Biệt Động Quân (Liên Đoàn 7 Chợ Sãi), Không Quân, Hải Quân, Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, Thiết Đoàn 20 Chiến Xa, Thiết Đoàn 18/KB, Pháo Binh 155 ly... và Sư Đoàn TQLC trong đó ĐĐ3 của Trung Tá Nguyễn Văn Cảnh (K16/TVBQGVN) và ĐĐ6 của Trung Tá Đỗ Hữu Tùng (K16/TVBQGVN) là nỗ lực chính...

-Khóa 17VB/TQLC:

Khóa 17 ra trường tháng 3/1963, có 12 Thiếu Úy về TQLC:

Lê Văn Cưu*, Phạm Dương Đạt, Nguyễn Ngọc Điệp*
Nguyễn Tiến Đức*, Trần Kim Hoàng*, Trịnh Kim Huệ*, Đinh
Xuân Lãm*, Nguyễn Duy Long*, Huỳnh Văn Lượm*, Ngô Văn
Mẹo*, Nguyễn Văn Nhạc, Tăng Minh Sang.



Long Lê Huỳnh Văn Lượm

K17 về TQLC sau K16 chỉ 3 tháng thôi, các anh đánh đấm cũng tung bùng khói lửa mà đường binh nghiệp thì lặn dận vô cùng. K16 có 11 anh thì đều làm tiểu đoàn trưởng cả, trong khi K17 có 12 anh thì chỉ có hai anh là Long Lê Huỳnh Văn Lượm và Lãm Đồng Đinh Xuân Lãm.

Thâm niên Binh Chung từ 3/63 mà tới 9/68, anh Lãm vẫn còn là đại đội trưởng. Trong trận kinh Cái Thia (Cai Lậy) 31/12/67, tôi coi ĐĐ.1, anh Lãm coi ĐĐ.2, Trần Văn Thương ĐĐ.3, Trần Văn Hợp ĐĐ.4, đến tháng 9/68 thì anh Lãm mới lên Ban 3 Tiểu Đoàn.

Trong trận Cầu Khởi Bời Lời 14-17/9/68, là Trưởng Ban 3/TĐ.2 anh đã cùng TĐT Đồ Sơn bay C&C suốt đêm để hướng dẫn Hoà Long và cho biết tình hình địch nên đại đội của tôi và Trần Văn Thương đứng vững tới sáng.

Ngoài hai anh Lượm và Lãm coi như nổi thì anh Lê Văn Cưu đáng lẽ mới là người nổi trội. Khi ở TĐ.1/TQLC, anh là người lên trung uý và là đại đội trưởng đầu tiên của K17/TQLC, trước cả mấy anh K16. Anh có tài, không tứ đồ tướng mà chỉ

phân nửa, có tí tật thích “bay nhảy” nên đường binh nghiệp của anh cũng nhảy lung tung. Những năm tháng cuối cùng anh về Hậu Nghĩa dưới quyền Ông Tỉnh Tôn Thất Soạn như cá gặp nước. Trước đây khi còn ở Đ.1/TQLC, Tiểu Đoàn Trưởng Tôn Thất Soạn đã cho anh Cưu làm ĐĐT, nay Ông Tỉnh bắt Cưu coi một cái quận thật nghèo kinh tế nhưng thật giàu “mãng cầu gai” (lựu đạn).

Sau 30/4, trong tù, tôi ở chung với các anh Cưu, Hoàng, Lãm, Huyền (Mai Lệ) nên mới thấy cái tài “vờ vịt” của anh Cưu. Ngay từ những ngày đầu tiên ở Long Giao, anh đã bị bệnh “gai” cột sống, anh khoét chỗ nằm một cái lỗ trũng cho vừa cái lưng, anh đi lòm khòm như mặc áo không quần, cai tù thấy vậy cho anh nghỉ bệnh, miễn “lao động là vinh quang”.

Anh qua mặt cai tù, không đi lao động, khi ra tù, anh cong lưng lái xe đạp thồ, rồi sau đó qua mặt công an phường, anh thuê một cơ sở tôn giáo (trên đường Trần Quốc Toản bị VC tịch thu) mở câu lạc bộ, anh gọi là: “Tự Nghĩa Đường Tứ Hải Giai Huynh Đệ”, nơi gặp nhau an toàn của các cựu tù, trước mắt công an phường.

Tôi hỏi anh hết “gai” cột sống hồi nào mà ngay lưng vậy, anh mỉm cười:

-Tao lấy dao cạo, nghe xạo xạo.

Ngày tôi ra mắt sách Nửa Đường, anh từ San Jose xuống dự và ôm về một thùng để tặng bạn bè. Anh thương tôi vì tôi phục anh.

TQLC đất chật người đông, trung úy thâm niên mới là đại đội phó, được làm đại đội trưởng thì khó vô cùng, hưởng chi tiểu đoàn trưởng. Kẹt đường tiến thân nên một số các anh K17 đã xuất Binh Chủng đi đơn vị khác.

Khoá 17 huấn luyện K19 chúng tôi trong quân trường, nên ở TQLC, chúng tôi rất kính nể các “hung thần” này. Đã từng làm việc và ở tù chung với các anh Lê Văn Cưu*, Trần Kim Hoàng*, Đinh Xuân Lãm*, Huỳnh Văn Lượm*, Lê Văn Huyền*. Các anh thương tôi và ngược lại, “sống chết có nhau” ngoài chiến trường, “giúp đỡ lẫn nhau” trong ngục tù CS. Nay thì cả 5 anh không còn nữa! Tôi thương nhớ và kính phục các anh vô cùng. (*tt: từ trần, từ trận, tuấn tiết)

Tính đến nay (4/2022) đã có 9/12 anh tử trận và tù trần, còn 3 anh Phạm Dương Đạt, Nguyễn Văn Nhạc, Tăng Minh Sang thì không biết phiêu bạt phương nào?



Hình chụp ngày 5/10/74 khi Long Lễ bàn giao TĐ.9 cho Tây Đô Lâm Tài Thạnh, để lên làm Lữ Đoàn Phó LĐ.258.

Từ trái : Sơn, Quang, Cự, Tây Đô, Long Lễ, Phán, Ba

-Khóa 18VB/TQLC.

Khoá 18 không có ai về TQLC, trừ một anh sau này từ đơn vị khác chuyển về mà cũng không ai biết anh xuất thân quân trường nào. Năm 1976 khi chuyển ra trại tù Yên Bái, tôi ở chung tổ với một “quái nhân”, gọi anh là quái nhân vì anh khỏe như voi nhưng lại coi cai tù không ra chi cả, nhìn anh đứng hai tay chống nạnh, cãi tay đôi, thách thức tên bộ đội: “Mày bắn tao đi” trong khi tay nó lăm le cây AK47. Tôi lo cho anh. Tôi về chuồng, tôi tìm hiểu lý lịch thì bất ngờ mới biết anh là K18VB Phan Bát Giác. Tôi kết thân với anh, và đặt cho anh cái hõn danh “8 Cạnh”.

Tôi đã viết về “8 Cạnh” Phan Bát Giác dưới cái tựa: “Ba Chàng Ngự Lâm.

(sẽ đăng trong TT này)

Khoá 19VB/TQLC.

(Đọc trong tuyển tập này)

Khoá 20VB/TQLC.

Khoá 20 Võ Bị có 25 Thiếu Úy về trình diện TQLC, đó là:

Phạm Cang, Quốc Chính*, Tuấn Kiệt*, Thế Khanh, Nguyễn Hoa*, Nguyễn Hoà*, Tôn Thất Trân*, Phạm Văn Tiền, Lê Quang Liên, Nguyễn Văn Sửu*, Ngọc Tú, Văn Thời, Đinh Quý, Cao Nghiêm, Như Liêm, Đinh Lợi, Hoài Đức, Văn Vọng, Lê Bon, Văn Khương, Văn Loan, Lộc Nguyên

Xuất thân Võ Bị về TQLC thì K16 và K20 thành công nhất, cả hai tiền thân đồng đều và có nhiều anh làm Tiểu Đoàn Trưởng hơn hai K17 và K19.

Trong quân trường, K19 và K20 “quần thảo nhau”, khi về TQLC lại cùng thời chiến trận sôi động nên chúng tôi biết nhau nhiều hơn, thân nhau hơn, dù không chung tiểu đoàn. Tôi xin ghi lại một vài kỷ niệm với những anh mà tôi đã được sống chung và tiếp xúc. Với những K20 đã tuấn tiết, tử trận và tử trần, tôi xin dâng lên các anh linh một nén nhang.

Theo thứ tự thời gian, tôi gặp 5 Th/Úy K20 về trình diện Tiểu Đoàn 5/TQLC là Lê Văn Thời, Lê Đình Quý, Nguyễn Ngọc Tư và Ngô Đình Lợi. Tôi thân với cả 5 anh, Ngọc Tú là bạn cùng lớp với tôi trường L. Petrus Ký, nhưng với Lê Đình Quý thì có nhiều kỷ niệm vui buồn hơn.

Lê Đình Quý về ĐĐ4 với tôi, tôi bàn giao Trung Đội 43 cho Quý, tôi lên làm Đại Đội Phó. Vì cùng đại đội nên khi đi hành quân hay về hậu cứ, Quý và tôi đi cặp với nhau.

Khi tôi bị nạn, xách ba-lô đến Q.C202 của tù trưởng Trần Ngọc Toàn (K16) thì cũng là lúc TĐ.5 ba-lô lên vai, 12 ngày gạo hành quân Miền Trung. Trong lúc tôi nằm Q.C 202 thì TĐ5 dựng nặng tại Mộ Đức Quảng Ngãi tháng 6/1966. TĐT Dương Hạnh Phước, Bác Sĩ Lê Hữu Sanh cùng rất nhiều quân nhân tử trận. Riêng Đại Đội 4 của tôi thì thiệt hại 3/4 quân số. Có 5 sĩ quan thì bị thương 2 (Long, Lộc), tử trận 2 (Phương, Thảo), còn Quý thì bị bắt. Năm 1973, Quý được về trong đợt trao trả tù binh. Vào khoảng 1997, Quý đến thăm tôi tại Lawndale Los Angeles. Quý nuôi mộng lớn, lâu rồi không gặp nên không rõ thành bại ra sao. Tôi gặp K20 Nguyễn Quốc Chính.

Sau 15 ngày bị nhốt Q.C 202, tôi về trình diện ĐĐ4/TĐ2, Đại Đội Trưởng là Đ/Úy Nguyễn Xuân Phúc, Phó là Tr/Úy Trần Văn Hợp và Tr/Đ Trưởng Nguyễn Quốc Chính. Khi anh Nguyễn Kim Để lên làm TĐP/TĐ.2, tôi thay anh coi Đại Đội 1, Chính làm ĐDP cho tôi.

Ngày 31/12/1967, bên bờ kinh Cái Thia, Quận Cai Lậy, khoảng 10 giờ sáng Nguyễn Quốc Chính đã ngã gục thay cho đàn em và đồng đội! Nguyễn Quốc Chính



(Khanh, Cang, Thời, Liên, K20)

đã hy sinh vì Tổ Quốc như bao chiến sĩ đã gục ngã, nhưng Quốc Chính còn hy sinh thay cho đàn em.

Khi họp hành quân đổ bộ trực thăng, tôi bảo Chính coi trung đội súng nặng, nhảy chuyển sau, nhưng Chính nhảy đầu với Trung Đội 14 của Th/Úy Huỳnh Vinh Quang (K22) mới ra trường nên đàn anh Chính kèm cặp hơi kỹ, chỉ huy trung đội thay Quang, và Chính đã hy sinh trong đợt xung phong đầu tiên này! Nguyễn Quốc Chính hy sinh vì tình “huynh đệ chi binh”, Chính không chỉ là tấm gương sáng của K20/VB, mà của TQLC.

K20 có 5 người về TĐ2/TQLC thì Nguyễn Tuấn Kiệt tử trận tại Phù Liêu Gia Đặng, Quảng Trị, Nguyễn Quang Minh hy sinh ở vòng đai Saigon, còn Hoàng Như Liêm thì bị trọng thương thành “độc cước đại nhân”. 5 người thì 3 ra đi, 1 già từ vũ khí,

chỉ còn lại Phạm Văn Tiền, bao tinh hoa K20 dồn cho Phạm Văn Tiền. Tiền văn-võ song toàn, nhà văn, Tiểu Đoàn Trưởng TQLC. Vũ Thế Khanh và Nguyễn Kim Thân (K21) làm Tiểu Đoàn Trưởng Khóa Sinh, còn tôi làm Liên Đoàn Trưởng, tôi bàn với Khanh và Thân đem một phần phương pháp huấn luyện Tân Khoá Sinh Võ Bị vào khoá sinh TQLC, Chi Huy Trưởng là Trung Tá Nguyễn Đình Ân thì “no-ai-dia” nhưng Chi Huy Phó là Trần Xuân Bằng, K19, thì vui như tết.

Vũ Thế Khanh là một “ông thầy” tiếng Mỹ, khi du học đã được báo Mỹ khen, sau này Khanh được tuyển về Trung Tâm Dịch Thuật Bộ TTM. Khanh có một bộ tài liệu học Anh ngữ rất quý giá, ai muốn nghe hay tham khảo thì Khanh sẵn sàng cho mượn tại chỗ, nhưng không cho thẩm quyền nào được mượn mang đi, vậy mà Khanh đã “trao trứng cho ác”, trao tài liệu này cho tôi để luyện võ khi tôi rời TTHL ra hành quân, và rồi những vật quý này đã không cánh mà bay vào những ngày cuối tháng 3/1975!

Tôi không còn nhớ những cuốn băng này nằm lại Hương Điền hay bãi biển Non Nước, Khanh cũng “quên” chúng luôn, chưa bao giờ Khanh nhắc đến. Khanh có trí nhớ tuyệt vời thì làm sao quên tài liệu quý giá này, nhưng rất tế nhị với đàn anh. Đáng nể là ở chỗ đó, chỉ tiếc là thầy cho “chữ” mà trò bỏ mất nên đến nay trò vẫn còn đốt Anh Văn, vốn tiếng tiếng Mỹ của tôi đang chưa đầy lòng bàn tay.

Tôi cũng đã gặp và nói chuyện với Tôn Thất Trân nhiều lần, lần sau cùng vào năm 1973 khi Trân từ TTHL ra thay cho tôi ở P3/BTL tại Hương Điền trong nhiệm vụ trưởng ban hành quân, sau một thời gian thì Trân về Tiểu Khu Hậu Nghĩa làm Tiểu Đoàn Trưởng ĐPQ.

Tôn Thất Trân là một quân nhân lý tưởng, tư cách và tài năng của anh khiến đời nể phục. Dù có nơi tựa nhưng Trân đứng trên chính đôi chân của mình, đứng vững vàng và hiên ngang trước mặt địch quân cho tới hơi thở cuối cùng 30/4/1975 khi bị địch quân lén lút hạ sát.

Tôn Thất Trân là niềm hãnh diện của K20, của Trường Võ Bị, của TQLC.

Trong thời gian làm Trưởng Ban Hành Quân thuộc P3/SĐ tại Hương Điền, tôi ở chung với Nguyễn Văn Loan, Loan Mắt Nhung, Loan có nụ cười hiền hòa dễ thương. Chúng tôi chia sẻ với nhau điều vui và niềm cay đắng.

Lê Hoài Đức và tôi cùng làm việc trong Bộ Chỉ Huy căn cứ Sóng Thần, tôi CHP. Ngoài ra hai gia đình chúng tôi cùng chung vách trong trại gia binh Cửu Long (Thị Nghè). Đức có cuộc sống khá trầm lặng, có lẽ do ảnh hưởng của bệnh đau bao tử nên sau giờ làm việc, Đức thường nằm trong phòng đọc sách, thỉnh thoảng anh em tôi bày bàn cờ tướng để chiếu nhau chơi, Đức tính trước được 5 nước, còn tôi mới chỉ sạch nước cần nên ai thường lâm vào thế bí thì đã rõ. Nhưng thua dùng kế, thấp dùng mưu, tôi chấp Đức con tướng.

Còn những Cam Ranh Phạm Cang, Long Hồ Quang Liễn, Cao Nghiêm, Tiền Giang Phạm Tiền là những cấp chỉ huy tương lai sáng giá, nhưng trời đất bỗng nổi cơn gió bụi, đường binh nghiệp các anh đang công theo đuổi thì bị gãy súng nửa đường trên pháp trường cát Thuận An!

Khi buông súng, sống đời tị nạn, các anh vẫn tiếp tục sinh hoạt cùng đại gia đình Cọp Biển. Nhiệm vụ chính mà đại gia đình và các anh đã, đang cố gắng chu toàn, đó là:

“Giúp đỡ lẫn nhau là Huynh Đệ Chi Binh”, là giúp anh em TPB/TQLC.

Khoá 21VB/TQLC.

Theo MX Nguyễn Trung Việt: Tháng 12/1966, 20 Thiếu Úy K21 về TQLC thì tháng 4/67 Phạm Hữu Chánh TĐ.5, Phạm Hữu Thịnh TĐ.2 đã tử trận! Sau đó có tất cả 9/20 hy sinh cho Bình Chủng, trong đó có Phạm Văn Nhượng, trung đội trưởng của tôi.

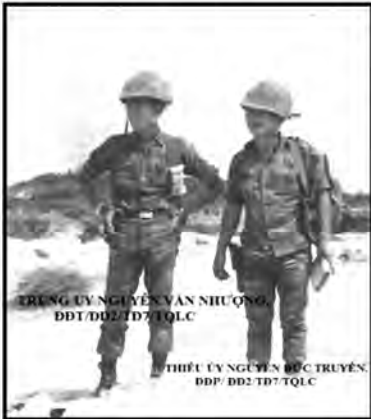
Khi Tiểu Đoàn Trưởng TĐ.2 Nguyễn Xuân Phúc bắt tôi giao ĐĐ.1 cho Trung Úy Lâm Tài Thạnh để sang săn sóc ĐĐ.3 của Nhượng thì trong lần hành quân đầu tiên với ĐĐ.3 tại kinh Cán Gáo Chương Thiện, tôi đã bị loại khỏi vòng chiến.

Thời gian này cũng là lúc TQLC đang thành lập tiểu đoàn mới, anh Phúc cho Nhượng dẫn toàn bộ ĐĐ.3 sang làm ĐĐ.2/TĐ.7, còn TĐ.2 thành lập đại đội mới lấy tên là ĐĐ5, và

giao cho Phạm Văn Tiền từ đó ĐĐ.2 có 4 đại đội mang tên 1, 2, 4, 5, không còn tên ĐĐ.3 nữa.

Nguyễn Văn Nhượng giỏi, ít nói, làm nhiều, rất can đảm khiến các trung đội trưởng phải nể phục, trong đó có Thiệu Úy Nguyễn Kha Lạt, tự Lạt Ma, Khoa 9/68ĐĐ đã tôn Nhượng là sư phụ, thật đáng trân trọng tình “Huynh Đệ Chi Binh” TQLC giữa hai quân trường.

Nhưng thật đau lòng, Nhượng đã tử trận bên Campuchia tháng 6/1970 khi con trai của Nhượng mới sinh được 3 tháng, vì thế khi đã lớn khôn, cháu cố tìm tung tích người cha anh hùng.



Tháng 6/2015, một sự tình cờ, con trai Nhượng là Jimmy, một luật sư, từ Oklahoma về TX lập nghiệp, Jimmy tình cờ tìm được chú Lạt, người trung đội trưởng đã cõng xác Nhượng về, Lạt kể cho Jimmy nghe bố Nhượng đã chiến đấu và hy sinh

như thế nào. Nghe xong cháu lấy bộ quân phục rằn ri của Bố (mà mẹ



cháu giữ từ lâu), để mặc vào rồi chụp ảnh cùng với tấm hình thời Bó còn là SVSQ/VB, tấm hình này Jimmy vẫn treo ở văn phòng.



(SVSQ Khóa 21 / VBQGVN)

L-R: hàng trước Nguyễn Đức Thành*, Trần Thanh Thiện, Huỳnh Văn Thảo*, Nguyễn Như Chương, Tạ Đức Khâm* Nguyễn Huy Hoàng* Nguyễn Minh Đức* Lê Văn Nhân.

Hàng giữa: Trịnh Thanh Tùng*, Phạm Hữu Chánh*, (?) đứng sau Đức, Lê San Hà (khoác vai Nhượng), Nguyễn Văn Nhượng*

Hàng sau: Trịnh Lan Phương*, Ngô Văn Huê*, Bùi Hồng, Hoàng Kim Truy*

(*TT: từ trần, tử trận, tuấn tiết).

Thiếu Tá Trịnh Lan Phương tuấn tiết:

(xin trích bài của nhà văn Huy Phương viết về ngày 30/4)

Thiếu Tá Trịnh Lan Phương chọn cái chết thay vì đầu hàng.

Trịnh Lan Phương, cựu sinh viên sĩ quan Khóa 21 Trường Võ Bị Quốc Gia. Sáng 30/4/75, sau khi Đại Tướng Dương Văn Minh lên đài phát thanh Sài Gòn kêu gọi quân đội buông súng đầu hàng vô điều kiện, rất nhiều vị anh hùng của chúng ta chọn cái chết tại chỗ thay vì ra hàng giặc. Thất vọng, bẽ bàng, căm giận, hàng ngàn người lính miền Nam đã tự sát để khỏi rơi vào tay quân địch, tránh nỗi ô nhục của một hàng binh trước cảnh nước mất, nhà tan.

Thế giới đã biết đến những vị tướng lĩnh Miền Nam, Tư Lệnh các đại đơn vị đã tuần tiết khi nghe tin Sài Gòn thất thủ, nhưng đã có biết bao nhiêu anh hùng vô danh, lặng lẽ chọn cái chết mà không hề ai biết đến. Thiếu Tá Trịnh Lan Phương là một trường hợp như thế!

Trong thư của Trịnh Thiên Hương, con gái đầu của ông gửi cho đồng môn của ông:

-Cháu không được nghe bất kỳ một lời nói nào của ba từ mẹ cháu cả. Ba cháu tự sát tại nhà, ngay ngày 30/4/ 1975, cháu vẫn còn bị ám ảnh mãi trong tâm trí mình những người cậu, ôm ba từ trên gác xuống.

Cháu tự hào vì ba của mình, một người cha vĩ đại trong lòng cháu. Từ 5 tuổi cháu đã mồ côi cha, hình ảnh người cha trong tâm trí cháu là một người đàn ông, đẹp trai, cao lớn, hiền lành, vui tính, yêu vợ thương con, sống chân thật với những người thân xung quanh và tình yêu đẹp thật lãng mạn của ba mẹ (đây là những lời kể lại từ bà nội, bà ngoại và các dì của cháu – từ đó hình thành lên một hình ảnh người cha tuyệt vời trong tâm trí cháu).

Cháu rất buồn và cảm thấy bất lực khi đi tìm thông tin về người cha yêu quý của mình. Ba cháu luôn luôn vẫn là một người tuyệt vời trong lòng cháu, cháu luôn tự hào là đứa con gái ngoan của ba Lan Phương. Cháu mừng vì được gặp các chiến hữu của ba, được nhìn thấy sự quan tâm của mọi người đối với ba. Cháu rất cảm động về những điều tốt đẹp mà mọi người dành cho ba cháu.”

Một K21 khác có nhiều duyên nợ với tôi là Nguyễn Kim Thân*.

Tháng 1/1969, anh Nguyễn Xuân Phúc thay thế Tr/Tá Ngô Văn Định (bị thương) để làm TĐT/TĐ.2, anh kéo luôn Nguyễn Kim Thân từ TĐ Yên Trọ về làm Ban 3.

Thông thường ban 3 tiểu đoàn phải thâm niên hơn các đại đội trưởng, mà các đại đội trưởng dưới quyền anh Phúc là các Đại Úy Cấp, Hợp, Dzoan, Thương, TĐP là anh Nguyễn Kim Đễ thì Thân chỉ là phụ tá B3. Chuyện này không thành vấn đề với Phúc Yên, làm việc dưới quyền Phúc Yên, nếu không giỏi thì

không được phép tôi. Kim Thân đang yên thân ở hậu cứ mà cứ đòi theo Phúc Yên và Phúc Yên nhận thì khởi bàn về mấy chữ “trường, phụ tá”.

Thời gian này, khi hành quân thì chuyện ai người nấy lo, cứ thẳng mực tàu theo “quân lệnh” nhưng về hậu phương, Hợp, Dzoan có người yêu thì: “tìm nơi vắng vẻ” còn tôi và Thân, độc thân thì “tìm đến chốn lao xao” trên chiếc Vespa Spring. Đã có lúc tôi và Thân định chèo chung một ghe, thẳng mũi, thẳng lái, nhưng chuyện bất thành, (sau này ở hải ngoại cũng thế).



(Trần + Việt + Phương + Hậu, K21)

Kim Thân làm việc rất giỏi, (dĩ nhiên, K21 mà) nhưng cái đáng quý là Thân thân tình với mọi người, luôn biết trên dưới, cười với bất cứ ai, dù biết kẻ đó thủ lưỡi lê sau lưng.

Tháng 9/69, K21 Kim Thân hét lên và khóc khi K19 bị trọng thương, cũng như 12/67, K19 khóc khi K20 tử thương. “Sống chết có nhau là huynh đệ chi binh”.

Ngoài Nhượng và Thân cùng Tiểu Đoàn, tôi được quen biết Trung Việt, vì Việt đang chịu trách nhiệm làm đẹp cho tờ Sóng Thần TQLC.

Tôi còn hân hạnh được tiếp xúc với một số K21 khác, trong và ngoài Binh Chung TQLC, tất cả họ đều một mẫu số chung: “Tương kính và tự hào”

Quý Trần, Trung Việt, Song Phương, Quang Hậu... ôm nhau cười.

Khoá 22VB/TQLC.

Tháng 12/1967, Thiếu Úy Huỳnh Vinh Quang trình diện ĐĐ.1/TĐ.2 TQLC. Tôi hỏi, Quang nói học 2 năm gọi là K22A, một số ở lại học 4 năm gọi là 22B.

Tôi biết rất ít về K22B, vì khi các bạn ấy về TQLC tháng 12/69 thì tôi đã bị loại khỏi vòng chiến rồi, nhưng với K22A, ngoài Quang bị tôi “hành hạ” thì tôi còn được tiếp xúc với một số các bạn khác như: Kiêu Công Cự, Giang Văn Nhân, Đoàn Văn Tịnh, Dương Công Phó, Nguyễn Đình Ninh, Lê Văn Lệ v.v..

Trong trận đánh trên kinh Cái Thia, quận Cai Lậy kéo dài từ 9 giờ sáng ngày 31/12/1967 tới 6 giờ sáng ngày 1/1/1968 thì



Lê Văn Lệ (thuộc ĐĐ.2 Đ/Úy Đinh Xuân Lãm) bị thương cùng với anh ruột của Lệ là Lê. Cả hai bị loại khỏi vòng chiến từ đó, còn Huỳnh Vinh Quang thì may mắn hơn, nhưng sau này cũng bị “xuất” khỏi TQLC.

Trong số các bạn kể trên, có 3 “người lính viết văn”, đó là Kiêu Công Cự, Đoàn Văn Tịnh, và Giang Văn Nhân, các bạn ấy đã xuất bản những tác phẩm hấp dẫn đời lính.

Đ/Úy Đoàn Văn Tịnh với “Xưa Nay Chinh Chiến Mấy Ai Về”, trong đó Tịnh đã nói rõ cuộc điện đàm lần cuối cùng với Tr/Tá Đỗ Hữu Tùng, Lữ Đoàn Phó LĐ.369. Một tiếng nổ lớn từ nơi Tr/Tá Tùng dội vào máy của Tịnh rồi Tịnh mất liên lạc ngay với Tr/tá Đỗ Hữu Tùng từ đó.

Giang Văn Nhân với “Chặng Đường Nối Tiếp” khiến độc giả đọc tới trang cuối cùng rồi lật lại đọc “nối tiếp”. Chặng Đường đời lính hay và hấp quá, vì “Văn Nhân” biết phối hợp giữa cây viết và cây súng, nhất là súng AK47.

Khi đại đội của Nhân vừa tái chiếm Cổ Thành xong, không có sẵn Quốc Kỳ, đứng dưới hố, Nhân đưa cao AK (tịch thu được) mỉm môi bóp cò.

Leo lên khỏi hầm, phanh áo ngực, chống nạnh, mỉm cười, nhìn trời mù sương khói súng, tìm ý cho những chặng đường nối tiếp. Cây viết của Nhân hấp dẫn là vì vậy.



Giang Văn Nhân
Tại Cổ Thành Quảng Trị

Còn anh chàng Họ Dương đa tài nhiều tật, nhưng lại có tính cứng đầu dễ thương. Giang Văn Nhân với “Chặng Đường Nối Tiếp” khiến độc giả đọc tới trang cuối cùng rồi lật lại đọc “nối tiếp”. Chặng Đường đời lính hay và hấp quá, vì “Văn Nhân” biết phối hợp giữa cây viết và cây súng, nhất là súng AK47.

Khi đại đội của Nhân vừa tái chiếm Cổ Thành xong, không có sẵn Quốc Kỳ, đứng dưới hố, Nhân đưa cao AK (tịch thu được) mỉm môi bóp cò.

Leo lên khỏi hầm, phanh áo ngực, chống nạnh, mỉm cười, nhìn trời mù sương khói súng, tìm ý cho những chặng đường nối tiếp. Cây viết của Nhân hấp dẫn là vì vậy.

Còn anh chàng Họ Dương đa tài nhiều tật, nhưng lại có tính cứng đầu dễ thương.

Dương Công Phó và Tô Thanh Chiêu mỗi khi có dịp là ghé thăm tôi, nhưng chỉ trong chốc lát rồi đi kiếm Cao Xuân Huy. Thanh Chiêu, Xuân Huy, Công Phó gặp nhau như rồng gặp mây: - “Trời say mặt đỏ gay, đất say đất lặn quay”.

Mặc kệ:

Ba ta cứ say men chiến thắng, say men và chiến thắng
Nay (4/2022) Dương Công Phó không đủ sức khoẻ để dương, nhưng được y tá săn sóc tốt nên chàng vẫn yêu đời, khi dương khi thú.

Tháng Ba Gãy Súng Cao Xuân Huy cầm viết, rồi viết cũng gãy, Huy ra đi để lại nhiều tiếc thương cho đồng đội. Độc giả, thánh giả LSR nhớ Huy mãi trong vai: “Ông đại tá hồi hưu”.

Còn Đ/Úy Tô Thanh Chiêu và Th/Tá Nguyễn Trí Nam (TĐP/TĐ.4) đã tử trận vào chiều 25/3/75 tại bờ biển Thuận An. Xác Nam thì đưa về được Non Nước, còn Chiêu thì nằm lại cùng đồng đội, hơn 35 năm sau (2010), đồng bào thôn An Dương, Thuận An đã tìm được 132 bộ xương.

Với tấm lòng thương kính, đồng bào dưới XHCN đã ngưỡng mộ những TQLC hy sinh là “Hiền Hách” rồi đem an táng chung trong một ngôi mộ với 8 chữ:



“THẬP LOẠI CÔ HỒN HIỀN HÁCH CHI MỘ”

Chuyện chú em Dương Công Phó K22A còn dài, xin hẹn dịp khác.

Còn nhiều Võ Bị /TQLC khác mà tôi chưa có dịp tiếp xúc hoặc cùng đơn vị, nhất là các bạn trẻ từ K22B trở về sau là Khoá 23, 24, 25, 26, 27, 28 và Khoá 29 thì tôi xin gửi lời thăm hỏi và chúc bình an. Xưa chưa biết nhau, nay trên xứ tạm dung, ước mong sẽ có dịp được cùng các bạn tâm tình “thợ giặt”. Nay thì xin tâm tình Huynh Đệ Chi Bình với hai bạn Khoá XXVB/TQLC mà tôi chưa biết tên, nhưng nhớ mãi nét mặt ngơ ngác dễ thương

vào buổi trưa hôm ấy, ngày 27/3/1975 trên đường phố Đà Nẵng đầy hỗn loạn.

Sáng 27/3/1975, từ Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn trong căn cứ Non Nước Đà Nẵng, tôi được lệnh cầm bao thư đóng dấu “Khẩn, Mật” lên chân đèo Hải Vân trao tận tay cho Đại Tá Ngô Văn Định, Lữ Đoàn Trưởng LĐ468/TQLC. Nhưng dọc đường, dòng người xe cộ từ phía Bắc dồn vào thành phố Đà Nẵng, không thể nào đi tới được, tôi vội báo về TTHQ, nơi đây bảo tôi quay về để dùng trực thăng.

Quay về cũng không dễ dàng gì, chiếc “đốt-cát” bóp còi inh ỏi, nhích từng chút, bỗng tôi thấy 2 chiếc “beret” xanh TQLC nhấp nhô giữa làn sóng người hỗn loạn. Nghĩ rằng đây là TQLC đào ngũ, nên tôi cho mấy người đi theo tôi đến túm cổ 2 con nai. Tưởng rằng dân ba-gai nhưng thấy họ ngơ ngác như nai thật: Đầu đội beret xanh, lưng đeo ba-lô, mặc bộ quân phục Bộ Binh mới tinh, tôi hét hỏi:

-Đi đâu đây? Sao bỏ đơn vị?

-Chúng em trình diện tiểu đoàn, nhưng không biết tiểu đoàn ở đâu.

Thoáng nhìn thấy huy hiệu con rồng ngâm kiếm nhỏ xíu gắn trên nắp túi áo, tôi biết ngay họ là ai, lòng tôi dâng lên một niềm xúc động mạnh, hãnh diện về đàn em mới ra trường tìm về đơn vị trình diện, đúng là: “Không cầu an lạc dễ dàng mà chỉ khát khao...”, nhưng trong tình thế này, không phải gió mưa, mà là bom đạn, sinh mạng hai chú em như chi mảnh treo chuông, tôi không hỏi thêm bất cứ điều gì mà lớn tiếng quát, cứ như SVSQ cán bộ năm xưa:

-Leo lên xe, nhanh lên.

Về đến TTHQ, tôi bảo 2 chú tự tìm tự chỗ ngủ rồi sẽ trình diện tiểu đoàn sau, còn tôi lo việc của tôi, chẳng có chút thời giờ nào để “tâm tình thợ giặt”.

Sáng 7 giờ sáng ngày 29/3/75, khi TTHQ được lệnh bơi ta tàu, tôi ngoắc tay cho 2 chú đi theo tôi và Thiếu Tá Phạm Văn Sắt K16. May mắn chúng tôi được kéo lên LSM.

Khoảng 10 giờ LSM cập sát HQ 404, tất cả TQLC được lệnh rời LSM leo lưới bên hông HQ404. Những sĩ quan HQ từ

trên ngó xuống, TQLC từ dưới ngược lên, 2 chú em luôn bám sát Th/Tá Sát và tôi, tôi thấy họ ngược lên HQ404, vẫy tay la lớn:
-Niên trường, niên trường, niên trường.

Mấy HQ trung úy cũng vẫy tay lại, reo lên mừng rỡ. Khi lên được HQ404, mấy HQ dẫn 2 TQLC này đi đâu thì tôi không biết, tôi không biết họ tên gì, khoá mấy* nhưng tôi biết chắc họ là anh em nhà “Võ”. Đã gần 50 năm rồi, vẫn còn thấy ám áp tinh Huynh Đệ Chi Binh, mong các chú bình an mạnh khoẻ.

(*theo tìm hiểu thì Khoá 27 Võ Bị mãn khoá ngày 27/12/1974, sau 15 ngày phép, cộng với thời gian thực tập tại Trung Tâm Huấn Luyện TQLC tại Rừng Cẩm rồi mới ra trình diện đơn vị thì 2 chú tôi “tóm” được ở Đà Nẵng ngày 27/3/75 có lẽ thuộc Khoá 27 Trương Hữu Đức.

Chỉ dựa vào tin đồn “nghe nói” mà viết hoặc “nổ” về một người khác, dù tốt hay không tốt là điều... “không tốt”, là không biết tự trọng, nói nôm na là ba-xạo.

Bài viết đã hơi dài, tôi xin kết thúc bằng câu chuyện không xạo:

“TQLC Huỳnh Vinh Quang bị xuất Binh Chung”.

Quang về trình diện tôi vào trung tuần tháng 12/1967.

Thông thường một sĩ quan mới ra trường thì sẽ đi “OJT” một thời gian ngắn rồi mới được giao coi trung đội, nhưng tôi đang thiếu Trung Đội Trưởng Trung Đội 14 (hiện do Đại Đội Phó Nguyễn Quốc Chính kiêm nhiệm), nên tôi bảo Chính cứ giao cho Quang coi trung đội ngay đi rồi để mắt dòm chừng. Quang siêng năng học nghề, điều tôi chú ý nhất là mỗi chiều, sau khi đóng quân xong, Quang đều ghi gì đó vào sổ tay, vì vậy mà sau này Quang nhớ rất nhiều chuyện.

Quang trông hiền lành, phúc hậu nhưng lại ưa “gây sự”, mỗi khi trung đội Quang đi đầu hay cuối đều đụng. Trong trận Kinh Cái Thia sáng ngày 31/12/1967, tôi phiên trung đội Quang đi đầu thì đụng nặng, đây cũng là trận đầu tay gay cán nhất, đáng nhớ nhất đối với Quang, vì người đàn anh “OJT” cho Quang, đi bên cạnh Quang đã tử trận, Quang khóc trong máy làm người

nghe khóc theo. Sau trận đêm hưu chiến đó, tiếp theo là Mậu Thân 1968 tại Saigon, trung đội Quang đi cánh nào cũng đụng, nói cho đúng là trung đội nào cũng đụng, nhưng Quang hay gặp mục tiêu gay cần, nhưng không biết nhờ khả năng hay may mắn mà Quang “thắng” nhiều, ít thương vong.

Thời gian trận Mậu Thân, đại đội tôi bị biệt phái cho Ông Tướng Cảnh Sát, trong một lần Ông Tướng yêu cầu tôi giải toà địch, bắt sống chúng khi chúng đang cố thủ trên toà nhà cao tầng ngay sau lưng dinh Độc Lập. Cảnh Sát Dã Chiến đã tấn công mấy lần mà chưa thanh toán được dù đã bị thiệt hại nhiều. Tới phiên trực, Trung Đội 14 của Quang lãnh nhiệm vụ khó khăn này, “may mắn” thành công, không bị thương vong mà còn bắt sống được tổ đặc công VC đúng theo yêu cầu oái oăm của Ông Tướng.

Tháng 7/2017, khi tìm hiểu về trận Mậu Thân, biết Quang “trở về trên chiếc xe lăn”, Đại Tá Cảnh Sát Trần Minh Công đã đến thăm và cảm ơn Quang nói riêng và TQLC nói chung. (***)xem trích tâm tình của Đ/Tá Trần Minh Công).

Trong vòng hơn năm, Thiếu Úy Huỳnh Vinh Quang đã tham dự những trận đánh gay cần cùng với ĐĐ.1, nhất là trong trận Cầu Khởi Bời Lời (14-16/9/1968), Trung Đội của Quang đã góp công cứu sống được cố vấn Mỹ bị thả lằm vào tuyến địch cho TĐ.2 được 3 lần tuyên dương trước Quân Đội, vậy mà Quang không hề một lần bị thương, vẫn sống hùng. Nhưng “TQLC sống hùng sống mạnh, nhưng không sống lâu”. Câu nói đùa của anh em Cọp Biển đôi khi cũng đúng, Quang “đi đêm nhiều sẽ có ngày gặp ma”!

Đầu năm 1969, Không Quân mở rộng nên họ tuyển mộ nhiều sĩ quan cấp chuẩn úy thiếu úy, TQLC chấp thuận cho các bạn trẻ này nạp đơn, tôi nói Quang cứ nạp đại đi.

Tháng 4/69, sau hơn tuần lễ hành quân vùng Trảng Bom, suối Nước Trong, Long Thành, TĐ.2 dừng quân ven lộ Long Thành để nghỉ ngơi và tái tiếp tế. Trong lúc anh em lãnh thực phẩm, Hạ Sĩ Nhất Chiêm, thư ký Đại Đội, cho tôi biết KQ gửi giấy báo yêu cầu những thiếu úy đã nạp đơn xin về KQ thì đến trình diện, nhưng Tiểu Đoàn chưa phổ biến, vì đang hành quân.

Những giấy gọi đi học, thuyên chuyển, thường bị trì hoãn vì lý do hành quân! “Lý do hành quân” đã khiến nhiều anh không bao giờ trở về đi học được nữa!

Nhận điện tin báo tin “vo de”, nhưng vì “lý do hành quân” cho đến khi “đê vỡ” cả tháng mà chồng vẫn chưa về, có nhiều trường hợp con không biết mặt cha! Thoáng nghĩ đến Quốc Chính hẹn sẽ cưới vợ (Cô Lựu) sau chuyển hành quân thì Chính tử trận bên Quang, tôi nói nhỏ với Quang:

-Có giấy gọi trình diện KQ rồi đó, chú mày “dọc” ngay đi, kéo lờ...

Được lời như cời tấm lòng, Quang vội vàng nhảy xe về Saigon “tú-suyt”.

Tôi không biết Tiểu Đoàn có phổ biến tin này cho các đại đội hay không mà chỉ có một mình Quang lọt lưới. Việc tôi cho Quang đi trước đã bị phiền hà với TĐT không ít.

Xin trích Nhật Ký Hành Quân Trung Đội của Quang để biết Quang bị xuất TQLC để về KQ như thế nào.

Sau Tết, hành quân Suối Máu, Lò Than, Biên Hòa, đi Trảng Bôm, suối Nước Trong, Long Thành và chính tại nơi đây, ngày 20 tháng 4 năm 1969, tôi từ già Trâu Điền, từ già Trung Đội 14/ĐĐ.1/TĐ.2/TQLC, từ già những người anh em thân thiết nhất của tôi.

Chuyện tôi già từ Trâu Điền cũng gian nan rắc rối chứ không dễ dàng gì và hoàn toàn do “cái số” chứ chẳng có quái nhân hay thần nhân nào làm lớn bên KQ. Xin tóm tắt như thế này: Trước đó TQLC phổ biến văn thư cho phép các ch/úy và th/úy được nạp đơn thuyên chuyển về Không Quân vì họ đang cần nhiều sĩ quan, tôi và một số anh em cũng cứ nạp đại rồi mài miết hành quân mà quên đi, cũng đôi lần được gọi về khám sức khỏe rồi bỏ đó.

Sáng 20/4/69, đang dừng hành quân ở Long Thành thì Cần Thơ báo cho tôi biết B1/TĐ gọi về trình diện KQ và anh cho tôi đi phép “miệng” ngay.

Không chần chừ, vì từ Long Thành tự túc đón xe đò về Saigon không khó, tôi vọt liền. Khi về đến Saigon, khoảng 3 tiếng đồng hồ sau, thì tôi biết TQLC đã hủy bỏ lệnh cho các sĩ quan TQLC về KQ. Những anh nào hành quân xa, chờ phương tiện, hoặc đơn vị cấp phép theo thủ tục, theo hệ thống quân giai, cấp chỉ huy chần chừ là coi như “xôi hồng bông không”, vì thế đại đa số những người làm đơn như tôi đều lọt số, chỉ có một mình tôi (hình như có một người khác nữa) là lỡ đi trước lệnh thu hồi thì ...cho đi luôn. Tôi biết hậu quả việc Cần Thơ cho phép “miệng” tôi đi ngay sẽ không tránh khỏi bị rầy rà với thượng cấp.



Quang 22A (xe lăn) cùng đồng đội TQLC đồng môn Võ Bị

Hăm hở xin về với TQLC chưa được bao lâu lại vội vàng xin rời màu áo Rằn Ri quả thật lòng tôi áy náy vô cùng. Nhưng thực tế có những lý do dù lòng không muốn nhưng chân vẫn bước đi. Chỉ trong vòng 16 tháng với Trâu Điền mà tôi trải qua những giờ phút nghẹt thở, chứng kiến những người anh em ra đi quá nhanh và không toàn thây, ranh giới tử sinh của TQLC chỉ cách một đường tơ và tôi đã nhiều lần được nằm bên ranh giới sống chết. Chỉ trong vòng một năm mà tôi được tham dự những trận đánh ngoài sức tưởng tượng của tôi như trận Cái Thia, trận Mậu Thân ở Saigon, trận Cầu Khởi-Bời Lồi, cả 3 trận này hiệu kỳ của TĐ.2/TQLC đều được tuyên dương công trạng trước Quân Đội.

Xin các anh em Trung Đội 14/ĐĐ.1 nói riêng và Trâu Điền nói chung, thông cảm cho việc tôi đã “sang ngang”. Về KQ, làm việc với KQ tôi mới thấy khác biệt giữa hai nơi khiến tôi

càng cảm phục sự hy sinh quá mức của anh em trong Binh Chủng Tổng Trừ Bị TQLC/.

(* Trích Tâm Tình của
Đ/ Tá Cảnh Sát Trần Minh Công)**

Kính thưa quý vị, Cảnh Sát Quốc Gia chúng tôi có cái duyên rất gần gũi với TQLC, TQLC đã rất nhiều lần yểm trợ rất đặc biệt cho CSQG.

Năm 1966 tôi mang một biệt đoàn Cảnh Sát Dã Chiến theo Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan ra bình định lại miền Trung, Đà Nẵng và Huế, lúc đó đang có biến động do phía Ấn Quang và Thiếu Tướng Nguyễn Chánh Thi chủ động. Với một Biệt Đoàn chúng tôi không có cách gì vào để bình định được ở Đà Nẵng và Huế. Thiếu Tướng Loan nói với tôi là sẽ có sự yểm trợ của một Tiểu Đoàn Dù và một Lữ Đoàn TQLC của Đại Tá Nguyễn Thành Yên. Nếu không thì chúng tôi không thể tái lập an ninh.

Sau này, năm 1968, trong trận Mậu Thân chúng tôi lại có một cơ duyên đặc biệt với TQLC trong trận Mậu Thân tại Saigon. -Lúc đó tôi là Chi Huy Trưởng Cảnh Sát Quận Nhì. Dinh Độc Lập nằm trong phạm vi trách nhiệm của tôi. VC đánh vào dinh ĐL, chúng tôi mất 1 đêm, 1 ngày để đẩy lui một trung đội đặc công VC và cuối cùng chúng ẩn trong một cao ốc 5 tầng về phía Nam của dinh Độc Lập. Suốt đêm giằng co, VC thì ở trên bắn xuống, Cảnh Sát thì trang bị thô sơ không thể đương đầu được, trong khi chúng chiếm cả một cao ốc. May thay chúng tôi được 1 Đại Đội TQLC đến cứu trợ.

Lúc đó Đại Đội TQLC phải đẩy chúng từ nóc Building qua phía Nam, giúp chúng tôi thanh toán được trung đội đặc công VC. Tôi xin, nhân cơ hội này, để cảm ơn các chiến hữu TQLC, các bằng hữu giúp tôi từ Đà Nẵng cho đến Quận Nhì. Thực ra tôi chưa biết ông Đại Đội Trưởng, Trung Đội Trưởng lúc đó giúp CS chúng tôi là ai.

Cách đây 2 năm, khi TQLC Tô Văn Cấp và tôi được nhóm làm phim của Mỹ muốn thực hiện cuốn phim "Sài Gòn 68" thì

chúng tôi có cơ hội gặp nhau, trao đổi ý kiến về trận Mậu Thân 68. Tôi mới té ngửa ra hỏi đó TQLC giúp chúng tôi là các anh Tô Văn Cấp và Huỳnh Vinh Quang. Tôi đã đến thăm Anh Quang. Cho nên, hôm nay trước khi đặt câu hỏi với anh Tô Văn Cấp, tôi xin được đại diện cho anh em CSQG, và cá nhân tôi xin được cảm ơn các Chiến Hữu TQLC, đặc biệt là các anh Tô Văn Cấp và Huỳnh Vinh Quang. Chúng tôi nợ các Anh một món nợ ân tình, cảm ơn các Anh./.



*Đại Tá Trần Minh Công và tác giả trong ngày ra mắt sách
Nửa Đường*

Câu Chuyện Gia Đình Của NT Đỗ Hữu Tùng, K16

TẤN AN ĐOÀN VĂN TỊNH, K22

Người con gái từ trong ngưỡng cửa một căn phố trên đường Hoàng Diệu vội vã bước ra nhỏ nhẹ xin lỗi mọi người và hỏi một người bạn của chúng tôi anh Nguyễn Đình Thái, anh người Huế nhưng sinh sống và làm việc ở tiểu khu Quảng Trị, tính tình vui vẻ:

- Xin lỗi có phải các anh vừa mới được ra tù.

- Dạ phải.

Chị nói thực nhỏ:

- Xin lỗi, cho em hỏi: Các anh có ai thuộc đơn vị Thủy Quân Lục Chiến không? Có, Thái chỉ vào tôi.

- Nếu các anh không phải bận rộn, gia đình em hân hạnh mời các anh vào nghỉ chân một lúc có được không?

Thái nhìn bạn bè hỏi ý kiến. Anh Phù Chí Phụng và Nguyễn Văn Lợi nhanh nhẩu

- Các bạn có đồng ý không?

Chúng tôi thấy cũng chẳng có chi phải vội vàng, hấp tấp đều gật đầu, đồng ý.

Bước vào căn nhà, tôi kín đáo nhìn quanh, đây là một căn nhà kiến trúc theo lối cổ, nghiêm trang, bình thường. Cô dẫn chúng tôi vào nhà giữa nơi đây có bộ bàn trường kỷ nhiều ghế và mời ngồi, vui vẻ nói, các anh chờ em một tí nghe. Chừng vài phút cô hướng dẫn một bà cụ và vài người chị trong gia đình đến chào hỏi chúng tôi. Bà cụ cười nói.

- Hân hạnh chào và chúc mừng các anh đã qua được những ngày tháng lao đao, hôm nay được trở về với gia đình. Và chúng tôi cũng hân hạnh mời các anh ở lại dùng cơm với gia đình chúng tôi, nghỉ ngơi rồi sáng mai đi có được không? Đồng ý nghe.

Chúng tôi lúng túng trả lời câu hỏi của cụ: thưa cụ cho chúng cháu cảm ơn thôi. Cụ xúc động nói.

- Thú thực với các anh gia đình chúng tôi muốn được mời các anh dùng một bữa cơm với tấm lòng, ngoài ra cũng có câu chuyện cần hỏi thăm các anh, mong các anh nhận lời. Tôi thưa với cụ, anh em bọn cháu sẽ ở lại dùng cơm với cụ nhưng xin phép cụ và gia đình sau khi dùng cơm xong chúng cháu xin từ giả.

Cụ yên tâm, thôi vậy cũng được, cầu mong chúng ta sẽ lại còn gặp nhau.

Cụ bảo cô con gái pha trà mời khách, thú thực chúng tôi ai cũng cảm thấy yên tâm và thoải mái qua từng lời nói, cử chỉ của mọi người trong gia đình này dần rằng họ chưa hề quen biết với chúng tôi bao giờ.

Cụ nhìn từng người một và nét mặt thoải mái như được đón người thân trở về sau những tháng năm dài tù tội. Các cháu có ai cần thuốc men gì không, cụ lần lượt hỏi qua những người bạn của chúng tôi một cách cảm thông, dễ mến. Sau cùng cụ hỏi nhỏ.

- Xin lỗi ai là người lính Thủy Quân Lục Chiến? Chúng tôi nhìn nhau, một chút trao đổi nhưng không ngần ngại, tôi nói nhỏ.

- Cháu là Thủy Quân Lục Chiến.

Cụ vui vẻ.

- Giữa các anh em bác có thể nói chuyện với cháu có gì bất tiện không?

- Dạ, bác cứ nói.

- Vâng, bác cảm ơn, trên dáng mặt buồn bã như không còn niềm vui cụ kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về một người lính.

“- Trong gia đình bác cũng có người con trai đi lính Thủy Quân Lục Chiến, nghe như là anh ấy ở Lữ đoàn 369/TQLC sau khi không còn chức vụ chỉ huy một đơn vị (tuy rằng cụ đã lớn tuổi nhưng riêng trong suy nghĩ của tôi, cụ thực vô cùng tinh tế, ý nhị khi nói chuyện về người con của mình). Trước ngày 30 tháng 3 năm 1975, vào khoảng ngày 17, 18 tháng 3 năm 1975 bác biết Tùng đã theo Lữ đoàn chuyển quân về Đà Nẵng, nhưng Tùng cho biết anh vô cùng bận rộn không thể ghé thăm gia đình được,

hồi đó thành phố Đà Nẵng như đang sống trong cơn sốt kinh hoàng, trên đường phố đông người chạy ngược chạy xuôi hốt hơ, hốt hải. Cứ như thế, liên tục không làm ăn mua bán mà chỉ tìm đường về trong nam, cho đến chiều ngày 29 tháng 3 năm 1975 súng đạn nổ rang, âm ỉ liên tục từ hướng phi trường Non- Nước dội về, người ta cho gia đình bác biết chiến trận lớn đang diễn ra giữa TQLC và Việt Cộng, cả gia đình như đang ngồi trên đồng lúa, đang lo sợ nhiều thứ: Sợ cho Tùng, sợ cho TQLC, sợ chiến trận xảy ra lớn quá nguy hiểm cho thành phố, đến không ai nhớ phải ấn núp vào những nơi đã chuẩn bị trong nhà, suốt đêm đó hoả châu được thả sáng trên trời mé bên phía An Hải. Qua đêm kinh hoàng đó, sáng hôm sau bọn nhỏ trong nhà quyết định đi tới nơi vừa xảy ra chiến trận hôm qua để tìm Tùng. Đang kể tự dưng bác im lặng một lúc thật lâu và thờ dài... nơi đó không có Tùng, không có con của bác cho đến nay có lẽ Tùng đã không còn sống... và giòng nước mắt nóng đỏ dài trên má người mẹ với hơi thở yếu ớt uất nghẹn...

Trong căn phòng trở nên nặng nề, chỉ còn tiếng khóc nhỏ nhỏ của người con gái...

- Cháu ơi! Cháu là Thủy Quân Lục Chiến, cháu có biết Tùng ở đâu không? Tùng có còn sống không?

Tôi cúi đầu thực lâu để dần xuống sự xúc động và chua xót nghĩ về những người lính trận đã hy sinh, hy sinh từ gia đình đến sinh mạng và hy sinh đến cả bốn phận đối với người thân người yêu, nhưng khi ra đi lại không nói được một lời, dù chỉ một lời từ già, để tạ tội với những người thân yêu trong gia đình Tôi ngẩn lên nhìn cụ, tôi nhìn thực kỹ những đường nét quá đau thương đang còn vết hằn sâu trên đó dù ngày tháng gần chín, mười năm qua đã cố phôi phai.

- Thưa bác, anh Tùng con của bác cấp bậc gì?

- Anh ấy là trung tá.

- Thưa bác, có phải là Trung Tá Đỗ Hữu Tùng không?

- Đúng rồi, là Trung tá Đỗ Hữu Tùng.

- Cháu là thuộc cấp của niên trưởng Tùng, NT Tùng cũng là đàn anh của cháu, cháu và NT đã có nhiều thời gian sống gần gũi trong cùng đơn vị. Sau khi anh ấy không còn giữ chức vụ LĐT/LĐ147, anh đã về Lữ đoàn 369 để phụ tá cho người bạn

cùng Khóa 16 Võ Bị Đà Lạt với anh, NT Nguyễn Xuân Phúc. Dầu rằng mất chức, nhưng anh vẫn vui vẻ, hăng hái làm việc bên cạnh người bạn thân của mình... 9 năm trước, trước khi chiến trận xảy ra ở phi trường Non- Nước chừng 2 tiếng đồng hồ, lúc đó khoảng hơn 12 giờ trưa ngày 29 tháng 3 năm 1975 cháu đã nói chuyện với NT Tùng bằng máy truyền tin, ngày đó cháu là Trưởng Ban 3 của TD9/TQLC. Trong lần nói chuyện đó anh cho cháu biết sẽ có một đơn vị nhỏ của TD2/TQLC đón đơn vị cháu phía bên kia sông Hàn, và TD9/TQLC sẽ được tiếp lên tàu để về Cam ranh, nhưng rất tiếc sự tiên liệu hoàn hảo đó của một một Cấp chỉ huy lại không may mắn được thực hiện và cũng chẳng bao giờ được thực hiện. Sau đó cháu và NT Tùng không bao giờ còn nói chuyện và gặp nhau nữa. Và bác cũng đã biết sau trận đánh đó cháu bị bắt và vào tù cho đến hôm nay.

Người đàn bà ngậm ngùi nhìn tôi, cô gái đứng sau lưng ngưng tiếng khóc và nói rất nhỏ.

- Thưa, em có thể được biết tên anh không?

- Dạ, tôi tên Tịnh, tên Đoàn Văn Tịnh.

- Anh Tịnh, anh Tùng là anh rể của bọn em.

Tôi quay lại nhìn người con gái, trong dáng mặt hiền hoà và buồn phiền đó tôi thấy quen thuộc, đúng rồi quá quen thuộc, tôi nhắm mắt hình dung tới một người, người đàn bà mảnh mai và hiền hoà nhâu hậu có nét mặt và dáng dấp tựa như người con gái đang đứng sau lưng tôi... Chị Liên vợ anh Tùng

- Bác ơi, cháu muốn hỏi chuyện này.

- Cháu muốn hỏi về chuyện chi?

- Chị Liên bây giờ đang ở đâu, cháu có thể biết được không?

Bà cụ ngạc nhiên, sao cháu lại biết Liên, có vẻ thân thiện như vậy.

- Thưa bác ngày đó...MCháu và anh chị Tùng đã quen biết nhau lâu lắm rồi...

“ Vào cuối năm 1967, sau 2 năm chấm dứt thụ huấn tại Quân trường Võ Bị Đà Lạt, chúng tôi có được 2 tuần nghỉ phép rồi sau đó từ giã gia đình về đơn vị, tôi tình nguyện gia nhập Binh chủng Thủy Quân Lục Chiến nên trình diện ở BTL/TQLC số 15 Đường Lê Thánh Tôn, Sài Gòn. Có một tuần theo học khóa huấn

luyện kỹ thuật leo lưới ở Trung Tâm Huấn Luyện TQLC và từ đó được phân chia về Tiểu đoàn tác chiến.

“... Ngày đó tôi được phân phối về TĐ5/TQLC với 2 người bạn cùng khóa 22, Dương Công Phó và Nguyễn Trúc Tuyên. Tôi được tiểu đoàn chỉ định về Đại Đội 4 Tiểu Đoàn 5 TQLC đang nghi quân tại quận Giáo Đức Mỹ Tho. Ngay chiều hôm đó tôi trình diện người Đại Úy ĐĐT/ĐĐ4, anh có dáng dấp thực nho nhã, nét mặt nghiêm chỉnh, đẹp trai, có làn da ngăm ngăm, tên anh- Đỗ Hữu Tùng. Sau những thủ tục và những lời dặn dò nhẹ nhàng như tâm sự, tôi dùng cơm tối với anh. Từ sau đó, tôi đi vào chiến trận với đời sống của một người lính trận thực sự, chức vụ Trung đội Trưởng Trung Đội 3/ ĐĐ4/ TĐ5/ TQLC. Chiến trận liên miên không ngưng nghỉ, dù rằng TĐ5 vừa mới tạo một chiến thắng lớn hôm qua tại chiến trường Giáo Đức, trên kinh Rạch Ruộng Quân Khu 4, rồi một chiến thắng nữa vào cuối tháng chạp ở Bồng Sơn. Đúng ngày mùng 3 Tết Mậu thân đơn vị lại vội vàng cuốn gói đi chuyển về Quy Nhơn, lên máy bay C.23 nhắm hướng cửa đất trời thẳng tiến mà mục đích gì có lẽ mọi cấp nhỏ như chúng tôi chưa thể biết được. Thôi thì đủ chuyện đoán mò đoán mẫm. Qua những ô kính nhỏ trên thân máy bay tôi thấy phía dưới là núi rừng, đất đỏ trùng trùng điệp điệp: Ô, cao nguyên... Tôi thầm nói với mình như vậy. Tự dung đoàn tàu hình như trở hướng quay về trái và thẳng tiến Sài Gòn đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất.

Chúng tôi rời máy bay nhanh chóng chính tề hàng ngũ trung đội, lên nhận lệnh. Trong dáng vẻ nghiêm trọng Đại Úy ĐĐT ban lệnh: Việt Cộng đã chiếm Sài Gòn, chúng ta có nhiệm vụ tái chiếm càng nhanh càng tốt, đơn giản. Chúng tôi vừa nghe lệnh vừa về lối tiến quân, mục tiêu, vị trí của bạn, của địch... khu vực Chợ Lớn.

Trên tấm bản đồ thành phố với những ô vuông lớn đầy màu sắc: Xanh, đỏ, đen, vàng của bút màu. Trận nào rồi cũng chỉ là chiến trận mà thôi, 3 ngày, 4 ngày là xong và chiến thắng không mấy khó khăn, gà đá trên đất nhà mà. Mùng 8 Tết tháng Giêng Âm lịch cùng với các đơn vị bạn nhanh chóng trả lại Thủ Đô cho dân chúng Sài Gòn: Dọn dẹp sạch sẽ, tu sửa hư hại để trở lại với đời sống bình thường. Còn chúng tôi tiếp tục lên xe GMC về

đường Bạch Đằng Gia Định tạm nghỉ quân, chờ lệnh hành quân tiếp.

Một đêm nghỉ ngơi bình an và thoải mái, sáng hôm sau thức giấc khá muộn, tề chỉnh quân phục lên nhận lệnh ở BCH/ ĐĐ. Người Đại Đội Trưởng gọn gàng với quân lệnh: Khuya nay chúng ta di chuyển ra Phi Trường Tân Sơn Nhất và sẽ đáp máy bay về giải tỏa Cổ Đô Huế (người lính TQLC thiết là hết biết chỉ trong gần một tháng mà bước chân đã dẫm lên cả 5 vùng chiến thuật từ Vùng 4: Mỹ Tho, Giáo Đức; Vùng 3: Bà Điểm, Củ Chi; Vùng 2 với những rừng dừa bạt ngàn Bồng Sơn, Tam Quan, Quy Nhơn, trở lại Biệt khu Thủ Đô với trận Tết Mậu Thân và nay lại về giải tỏa Cổ Đô Huế, Vùng 1 Chiến thuật). Tin này đến với tôi đúng ý muốn vì tôi lại may mắn được dự trận chiến chiếm lại vùng quê hương mình, nơi tôi được sinh ra, lớn lên, học hành, bè bạn, giòng sông, những con đường ngày xưa tôi và bạn bè đã rong chơi, chiếc cầu trường tiền màu trắng bạc, từng góc phố quá sức quen thuộc và thân ái, nhất là có một điều tôi cần biết: cha mẹ và anh chị em tôi đang còn sống hay mất trong cuộc chiến này. Tự dưng tôi trở nên lo lắng vô cùng, nhắm mắt thực buồn tôi thầm đọc nho nhỏ cho mình nghe:

Chiều chiều ra đứng ngõ sau,

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.

Tôi im lặng cố che dấu những âu lo trong tận lòng mình, không có tí bình yên. Có ai đó vỗ nhẹ lên vai tôi, tôi giật mình nhìn quanh không còn ai hết những người bạn trung đội trưởng: anh Vinh, Đính, Lan luôn cả anh Đức ĐDP đã về tự bao giờ, chỉ còn lại một mình tôi với người ĐĐT. Niên Trưởng Tùng cười và hỏi, suy nghĩ gì vậy? Tôi vụng về xấu hổ trả lời nho nhỏ “không”.

- Có bà xã của anh tới thăm. Tịnh vô ăn cơm với anh chị nghe.

- Cám ơn NT, NT với chị cứ dùng cơm, tôi về có được không?

- Không được, NT Tùng vừa cười vừa nói, thôi bỏ đồ lên cái bàn này và vào đây ăn cơm.”

Và từ hôm đó tôi biết về chị Liên, chị ra trường Cán Sự Y Tế và làm việc ở BV Từ Dũ. Chị nói với tôi như thế. Trước mắt tôi chị Liên là một người đàn bà hiền lành, nói năng nhỏ nhẹ,

có thể nói chị vui vẻ, nhân hậu và cứ mỗi lần chị Liên có dịp ra vùng hành quân thăm NT Tùng, tôi thường được anh chị mời lên ăn chung một bữa cơm. Lần sau hết khi LD.258 đóng ở Cù hoan Quảng Trị, lúc đó NT Tùng đang giữ chức vụ LDP/ LD.258 và tôi làm Ban 3 /LD thay cho NT Mai Văn Tấn Khóa 21 bận tham dự khóa học (vào khoảng tháng 6 năm 1974 – 12 năm 1974). Chị lại ra Cù Hoan thăm anh và anh chị lại mời tôi dùng cơm. Đó là lần sau hết tôi ăn cơm chung với NT Tùng và chị Liên. Lần đó chị trở lại Sài Gòn với tâm trạng không mấy vui... Thưa bác cháu và anh chị Tùng quen nhau như thế đó.”

Chúng tôi xin từ giã và rời căn nhà ẩm cúng mà cũng quá tội nghiệp này, căn nhà trên đường Hoàng Diệu, thành phố Đà Nẵng. Và cũng từ nơi đó bọn người 6, 7 đưa chúng tôi cũng ngậm ngùi chia tay nhau người mỗi ngã tìm đường về quê nhà.

Ngay từ chiều hôm đó, tôi đáp chuyến xe lửa Đà Nẵng về Huế. Đáng ra tôi về Sài Gòn với gia đình nhưng tôi muốn về thăm lại cố hương sau gần 9 năm dài tù tội, thăm người em gái duy nhất còn ở lại nơi đây. Cô tên Bé lặn lội nuôi chồng, nuôi bảy con còn quá nhỏ cùng với người cha chồng già nua tội nghiệp, Thanh chồng của Bé là sĩ quan phòng 7 Kỹ Thuật, cấp bậc Đại Úy ở tù trên Bình Điền- Huế, tháng năm dài thăm thẳm, không biết sẽ đến lúc nào Thanh mới được trở về với vợ con. Tôi muốn thay mặt gia đình tôi để thăm em, sống với gia đình em với các cháu vài ngày, tạo cho em một niềm tin, em còn có anh và cả gia đình của chúng ta và tặng em một chút quà duy nhất còn lại mà tôi đã cẩn thận gìn giữ mang theo từ ngày đi làm người tù (chiếc nhẫn vàng y một chỉ, tôi nghĩ em rất cần trong những năm tháng khó khăn) rồi sau đó trở về với gia đình ở Sài Gòn mà không hối hận vì bỏn phận làm anh.

Và bất ngờ cũng nhờ chuyến đi về Huế này, tôi lại biết chuyện đau buồn của gia đình mình trong những năm tôi ở tù. Người cha thân yêu đã mất sau một cơn bệnh ở vùng kinh tế mới, gia đình đã cố giấu, không cho tôi biết từ năm 1977, năm đó mẹ và em tôi từ trong nam ra thăm tôi ở trại 2 Kỳ Sơn Quảng Nam. Ngày 13 tháng 6 tôi về tới nhà, sau gần 2 ngày với chuyến tàu hỏa trời ơi đất hời không thể tưởng tượng ra được là ngày nay trên quê hương mình có những chuyến tàu lửa lạ lùng như vậy.

Chị Liên, người vợ thân yêu của Niên trưởng Đỗ Hữu Tùng

Về tới Sài Gòn, gặp lại mẹ và các em vẫn bằng an mạnh khỏe đó là điều hạnh phúc trong tôi. Nghỉ ngơi 2, 3 hôm tôi lên đường tìm việc làm đầu rằm trong người chẳng có một loại giấy tờ gì đáng kể để chứng minh thân phận mình, còn các em bảo tôi anh cứ yên tâm ở nhà một hai năm nghỉ ngơi, bọn em lo được, nhưng tôi thì nghĩ chỉ có việc làm mình mới khỏi mất công ngồi suy nghĩ nhiều chuyện không ích lợi gì, và mới giữ được phong cách thong dong tự tại của con người mà thôi.

Nên tôi với thằng bạn, cùng sống chung ở trại tù Kỳ Sơn, Thượng Đức, hấn tên Đinh Văn Xiêm trước ở đơn vị Thiết Giáp. Chúng tôi quyết định đặt cái thùng gỗ nhỏ gắn ngã tư xa lộ với hàng chữ: “Sửa chữa Robinet, hệ thống ống nước tại gia.” Ngày ngày khách hàng cũng có nhiều, những người đàn bà đi chợ qua về gọi 2 ông thợ bắt đắc dĩ về nhà sửa giùm bếp nước, ống nước, đâm ra cái việc kiếm sống và giải quyết tiền bạc nhỏ nhỏ theo kiểu này không khó.

Hấn cười bảo với tôi, đơn giản với công việc không cần học nhiều, không phiền phức với mọi người sinh hoạt chung quanh và nhất là chẳng lộn xộn gì với công an đường phố, để bị bắt bẻ về luật lệ, tiền bạc hối lộ cũng không cần, ngày 2 bữa áo com dễ chịu, miễn là người chủ nhà đồng ý cho anh em mình đặt cái tù nhỏ không choán lối đi ra, đi vô của họ. Buổi chiều dọn dẹp đầy cái thùng vào góc nhà gởi tạm, thế là xong, ngày ngày hai anh em vui vẻ làm việc và tha hồ chuyện trò, trời trắng mây nước.

Có tí phương tiện, tôi lại lên đường đi tìm chị Liên, nơi tới đầu tiên là bệnh viện Từ Dũ, nhiều lần người ta đã trả lời, chị Liên không còn làm việc ở đây nữa. Tôi muốn tìm chị để biết bây giờ chị đang làm gì, thằng Vũ đứa con duy nhất của anh chị đang sống ra sao, tôi nhớ Vũ ốm yếu lắm, gần một năm trôi qua, không ai biết chị ở đâu.

Tôi đã không còn làm nghề thợ sửa ống nước mà theo người cô họ đi buôn bằng tàu buồm. Một chuyến đem hàng từ Huế về Sài Gòn giao hàng cho các vựa ở Chợ Lớn xong là cô lên thanh toán tiền bạc. Còn tôi tiếp tục đặt hàng từ những nơi sản

xuất, từ các công ty ở Sài Gòn, trả tiền bạc đến ngày họ giao hàng nhập vào kho chờ đủ số các mặt hàng là hện tàu, thuê người bỏ xuống, chiếc tàu có trọng tải từ 200 đến 250 tấn, ở các bến cảng Bình Đông hay Chánh Hưng bên quận 9. Xong xuôi tàu ra cửa biển Vũng Tàu thẳng đường về Huế. Tôi tiếp tục phân phối cho con buôn ở chợ Đông Ba và các chợ chung quanh xong, sau đó cô thanh toán tiền bạc với họ theo sổ sách. Tôi lại tiếp tục công việc chạy khắp nơi Huế, Quảng Trị để lục lọi tìm mua hàng hóa. Công việc quá sức vất vả và nguy hiểm vì đó là những loại phế liệu chiến tranh như: Tôn, ri sắt, nhôm, vỏ đạn, đít đạn v v. từ Huế, từ Quảng Trị. Bọn Công an gọi là đồ quốc cấm. Còn hàng Sài Gòn thì lại trốn thuế, hối lộ cho nhân viên thuế. Cứ việc trốn chui, trốn nhủi và công an cứ việc lùng bắt thâu mãi lộ giống như buôn lậu.

Hơn một năm trường như thế, tôi không đi buôn với cô nữa và trở về Sài Gòn, xuống ga xe lửa cuối đường Nguyễn Thông, đói bụng nhưng tôi leo lên chiếc xích lô đạp vì muốn về nhà nghỉ ngơi. Khi chạy ngang qua chợ Trương Minh Giảng nhớ là chưa sắm quà cho mẹ và các em, tôi nói người phu xích lô cho tôi xuống và đi vào chợ để mua quà. Qua mấy hàng trái cây bên ngoài là đến cửa chợ. Vừa qua khỏi bậc cấp hình như có ai đó vỗ nhẹ trên vai áo, tôi quay lại: Ô, ô chị Liên! Chị vui mừng: Anh Tịnh phải không? Phải, chị có khoẻ không, và đang làm gì? Chị chỉ tay về cái tủ mỹ phẩm cạnh đó cười nói: Chị bán những thứ này đây. Nhìn sơ qua những thứ chị bán, tôi yên tâm vì như vậy thì đời sống về vật chất có thể tạm ổn cho chị và cháu.

Hai chị em ngồi xuống cái bàn bán nước giải khát bên hông chợ gần tủ mỹ phẩm chị bán, kêu nước uống và chuyện trò. Tôi hỏi chị về có tin tức gì về anh Tùng hay không. Chị buồn bã nói cho tôi nghe:

"Sau ngày chiến trận ở Non Nước, chị nghe mấy người em trong gia đình qua bãi Non Nước tìm anh Tùng nhưng không có. Sau đó chị về nơi đó cùng với gia đình đi rất nhiều nơi để hỏi về tin tức anh, cứ vậy suốt mấy năm trời từ nơi này qua nơi khác, bạn bè, người quen, người thân vẫn không có manh mối gì. Chị khóc và bảo rằng: Tại sao vậy, họ đi đâu, họ về đâu, anh Phúc, anh Tùng người ta nói với chị họ đi với nhau, nhưng họ đi đâu.

Nghe tin, ngày TQLC kéo quân về Đà Nẵng ngày 17 tháng 3 năm 1975, ngày 22, 23 chị muốn ra Đà Nẵng nhưng không ra được vì không có máy bay, trong nhà bảo Tùng bận rộn không về nhà mẹ chị được. Lúc đó anh làm chi vậy, em có biết không, nói cho chị nghe đi.”

Giữa chợ đông người, tôi cúi đầu đưa mấy ngón tay quẹt lệ những giọt nước mắt sắp rơi xuống, nhưng cũng không tránh khỏi tiếng nấc nghẹn trong cổ họng, tôi không dám nhìn lên chị. Trong phút giây khoảnh khắc đó, tôi lại tự trách mình sao ngày đó đang học hành thuận lợi, một đời sống đầy đủ, với tâm trạng hăng say tiến về một tương lai sáng sủa, sống yên lành như chim trời thành thoi ngoài đồng nội mà tôi lại nổi khùng cắt ngang tình nguyện lao vào quân đội, vào Võ Bị, rồi vào TQLC, để gần như suốt cuộc đời còn lại chỉ còn nghe tiếng khóc than đau thương, liên tục chứng kiến những hình tượng ly tang của thuộc cấp, của bè bạn và những người thân người yêu của họ, và phải giải quyết hàng trăm tình cảnh quá đau thương đến điên loạn, cho nhiều gia đình có người thân làm lính trận.

Trước mắt tôi, vô vàn sự việc tang thương như đang trở về. Ngày đó, một ngày sau chiến trận Mậu Thân, cùng với các đơn vị bạn chiếm lại Kinh Thành Huế trả về cho người dân Cố Đô giữa nỗi mừng vui lẫn với đau buồn vì cuộc thảm sát của VC vừa mới xảy ra hôm qua. Tiểu Đoàn 5/TQLC lại lặng lẽ lên đường về hậu cứ, được một cuộc đón tiếp buồn thảm của vợ con cha mẹ trong trại gia binh của Tiểu Đoàn, những tiếng hét thất thanh của những người vợ mất chồng, con mất cha, cha mẹ mất con, hình ảnh đó tôi đã rùng mình khiếp đảm.

Sau đó Tiểu Đoàn 5 chuẩn bị cho một cuộc hành quân tiếp. Kế hoạch, cẩn thận bí mật hơn, tất cả sĩ quan, binh sĩ cắm trại trăm phần trăm 2 ngày trước khi lên đường. Nhưng không hiểu tại sao, lúc 3 giờ sáng khi chiếc xe đầu của đoàn xe vừa mới lăn bánh ra khỏi công trại, hàng trăm thân nhân từ trại gia binh nằm lăn ra giữa đường, cương quyết không cho xe qua. BTL phải xuống giải quyết lúc 10 giờ và hứa với thân nhân binh sĩ, đây chỉ là cuộc nghi quân ở rừng sát và thân nhân được phép đến đó để thăm và sống với binh sĩ và đoàn xe lui vào hậu cứ để chuẩn bị một cuộc hành quân như đã hứa.

Rồi đến TĐ9/TQLC, sau chuyến Hành Quân Lam sơn 719, 810 đơn vị đứng trận trên sông Ba Lòng, đoàn máy bay phải quay đầu về đáp xuống phi trường Biên Hòa thay vì đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất như kế hoạch, đợi đêm xuống mới nhắm hướng hậu cứ TĐ9/TQLC chạy về, đoàn xe mới dừng trước sân Đại Đội. Tôi bước xuống xe đi vào văn phòng giữa những la hét khóc than, đòi trả chồng trả con, quanh tôi hình ảnh điều tàn như ngày tận thế. Chưa kịp ngồi xuống ghế, một bà mẹ già lao thẳng vào người tôi với sắc mặt nhợt nhòa mắt hết thần sắc, tay níu lấy vai tôi, tay nắm lấy ngực áo tôi hét lên: Hãy trả lại con cho tôi, hãy trả lại con cho tôi! Con ơi là con, mẹ biết tìm con nơi đâu. Sau đó bà ngắt xiếu.

Những năm tháng đó tôi đang lớn lên với tuổi 21, 22, 23, 24 tôi đã làm gì, tôi đã biết gì. trong tôi còn lại những rung rung và vụng về đau khổ.

Hôm nay, sau nhiều năm tháng làm một người tù khổ sai không tội danh trở về đây vẫn chưa đủ, vẫn còn nhận chịu những nhục nhằn, khốn khó vì những đau thương vẫn còn đang hiện diện.

- Chị Liên, chị Liên, bình tĩnh lại nghe tôi nói.

- Vâng, chị xin lỗi.

- Trong những ngày tù tội, tôi cũng từng đau khổ, cũng từng điên loạn. Nhưng có lúc tỉnh ra, tôi tự hỏi mình nên sống hay chết. Cuối cùng tôi quyết định phải sống, cũng như chị sau những tháng ngày dài đau khổ vì mất mát quá nặng nề, chị đã cương quyết phải sống để lo cho con cho thằng Vũ. Vậy chúng ta phải luôn tỉnh táo trong mọi lúc, bất cứ hoàn cảnh nào để còn đối phó với đời sống quá sức tàn nhẫn. Tôi sẽ nói cho chị nghe một câu chuyện. Chị lau nước mắt và chờ nghe tôi nói:

Ngày đó anh Tùng có nhiệm vụ phụ tá cho anh Phúc để điều động Lữ Đoàn về Đà Nẵng, với mục đích đánh chiếm lại ngọn đồi 1062. Nơi mà Bộ Binh, Nhảy Dù, Biệt Động Quân đã có quá nhiều mất mát. Ngày đó tôi cũng đã tự hỏi mình, đây là chuyện thật hay đã bị Mỹ đánh lừa, bởi vì chúng ta đang làm một công việc quá vô ích và nguy hiểm có thể đi vào mất nước. Tại sao lại vội vàng bỏ giới tuyến Quảng trị và sâu hơn nữa là bỏ Huế để kéo quân về đây đánh chiếm lại cái ngọn đồi 1062 vô tích

sự này để làm gì. Đến nỗi khi được lệnh rút quân khỏi giới tuyến Quảng Trị, tôi hỏi LĐ- Lệnh cho chúng tôi rời khỏi vị trí, nếu đơn vị thay chúng tôi không tới kịp thì sao? Lữ đoàn bảo: Cũng bỏ tuyến mà đi.

Ngày 27/3/1975 anh Tùng và anh Phúc gọi Thiếu Tá Thanh và tôi đang đóng quân trên dãy núi Sơn Trà xuống BCH /LĐ tại Đại Lộ Quảng Nam, gọi là hạp. Xuống tới BCH Lữ Đoàn, các anh cho biết 5 tiểu đoàn TQLC còn lại trên giới tuyến Quảng Trị đã tan tành một cách đau khổ. Địch quân lợi dụng sự rối loạn của dân chúng, đã dồn dập tấn công, pháo kích các tiểu đoàn không lên được tàu và họ đang di chuyển về hướng cửa Tư Hiền phía Nam cửa Thuận An chừng 60 cây số. Đó là một lườn cát mỏng không nơi che dấu, không chỗ ẩn nấp, hoàn toàn bị cô lập, lại càng không thể tác chiến được, chỉ làm bia cho hỏa lực của địch. Tôi giật mình hỏi NT Phúc: Tại sao vậy? Tại sao vậy và tôi cũng tự hỏi mình tại sao vậy? Tại sao lại tan tành một cách nhanh chóng dễ dàng lạ lùng vậy?... và tin lại đưa tới tấp: Thiếu Tá Nguyễn Tri Nam thẳng bạn cùng Khóa 22 VB, Đại Úy Tô Thanh Chiêu người bạn đã cùng chúng tôi từng chiến đấu trong đơn vị được tặng cho mỹ danh TD5 Hắc Long "xuống Đông, Đông tình, lên Đoài, Đoài tan" vừa tử trận. Ôi..! Anh Tùng đưa tôi ra ngoài nói nhỏ: Cẩn thận coi chừng chúng ta cũng sẽ chịu chung số phận như Lữ đoàn 147.

Mọi sự kiện xảy ra trước mắt rõ ràng và chính xác như $1+1=2$. Người Mỹ đang cùng VC toa rập đưa TQLC vào ngõ cùng với mục đích bán đứng miền Nam Việt nam. Họ đã làm theo yêu cầu của quân Bắc Việt như một điều kiện trao đổi: triệt TQLC là con đường ngắn nhất để chiếm lấy miền Nam

Biết vậy, nhưng không ai tránh khỏi thảm cảnh đó, nhất là đối với một cấp chỉ huy có tinh thần trách nhiệm trước sự tan tành của Tổ Quốc và danh dự của một sĩ quan, bên cạnh tình thương yêu thuộc cấp từng sống chết với đơn vị. Nên thà có chết thì chịu chung cái chết của đơn vị và thuộc cấp. Buồn thực, đến những giây phút cuối cùng giây chết của đơn vị, mà lòng tôi vẫn còn vô cùng đau xót vì sự chiến đấu thật sự quá cô đơn của bản thân và sự hy sinh không cần tính toán của thuộc cấp trước họng súng địch.

Chị có biết không, tôi có thể nói với chị rằng, nếu anh Phúc và anh Tùng không vì trách nhiệm, không vì danh dự thì tôi nghĩ rằng các anh đã rời khỏi bãi biển Đà Nẵng không khó, vì tôi biết một cách chắc chắn rằng, các anh có trực thăng. Vì là cấp chỉ huy, nên các anh phải có trách nhiệm lo cho các đơn vị còn kẹt lại, không thì số nhiên liệu này dễ dàng đưa các anh qua khỏi Quảng Ngãi và ung dung tìm phương tiện di chuyển về Nam.

À quên nữa, tôi nhớ hôm bị chúng bắt đem về Quận 1 Đà Nẵng sau 2 ngày hồi cung, một buổi sáng họ gọi tôi ra bàn giấy và báo cho tôi biết rằng: Vì chính sách nhân đạo của đảng, anh được cho về, chờ khi nào cách mạng gọi thì đến để nghe thông báo. Trên đường đến nhà người quen ở Nại Hiên Tây, tôi bất ngờ đã gặp những người lính của mình (TĐ9 và TĐ6) họ tập trung ở 2 trại bán gỗ trên chợ Nại Hiên Tây để chờ ngày tìm đường về quê nhà. Các anh cho tôi biết có 2 người lính TQLC đã tự sát ở gần chủng viện, nếu về Đà Nẵng thăm bác, tiện thì chị ghé lại hỏi thăm ở chủng viện coi như thế nào nghe.

Tôi nghĩ cho đến hôm nay vẫn không có một tin tức gì của anh ấy, thì anh đã không còn nữa. Chị cứ yên tâm như vậy để lo cho Vũ, chẳng nên suy nghĩ mệt mỏi lắm mà không có ích lợi gì. Sau đó tôi kể cho chị nghe ngày ra tù, bất ngờ đi ngang qua phố Hoàng Diệu được cô em chị và bác gái đã đón tiếp nồng hậu với một bữa ăn trong gia đình rất thâm tình. Chị vui mừng lắm khi nghe tôi nói về gia đình chị ở Đà Nẵng.

Còn chuyện này nữa, khi nào chị về Đà Nẵng cho tôi kính gọi lời cảm ơn và thăm bác cùng các anh chị trong gia đình luôn bằng an, mạnh khỏe. Tôi từ già chị và hẹn khi nào thuận tiện sẽ ghé thăm chị và thằng Vũ.

Sau ngày tháng đó, tôi lo buôn bán đậu phộng ở tuốt Đức Hòa, Đức Huệ, Lộc Ninh thỉnh thoảng lâu lắm mới ghé thăm chị và chị đã trở lại làm việc ở bệnh viện Từ Dũ. Tôi sau những ngày dài buôn bán cũng trở về mở lớp dạy học tại nhà trước những mùa thi cử, mỗi năm dạy học chừng 4 tháng vì tôi rất yêu thích học trò và công việc dạy học. Hôm rời đất nước đi Mỹ vào tháng 6 năm 1994, tôi có ghé lại thăm chị. Chị cho biết hồi này thằng Vũ lớn lắm rồi. Tôi mừng cho chị và cháu.

CON GÁI HÀ NỘI XƯA DƯỚI GÓC NHÌN CỦA MỘT NGƯỜI CON SÀI GÒN

VŨ THÊ THÀNH



Mẹ tôi nề phục mấy cô gái Hà Nội lắm. Dưới con mắt của người nhà quê ra Hà Nội làm việc vặt, bà thấy các thiếu nữ nơi đây ứng xử khôn khéo, nói năng lễ độ, và khuôn phép lắm. Đó là chưa kể thêm thùa may vá, nữ công gia chánh... Nói chung là đảm. Mỗi khi thấy mấy cô Sài Gòn tân thời quá, tự nhiên quá, bà lại chẹp miệng, con gái Hà Nội đâu có thế. Bà nói riết, nói riết... khiến tôi ngờ... bà muốn thằng con của bà nên đi tìm một thiếu nữ Hà Nội.

Nhưng thế giới của tôi lại khác. Tôi sinh ra ở Sài Gòn, lớn lên ở Sài Gòn, bạn bè Sài Gòn. Trong đầu tôi, nếu có, cũng chỉ là con gái Sài Gòn cho hợp... thủy thổ.

Mà con gái Bắc (di cư 54) hồi đó gồm lắm, vờn qua vờn lại, làm duyên, đá lông nheo, ông ẽo làm điều đúng con trai Nam Kỳ đến là khổ. Một thanh niên xứ Biên Hòa đã phải cay đắng thế này:

*Em nhớ giữ tính tình con gái Bắc
Nhớ điều ngoa nhưng giả bộ ngoan hiền,
Nhớ khiêm nhường nhưng thâm ý khoe khoang,
Nhớ duyên dáng ngây thơ mà xảo quyết*

Tôi không có ý kiến gì về bài thơ trên, mà cũng chẳng đại gì có ý kiến. Mấy bà, mấy cô Bắc Kỳ đọc bài thơ trên có nổi con tam bành rửa xả, thì chắc cũng chỉ mình rửa mình nghe thôi, chứ tác giả, nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên chết rồi, chết trong một chiếc xe hơi cũ kỹ ở sân chùa bên California.

Dù sao cũng nên đọc tiếp thêm vài câu nữa mới thấy “cảm thương” cho tác giả:...

Ta vẫn nhớ dạn dò lòng tha thiết

Nên vội vàng tin tưởng chuyện vu vơ

Nên yêu đương bằng gương mặt khờ khờ

Nên hùng hổ để đợi giờ thua thiệt...

Những ngày sau 75, trên tivi Sài Gòn là những đoàn quân “chiến sĩ gái”, bước theo nhịp quân hành, chiếu cạnh cạnh với đôi mắt rục rũa căm hờn, giọng nói lạnh lạnh. Cảm giác đầu tiên của tôi với các cô gái Bắc Kỳ (thứ thiệt) là... ớn lạnh. Tôi cười, “Đấy con gái Hà Nội của mẹ đấy...” Bà cụ lại thở dài, chép miệng... “Hồi trước đâu có thế...”

Đĩ nhiên, mẹ tôi không thể phát hiện cái trò đánh lộn rẽ tiền của thằng con, tình bơ xem tất cả các cô Bắc Kỳ đều là các cô Hà Nội.

Thực ra trong đầu tôi cũng có một chút gì đó mơ hồ về con gái Hà Nội. Biết tả thế nào nhỉ! Có thể là hình ảnh dịu dàng đầm thắm của cô Liên trong Gánh Hàng Hoa, hay thiếu nữ tân thời một cách bảo thủ, không sao thoát ra khỏi vòng lễ giáo của cô Loan trong Đoạn Tuyệt. Tôi cảm được nỗi cô đơn của Loan khi thả bộ trên bờ đê Yên Phụ... Đại loại là tôi đã nhìn thiếu nữ Hà Nội qua lăng kính của những tiểu thuyết trong Tự Lực Văn Đoàn mà tôi được học thời trung học.

Cũng chẳng dừng ở đấy đâu. Khi đọc “Tuấn, chàng trai nước Việt”, một thứ tiểu thuyết hồi ký của Nguyễn Vũ, tôi biết thêm rằng, các cô nữ sinh Hà Nội cũng lăng mạn ra rít. Họ kín đáo lập ra hội “Ái Tino”. Tino Rossi là ca sĩ người Pháp lừng danh thuở đó, và là thần tượng của vô số thiếu nữ, chẳng riêng gì thiếu nữ Hà thành. Cái “hội” kín đáo, chỉ lèo tèo dăm ba cô thế thôi, nhanh chóng tan hàng, và rồi mạnh ai người nấy tam tòng tứ đức, xuất giá tòng phu, công dung ngôn hạnh... Cái “lăng mạn tân thời” chỉ là đóm lửa, và họ nhanh chóng quay lại với sự thanh lịch, nề nếp theo giáo dục của gia đình. Năm 1980, lần đầu tiên tôi ra Hà Nội công tác. Anh bạn đồng nghiệp trẻ tuổi, tốt nghiệp từ Đông Đức, chờ tôi trên chiếc Simson lòng vòng Hà Nội. Nơi đầu tiên tôi muốn ghé thăm là phố Khâm Thiên. Anh bạn tròn xoe mắt, “Làm gì còn hồ bom mà ghé thăm”. Tôi chột hiệu vì sao

anh bạn ngạc nhiên, nhưng không thể giải thích. Môi trường giáo dục trong Nam ngoài Bắc khác nhau. Cái máu phóng đảng đã dẫn tôi đến phố Khâm Thiên, chứ không phải bom rơi đạn lạc ở đó. Đến, dù chỉ để nhìn vài căn nhà xiêu vẹo, cũng thỏa đôi chút tò mò về một thời vang bóng. Phong lưu tài tử giai nhân, đúng, nhưng không phải cách phong lưu của Vân Hạc trong Lều Chõng của Ngô Tất Tố. Anh chàng Vân Hạc khi chờ kết quả thi, ra vào chốn ả đào để vui say bè bạn, để trấn an nhau, để bốc nhau, để chờ ngày bằng vàng ghi tên.

Tôi nhớ đến kiểu cách phong lưu của Cao Bá Quát, một tay chơi thứ thiệt, khi làm sơ khảo trường thi, tiếc bài thi hay mà phạm húy, đã dùng muôi dền để sửa. Việc lộ, bị kết án giam hãm, ông phải đi dương trình hiệu lực, nghĩa là đi làm phục dịch cho phái đoàn đi công tác nước ngoài. Con người tài hoa này, mang theo nỗi cô đơn đến phố ả đào giải sầu bên chén rượu, làm vài bài hát nói, đào nương hát, mình gõ nhịp...

Giai nhân nan tái đắc

Trót yêu hoa nên dan díu với tình

Mái tây hiền nguyệt gác chênh chênh

Rầu rĩ lắm xuân về oanh nhớ...

Cùng lần đầu ở Hà Nội, buổi chiều chập choạng tối, lang thang ở phố Huế, tôi thấy một bà đi xe đạp ngược chiều, bị cảnh sát ngoắc lại. Bà năn nỉ thông cảm? Không. Bà phân bua? Không. Bà cãi tay đôi với cảnh sát rằng, nhất định mình đúng. Lương và nhu yếu phẩm phân phối còn không đủ sống, đâu dễ gì chịu nộp phạt. Đôi co với nhau mà cả hai vẫn một mực xưng hô... đồng chí. Tôi phì cười. Hà Nội có những điều không nằm trong trí tưởng tượng của một người Sài Gòn, lần đầu ra Hà Nội như tôi. Bây giờ, Hà Nội khác xa rồi. Hà Nội nhiều nhà cao tầng, cầu vượt. Hà Nội nhiều xe hơi hơn, Hà Nội giàu hơn. Hà Nội không còn những cảnh cãi tay đôi với cảnh sát buồn cười như thế nữa. Hà Nội văn minh hơn, nhưng có thể họ phải “cãi tay đôi” với chính mình, khi mà còn những cảnh thanh niên thiếu nữ “ả la mode” hái hoa, giẫm hoa bẻ cành để chụp ảnh, hay gào thét tung hô thần tượng minh tinh Hàn Quốc. Đó là chưa kể bún măng cháo chửi, rải rác vẫn còn đâu đó. Thương hiệu chãng? Tôi chịu! Ăn ngon mà nghe chửi, thôi thà ăn độn để nuốt hơn.

Tôi có bà bạn già (hơn tôi) là dân Hà Nội mấy đời. Cha bà là một trong số rất ít người xong bậc đại học thời Tây. Sau 54, nhà đông con, xoay sở không nổi, ông bố định cho 2 đứa con lớn tạm nghỉ học, đi làm rồi học bổ túc sau. Nhưng bà mẹ thì không, nhất quyết không. Bà đến gặp ông bà bác sĩ nhà bên mượn... tiền để các con tiếp tục ăn học. Họ cùng ở trong thành như bà, không vướng bận con cái, còn chút của ăn của để, đồng ý cho vay tín chấp, một thứ tín chấp tình người, thời nay khó tìm. Tôi hiểu ra, dân trí thức Hà Nội xưa có kiểu chơi “chẳng giống ai” (lúc này). Họ kin đáo giúp đỡ nhau trong những tình huống khắc nghiệt. Trong họ dường như chất “nhân” và lòng tự trọng được rèn luyện qua giáo dục, giấy rách phải giữ lấy lề. Mực đen và bão tố không thể vấy bẩn hay phá sập. Những năm sau 75, trong Sài Gòn tôi cũng thấy vài trường hợp như thế.

Bà bạn (già) này, về chuyên môn, thì kiến thức mênh mông chứ chẳng vừa. Ăn nói nhẹ nhàng, nhưng quyết liệt khi cần. Vậy mà cư xử thì cứ dạ dạ... cảm ơn. Bà nói chuyện với tôi cũng thế, cũng dạ dạ... cảm ơn. Tôi cười, sao chị khách sáo thế. “Không phải đâu, tôi được giáo dục trong nhà từ nhỏ như thế. Các anh chị em tôi cũng đều như vậy chứ chẳng riêng tôi. Hồi đi học, chỉ vì dạ dạ... cảm ơn mà chúng tôi bị phê bình là tiêu tư sản. Ông bà cụ dạy con nghiêm khắc lắm. Tôi là con gái, đi học về là phải tập tành bếp núc, ăn trái chuối là phải bẻ đôi. Ở trường là chuyện khác, còn về nhà là đâu ra đó, vào khuôn phép.” Tôi cũng nhận ra sự “khách sáo chân thành” của bà, chứ không phải khách sáo đãi bôi.

Dạo sau này, vì công việc tôi thường ra Hà Nội. Đi ăn hàng với bè bạn ở đó thì không sao, nhưng hề đi một mình là bị chặt (giá), dù chỉ là chai nước tinh khiết, 10.000 đồng ở quán ven đường phố cổ. Bị chặt riết thành quen. Tôi nhủ thầm, lần nào ra Hà Nội mà không bị chặt coi như trúng số. Dù tôi cũng có vài người bạn thân ở Hà Nội, nhưng giữa tôi và Hà Nội, dường như vẫn còn khoảng cách nào đó. Tôi đến Hà Nội như một kẻ xa lạ, đến như đi nước ngoài không cần visa.

Sài Gòn dễ hội nhập. Cứ ở Sài Gòn là thành người Sài Gòn. Chưa thấy mình là người Sài Gòn, ở lâu thêm chút nữa cũng

biến thành người Sài Gòn. Sài Gòn đồng hóa con người nhanh lắm.

Nhưng Hà Nội có lẽ khác, người ta đồng hóa Hà Nội như vũ bão, đồng hóa cạnh tranh từ nhiều nguồn khác nhau để tạo ra một văn hóa Hà thành hiện đại khó mô tả. Còn người Hà Nội đành phải co cụm, khép kín, và giáo dục con cái theo cách riêng của họ để bảo tồn... di sản. Giáo dục từ gia đình mới tạo ra gốc rễ, chứ không phải là quy tắc ứng xử, hay giàu sang, quyền thế.



Hà Nội nhiều hồ. Hà Nội đẹp vì hồ vào những buổi sáng thật sớm, khi trời còn nhá nhem. Sáng lên, Hà Nội biến mất. Con gái Hà Nội (xưa) chắc cũng thế. Cuộc đời dâu bể đã làm họ biến mất, nhưng thực ra cũng chỉ lẫn khuất, âm thầm đâu đó thôi.

Năm ngoái, đi ngang qua ngõ nhỏ trong khu phố cổ, tôi ghé tiệm tạp hóa mua chai nước lạnh. Bà bán hàng dễ cũng gần 70, đưa chai nước: “Thưa, của ông đây, giá 5.000. Cảm ơn ông...” Tai tôi lùng bùng. Trong tiềm thức có cái gì nghe quen quen, đọc đâu đó rồi. Đã dậm chân đi, nhưng cũng quay lại: “Thưa bà, bà là người Hà Nội?”. “Vâng ạ, nhà tôi ở ngõ này đã ba đời rồi, từ thời ông nội tôi ra làm quan ở đây”.

Mẹ tôi nói đúng về con gái Hà Nội. Họ hiem hiem, ẩn mình như giọt nước đọng ở mặt dưới của lá cây sau cơn mưa. Có duyên mới gặp, phải tìm mới thấy.

Tâm Thư Của Một Nàng Dâu Võ Bị.

Vợ NT Nguyễn Công Hiến - K15.

Lời đầu tiên, cho phép tôi, vợ của Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Nguyễn Công Hiến - Khóa 15 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, được xưng hô theo anh Hiến, vì lấy chồng nên tôi theo chồng.

Kính thưa quý Niên Trưởng, quý Niên Đệ, quý Phu Nhân thuộc Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam,

Thưa anh Võ Ý,

Sau khi đọc bài “LUI MỘT BƯỚC” của anh được đăng trong Đa Hiệu số 125, từ trang 28 đến trang 35, tôi xin mạnh dạn trình bày những cảm nghĩ chân thành của một nàng dâu Võ Bị.

Qua bài viết, là một Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 17 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, anh đã trình bày những quan tâm của mình đến một Tập Thể Võ Bị đang bị phân tán. Anh đã hy sinh, bỏ nhiều thời giờ, phân tách, trình bày, đề nghị cách giải quyết giúp các Cựu Sinh Viên Võ Bị có cơ hội “xích” lại gần nhau, sau một thời gian dài có khá nhiều mâu thuẫn.

Cách giải quyết của anh thật tuyệt vời. Chúng ta chỉ có thể giải quyết bằng cách DUNG HÒA, mỗi bên tự “LUI MỘT BƯỚC” để đến điềm chung.

Từ ngày theo chồng, sáu mươi năm qua, trong vai trò của người vợ, ngoài bổn phận chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái và phụ giúp chồng trong các vấn đề cần thiết, tôi ít có thì giờ theo dõi các tin tức của Tập Thể Võ Bị.

Sau ngày 30 Tháng Tư Năm 1975, được định cư tại Tiểu Bang Maryland, hai năm đầu chúng tôi phải thích ứng với hoàn cảnh, làm việc, lo sinh kế gia đình. Sau khi đã ổn định, vì tình tự Võ Bị, các anh em bắt đầu tìm đến nhau tha thiết mong được nối lại tình huynh đệ chi binh.

Các anh trong Khóa 15, cũng như các khóa khác, đã cùng nhau bàn thảo, nghĩ cách giúp đỡ các bạn cùng khóa, đồng môn, bảo lãnh các bạn theo lời yêu cầu. Nhờ chương trình HO.; các anh Quân Nhân thuộc các binh chủng, trong đó có các cựu Sĩ Quan Võ Bị, được định cư tại khắp nơi trên Thế Giới. Sau khi nhập cư vào Hoa Kỳ, các anh đã được các anh em Võ Bị cùng tiểu bang háng hái hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm của người đến trước dù không lâu lắm, tìm việc làm, giúp các bạn đồng khóa tìm nơi ăn, chốn ở.

Một miếng khi đói bằng gói khi no. Hiểu được nỗi khó khăn như thế, các anh em không quên các bạn đồng khóa còn kẹt lại quê nhà, đang chờ tới lượt ra đi theo diện HO. Họ đã cùng nhau gây quỹ, đóng góp ít nhiều bằng hiện kim hay những gói quà thực dụng; mỗi năm gửi về biếu các bạn và gia đình trong đó có cả các Quả Phụ, Cô Nhi của những bạn đồng khóa đã nằm xuống.

Thời gian trôi qua, các anh đã cùng nhau thành lập Hội Võ Bị, bầu Hội Trưởng và Ban Đại Diện để tổ chức Tết, và kỷ niệm ngày mãn khóa.

Phần chúng tôi, các nàng dâu Võ Bị, phụ giúp chồng, cùng các chị em, chia nhau phụ trách các món ăn thuần túy Quê Hương. Trong bầu không khí vui vẻ và thân ái của mọi người, thức uống và bánh trái luôn được chuẩn bị đầy đủ. Những ngày sống ở Tiểu Bang Maryland, gần Tiểu Bang Virginia, chúng tôi đã sinh hoạt thường xuyên với các anh em và các nàng dâu Võ Bị. Đây là những kỷ niệm êm đềm, tốt đẹp mà chúng tôi khó quên. Gần đây, thỉnh thoảng vợ chồng chúng tôi có dịp trao đổi dăm ba câu chuyện về sinh hoạt Võ Bị. Anh đã kể sơ cho tôi nghe về những chuyện buồn, những rạn nứt, chia rẽ đáng tiếc xảy ra mấy năm qua. Khi nhắc đến những chuyện này anh chỉ biết buông tiếng thở dài.

Tuy anh Hiến vì lý do sức khỏe, không thường xuyên có mặt tại các sinh hoạt Võ Bị, nhưng anh vẫn giữ được tinh thần và trách nhiệm của một cựu sinh viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, giữ vững lập trường và tôn chỉ Võ Bị, biết kính trọng lễ độ với khóa trên, nhường nhịn thương mến khóa dưới,

giữ tư cách đứng đắn, dè dặt khi cần phát ngôn để giữ thuận hòa với đồng môn và giữ truyền thống Võ Bị.

Tôi xin trở lại bài viết “LUI MỘT BƯỚC” của anh Võ Ý. Sau khi đọc hết phần III, MỤC TIÊU CHUNG mà anh Võ Ý đã nêu lên đối với tập thể CSVSQ/ TVBQGVN, tôi hiểu rằng hai bên cùng chung một lý tưởng:

- Các Sinh Viên Sĩ Quan TVBQGVN đều được đào tạo để lãnh đạo, chỉ huy. Họ đã được huấn luyện về cả hai phương diện: Văn, Võ kiện toàn, tác chiến thành thạo, sẵn sàng phụng sự Tổ Quốc, giữ yên cõi bờ.

- Cùng dùng chung Huy Hiệu Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

- Điều TỰ THẮNG ĐỂ CHỈ HUY

- Điều dùng Tên Đạ Hiệu qua truyền thông.

- Điều dùng Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ

- Cùng mục tiêu chung, chống gian ác, cùng đấu tranh cho một nước Việt Nam Tự Do Dân Chủ và Phú Cường.

Vậy thì tại sao cùng chung lý tưởng, cùng chung mục đích mà chúng ta không thể thuận hòa? Đến đây, tôi rất buồn, tim tôi nghẹn ngào tiếc nuối cho một Tập Thể Võ Bị đã và đang bị chia rẽ.

Vợ chồng tôi biết trong thâm tâm các anh em Võ Bị hầu hết đều muốn Tập Thể của chúng ta đoàn kết trở lại như xưa. Đa số chúng ta vẫn hy vọng những rạn nứt, bất đồng, chia rẽ đó sẽ được các anh em giải tỏa, sớm ngồi lại với nhau trong những ngày sắp tới.

Vì tình cảm gắn bó đối với Trường Võ Bị, những nàng dâu chúng tôi và các anh em, đã từng làm việc với nhau trong mấy chục năm, qua các sinh hoạt Võ Bị bên Miền Đông và trên khắp các Tiểu Bang. Không một giới hạn, không có thành kiến hay nghi kỵ lẫn nhau, tất cả chúng tôi từng gặp nhau hàn huyên, tâm sự vui buồn, sướng khổ. Giờ đây biết đến bao giờ chúng ta mới tìm lại được các kỷ niệm đáng nhớ ngày xưa?

Xin các Niên Trưởng, Niên Đệ và các anh em Võ Bị, hãy tiếp tay, khuyến khích các anh em bỏ qua những bất đồng, cùng ngồi lại với nhau để tìm ra cách thức giúp Tập Thể Võ Bị đoàn kết lại như xưa.

Đối với anh Hiến, sau những năm đối diện với căn bệnh hiểm nghèo, quan niệm của anh bây giờ cho rằng đời sống thật mỏng manh. Công danh, sự nghiệp, tiền bạc rồi cũng buông xuôi, chúng ta chỉ cầu mong có sức khỏe tương đối, được lúc nào hay lúc ấy.

Xin các anh em Võ Bị niệm tình tha thứ cho tôi, một nàng dâu Võ Bị, chỉ vì tha thiết mong ước Tập Thể Võ Bị được đoàn kết như xưa, để được vững mạnh và trường tồn.

Cùng nhau ngồi lại, các anh em sẽ viết lên một trang sử mới, giữ được lập trường Võ Bị truyền thống: “Tự Thắng Đề Chí Huy”.

Nếu có điều gì xúc phạm, quá lời, làm phật lòng các anh em, xin vì tình Võ Bị, tha thứ cho tôi.

Xin chân thành cảm ơn anh Võ Ý và các Niên Trường, Niên Đệ đã chia sẻ, đóng góp những ý kiến chân thành, phân tích cặn kẽ những lý do đưa đến bất hòa và đề nghị những điều xây dựng tốt đẹp.

Cầu xin anh linh các Chiến Sĩ, những người đã nằm xuống cho Tự Do, Quê Hương, Đồng Bào và cho chúng ta được sống, xin hãy phù hộ và dắt dìu các anh em Võ Bị cùng nhau ngồi lại hàn gắn những rạn nứt, đem lại đoàn kết, để Võ Bị được trường tồn dưới Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ tung bay ngạo nghễ muôn đời, cho thế hệ sau được nối tiếp.

Xin chúc tất cả các anh em Võ Bị và gia đình luôn mạnh khỏe và hạnh phúc.

(Bài viết đã được anh Hiến xem qua.)

CHUYỆN TRONG NHÀ

Tôi xin mạn phép tỏ bày ý kiến của một thành viên trong Đại Gia Đình Võ Bị.

Tới thời điểm hôm nay, 07/18/23, xưng danh của TTNDH vẫn còn hiệu nghiệm đối với Tổng Hội do CSVSQ Nguyễn Phước Ái Đình làm Tổng Hội Trưởng cho đến khi nào có sự việc “Thống Nhất”.

Nếu sự việc chưa Thống Nhất xảy ra “trước khi” đăng bài trên Đa Hiệu Magazine, thì danh xưng TTNDH vẫn phải được tôn trọng như đã được sử dụng từ xưa đến nay.

Tôi thành thực xin lỗi nếu tôi có nói sai điều gì.

Minh Nguyệt, K17/1
(Nam Sinh Tín)

Cháu Diễm Anh K17/2 thân mến,

Hôm nay chú đọc Mail cháu, chú cũng bồi hồi xúc động trước những lời chia sẻ của cháu. Thật ra khi cháu xuất hiện trước tập thể TTNDH chú rất mừng và thật vui vì từ nay TTNDH sẽ có thêm một thành viên có nhiệt tâm và vững vàng.

Chú xin chia sẻ để cháu rõ hơn về danh xưng TTNDH. Ngay sau khi Liên Hội VBAC được thành lập vào đầu thập niên 1990. Các bác và các chú đã xúc tiến ngay việc thành lập đoàn hậu vệ của mình khi nhìn con cháu đang sinh hoạt thật vui vẻ, hồn nhiên, đủ mọi lứa tuổi, nói đủ thứ tiếng dưới sự hướng dẫn của chú Hoàng Tôn Long, Khoá 31. Quan niệm chung của các chú, bác trước tiên làm thế nào để các cháu có được tình thân với nhau như anh em trong gia đình, còn việc xa hơn sau này sẽ tính, nên chọn danh xưng TTNDH. Với danh xưng này gia đình VB cũng như những ai biết về VB sẽ biết ngay đó là con cháu VB. Bao giờ các cháu vững vàng và sẵn sàng để thay thế cha chú thì sẽ đổi danh xưng là Hậu Duệ Võ Bị sẽ thích hợp hơn cũng không muộn. Và từ đó TTNDH, đối với chú, và các bác các chú cũng

như các cháu, đã trở thành hình ảnh rất thân yêu. Chúng ta luôn quý trọng những tình cảm cao đẹp, chân thành không câu nệ nhưng cũng không bao giờ chấp nhận giả dối, gian trá, hình thức bên ngoài. Hành động gian trá chẳng bao giờ che đậy được lâu, không phỉnh gạt được ai. Sự thật bao giờ cũng là sự thật. Đó là chân lý. Cháu hãy an tâm. Võ Bị là một tập thể có truyền thống, có tình cảm khăng khít được xây đắp ở trường Mẹ, được trui rèn ngoài chiến trường, trong ngục tù giặc cộng, có bất đồng nhưng không bao giờ bất hoà; sẽ không có một thế lực nào đánh sập được. Cháu hãy vững tâm dù có xót xa... chút đỉnh.

Thân chúc cháu luôn an lành, Chú luôn tin tin tưởng ở cháu và các cháu.

Chú Nguyễn Văn Nam, K20.

On Wed, 19 July 2023, 03:47

Con cảm ơn Cô Nam Sinh Tin - Minh Nguyệt K17/1 - chú Nguyễn Nam K20 và chú Võ Nhân K20 đã đọc và đồng cảm với tâm tình của con.

Con xin được đăng lại bài viết của chị Nguyễn Diễm Nga K17/2, về danh xưng TTNDH của chúng con.

Kính,

Nguyễn Hồ Diễm Anh K17/2

DANH “HIẾU” VÀ NGÔN “THẢO”

Năm 2020 đánh dấu Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu tròn 20 tuổi.

"Đứa trẻ" này không phải bỗng chốc xuất hiện và lớn vụt lên như truyền thuyết Thánh Gióng làng Phù Đổng, mà nó đã được chào đời có "giấy khai sinh" hẳn hoi trong "sơ đồ gia phả"

của Ban Chấp Hành Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam từ thuở sơ sinh (tháng 5, 1999) và đã được nuôi dưỡng, giáo dục, hình thành nhân cách từng ngày một cho đến nay trong tình yêu thương của Đại Gia Đình Võ Bị.

Bỗng một hôm, tên tuổi của “Đứa trẻ” lại trở thành đề tài của... chuyện chữ nghĩa.

Có một điển tích xưa rất sâu sắc xoay quanh “chuyện chữ nghĩa” và đã đưa đến một cái kết đầy cảm động. Chuyện kể rằng Tào Phi, người con trai lớn được nối quyền cha là Tào Tháo vì muốn trừ khử em ruột rất tài giỏi đáng nể của mình là Tào Thực nên ra lệnh cho Tào Thực trong bảy bước phải làm một bài thơ với “chủ đề anh em” nhưng tuyệt nhiên không được dùng hai chữ “anh em”, nếu không xong sẽ bị chém đầu. Tào Thực bước đi bảy bước trong nước mắt ứng khẩu đọc bài thơ khiến cho Tào Phi nghe xong cả thẹn liền tha tội chết cho Tào Thực. Tào Thực đã mượn hình ảnh dùng cành đậu để nấu hột đậu trong bài “Thất Bộ Thi” được lưu truyền mãi đến hôm nay như sau:

*Chữ đậu nhiên đậu ky,
Đậu tại phủ trung khắp.
Bàn thị đồng căn sinh,
Tương tiền hà thái cấp?*

*Tạm dịch:
Nấu đậu đốt cành đậu
Hạt đậu trong nỗi khóc
Vốn sinh cùng một gốc
Sao nở đốt thiêu nhau?*

Những đứa trẻ “Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu” cũng đang khóc!

Và chúng cũng mong mỗi sẽ có một cái kết có hậu như chuyện xưa.

Trước, xin hãy cho chúng mạo muội xin thưa về chữ **DANH.**

Danh xưng "Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu" chính là cái tên mà Đại Gia Đình Võ Bị đã chọn đặt cho "đứa con" của mình biểu hiện lòng yêu mến, gửi gắm niềm kiêu hãnh và kỳ vọng vào thế hệ tiếp nối.

Ba chữ "Thanh Thiếu Niên" mang ý nghĩa tượng hình gợi lên hình ảnh của "nhiều" thế hệ, "nhiều" lứa tuổi nối tiếp nhau - biểu hiện cho tầm nhìn xa và mong ước của thế hệ thứ nhất, chứ không mang tính quy luật hạn chế lứa tuổi của những đoàn viên.

Thứ hỏi trong mắt cha mẹ thì con cái có bao giờ "già" đi?

Cho dù có bao nhiêu tuổi đi nữa thì con cái vẫn là con cái, vẫn có lúc sai phạm lỗi lầm, và nhất là... "trung không thể khôn hơn vịt".

Hai chữ "Đa Hiệu" được ghép phía sau là bắt nguồn từ tên gọi của tập san báo phát hành định kỳ tại Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam từ thập niên 60 dưới thời của vị chỉ huy trưởng, lúc bấy giờ là Đại Tá Trần Ngọc Huyền. Tập san Đa Hiệu được tái bản tại hải ngoại vào năm 1983 cho đến ngày hôm nay và đều đặn phát hành 3 số mỗi năm. Trong thời buổi công nghệ thông tin hôm nay, cố gắng để có được những ấn phẩm thơm mùi giấy mực trên tay chính là niềm kiêu hãnh của Đại Gia Đình Võ Bị

“Đa” là nhiều.

“Hiệu” là “Hiệu Năng”

"Đa Hiệu" có nghĩa là giỏi trong nhiều lĩnh vực.

Bởi vì Trường Võ Bị mong muốn đào tạo những tân sĩ quan "đa năng, đa hiệu" không những là vị chỉ huy giỏi trong thời chiến mà còn là nhà lãnh đạo xuất sắc trong thời bình: Bên cạnh chuyên giỏi về quân sự và khả năng chỉ huy, vị sĩ quan ấy cũng am tường về hành chính, quản trị, và hiểu biết về kỹ thuật, lịch sử, địa dư...vv.

Cho đến hôm nay thì hai chữ "Đa Hiệu" đã trở nên quen thuộc như "Lâm Viên", "Tự Thắng", "Đà Lạt" và được coi như là những dấu hiệu nhận biết về Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam hơn là những danh từ hoặc tỉnh từ nguyên thủy.

Chính vì điều này mà Đại Gia Đình Võ Bị đã chọn "Đa Hiệu" trong tên gọi đặc biệt cho đứa con của mình. Họ đã mạnh dạn chọn sự khác biệt với cái tên "Hậu Duệ" vốn đã được rất nhiều đoàn thể khác trong cộng đồng sử dụng. Vì chỉ có những

ai thâm dâm Tình Tự Võ Bị thì mới thấu hiểu được ý nghĩa của hai chữ "Đa Hiệu". Đó là lời khuyên khích và mong muốn các "Thanh Thiếu Niên" thế hệ tiếp nối hãy cùng một chí hướng: phát huy khả năng trong nhiều lĩnh vực và thực hiện được nhiều việc có ích cho tập thể.

Danh xưng "Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu" tự nhiên như dòng máu luân lưu có sẵn trong huyết quản của một đoàn thể bao gồm nhiều thế hệ con, cháu của các cựu sinh viên sĩ quan nhắc nhở họ gìn giữ "khí chất" Võ Bị. Trong khi danh xưng "Hậu Duệ Võ Bị" mang ý nghĩa khái quát dành cho những "người đời sau" đã ở một độ tuổi trưởng thành và đạt được những thành quả tốt đẹp xứng đáng được chấp nhận. Sự khác biệt không phải ở chỗ so sánh giữa hai tên gọi mà là niềm trân trọng và hiếu đễ, yêu quý cái danh xưng mà bậc cha mẹ đã chọn đặt cho mình.

Sau, xin lắng nghe chúng giải bày về chữ NGÔN.

Ngôn có phải chăng là khả năng nói khiến người khác "nghe"?

Nhưng nếu người khác không muốn "nghe" mà hơn nữa muốn "nhìn" thì phải thuyết phục họ bằng hành động cụ thể?

Phải chăng trong hai mươi năm trưởng thành từng ngày một, những đứa trẻ Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu ít nhiều cũng khá "được việc" trong một số điều đã được "nhìn nhận" như sau:

- Vận động cho đạo luật công nhận Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hoà: Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ là lá cờ của chính nghĩa tại Virginia, Hoa Kỳ. Đến năm 2003, Thống Đốc Tiểu Bang Virginia đã ban hành nghị quyết Vinh Danh Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ tại Richmond, Virginia (TTNDH Trần Quốc Dũng K6/2 và TTNDH Lữ Anh Thư K3/2). Chiến dịch Vinh Danh Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hoà đã ngày càng được lan rộng đến những quốc gia, tiểu bang, thành phố có đông Người Việt sinh sống.

- Năm 2015, gây quỹ yểm trợ việc thực hiện bảng tên đường bằng tiếng Việt tại Houston, Texas, vinh danh Chiến Sĩ Vô Danh QLVNCH, Chuẩn Tướng Trần Văn Hai K7, và Thiếu Tướng Phạm Văn Phú K8.

- Gây quỹ cứu trợ bão lụt năm 2000: "Thương Về Miền Tây", năm 2017: bão Harvey tại Miền Nam Texas, và ủy lạo các gia đình Cựu SVSQ/VB bị bão lụt làm tổn hại. Tại vài nơi, các

TTNDH tình nguyện tham gia những công tác dọn dẹp, sửa sang giúp đỡ nạn nhân bão lụt.

- Gửi quà Xuân đến các binh sĩ người Mỹ gốc Việt trên các chiến trường Trung Đông Năm (2002 - 2007)

- Tham gia hàng năm chương trình gây quỹ "Cám Ôn Anh" tri ân các Thương Phế Binh của QLVNCH, gửi quà "Cây Mùa Xuân" đến gia đình các Cựu SVSQ và Cô Nhi Quả Phụ Võ Bị hiện đang gặp cảnh khó khăn ở quê nhà.

- Gây quỹ và liên lạc tìm nhân sự trùng tu mộ phần của các tử sĩ VNCH tại Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hoà.

- Sáng lập Học Bổng Võ Bị để tài trợ bút mực cho các con cháu hiếu học của các CSVSQ tại Việt Nam.

- Tổ chức Đêm Thắp Nến Tưởng Niệm các Chiến Sĩ Vị Quốc Vong Thân tại tượng đài Chiến Sĩ Việt Mỹ vào Đại Hội Võ Bị XX.

- Tổ chức Đêm Tri Ân Gia Đình Võ Bị trong Đại Hội Võ Bị XXI (2018)

- Phát hành Lịch Cờ Vàng vào Mùa Xuân 2019, trong đó hình ảnh Cờ Vàng là tâm điểm của các đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu trên khắp các tiểu bang của nước Mỹ và thế giới.

Những điều đã được thực hiện kể trên chính là "ngôn từ thảo kính" mà những đứa trẻ Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu đang cố gắng xin thưa và mong mỗi được "Người Lớn" bao dung "lắng nghe" và khuyến khích, dạy bảo.

Tâm niệm của chúng trước sau vẫn là cố gắng giữ gìn sao cho "danh hiệu, ngôn thảo" xứng đáng với cái tên được đặt và hết mực tôn trọng tên gọi của những đoàn thể khác. Bởi đó mới chính là bản phận và Tình Tự Võ Bị thiêng liêng bất kể danh xưng để mỗi ngày thêm "siết chặt dây thân ái, gieo khắp đó đây những mầm sống vui."

Trân trọng,

Nguyễn Diễm Nga - K17/2

Kính Đại Gia Đình Võ Bị,

Mấy hôm nay con ngày nào cũng khắp khơi vào ĐĐTH để hống tin thống nhất Tổng hội của quý chú bác .



Hôm nay con đọc được thông báo này vui thì vui lắm nhưng cũng có chút buồn.

Từ trước tới giờ, trong tất cả các văn thư được gửi ra từ Tổng hội, TTNDH, tên gọi đã được các chú bác cân nhắc đặt cho chúng con, hậu duệ của các CSVSQ TVBQGVN, luôn được sử dụng. Như chú Kiều Công Cự, K22 có nhắc, thông báo này sẽ được đăng trên Đa Hiệu 126.

Được là con cháu của Đại gia Võ Bị luôn là niềm tự hào của con. Danh xưng “TTNDH” đối với con thân thương lắm như danh xưng “Võ Bị” đối với quý chú bác vậy. Thông báo hôm nay không gọi chúng con là TTNDH như thường lệ, con đọc mà thấy nao nao lòng...

Kính chúc Đại gia đình Võ Bị của con luôn được vui khỏe, bình an.

Kính,
Nguyễn Hồ Diễm Anh K17/2

CỰU ĐẠI ÚY THƯƠNG PHÊ BINH

QUÁCH VĨNH TRƯỜNG

**Khóa
20/VBQGVN**



Nguyễn Quý

*“Nhân sinh tự cổ thùy vô tử
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh
Đã hẳn rằng ai nhục, ai vinh
Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ”
(Chí làm trai)*

Cách đây khoảng 8 năm, tình cờ tôi đã có dịp theo chị tôi đến thăm nhà một người anh đã từng làm việc với chị tại Đài Phát Thanh Quân Đội trước 1975. Căn nhà nhỏ, đơn sơ xanh mát với những chậu lan và những bụi hồng đang nở hoa thật xinh xắn.

Bước vào trong nhà, tôi nhìn thấy hai tấm Huân Chương với hàng chữ **“Tổ Quốc Tri Ân”** có dấu ấn của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa được đóng khung trang trọng giữa phòng khách, và những bức tranh sơn dầu thật đẹp treo trên tường của

hoạ sĩ chủ nhà, cựu đại úy Quách Vĩnh Trường, người thương phế binh đã mất đi:

- cánh tay trái
- chân trái
- ngón tay cái của bàn tay mặt
- bề xương gò má
- và bị thủng cả hai màng nhĩ.

Ngược dòng thời gian trở về quá khứ những ngày trên quê hương Việt Nam. Năm 1965 cựu Đại Úy Quách Vĩnh Trường tốt nghiệp Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt Khóa 20.

Năm 1966, trong lúc đang phân công tác tại bộ chỉ huy ở Gò Công thì bị Việt Cộng quăng lựu đạn vào căn cứ. Khi thấy quả lựu đạn, ông đã hét lớn kêu mọi người nằm xuống rồi chạy đến đá cho quả lựu đạn văng ra ngoài.

Không ngờ lựu đạn nổ tung, làm cho ông bị thương tật rất nặng, NHƯNG ĐÃ CỨU SỐNG được gần 30 đồng đội hiện diện nơi đó. Ông đã phải nằm bệnh viện hơn một năm và không ai tin ông có thể sống sót. Năm ấy ông vừa tròn 26 tuổi!

NGƯỜI MỘ chàng thanh niên anh hùng, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đích thân đến Tổng Y Viện Cộng Hòa gán Đệ Ngũ Đảng Bảo Quốc Huân Chương kèm Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu để tưởng thưởng sự hy sinh cao cả của ông. Khi xuất viện, ông được cho giải ngũ với mức độ tàn phế 170% nhưng ông đã tìm mọi cách để XIN TIẾP TỤC Ở LẠI PHỤC VỤ trong quân đội.

Vì là người đầu tiên xin ở lại sau khi được giải ngũ, ông đã gặp nhiều khó khăn nhưng ông vẫn kiên trì cho đến khi được Thủ Tướng Trần Văn Hương ký giấy chấp thuận.

Ông về làm việc tại đài Phát Thanh Quân Đội với chức vụ trưởng ban nghiên cứu từ năm 1968 đến 1975.

Vừa làm việc vừa ghi danh học tại Đại Học Luật Khoa Sài Gòn, ông đã tốt nghiệp THỦ KHOA Luật ngành tư pháp năm 1974. Trong những năm ở trường Luật, ông quen biết cô Nguyễn Thị Bích Kiều, một sinh viên xinh đẹp xuất thân từ một gia đình giàu có tiếng tại Long An. Có một lần trong lúc đi xe bus đến trường ông đã bị té, bị thương và cô Bích Kiều TÌNH NGUYỆN giúp đỡ đưa đón ông bằng xe nhà trong suốt năm học cuối của trường luật.

Sau biến cố 30 tháng 4, 1975 ông bị chính quyền Cộng Sản ghép vào tội làm gián điệp và quản chế rất gắt gao. Ông mưu sinh bằng cách lấy bánh mì tại lò rồi đi bán cho cư dân vùng lân cận. Cô Bích Kiều VÂN LUÔN ở bên cạnh giúp đỡ ông.

NĂM 1977, bất chấp sự chống đối của gia đình, cô Bích Kiều cương quyết thành hôn với ông và ông bà đã sống hạnh phúc đến ngày hôm nay.

NĂM 1982 ông bà hạ sinh một người con trai đặt tên là Quách Vĩnh Tiến.

NĂM 1986 gia đình ông bà định cư tại Hoa Kỳ dưới dạng tị nạn chính trị.

Khi đến Mỹ ông ghi danh vào đại học ngành hội họa, học cách phục hồi hình ảnh hư cũ và học Graphic design. Với kiến thức về Photoshop, ông đã đóng góp rất nhiều trong việc phục hồi những bức hình hư hại vì thời gian cho cuốn “Lược Sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà” của cựu đại tá Trần Ngọc Thống, cựu thiếu tá Hồ Đắc Huân và cựu trung úy Lê Đình



Thụy đồng soạn và xuất bản năm 2012. Ông cũng giúp phục hồi hình ảnh, giấy tờ, tài liệu, giúp nhiều cựu quân nhân VNCH hoàn tất hồ sơ HO.

Nói gương cha, sau khi tốt nghiệp cao học ngành tâm lý học, Quách Vĩnh Tiến con trai đã gia nhập Quân Đội Hoa Kỳ.

NĂM 2010 Quách Vĩnh Tiến được bầu chọn là chiến sĩ xuất sắc nhất tiểu bang California.

NĂM 2018 Quách Vĩnh Tiến được báo Quân Đội Hoa Kỳ vinh danh là người phục vụ cho cựu chiến binh Hoa Kỳ xuất sắc nhất.

Quách Vĩnh Tiên lập gia đình với một nữ quân nhân Hoa Kỳ thuộc binh chủng Thủy Quân Lục Chiến và có một cháu gái.

NĂM 2003 bác sĩ cho biết ông Quách Vĩnh Trường bị ung thư ruột.

NĂM 2016 bác sĩ lại cho biết ông bị ung thư nhiếp hộ tuyến.

Với ý chí can trường “không đầu hàng nghịch cảnh”, ông đã vượt qua tất cả và ngày nay bác sĩ cho biết ông KHÔNG CÒN dấu hiệu ung thư.

Năm nay ông 83 tuổi. Thượng đế đã bắt ông sống với một thân thể không lành lặn nhưng ĐÃ BAN cho ông vị thiên thần khả ái Nguyễn Thị Bích Kiều, một người bạn học, bạn đời, KHÔNG MÀNG LỢI DANH luôn đi bên cạnh yêu thương và ủng hộ ông.

Năm ngoái khi chúng tôi có dịp ghé thăm ông bà, vẫn với gương mặt hiền lành và giọng nói từ tốn, ông cho chúng tôi xem hình ông chụp cháu nội và nói:

- “ Bé Sydney Vĩnh Quách năm nay mới 4 tuổi nhưng đã nói khi lớn cháu muốn gia nhập Quân Đội như ông nội và bố mẹ.”

Cô bé thường ôm hôn lên cánh tay cụt của ông và nói:

- “Ông ơi, con rất yêu ông, con muốn giống ông, ông là một anh hùng.”

Xin gởi đến anh hùng Quách Vĩnh Trường và tất cả các cựu quân nhân của Quân Lực VNCH lời tri ân sâu sắc nhất nhân dịp kỷ niệm ngày Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà 19 tháng 6.

30 người thoát chết khi ông đá trái lựu đạn nổ, giờ ở đâu. Có còn nhớ người hy sinh cứu mình, có tri ân sâu sắc không.

Chân dung bà Bích Kiều do ông Quách Vĩnh Trường vẽ chỉ với 4 ngón tay của mình. Đây là bức tranh sơn dầu treo trên phòng khách nhà ông.

Date: Fri, Jun 23, 2023, 5:58 PM

TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA ĐÀ LẠT ĐÀO TẠO ANH HÙNG

Ký giả Kiều Mỹ Duyên

Tôi rất thích nghề làm báo, sau này làm truyền hình và truyền thanh. Nghề truyền thông vui lắm, được gặp gỡ nhiều người.

Khi tôi còn học tiểu học, lớp 3, tôi viết bài, cô giáo gửi báo, báo đăng và tôi được nhuận bút. Từ đó, tôi tiếp tục viết báo. Viết báo vui lắm. Tôi cũng viết bài về đá banh, đặc biệt tường thuật đá banh, hay bóng bàn gửi cho báo Khỏe. Ngày xưa, hề báo nào đăng bài thì báo đó trả tiền nhuận bút cho đến khi tôi viết cho báo Công Luận và Hòa Bình thì lương rất cao so với công chức hay tư chức lúc bấy giờ.

Tôi rất say mê làm báo. Tôi đam mê viết từ nhỏ, thấy việc gì cũng có thể viết thành đề tài. Nhìn cô giáo mặc áo dài, mỗi ngày một áo khác nhau, tôi cũng có thể viết thành một bài. Lúc nào tôi cũng quan sát, lắng nghe người khác đối thoại, tôi cũng có thể viết được một bài, họp ở chùa, ở nhà thờ, tôi cũng có thể viết báo.

Tôi không viết truyện mơ mộng lên cung trăng, tôi viết về người thật việc thật, viết hoài không hết, cần gì bay lên Trời, hay bay lên cung Trăng thăm chị Hằng.

Tôi sống thật, thương thì nói là thương, ghét ai thì im, không nói ghét, vì người nào cũng có điểm dễ thương của họ. Họ không thích mình tại vì mình không khéo léo, thể thôi.

Tôi học trung học Lý Thường Kiệt. Thầy hiệu trưởng là người Bắc, từ lúc tôi học cho đến khi lên trường Trung Vương, trường Lý Thường Kiệt vẫn chưa có cô giáo. Các thầy giáo và học trò đa số là người Bắc, lên trường Trung Vương cũng vậy, thầy giáo là người Bắc, học trò là người Bắc. Người Bắc khéo léo nói năng tế nhị, giọng nói ngọt ngào như tiếng nhạc. Mỗi lớp học

cũng có 1 hoặc 2 học trò là người Nam. Tôi không nói giỏi như người Bắc, nhưng tôi học giỏi. Tháng nào đứng hạng nhì là tôi buồn lắm. Tôi chơi bóng bàn giỏi, viết bích báo treo trên tường, học đệ lục mà tôi làm chủ nhiệm tờ báo treo trên tường. Lúc đó, trường Lý Thường Kiệt có từ lớp đệ thất đến đệ tứ. Tôi học đệ lục nhưng được làm Chủ Nhiệm tờ báo của toàn trường. Các học trò toàn trường gửi bài cho tôi. Tôi thấy bài nào không được, tôi tham khảo với thầy Hiệu Trưởng, rồi không đăng bài đó. Đến bây giờ, tôi cũng không hiểu tại sao tôi được làm Chủ Nhiệm bích báo của trường?

Nghề là cái nghiệp. Bất cứ đam mê với nghề nào từ nhỏ thì lớn lên cũng vậy, vẫn đam mê, vẫn say mê với nghề đó. Từ nhỏ, tôi làm phóng viên cho báo Khỏe, tường thuật về những trận đá banh ở vận động trường Hóc Môn. Khi lớn lên, tôi lên học luật khoa và văn khoa. Tôi vẫn làm báo, vẫn viết báo về người thật, việc thật. Tôi viết như nói chuyện, không văn hoa, có lẽ Trời cho như thế là như thế, không thể hơn được.

Giã từ trường trung học Lý Thường Kiệt, Quang Trung, Hóc Môn, tôi chuyển lên trường Trưng Vương. Từ trường tỉnh mà chuyển lên trường công ở Sài Gòn thì phải tốt nghiệp ưu hạng, bình hoặc bình thứ. Nếu học trung bình thì không được các trường công nhận vào. Học trường tư phải đóng tiền. Ở Mỹ, học trường tư phải là học giỏi và giàu, vì học trường tư phải đóng tiền học phí. Ở Việt Nam, học trường công phải là học trò ưu tú, xuất sắc mới được chọn. Ngày xưa, bốn trường công nổi tiếng là trường Trưng Vương và Chu Văn An. Hai trường này, học trò toàn là người Bắc di cư, thỉnh thoảng cũng có vài học trò người Nam được chọn vào các trường này. Trường Gia Long, Petrus Ký là trường của người Nam. Tôi chọn vào trường Trưng Vương vì trường gần nhà.

Có lần, bác sĩ Phạm Gia Cồn nói với chúng tôi:

- Tôi là Bắc Kỳ, vào học Petrus Ký, nhưng đâu nói được tiếng Nam. Và bây giờ lưu vong ở hải ngoại này mấy chục năm cũng không nói được tiếng Nam.

Tôi có một chút máu người miền Trung, vì ông của tôi từ miền Trung vào Nam. Tôi hãnh diện về vua Quang Trung.

Những biến cố trong cuộc đời của mỗi người chúng ta, không ai biết được. Việc gì đến sẽ đến, không ai biết được. Ngày còn nhỏ, xem phim Ben Hur, chúng tôi thấy nơi đấu bò rừng ở Ý. Tôi mơ ước có một ngày, mình đến nước Ý xem nơi đấu bò rừng. Thế rồi, mấy chục năm sau, chúng tôi đã đến phi trường của Ý và vào thành phố đi ngang qua chỗ đấu bò rừng. Trong phim, một chàng hiệp sĩ yêu công chúa, vua tức giận bắt chàng hiệp sĩ đấu với bò rừng, hết con bò này đến con bò khác. Cuối cùng, hiệp sĩ vì tình yêu mà tan thân nát thịt. Công chúa bắt buộc phải ngồi trên khán đài để chứng kiến người yêu của mình bị một đàn bò rừng phân thây xẻ thịt, còn đau đớn nào bằng? Công chúa ngất xỉu, không biết nàng có chết hay không thì kết thúc phim không đề cập đến.

Tôi vô cùng xúc động khi xe đi ngang qua chỗ đấu bò rừng, và rất ngưỡng mộ mỗi tình đẹp này. Trái tim có lý lẽ riêng của nó. Chết vì yêu cũng là một tấm gương đẹp để lại hậu thế.

Làm truyền thông đi đâu cũng viết được. Lên rừng, xuống biển, đi đâu tôi cũng viết được, nhưng phải biết quan sát tỉ mỉ. Độc giả đọc bài vì những dữ kiện trong bài, chứ không phải vì người viết. Làm việc xã hội, cũng có cơ hội để viết. Nếu không làm Đại Bồi Thảm Đoàn, làm việc với Cảnh Sát, với toà án, với Chánh Án, thì làm sao có cơ hội đi thăm những cơ sở của chánh phủ như: trạm cứu hỏa, nhà tù, bót Cảnh sát. Không làm truyền thông, làm sao có cơ hội đi thăm trường Võ Bị Đà Lạt, trường đại học Chính Trị Đà Lạt. Tôi còn nhớ, tôi đi thăm 2 trường đại học quân sự nổi tiếng này trước khi đi Pháp. Hai tuần lễ ở Đà Lạt, sau khi bị xe Mỹ đụng bẻ đầu, tôi trở lại vùng đất lạnh, 1 tuần lễ thăm trường Võ Bị, một tuần thăm trường Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt. Tôi và cô Thiên Thanh, tập sự cho báo Hòa Bình đi thăm bãi tập, phòng học, phòng ăn, phòng ngủ, v.v. Nơi nào cũng thơm mát, sạch sẽ, ngăn nắp không thể tưởng tượng được.

Nhiều sinh viên kể cho tôi nghe:

- Các cô biết không, giường nệm thẳng băng. Buổi tối, chúng tôi ngủ dưới đất để khi thức dậy cho nhanh.

Đi lính thời gian huấn nhục không gì khổ bằng. Nhiều khi nửa đêm, 2-3 giờ sáng, trời rét căm căm, sinh viên bị dựng đầu dậy chạy bộ, không được mặc áo ấm chạy vào rừng. Hành xác người

trẻ không còn là người. Cha mẹ sinh con, thương con như ngọc ngà châu báu. Học xong tú tài lúc 18 tuổi, tình nguyện vào trường Võ Bị, trong thời gian huấn luyện, bị hành hạ tận cùng, còn hơn là xuống chín tầng địa ngục. Thắng kẻ địch đâu chưa thấy, chưa thắng mình đã có người chết. Sinh viên Võ Bị phải văn võ song toàn, ra đường mua hàng không được trả giá, đánh võ, múa gươm, múa kiếm, cưỡi ngựa, xuống ngựa nhẹ nhàng như chiếc lá vàng rơi, khiêu vũ đẹp như rồng bay phượng múa, viết văn, làm thơ, sáng tác nhạc, v.v. Người sinh viên Võ Bị là như thế.



8 tuần sơ khởi – Tân khóa sinh

Chúng tôi thăm vấn phòng văn hóa vụ, bạn tôi học luật là Giáo Sư trường này, luật sư Nguyễn Kế Nghiệp, hồi còn học ở trường luật khoa Sài Gòn, Nghiệp nghịch ngợm bậc nhất. Nghiệp hay in bài và phát bài cho sinh viên. Ông bà mình thường nói: Nhất quý, nhì ma, thứ ba học trò. Học trò ở đây kể cả học trò tiểu học, trung học và đại học, cũng vẫn nghịch ngợm không kém. Có nhiều Giáo Sư dạy trường Võ Bị, lại tốt nghiệp từ trường Thủ Đức, bốn phương tám hướng về đây hội tụ. Có những môi tình lãng mạn, người đến rồi đi cũng từ thị trấn Đà Lạt, núi rừng Đà Lạt, nước mắt và nước mắt, những cái vẫy tay chào từ giã.

Đi càng nhiều, người làm báo càng học được nhiều từ người này, người nọ.

Tôi có nhiều kỷ niệm đẹp với hai trường Võ Bị Đà Lạt và Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt. Nếu không đi làm báo thì làm sao

có cơ hội hiểu được đời sống của sinh viên Võ Bị bị đọa đày. Chính trong khoảng thời gian huấn luyện, có người đã chết vì không chịu được sự gian khổ, hành hạ về thể xác.

Sinh viên Võ Bị bị “hành xác” chín tầng mây. Nhiều người bỏ cuộc vì không thể chịu được sự hành hạ trong thời kỳ huấn luyện. Nhưng khi qua khỏi thời kỳ này thì ra phổ ăn mặc rất



Thủ khoa Dương Hiếu Nghĩa, Khóa 5

đẹp, ngẩng mặt nhìn Trời. Sinh viên Võ Bị ra đường không bao giờ cúi đầu, cổ ngẩng cao 3 ngón. Thời kỳ đẹp nhất là lúc ra trường. Thủ Khoa cầm cung tên

bắn ra bốn phương trời, bắn vào trái tim của con gái Đà Lạt. Chắc người dân Đà Lạt và sinh viên Võ Bị Đà Lạt không quên chuyện tình bi thương của cô gái Đà Lạt và chàng trai Võ Bị. Kết quả đau thương ở hồ Than Thở, Đà Lạt. Yêu mà đem cái mạng của mình ra thách đố thì còn gì bằng?

Ngày xưa, khi còn là nữ sinh Trưng Vương, chúng tôi say mê chuyện "Một thời để yêu và một thời để chết". Chuyện tình yêu thời đệ nhị thế chiến ở Âu Châu. Đẹp nhất của sinh viên Võ Bị Đà Lạt là lúc mặc lễ phục ra phổ, lúc ra trường, Thủ Khoa mang cung kiếm, bắn tứ phương bốn hướng, hồ thủy tan bồng từ đây. Nếu quý vị gặp sinh viên Võ Bị lúc ở trường, và gặp ở chiến trường, khác nhau một trời một vực. Ở chiến trường là chiến sĩ hào hùng gan dạ đối mặt với kẻ thù không hề sợ hãi. Nhiều người kể cho chúng tôi nghe, người sinh viên Võ Bị ở tù cũng không hổ mặt là người đã được đào luyện 4 năm ở trường Võ Bị Đà Lạt, trong lúc ở tù dưới chế độ Cộng Sản cũng thế.

Sau một tuần lễ thăm trường Võ Bị, chúng tôi được ăn tối ở nhà của Đề Đốc Trần Văn Chơn, có sự hiện diện của thầy chúng

tôi là bộ trưởng Thông Tin Chiêu Hồi, Giáo Sư Nguyễn Ngọc An. Thầy tôi giới thiệu:



Cựu hoàng Bảo Đại trao kiểm cho Thủ khoa Dương Hiếu Nghĩa

Gòn ra Nha Trang tham dự lễ mãn khóa 13 Hải Quân. Tàu đi gần tới Cam Ranh thì bão cấp 4 phải ngừng lại. Trời mưa, gió lạnh, vậy mà khi tàu đậu vào bến, nhìn lên bờ, thấp thoáng có những tà áo trắng nữ sinh đứng đợi những chàng Hải Quân trên bờ. Một chiếc Mercedes bóng loáng vừa đậu, Hạm Trưởng và Phó Hạm Trưởng nhìn nhau không biết sĩ quan nào được giai nhân thăm viếng? Lúc đó, một người lính Hải Quân xin Hạm Trưởng lên bờ gặp người đẹp. Người lính Hải Quân rất bay bướm, và lính Không Quân cũng vậy. Có lần, trực thăng vừa đáp xuống đất để đổ xăng, Ban Mê Thuật xung quanh là rừng, thì cũng thấy bóng dáng giai nhân mặc áo dài trắng ôm cặp đứng đợi các chàng Không Quân.

Tôi hỏi bác Chơn:

- Bác ơi bác, sao cầu thang trên tàu dành riêng cho sĩ quan thì chỉ có khách của sĩ quan mới được đi cầu thang này, còn lính thì đi cầu thang của lính.

Đã mấy chục năm rồi, tôi còn nhớ man máng, bác Chơn trả lời:

- Hải Quân Việt Nam theo truyền thống của Hải Quân Anh.

- Anh Chơn, đây là học trò của tôi.

Bác Trần Văn Chơn hiền lành, rất lịch sự, cởi mở. Được biết bác là Tướng Hải Quân, chúng tôi tha hồ hỏi về binh chủng này. Ngày xưa, 2 binh chủng bay bướm nhất là Không Quân và Hải Quân. Chúng tôi kể cho bác Chơn nghe về chuyến đi của chúng tôi từ Sài Gòn

Bác giải thích nhiều lắm về Hải Quân Việt Nam, khi định cư ở Hoa Kỳ, tôi gặp lại bác Chơn. Bác vẫn thông dong như xưa, vẫn lịch sự, tế nhị. Mỗi lần có Đại Nhạc Hội Cảm Ơn Anh, Người



Thương Binh Việt Nam Cộng Hòa, đều có sự hiện diện của bác, ở Orange County hoặc ở San Jose.

Bây giờ thì Đề Đốc Trần Văn Chơn, Giáo Sư Nguyễn Ngọc An đã đi rồi nhưng hình ảnh của nhị vị vẫn còn đây.

Bác Trần Văn Chơn tị nạn, thầy

Nguyễn Ngọc An tìm đường về Tây Ninh để chiến đấu chống lại Cộng Sản thì bị bắt ở tù. Sau này, thầy định cư theo diện H.O. Đặc biệt ở gia đình của Giáo Sư Nguyễn Ngọc An, bố làm Tổng Trưởng, con là bác sĩ tình nguyện ra chiến trường, sau này định cư ở Pháp. Bác sĩ Hoàn cũng tốt nghiệp và bác đã từ trần vì bệnh tim.

Viết về trường Võ Bị Đà Lạt nhiều đề tài để viết. Trường này đã đào tạo nhiều anh hùng của các binh chủng Hải Quân, Lục Quân và Không Quân. Người sinh viên Võ Bị có mặt ở khắp chiến trường, cũng có mặt ở các nghĩa trang quân đội và ở nhà tù Cộng Sản.

Mời quý đồng hương đọc: "Chàng từ khi vào nơi gió cát" trong Chinh Chiến Điều Linh của Kiều Mỹ Duyên.

Nhiều độc giả hỏi chàng ra đi có trở lại không? Được trả lời tùy theo người đọc.

Về Bên (KHÔNG) Thua Cuộc

Phan Nhật Nam, K18



Lời Người Viết:

Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại vừa làm Lễ Tưởng Niệm Ngày 30 Tháng 4, sau 48 năm mất Miền Nam (1975-2023). Thời gian gần nửa thế kỷ hẳn cho tất cả chúng ta nhìn lại một cách khách quan và chính xác câu hỏi “Ai Thắng Ai” về một cuộc chiến mà đến nay cũng không (thể) có kết luận chung nhất. Điển hình qua sự kiện vừa xảy ra trong ngày 3 Tháng Năm vừa rồi ở SEA Games tại Campuchia: Nhóm cố động viên người Việt (trẻ tuổi) hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng...” để cổ vũ đội tuyển Việt Nam đá banh và trung ảnh HCM, Võ Nguyên Giáp. Đám hát “đại thắng như có Bác Hồ” không (được) biết trước đó một tuần. Ngày 23 Tháng Tư 2023, có 14 nạn nhân chết thảm trên hải phận tỉnh Phúc Kiến do vượt biển bất hợp pháp khi có

vào Đài Loan để kiếm sống, 14 kẻ bất hạnh này thuần là cư dân miền Bắc sinh sau 1975, thành phần được gọi là “new boat Vietnamese people – Thuyền nhân Việt Nam thế hệ mới” để phân biệt 600 ngàn người (miền Nam chiếm đa số) chết trên biển Đông, trên đường vượt biên sau “Đại Thắng Mùa Xuân 1975/ Đại Thắng Mang Tên...”

Sự kiện ngày 3 Tháng Năm nơi vận động trường SEA Games 2023 còn lộ ra một “bất cập” chính trị: Thủ tướng Hun Sen hiện thời từ năm 1972 là lính Khmer Đỏ, sau đó bỏ sang chiến đấu bên cạnh bộ đội cộng sản Việt Nam. Từ 1979 đến 1986, Hunsen 26 tuổi được Hà Nội yểm trợ giữ chức vụ Bộ Trưởng Ngoại Giao Campuchia.

Nhưng nay, cảnh sát Campuchia không cho phép mang hình HCM vào sân vận động, có nghĩa, Hunsen và tướng mặt Hà Nội không giấu giếm. Về phần Mỹ thì khởi công xây Tòa Đại Sứ lớn nhất thế giới ở Hà Nội trong khi khẩu hiệu: “Đánh cho Mỹ cút/Đánh cho Ngụy nhào” vẫn đầy rẫy trong tài liệu, sử sách, bài hát... Vậy, Sự Thật ở đâu? Ai thắng/ Ai thua? Ai Bạn/ Ai Thù? Thế nên, bài viết của chúng tôi hình thành từ phía “Những người thua cuộc” để xem có “thua” thật hay không? Thua như thế nào? Tại sao?

Một.

Ngày 30 Tháng Tư 1975, Thủ Tướng CHXHCNVN Võ Văn Kiệt có lời nói (được đánh giá là chân tình): “... Giải phóng có một triệu người vui, nhưng cũng có một triệu người buồn. Những người có thân nhân tham gia chế độ cũ sao vui được. Nên hiểu tâm trạng người phía bên kia, người ta cũng đau xót.” Năm 2012, một người miền Bắc, Huy Đức (sinh 1962) cho xuất bản tập I của bộ sách *Bên Thắng Cuộc* (Osin Book, US 2012) có tiêu đề “Giải Phóng/ Trong ngoặc kép”. Tập “Giải Phóng” có chủ đề giải quyết câu hỏi: “Liệu việc tiếp quản miền Nam của lực lượng cộng sản (miền Bắc) có thực sự là một “cuộc giải phóng” hay không”?

Sau đó là tập thứ hai, “Quyền Bính”. Trong tập hai này, Huy Đức cho rằng: “Dù nền kinh tế thị trường có thay đổi đất

nước thì Việt Nam vẫn tụt hậu so với kinh tế quốc tế, mặc dù vấn đề đã được chỉ ra từ năm 1994.” Huy Đức viết rõ: “Đảng cầm quyền, thay vì nắm bắt được tư duy của thời đại và ý chí của con người (Việt Nam), thì chỉ quẩn quanh trong một vòng tự vệ, lập đi lập lại (những sai lầm).” Tóm lại, từ Võ Văn Kiệt đến Huy Đức đều đồng ý nhận định: Ngày 30 Tháng Tư 1975 phân chia xã hội miền Nam nên thành hai thành phần: “*Bên Vui/Bên Không Vui – Bên Thắng Cuộc/Bên Thua Cuộc*”. Tuy nhiên, đây không là chủ đề của bài viết này.

Qua thế kỷ 21, từ thành phần gọi là “*Bên Thắng Cuộc*” kia có những nhận định, sự kiện của chính họ. Cụ thể trong lần tiếp xúc cử tri Quận 1/TPHCM ngày 7 Tháng Năm 2011, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang có lời “*chân thật*”: “*Trước đây chỉ một con sâu (tham nhũng) làm râu nổi canh, nay thì nhiều con sâu lắm... Một con sâu đã nguy hiểm rồi, một bầy sâu là ‘chết’ cái đất nước này*”. Phần Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng lên nhận chức từ 2011, khởi động chiến dịch gọi là “*đốt lò/ chống tham nhũng*”, năm vừa qua (cao điểm của chiến dịch) đã có những tuyên bố lớn lối: “*Chống tham nhũng không có vùng cấm!*”

Nhưng, thực chất để phe cánh của Trọng (người miền Bắc) củng cố quyền lực, thanh trừng phe nhóm tàn dư của cựu Thủ tướng Dũng (người miền Nam). Các đại án với cấu kết từ trung ương tới địa phương, với số tiền tham nhũng cực lớn đã phản ánh tình trạng mục rỗng của chế độ cộng sản. Chừng nào chế độ độc tài cộng sản còn tồn tại thì không thể chống được tham nhũng! Riêng với người dân (những người sinh sau 1975 vốn là cư dân miền Bắc) thuộc thành phần thụ hưởng toàn thể thắng lợi (vật chất và tinh thần) của “*giải phóng 30 Tháng Tư 1975*”, những người này họ có chọn lựa khác qua sự kiện điển hình: Một nhóm 39 người gồm tám thiếu nữ, có kế vị thành niên “*ra đi hợp pháp*” từ sân bay Nội Bài, Hà Nội theo chương trình “*hợp tác lao động*” do nhà nước điều hành và các công ty tư nhân môi giới thực hiện. Lộ trình Việt Nam-Trung Quốc-Nga... cuối cùng đến Đông Âu, Tây Âu, Zeebrugge, Bỉ.

Từ đây, hành trình “*Hợp tác xuất khẩu lao động*” biến thành nhập cư người bất hợp pháp vào đất Anh. 39 nạn nhân cuối cùng chết ngạt trong lòng xe container xuất phát từ Bắc Ái Nhĩ

Lan khi vào Anh tại cửa khẩu Essex, ngày 23 Tháng Mười 2019. Trước thảm cảnh chết oan của 39 công dân nhà nước CHXHCNVN, nhà nước Hà Nội ra thông báo: “Do công tác *“quản lý xuất khẩu, hợp tác lao động chưa tốt!”*”.

Cuối cùng, dịch vụ an táng (tất nhiên cũng do nhà nước thực hiện) với giá: Thân nhân muốn nhận tro cốt phải trả 41,100,000 tiền HCM hay 1,470 bảng Anh; còn muốn nhận nguyên thi hài phải trả giá 66,240,000 tiền Hồ hay 2,209 bảng Anh. Giá tiền được quy định bởi nhiều “cơ quan chức năng” thuộc chính phủ CHXHCNVN dưới quyền quản lý của người gọi là Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc. Nhưng nay, Phúc đã bị Tổng bí thư Trọng ngưng chức chủ tịch nước (23 Tháng Giêng 2023), vì vợ, con, con rể của Phúc cầm đầu hệ thống tham nhũng quy mô lớn; chỉ riêng Thu, vợ Phúc, và thân nhân đã là đầu mối trong vụ lừa đảo về bộ xét nghiệm COVID-19 (cho nhân dân cả nước) có mỗi lợi đến \$170 triệu.

Thảm kịch chết ngộp do đi “*hợp tác lao động*” vào đất Anh năm 2019 nay, 23 Tháng Tư 2023 được lặp lại (do không thể che giấu) xảy ra trên biển, thuộc hải phận của Đài Loan, với 14 nạn nhân được gọi là “*thuyền nhân Việt Nam thế hệ mới*” để phân biệt hàng triệu người (miền Nam) đã dùng ghe nhỏ, liều chết vượt biển chạy trốn khi cộng sản Bắc Việt cưỡng chiếm Sài Gòn ngày 30 Tháng Tư 1975. Như thế, “*Bên Vui/Bên Thắng Cuộc*” (với người miền Bắc hay miền Nam) đều có chung một chọn lựa: “Thà (chịu) chết bỏ nước ra đi!” Từ đây, người viết có tiền đề: *Bên (THUA) Cuộc chưa hẳn là thua!*

Chúng tôi tiếp trình bày nhân đọc cuốn sách của Đỗ Thái Nhiên (*Đỗ Thái Nhiên, Vận Động Hòa Bình, NXB Miền Nam- US 2022*)

Hai.

Sách của Đỗ Thái Nhiên gồm có hai phần: Phần I nói về *Vận Động Hòa Bình* qua vận dụng tư tưởng, lý thuyết, và sách lược của Lý Đông A, tên thật Nguyễn Hữu Thanh, sinh năm 1920 (hoặc 1921). Năm 1943, Lý Đông A thành lập, giữ chức Tổng thư ký Đại Việt Duy Dân Cách Mệnh Đảng, đấu tranh chống Pháp, lẫn Việt Minh cộng sản (Hồ Chí Minh). Lý Đông A bị Việt

Minh sát hại tại Bến Chương, Xã Hiền Lương – Mai Đà vào năm 1947. Phần thứ II, Phần Phụ Lục (gián tiếp) trả lời câu hỏi cụ thể, thiết thực của chúng ta (*chủ điểm của bài viết*): Vấn đề Ai Thắng Ai?

Câu hỏi đã được nêu từ ý kiến của Võ Văn Kiệt trong ngày 30 Tháng Tư 1975 và của Huy Đức trong *Bên Thắng Cuộc*. Ở Phần Phụ Lục, Đỗ Thái Nhiên đã (không vô tình) trả lời cho câu hỏi “*Ai Thắng Ai*” với người, việc thực tế với những câu chuyện văn học, nghệ thuật từ nhận định chủ đạo: Dưới chế độ độc tài hà khắc, người cầm bút đã phải vừa vận dụng ngòi bút với tất cả khó khăn của ngôn ngữ chung, vừa tinh vi lách tránh công an văn hóa bằng kỹ thuật; dùng cái HƯ làm nổi bật cái THỰC. Nhắc đến Cái Thực với ẩn ý để đẩy sự suy nghĩ hướng về Cái Hư đã che giấu. Đây là bài thơ *Lá Diêu Bông* của thi sĩ Hoàng Cầm nơi miền Bắc sau 1945. *Lá Diêu Bông* xuất hiện với nội dung kỳ bí gần như huyền hoặc. Không khí kỳ bí và huyền hoặc này là một lời mời gọi, thiết tha, xoáy tim óc người đọc, và người nghe bài hát (*Phạm Duy phổ nhạc, 1985*)..

Chị thần thờ đi tìm. Đồng chiều. Cuồng rạ...

Chị bảo:

Đứa nào tìm được Lá Diêu Bông

Từ nay, ta gọi là chồng.

Em tìm thấy lá

Xòe tay phủ mặt

Chị không nhìn

Từ thuở ấy...

Em cầm chiếc lá

Đi đầu non cuối bể

Gió quê vi vút gọi

Diêu Bông hời...

Ồi Diêu Bông...!

Hình ảnh vào đề bài thơ là hình ảnh lạnh lùng của chiều đông, trên cánh đồng ngổn ngang cuồng rạ, người chị tâm sự với em: “*Đứa nào tìm được lá Diêu Bông. Từ nay ta gọi là chồng*”. “Hai ngày sau – Mùa đông sau”, người em khoe với

chị: “*Em tìm thấy lá*”. Nhưng mỗi lần người em khoe, “*tìm thấy lá*”, chị lại lắc đầu: “*Đâu phải là Diêu Bông*”. Thế rồi, đời sống thật thâm sâu với kết thúc: “*Em cầm chiếc lá. Đi đâu non cuối bể. Gió quẽ vi vút gọi. Diêu Bông hời... Ờ Diêu Bông...!*”

Hãy lưu ý: Bài thơ được viết vào/bắt đầu từ “Mùa Đông 1959” – Sau Mùa Thu 1945 – Rõ ràng (nếu) ẩn dụ: Chiến tranh Việt Minh/Pháp (Mùa Đông -19 Tháng Mười Hai 1946) sau “Cách mạng Mùa Thu, Tháng Tám 1945.) Mùa Thu 1945 được gọi là “Mùa Thu Cách Mạng”, thì mùa Đông 1946 mở cuộc binh đao, tiền đề những bi kịch của cả dân tộc: Hiệp Định Genève chia đôi đất nước, “*Mùa Thu – 20 Tháng Bảy 1954*”; thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam – “*Mùa Đông 20 Tháng Mười Hai 1960*”; Khởi động cuộc chiến 1960-1975 để cuối cùng đưa đến mỗi uất hận không thể biện minh, giải thích của 30 Tháng Tư 1975!

Hoàng Cầm đã tài tình dùng hình ảnh chị/em để nói lên mối liên hệ giữa thế hệ trước và thế hệ sau. Chị là biểu tượng của thế hệ của những người Việt thực sự đau khổ dưới ách cộng sản, đầy đủ kinh nghiệm về cộng sản. Em là biểu tượng của các thế hệ sau. Các thế hệ bao gồm những người “*tin tưởng*” ở một lúc nào đó, tại một nơi nào đó “các em” sẽ tìm được cái gọi là “*Lá Diêu Bông/Cách Mạng XHCN*”. Hoàng Cầm quả là một *thi sĩ tiên tri*: Sự kiện lớp người trẻ (sinh sau 1975) hát “*Như có “bác Hồ*” nơi vận động trường SEA Games 2023 giữa cơn hấp hối tiềm ẩn của Việt Nam hôm nay là cảnh tượng điển hình sắc nét về một “*Lá Diêu Bông*” không hề có thật!

Ba.

Tiếng nói phản kháng, cảnh báo của Hoàng Cầm trong *Lá Diêu Bông* từ sau 1954 ở Hà Nội gióng lên không đơn lẻ, tuy nhiên chỉ được muện màng vang vọng lại qua *Thông Điệp Mùa Xuân 1985* với nhạc Phạm Duy buổi Người Việt Hải Ngoại (còn) đang thấm đau từ cơn đói đời cay nghiệt 30 Tháng Tư 1975. Nhưng không chỉ là vậy, vì tiếp theo, Người Làm Thơ Tô Thùy Yên đã *thay mặt cho toàn thể Việt Nam/Chủ yếu là Miền Nam* bị đọa đày, gióng lên lời thống thiết về một Mối Cô Đơn Vĩ

Đại: Thế Giới Vui Vì Mỗi Lẻ Lối trong Ta Về – Bài viết của Đỗ Thái Nhiên trong Phần Phụ Lục/Vận Động Hòa Bình là một nội dung cô đọng thắm thiết của cuốn sách, lại là một cuốn sách về chính trị, học thuyết.

Tô Thùy Yên, tên thật Đinh Thành Tiên, sanh 1938 tại Gò Vấp, nguyên Thiếu tá Trưởng phòng tâm lý chiến, Tổng cục Chiến tranh Chính trị QLVNCH. Sau 30 Tháng Tư 1975, Tô Thùy Yên bị chế độ cộng sản đày lên miền Bắc không tội danh, không án tòa. Năm 1985 (*năm Lá Diêu Bông được Phạm Duy phổ nhạc*), Nhà Thơ ra khỏi tù, trở về Nam, *Ta Về* được viết nên. Nhà Thơ Tô Thùy Yên một Người Tù Vô Tội – Nhà cầm quyền các loại hoàn toàn vô thẩm quyền trong quyết định ân xá đối với nhân vật này.



Vì vậy, lịch sử đã hóa thân thành “*tiếng biển lời rừng*” để chấp cánh cho Tô Thùy Yên vượt thoát cảnh giam cầm phi lý và cay nghiệt... *Tiếng biển lời rừng nao nức giục. Ta về cho kịp độ xuân sang...* Tô Thùy Yên mạnh mẽ xác định: Ông rời bỏ nhà tù theo những chuyến biển của lịch sử thế giới chứ không hề do “lòng nhân đạo” của

đảng thống trị độc tài. Xác định kia mở ra quan điểm rằng “*Ta Về*” là tiếng nói hiên ngang và khách quan của một người sau “*mười năm chết dấp*” vẫn bảo tồn trọn vẹn phẩm chất cao quý của một đơn vị nhân văn.

Hãy trở lại với Tô Thùy Yên vào những giờ phút đầu tiên khi người tù khổ sai rời khỏi tù ngục. Nhà thơ ngỡ ngàng đối diện với chân dung của chính mình: *Vĩnh biệt ta-mười-năm chết dấp. Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu. Mười năm, mặt xạm soi khe*

nước. Ta hóa thân thành vượn cổ sơ... Thời đoạn sau 30 Tháng Tư 1975, hàng trăm ngàn cựu quân, cán, chính của miền Nam bị đẩy về sống với không gian loài “vượn cổ sơ”. Đây là tội ác hiểm độc hàng đầu trong thế giới của các loại tội ác. Nào mấy ai thấy ra? Nào mấy ai nói đến?

Tuy bị cưỡng bách sống kiếp vượn cổ sơ, tập thể người đã từng hấp thụ trọn vẹn nền-giáo-dục-nhân-văn-của-miền-Nam-Việt-Nam-trước-1975 vẫn duy trì được bản chất cao cả của Nhân Tính. Người Tù và Đơn Vị Gia Đình/Cha-Mẹ/Vợ-Con phải sống biệt ly toàn diện bởi ngăn cấm mọi liên lạc tin yêu và bởi thời gian chờ đợi dài bất tận trong vô vọng. *Cuộc chờ đợi vô vọng và bất tận này đã làm cho thời gian kể như đã chết.*

Nhưng: Mẹ/Vợ/Con chính là Thời Gian. Và Tô Thùy Yên đã viết nên lời kỳ diệu: *Ta gọi thời gian sau cánh cửa. Nổi mừng ràn rụa mắt ai sâu. Ta nghe như máu ân tình chảy. Tự kiếp xưa nào tưởng lạc nhau.*

Lần *Ta Về*, những đôi phu-thê, cha-con không còn lạc nhau. Thế nhưng, giữa đồng bào với đồng bào, những “*chuyến xa nhau*” vẫn tiếp kéo dài miên viễn. Quê hương cũ vật đổi sao dời, lòng người phân cách bởi dòng sông ly tán. Bên này sông là những người thấm nhuần văn hóa nhân văn của xã hội miền Nam trước kia, họ là “*khách cũ*”. Khách cũ nay không còn. Bên kia sông là những người bị nhào nặn bởi guồng máy tuyên truyền nhồi sọ của chế độ cộng sản hà khắc và tham ô, họ là “*khách mới*”...

Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ. Nhà thương khó quá, sống thờ ơ. Giậu nghiêng công đổ, thêm um cỏ. Khách cũ không còn, khách mới thưa... Mỗi người là một “vượn cổ sơ”. Mỗi gia đình là một “thời gian sau cánh cửa”. Quê hương là bức tranh ghi nhận những đôi mắt nhìn nhau xa lạ giữa “khách cũ” và “khách mới”. Tô Thùy Yên đã tinh tế viết lại lời-chia-buồn-không-tiếng-nói của vũ trụ dành cho nhân gian bằng cách mô tả một Đất Trời tê tái ôm lấy Quê Hương khốn khổ: Chỉ có thể. Trời câm đất nín. Trời im lìm đóng vầng xanh xao. Mười năm thế giới già trông thấy. Đất bạc màu đi, đất bạc màu...

“*Trời câm đất nín*” là ảnh chụp của tình huống lịch sử bị đẩy vào thế cùng. “*Cùng tắc biến. Biến tắc thông*”. Thế nên, từ

“*cùng*” chuyển thành “*biến*”, lịch sử phải được giục giã bởi một mệnh lệnh xoáy tim gan. Mệnh lệnh kia chính là Hồn Sứ. Hồn Sứ là sức mạnh đòi hỏi mối quan hệ giữa Nhân với Dân phải được thường hằng gắn bó. *Mỗi Người là Một Nhân Dân. Nhân là Người Dân Toàn Thiện-Toàn Mỹ.*

Thế rồi, những tháng năm khổ nạn qua đi, mọi oan khiên mờ dần, còn lại **Niềm Tin** rực sáng. Chính đời đã mở đường cho



máu chảy, lại cũng chính đời đã giúp cho ruột không hề mềm, giúp cho Dân vẫn tha thiết tìm về Nhân. Rơi vào cảnh sống kỳ lạ đến cô độc nghiệt ngã vừa kể, tâm tình của Tô Thùy Yên đã vỡ tung thành tiếng khóc tạ ơn đời: *Ta về như lá rơi về cội. Bếp lửa nhân quần ấm tối nay. Chút rượu hồng đây xin rưới xuống. Giải oan cho cuộc biến dâu này...*

Kết Từ

Đỗ Thái Nhiên kết thúc Phần Phụ Lục/Vận Động Hòa Bình với xác định tự tin, mạnh mẽ: Lịch sử là sự chuyển mình

của xã hội nhằm chống lại mọi chế độ cai trị chà đạp Quyền Làm Người của Người Dân. Người Làm Thơ Tô Thùy Yên thấm thiết hồi thức Lịch sử Quê Hương Việt hãy vươn mình đứng dậy, lôi kéo (dầu) gỗ đá ra khỏi giấc ngủ triền miên: “*Ta về khai giảng mùa thiêng yếm. Thức dậy đi nào gỗ đá ơi! Hãy kể lại mười năm mộng dử. Một lần kể lại để rồi thôi*” – “Một lần kể lại để rồi thôi” không có nghĩa là bỏ qua chuyện cũ, lại càng không có nghĩa là hòa hợp hòa giải với bạo quyền.

Lời thơ này hàm ý rằng: Đau khổ không thể được giải trừ bằng những kẻ lẽ đông dài. Hãy một lần nói cho nhau nghe những nỗi niềm đau đớn của Việt Nam để sau đó lấy đau đớn kia làm bàn đạp đẩy tới hành động phục vụ quê hương. Phục vụ ở đây không thể bị đồng hóa với tâm lý thù hận. Nó là nghĩa vụ bảo vệ và khai thông lịch sử. Nhiều người đưa ra nhận định: Thơ Tô Thùy Yên là những áng văn thơ không dễ đọc. Mặt khác, khó đọc lại chính là sức cuốn hút rất thơ của thi phẩm *Ta Về*: Khi trầm lắng, khi cất cánh lên cao, khi yêu thương, khi phẫn hận, khi lãng mạn, khi cổ kính...

Sau 1975, Lịch Sử Việt Nam chuyển mình không tiếng động mặc dầu hàng triệu triệu sinh linh đã hy sinh trong rừng sâu hay ngoài biển rộng. Mỗi chuyển mình của lịch sử trên núi, trên sông hay trên biển, tất cả đều được người đời tôn kính ghi nhận là lịch sử đã nở hoa: Hoa Sứ.

Cuộc vượt biên 1975 của người Việt là một cuộc bầu cử bằng Mạng sống của Người – *Mỗi người vượt biên là Một Cử Tri/Một Chọn Lạ* – Sự Chọn Lạ hoàn toàn Tự nguyện/Tự Do với Lẽ Loài của Mỗi Con Người – Hàng triệu triệu hành động lẻ loi đã tạo thành cuộc cách-mạng-vượt-biên bi hùng được thế giới khâm phục: Thế giới vui vì mỗi lẻ loi. Và câu trả lời kiêu hãnh: “*Người Việt Tỵ Nạn (Không) là “Bên Thua Cuộc”*”.

Phan Nhật Nam

Để nhớ Tháng Năm

- Lần “trình diện/ (KHÔNG) thua cuộc” đi tù!

(1975-2023)

PHÒNG VẤN
Tiến Sĩ Thủy Nguyễn,
Nhà Khoa Học Dữ Liệu

VỀ TÁC PHẨM
“DƯỚI BỤNG CON RỒNG” VÀ
“ THỰC CHẤT ĐỔI MỚI TẠI VIỆT NAM”
·Triều Giang thực hiện
(Hình Ts. Thủy Nguyễn cung cấp)



LTG: Tiếp tục loạt bài “Ai đang Viết sử cho chúng ta?”, hôm nay chúng tôi hân hạnh giới thiệu Tiến sĩ Thủy Nguyễn, người có

bằng Tiến sĩ ngành Chính trị học đang làm việc tại Trung tâm Nghiên Cứu Reason Foundation, thường được gọi là "Think Tank" của Hoa Kỳ.

Ngoài ra, cô còn hợp tác với giáo sư Vũ Tường tại Trung Tâm Nghiên cứu Việt Mỹ của Đại Học Oregon. Qua những chương trình nghiên cứu của Ts. Thủy, chúng ta thấy được một phần sinh hoạt của Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Mỹ trong dự án sẽ xuất bản hàng nhiều chục cuốn sách trong 5-10 sắp tới, với nguyện vọng sửa sai và mang lại cái nhìn mới về lịch sử Việt Nam, chiến tranh Việt Nam và người Việt tự do.

Nhóm sử gia này không những chỉ viết sử cận đại mà còn mang tham vọng viết về sử Việt Nam hiện đại. Vì chúng ta ai cũng biết rằng sử Việt Nam không chỉ bị bóp méo tại Hoa Kỳ, mà hiện tại trong nước, sử Việt Nam đã không còn sử Việt Nam từ khi Việt Nam hoàn toàn rơi vào tay CS. Những gì mà nhà cầm quyền gọi là sử hiện nay chỉ là sử của đảng CSVN. Nói đúng hơn đó là sử được viết để phụng sự cho đảng CSVN, không phải là sử của quốc gia dân tộc VN.

Nói như thế thì nhiệm vụ của Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Mỹ tại Đại học Oregon của nhóm Gs. Vũ Tường đang gánh vác rất nặng nề. Ts. Thủy Nguyễn gọi Gs. Vũ Tường là Thầy bởi vì GS. Vũ Tường là Gs. hướng dẫn Ts. Thủy Nguyễn lấy bằng Tiến sĩ khoa chính trị học tại Đại học Oregon.

Cùng với Thầy của mình, Ts. Thủy Nguyễn đã đồng chủ biên tác phẩm "The Dragon Underbelly: Dynamics and Dilemmas in Vietnam's Economy and Politic" tạm dịch là: "Dưới Bụng rồng: Động Lực Và Những Thế Đối Trọng Trong Kinh Tế Và Chính Trị Việt Nam"

Mời quý độc giả xem cuộc trò chuyện của chúng tôi và Ts. Thủy Nguyễn để hiểu phần nào thể hệ tiếp nối của Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Mỹ qua cách trả lời của nữ Tiến sĩ trẻ - rất khéo léo và cô đọng của một nhà chính trị, hay đúng hơn, nhà phân tích chính trị?

Đặc biệt, hai cuộc Hội Thảo và Giới thiệu sách của Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Mỹ và Hội Bảo Tồn Lịch Sử Người Mỹ Gốc Việt VAHF, hợp tác với một số hội đoàn và thân hữu tại Houston ngày

3/6/2023 và Dallas ngày 4/6/2023 Ts. Thủy Nguyễn sẽ là Diễn giả cùng với Ts. Tường Vũ và Ts. Alex Thai Võ.

Kính mời quý độc giả tham dự và hỗ trợ những Gs, Ts, Nhà Nghiên cứu Sứ Người Mỹ Gốc Việt đang viết sử cho chúng ta.

Triều Giang:

Xin cô cho biết một vài dòng tiểu sử.

Ts. Thủy Nguyễn:

Tôi tốt nghiệp đại học ngành báo chí ở Việt Nam, theo học ngành chính sách công tại ĐH Tokyo, Nhật Bản, và sau đó là ngành chính trị học tại ĐH Oregon, Hoa Kỳ. Tôi từng làm việc ở Việt Nam trong lĩnh vực báo chí, phi chính phủ, và hỗ trợ phát triển. Hiện nay tôi đang làm việc tại tổ chức nghiên cứu Reason Foundation tại Washington DC với vai trò là nhà khoa học dữ liệu.



Hình vợ chồng Ts. Nguyễn Lương Hải Khôi và Ts. Thủy Nguyễn cùng con gái đang dạo chơi trong khuôn viên Đại học diễn tả sự thuận lợi và đối trọng một cách duyên dáng của 2 nhà nghiên cứu chính trị.

Triều Giang:

Đậu bằng Cao Học về Chính Sách Công tại Nhật Bản, bằng Tiến Sĩ Chính Trị Học tại Đại Học Oregon, Hoa Kỳ, đâu là những khó khăn mà cô phải trải qua khi phải chuyển đổi môi trường học cũng như ngành học?

Ts. Thủy Nguyễn:

Ngành chính sách công chú trọng vào việc hiện thực hoá các chủ trương mà hệ thống chính trị đề ra bằng việc xây dựng chính sách. Chính trị học đi sâu vào bản chất tồn tại của hệ thống chính trị đó, giúp trả lời những câu hỏi như: tại sao nước này dân chủ mà nước kia lại không, tại sao chế độ này đang tồn tại mà chế độ kia lại sụp đổ. Do vậy, thử thách lớn nhất của việc chuyển đổi lãnh vực là chuyển từ nghiên cứu một chính sách trong bối cảnh cụ thể sang cái nhìn hệ thống toàn thể hơn.

Triều Giang:

Được biết đề tài luận án Tiến Sĩ của cô "Nghiên cứu về mạng lưới quyền lực giữa các nhân vật lãnh đạo trong chính quyền Việt Nam", đây là đề tài rất nặng ký và phức tạp, cô có thể cho biết nguồn tài liệu cô đã tra cứu và cô có cơ hội phỏng vấn những nhân vật mà cô đề cập tới trong luận án của cô không?

Ts. Thủy Nguyễn:

Sự tập trung hay chuyển giao quyền lực giữa các nhân vật chủ chốt trong một hệ thống chính trị luôn là đề tài rất hấp dẫn đối với các nghiên cứu sinh chính trị học, đặc biệt là trong các chế độ phi dân chủ. Sự hấp dẫn này một phần đến từ thử thách về tìm kiếm và xử lý dữ liệu. Nhưng khác với báo chí, ngành chính trị học không tập trung điều tra những thông tin thâm cung bí sử, mà chú trọng vào nhận diện khuynh hướng vận động của thể chế.

Tôi vận dụng phương pháp nghiên cứu mạng lưới xã hội (Social Network Analysis) để thu thập và xử lý các thông tin đã công khai trên mạng internet. Những thông tin này nếu chỉ để rải rác thì ít có ý nghĩa gì, nhưng khi được thu thập có hệ thống và phân tích kỹ lưỡng thì lại cho thấy nhiều thông tin hay về cách mà hệ thống chính trị vận hành.

Triều Giang:

Theo cô thì sự liên hệ giữa Tổng Thư Ký Nguyễn Phú Trọng và cựu Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng ra sao? Người ta

thường nói đây là đại diện của hai thế lực đối đầu, đại diện cho miền Bắc là ông Trọng và miền Nam là ông Dũng, luôn đối chọi nhau, mặc dù ông Dũng đã thua nhưng ảnh hưởng của ông không phải là ít. Cô nhận định và phân tích ra sao?

Ts. Thủy Nguyễn:

Chị dùng chữ "đối đầu" rất chính xác. Đó là sự đối đầu giữa các phe phái trong một đảng cầm quyền, chứ hoàn toàn không phải là đối phương, đối chọi, hay đối trọng.

Bản chất của một hệ thống chính trị chỉ có 1 đảng cầm quyền đó là không có sự đối lập thực sự. Theo đó, cũng không có sự đại diện đúng nghĩa cho một vùng miền hay một nhóm người dân nào. Ông Dũng không đại diện cho người dân miền Nam và ông Trọng cũng không đại diện cho người dân miền Bắc.

Hiểu rộng rãi ra, sự đối đầu giữa ông Nguyễn Tấn Dũng và ông Nguyễn Phú Trọng là biểu hiện của hai nhu cầu mà đảng cộng sản cần để tồn tại: Một bên là phải phát triển kinh tế để kiềm chế nổi dậy từ dưới lên, bên kia là phải bảo đảm vai trò lãnh đạo tuyệt đối của đảng cầm quyền để kiềm chế nổi dậy từ bên trong. Nhưng cả hai phe đều cùng chia sẻ một nhu cầu tối quan trọng hơn là phải giữ vững sự tồn tại của chế độ hiện tại, bởi vì sự tồn tại của mỗi phe lệ thuộc vào điều này.

Như vậy là, nếu nhìn vào một khung thời gian ngắn hạn, ta sẽ luôn thấy có những phe phái đối đầu với nhau vì sự phân chia lợi ích kinh tế và chính trị. Nhưng quan sát trong bối cảnh lớn hơn, các bên đều đứng dưới một ngọn cờ chế độ duy nhất, tức là không có sự đối trọng thực sự và cũng không có sự đại diện đúng nghĩa.

Triều Giang:

Cô có thể nói tóm tắt về nội dung ngắn gọn về cuốn sách mà cô là đồng tác giả "The Dragon UnderBelly: Dynamics and Dilemmas in Vietnam's Economy and Politics" tạm dịch là: "Dưới Bụng rồng: Động Lực Và Những Thế Đối Trọng Trong Kinh Tế Và Chính Trị Việt Nam" sẽ được giới thiệu tại hai buổi Hội Thảo tại Houston và Dallas?

Ts.Thủy Nguyễn:

Cuốn sách này thảo luận hai nhóm câu hỏi quan trọng. Một là bản chất của sự phát triển kinh tế VN trong thời gian qua

là gì và nhà nước có vai trò gì trong quá trình đó? Hai là sự phát triển kinh tế có ảnh hưởng đến hệ thống chính trị theo chiều hướng nào - làm cho đảng cầm quyền mạnh lên hay yếu đi?

Triều Giang:

Theo cô thì vì sao người đọc nên đọc cuốn sách này?

Ts. Thủy Nguyễn:



Cuốn sách này là tập hợp của nhiều nghiên cứu về nhiều lãnh vực và góc độ khác nhau, từ so sánh kinh tế Việt - Trung hay sự lệ thuộc của kinh tế VN vào Trung Quốc, chuỗi cung ứng toàn cầu, công nhân và công đoàn v.v.. Người đọc có thể tìm thấy những chi tiết bổ ích về một khía cạnh cụ thể.

Nhưng theo tôi, quan trọng nhất là các giáo sư biên tập cuốn sách này đã giúp xâu chuỗi các đề tài lại và đặt ra những vấn đề căn cốt nhất của nền kinh tế và bản chất hệ thống chính trị.

Triều Giang:

Hiện cô đang làm việc tại Think Tank Reason Foundation, cụ thể là cô nghiên cứu về những vấn đề gì? và cơ quan này quan tâm về những vấn đề gì tại VN?

Ts. Thủy Nguyễn:

Reason Foundation là một tổ chức nghiên cứu theo trường phái Tự Do (Libertarian). Những người sáng lập và tiếp sức cho chủ thuyết Tự Do đã hạ bệ hoàn toàn chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản về mặt lập luận khoa học. Nguồn tri thức này rất quan trọng và hữu ích cho sứ mệnh truyền bá tri thức đúng đắn về chính trị cho nhiều người.

Những nghiên cứu hiện nay tại Reason tập trung chủ yếu vào nước Mỹ. Nhưng những ảnh hưởng của nó tiếp sức cho cuộc

tranh biện mấy trăm năm nay về vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế và công bằng xã hội trên toàn thế giới.

Triều Giang:

Được biết cô và đồng nghiệp của cô tại Trung Tâm Nghiên cứu Việt Mỹ tại Đại học Oregon dự tính sẽ viết thêm nhiều cuốn sách nữa, xin cô có thể cho biết cô có đang viết thêm cuốn sách nào nữa cho tương lai hay không? Xin cô chia sẻ.

Ts. Thủy Nguyễn:



Chúng tôi mong muốn truyền đạt nhiều tri thức bổ ích tới cộng đồng người Việt trong và ngoài nước, đặc biệt là giới trẻ. Một số chủ đề nằm trong dự thảo của chúng tôi như các nhân vật hoạt động trong lĩnh vực dân sự ở Việt Nam, mạng lưới nhân sự và quyền lực ở Việt Nam từ cấp tỉnh trở lên.

Đặc biệt, chúng tôi nhận được đề xuất của nhiều độc giả muốn học hỏi thêm về các giá trị cộng hoà đã được gieo trồng và trưởng thành ở Việt Nam như thế nào. Đây là một đề tài đang được áp ú để phát triển hơn nữa.

Triều Giang:

Câu hỏi cuối cùng này có tính cách riêng tư, lý do vì sao cô chọn ngành khô khan này? Cả hai vợ chồng cùng làm một nghề nghiên cứu dù đề tài thì có khác nhau. Cô cảm thấy khó khăn hay thuận lợi ra sao?

Ts.Thủy Nguyễn:

Chính trị học chỉ khô khan khi người ta bị bắt phải chấp nhận vô điều kiện những tiền đề vô căn cứ. Còn khi được quyền nêu ra ý kiến và có cơ hội để suy xét xem ý kiến của mình có phù hợp với các chứng cứ thực tế không, thì đây lại là một hành trình rất thú vị.

Chính trị chỉ đơn giản là ai được quyền phân phát cái gì cho ai và trong bao lâu. Khoa học về chính trị nghiên cứu về quy trình này để rút ra cách phân bổ quyền lực hợp lý nhất, đem lại nhiều lợi ích cho nhiều người nhất.

Mọi cuộc tranh luận về dân chủ, phi dân chủ, nhà nước can thiệp bao nhiêu vào xã hội, đảng phái nhiều hay ít, tổ chức dân sự mạnh hay yếu, cuối cùng cũng đều hướng đến một điều mà mọi người đều quan tâm đó là cách tổ chức quyền lực nào là tối ưu nhất trong một phạm vi lãnh thổ nhất định.

Đây là điều mà bất cứ ai quan tâm đến vận mệnh của bản thân và gia đình mình đều muốn biết. Và điều đẹp đẽ mà xã hội tự do mang lại cho mỗi cá nhân là quyền nói lên suy nghĩ của mình về cách tổ chức cộng đồng xã hội.

Còn khi việc nói ra suy nghĩ của mình trở thành điều cấm kỵ hay đe dọa đến mạng sống của người nói, thì chính trị trở thành đề tài chết, và khoa học chính trị trở thành tập giấy khô khan.

Trong gia đình có hai người say sưa chính trị học, thuận lợi nhất là chúng tôi được tranh biện mà không cần hẹn giờ chốt. Luôn luôn sẽ còn tập tiếp theo, nếu còn có ngày mai. Còn khó khăn nhất là tôi phải giải thích cho bé con 6 tuổi rằng ba mẹ chỉ đang tranh luận, quá lắm thì tranh cãi thôi, không phải tranh đấu lẫn nhau.

Triều Giang:

Xin chân thành cảm ơn cô đã dành thì giờ cho cuộc phỏng vấn đầy lý thú này

Triều Giang
5/2023

Chàng Từ Khi Vào Nơi Gió Cát

Ký giả Kiều Mỹ Duyên

Đà Lạt đó, đất của những rừng thông ngàn năm thì thấm với gió. Đất của suối, của hoa và của những người con gái hai má đỏ hồng. Và ở đó, cũng là nơi xuất thân của những người trai luôn luôn tâm niệm nam nhi chí tại bốn phương, lấy hình ảnh oai hùng của kẻ gác ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo làm biểu tượng. Nhắc đến Đà Lạt là có cả ngàn điều để nhớ, trăm điều để thương.

Con đường dốc quanh co, với hai hàng thông trồng dọc hai bên đường, một đầu là khu phố Hoà Bình, trái tim của Đà Lạt, một đầu là quân trường nổi tiếng, trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, nơi đào tạo những người luôn lấy hình ảnh của bốn chữ Tang Bồng Hồ Thi làm lý tưởng, cái biểu tượng hào hùng đó cũng là một trong những nghi thức không thể thiếu trong ngày mãn khóa: sinh viên thủ khoa của khóa, trước lễ đài, một chân quỳ gối, một tay cầm cung, một tay giương tên, bắn đi bốn hướng. Những mũi tên bắn đi từ những người trai Võ Bị đó, đã có nhiều mũi bắn vào tim giai nhân bốn phương. Gần nhất là những người con gái đôi má đỏ hồng của Đà Lạt. Người đến, đến từ muôn phương, người đi, đi về vạn nẻo, để lại nhiều thiên tình sử trong cái thành phố nhỏ bé này...

Con đường từ phố Hoà Bình, một khu phố nhỏ, dễ thương, lúc nào cũng có hình ảnh của những đôi tình nhân khắp nơi đến. Đến tìm cái lạnh co ro, tìm sự gần gũi nhau hơn trong bầu trời sương mù của Đà Lạt. Con đường đổ xuống bên dưới chân phố, bọc theo hồ Xuân Hương, với cà phê Thủy Tạ, với những chiếc Pédalo lượn lờ trên mặt nước, đưa đôi tình nhân vào cõi mộng mơ. Qua khỏi hồ Xuân Hương, con đường bắt đầu có độ dốc cao dần, rồi đến nhà ga, cũng là Trạm Hàng Không Dân Sự. Qua khỏi nhà ga, một đường rẽ lên Trại Hầm, vùng đất của những trái mận no tròn, chỉ nhìn qua là muôn cảnh ngay. Một đường cứ đi tiếp, sau chừng bốn, năm cây số đã vào địa phận của trường Võ Bị Đà

Lạt. Quanh co qua những khu trồng rau xanh mướt, bên phải là hồ Than Thở. Chỉ nghe tên thôi cũng đủ tưởng tượng được cảnh hồ đẹp và buồn đến đâu. Qua khỏi hồ Than Thở, với những khúc lượn vòng trên những đồi thông là đến cổng trường. Một môi trường nào đó, bắt đầu sự gặp gỡ có thể trong quán cà phê, hay tại một gian hàng hoa trong chợ Hoà Bình, hoặc ngay trên những con đường phố Đà Lạt, để hẹn hò bên hồ Xuân Hương, đưa nhau đến đồ lê bên hồ Than Thở, rồi chia tay nhau tại nhà ga, và biệt ly, nhớ nhung từ đây... Tất cả diễn ra trên con đường đó, và con đường có thể giản dị mà đặt tên: Con Đường Tình Sứ.



Đoạn đường từ hồ Than Thở đến cổng chính của trường là một đoạn đường rất đẹp. Đường tráng nhựa êm ái, chạy quanh co trong những đồi thông thật thơ mộng. Một trạm kiểm soát trước khi vào cổng chính mang tên cổng Thái Phiên. Cổng chính của trường nhìn ra đồi núi chập chùng. Cổng sau của trường, cổng Lý Thường Kiệt, ngõ ra khu phố Catina, một khu phố nhỏ mang tên một khách sạn lớn ở đây, khách sạn có từ thời Pháp thuộc. Một cổng phụ nối liền với trại gia binh của trường là cổng Mê Linh. Trường Võ Bị nằm trên một khuôn viên rất rộng. Từ cổng Thái Phiên đi vòng qua cổng Lý Thường Kiệt cũng phải mất gần mười lăm phút lái xe. Ngoài ba cổng chính trường còn có nhiều cổng không tên khác mà chỉ có sinh viên sĩ quan và Quân Cảnh 302 của trường biết mà thôi. Từ những cổng không tên đó, trong một đêm sương mù phủ xuống dày đặc, có những sinh viên sĩ

quan đa tình, liêu lĩnh lén rời trường để đến một nơi nào dưới phố, dưới một mái nhà, có người con gái đang ngồi trong khung cửa chờ mong. Những sinh viên sĩ quan dám đi qua những cổng không tên đó, thường thường đã là niên trưởng. Chứ các Cùi mới năm thứ nhất thì còn “cùi” lắm, khó lọt mắt xanh của người đẹp. Mà không có người đẹp chờ mong, thì chẳng lẽ liêu lĩnh trốn ra khỏi trường chỉ đến dốc Duy Tân uống một ly sữa đậu nành nóng rồi lại trở vào hay sao? Và để tiếp nối truyền thống đó, khi các niên trưởng gần đến ngày ra trường, cũng vui vẻ bàn giao lại cho đàn em những cổng không tên này, để rồi bao nhiêu mối tình đã nở và biết bao con tim đã héo mòn. Một người con gái kể cho tôi nghe chuyện tình của nàng, một Chinh Phụ Ngâm Khúc của người con gái mới hai mươi hai tuổi tròn.

Buổi chiều từ trường về, Quyên nhận được thư Nguyên. Phong bì đóng dấu Bưu Điện Nha Trang, chứ không gửi qua Quân Bưu. Anh chàng lại trốn ra phố Nha Trang chơi rồi, Quyên nhũ thắm.

“Quyên của anh,

Ngày mai, thứ hai, anh làm lễ mãn khóa ở trường Dù. Đứng ra còn nợ trường này một saut nữa, nhưng saut cuối cùng để dành nhảy về trường mẹ. Sáng thứ ba, lúc 10 giờ, em đến ngoài cổng Mê Linh, nhớ mang theo ống dòm. Người nhảy xuống đầu tiên là Trung Tướng Chí Huy Trường. Người thứ nhì là anh: Thủ Khoa Khóa Dù. Em đứng chỗ nào cho dễ thấy, anh sẽ đáp ngay trước mặt em. Gặp nhau sau. Thương nhiều.”

Thư Nguyên lúc nào cũng vậy, ngắn gọn và đùa cợt. Thủ khoa của khóa Dù! Thật là cứng đầu, nói mãi không chịu nghe. Ba mẹ đã hăm rồi, ra trường mà chọn mấy cái binh chủng đồ bông, đồ rần để miệt mài ngoài chiến trận là đừng hòng gả con gái cho. Ba đã có lần nói thẳng với Nguyên: “Sống ở đời, khôn ngoan là ai sao mình vậy. Học đủ để ra trường là được rồi. Ra trường sẽ gửi gắm về làm ở thành phố cho an nhàn tâm thân, lại có thì giờ lo cho vợ con sau này”. Nguyên cười, dạ dạ, rồi những lời khuyên bảo cũng như nước chảy qua đá trên thác Cam Ly.

Nhớ lần đầu tiên gặp Nguyên, Quyên không hiểu tại sao sau này mình lại thương được người đã làm mình tức đến khóc được. Buổi sáng thứ bảy đó, Quyên và em trai đi phố mua sắm

mấy thứ lật vật, rồi hai chị em vào Mê Kông uống nước. Buổi sáng cuối tuần nào khu phố Hoà Bình cũng đầy bóng dáng những sinh viên sĩ quan Võ Bị trong bộ đại lễ bốn túi mùa đông, dáng người thẳng, bước chân vững chãi, nụ cười, ánh mắt tự tin. Buổi sáng hôm nay trời Đà Lạt thật đẹp, nắng rực rỡ trên những cành Mimosa đang bắt đầu nở hoa vàng. Khu phố nhỏ bé này có vẻ ồn ào hơn, vì hôm nay là ngày được ra phép đầu tiên của một khóa Võ Bị vừa xong thời gian huấn luyện, mới làm lễ gắn Alpha tối hôm qua. Lăn ra phép đầu tiên cứ như là cạp sút chuông, mấy anh chàng sinh viên sĩ quan vừa hung hăng, phá phách, vừa mang cái nét thật ngổ trong bộ đại lễ mặc lần đầu. Tóc của mấy chàng còn ngắn đúng kiểu mẫu, cử chỉ cứng nhắc, nét mặt nửa ba gai, nửa còn khớp vì bị hành tận mạng trong những ngày huấn luyện vừa qua. Họ phá phách như là một truyền thống. Trường dễ dãi cho lần ra phép đầu tiên sau ngày lễ gắn Alpha, miễn là không quá trớn.

Nguyên ngồi bàn kế bàn Quyên, cùng với mấy người bạn đồng khóa. Họ ăn uống, cười nói có vẻ thỏa thích với những giây phút tự do ngắn ngủi, rồi bắt đầu tìm những mục tiêu để phá. Mục tiêu của họ là những chàng trai hip-py, tóc để dài như con gái. Thanh niên Đà Lạt đã quen với truyền thống này rồi. Hết cuối tuần mà có khóa Võ Bị nào vừa làm lễ gắn Alpha, ngày mai được ra phép là họ tránh không xuống phố, để “văn” và “võ” khỏi đụng nhau lôi thôi. Hoàng kẹt đi với chị nên đành chịu trận.

Quyên ngồi im không nói gì, cho đến khi một người trong bàn của Nguyên đòi qua cắt tóc Hoàng thì Quyên phản ứng ngay. Quyên lấy bút, nhìn bảng tên trên ngực áo của anh chàng này, giọng thách thức:

– Anh dám làm không?

Nguyên này giờ chưa dự phần, vội đứng lên ngăn lại:

– Thôi thôi, mình đi phố chơi, đừng chọc bà chàng này nữa.

Quyên tức muốn phát khóc, trợn mắt nhìn thẳng mặt người vừa gọi mình là bà chàng. Vàng trán rộng, nét mặt cương nghị lẫn chút bướng bỉnh, dáng người dong dỏng cao và thẳng. Vài tuần nữa bớt cái nét ngổ của một anh Cùi vừa mới gắn Alpha thì coi cũng được, Quyên nhủ thầm, nguýt dài một cái, đuôi mắt

quét rụng cả mấy búp hoa của cành Mimosa chung trên quầy.

Làm như có duyên có nợ gì đó, những tuần kế tiếp họ lại đụng đầu nhau trong phố Tùng, trong cà phê Thủy Tạ... Và một buổi sáng thứ Bảy, mẹ bảo Quyên ra chợ mua vài ký mận để về Sài Gòn biếu bà con. Lựa mận xong, Quyên đang loay hoay không biết thế nào để bê mấy bao mận nặng chũu này ra xe lam, thì một bàn tay đỡ nhẹ:

– Tôi mang dùm cô về tận nhà.

Và không cần biết Quyên có đồng ý hay không, Nguyên vẫy taxi. Quyên cũng không hiểu sao lúc đó mình lại thụ động như vậy. Riu riu lên xe và để cho Nguyên mang mấy bao mận vào tận nhà, chào bác trai, chào bác gái, tự nhiên như quen biết đã lâu ngày.

Bốn năm trôi qua. Đối với những người con gái đã yêu người trai Võ Bị, bốn năm, mỗi ngày tính bằng một tuần. Như vậy, bốn năm rút lại còn được bao nhiêu ngày? Và mỗi ngày gặp nhau được bao nhiêu giờ?

Rồi Nguyên làm lễ mãn khóa. Chàng vẫn là thủ khoa của khóa. Vẫn giữ truyền thống của người theo nghiệp võ tự ngàn xưa. Trong lễ mãn khóa, chàng đã giương cây cung bắn bốn mũi tên ra bốn hướng, để biểu tượng chí tang bồng hồ thi của kẻ nam nhi. Rồi chàng rời Đà Lạt như một mũi tên rời dây cung, để lại cho Quyên khắp mọi nơi, mọi nẻo trong cái thành phố nhỏ bé lạnh lẽo đây sương mù này, đâu đâu cũng là kỷ niệm...

Những gì Quyên mong đợi bây giờ là những bức thư ngắn ngủi, từ những địa danh xa lạ gửi về. Thư mới nhận hôm qua cũng ngắn như một bức điện tín:

“Quyên của anh,

Vừa chiếm lại Quảng Trị. Trận đánh thật khốc liệt, dành nhau từng tấc đất. Xong rồi. Ngày mai xin 12 giờ phép, phóng xe vào Huế ăn tô bún bò cho biết cay đến đâu và nhìn xem nữ sinh Đồng Khánh đi học qua cầu Trường Tiền đẹp như thế nào. Mong em luôn luôn vui vẻ.

Thương nhiều.”

Nguyên đi biệt. Gót giày hành quân của chàng dẫm qua không biết bao nhiêu là địa danh. Mỗi năm được về phép mấy ngày, chia ra cho gia đình ở Sài Gòn vài ngày, cho Quyên ở

Đà Lạt vài ngày, còn lại cho bạn bè. Nguyên được thăng cấp rất nhanh bởi những chiến công vẻ vang. Những hoa mai trên cổ áo của Nguyên là do chính tay Quyên thêu trong những lần Nguyên về phép. Cứ mỗi lần thêu thêm một hoa mai cho Nguyên là lòng Quyên lại chịu nặng thêm một ít.

Một câu nói nửa đùa nửa thật của người bạn học cùng lớp, mà mỗi lần nhớ đến, đã làm cho Quyên cảm thấy chới với như người mất đà vì bắt hụt vào chiếc bóng:

– Lấy chồng Võ Bị thì chớ có lấy thủ khoa. Thủ khoa nào của Võ Bị cũng sớm được tổ quốc ghi ơn...

Bước vào Võ Bị là Nguyên đã chọn con đường binh nghiệp. Suốt bốn năm miệt mài rèn luyện cả văn lẫn võ. Nguyên hãnh diện với sáu chữ: Sinh Viên Võ Bị Đà Lạt. Nguyên muốn mình xứng đáng với niềm hãnh diện đó, trong trường, ngoài quân sự và văn hoá, Nguyên học quyền thuật, kiếm thuật, học cỡi ngựa, chơi đàn, nhảy đầm rất đẹp, pha cocktail rất ngon. Ra trận, Nguyên đánh giặc rất gan lì. Tất cả để giữ cái truyền thống của hai chữ “Đa Hiệu” mang trên vai. Và luật của tạo hoá là như vậy: truyền thống càng hào hùng, định mệnh càng khắc nghiệt.

Quyên biết mình chỉ là sợi tơ, không thể nào buộc nổi một cánh chim bằng với hào khí đang còn ngất trời. Chỉ còn biết chờ, chỉ còn biết đợi. Đợi chờ cho đến ngày chim bằng mới cánh, hoặc là...

Quyên không dám nghĩ đến. Không dám ích kỷ mong muốn Nguyên dùng chân bằng một sự hy sinh quá lớn. Mà thật sự thì Nguyên đã hy sinh, hy sinh cả một tuổi thanh xuân của chàng cho chiến trận, hy sinh cả một tình yêu như mật ngọt trong khung trời Đà Lạt mộng mơ này, để lăn mình vào nơi gió cát...

Đôi Điều Chưa Nói Về Tướng TRƯƠNG QUANG ÂN, K7

Hồi ký của LÊ QUỐC TOẢN, K20

Tôi có cái duyên hai lần được diện kiến tướng Trương Quang Ân, lần thứ nhất cuộc diện kiến không mong ước, lần thứ hai cuộc diện kiến tại chiến trường máu lửa, chuyện xảy ra gần bảy mươi năm về trước, nay ôn cố tri tân, bỗng nhớ lại vị tướng kiêu hùng – thanh liêm hiếm có trong quân sự nước nhà mà viết nên hồi ký này.



Lần gặp Trương Tướng Quân đầu tiên sau cái Tết năm 1966, lúc bây giờ ông còn mang lon đại tá, 34 tuổi, Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh, còn tôi mới ra trường được

một năm, mang lon Trung Úy. Số là, Tết năm 1966 tôi là Đại Đội Trưởng Đại Đội 2/ Tiểu Đoàn 1/ Trung Đoàn 4 4/ Sư Đoàn 23 Bộ Binh đồn trú tại Bảo Lộc Lâm Đồng, sáng mùng một Tết lính của tôi ra phố đánh bầu cua cá cọp chung với lính Thiết Giáp của Chi Đoàn 2/8. Không biết đồ đen ra sao hai bên cãi vã om sòm, cuối cùng đánh nhau ì xèo gây náo loạn cả một góc phố trong sáng mùng một đầu năm. Lại không biết ma chê quỷ hờn làm sao, lính của tôi trong cơn hỗn loạn đánh luôn Đại Úy Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn 2/8, hình như cả hai phe lúc đó đều mặc áo quần dân sự. Tết mà! Thế là mới đầu năm, tôi vô cớ bị sao quả tạ chiếu cố. Được lệnh sáng mùng 4 Đại Tá Tư Lệnh sẽ bay xuống phân xử vụ này. Thành thử tự nhiên tôi có cái duyên không mong

đội sẽ diện kiến người anh cả của Sư Đoàn, đồng thời là vị đại niên trưởng đáng kính của tôi.

Thế rồi, chuyện gì đến nó sẽ đến, tôi tập trung đại đội, áo mũ chỉnh tề, súng ống lau chùi sáng ngời, mũ sắt hai lớp. Nhìn vào hàng quân tôi thấy ngon lành và tự tin. Khoảng 10 giờ sáng, trên bầu trời chiếc trực thăng H34 lù lù xuất hiện sà xuống phía chúng tôi và đáp cách chúng một trăm thước, tất cả mọi cặp mắt đều hướng về và chờ đón. Đại Tá Tư Lệnh bước xuống, bộ áo quần dù và đôi mai bạc sáng ngời, với tướng đi nhanh – oai phong rạng ngời trong ánh sáng ban mai. Mãi theo dõi bước chân của Vị Tư Lệnh tôi suýt nữa quên thao tác điều khiển hàng quân đang đón chào, may đâu tôi kịp nhận ra trở về với thực tại. Tôi hô khá to: ‘Đại Đội, nghiêm! Súng chào bắt’. Bởi tôi cố cho binh sĩ tập trước đó hai ngày, nên sáng nay thao tác biểu diễn trông đẹp mắt làm sao. Tôi và đoàn quân hình như tự tin hẳn, thay cho mấy ngày trước buồn rầu lo âu! Tiếp theo tôi hướng dẫn vị Tư Lệnh duyệt đoàn quân, thao tác nhịp nhàng vì tôi vốn xuất thân từ Võ Bị Đà Lạt mà. Xong phần lễ nghi, Đại Tá Tư Lệnh đứng trước hàng quân và ra lệnh thao diễn ‘nghĩ’,. Có lẽ ông sẽ bắt đầu phần giáo huấn. Nhưng chưa, trước khi vào phần trọng tâm đó, ông thỉnh linh đưa ra câu hỏi, một câu hỏi làm tôi vô cùng bất ngờ. Đó là: ‘Hôm nay có ai không mang theo thẻ bài không?’ Tôi nghĩ thẻ bài là tấm thẻ bằng kim loại, khắc tên họ người lính sở hữu, nhóm máu, số quân, thẻ thì có liên quan gì đến việc lính của tôi đánh lộn sáng mồng một Tết. Giọng suy nghĩ của tôi bị cắt đứt khi phần giáo huấn của Người anh cả Sư Đoàn bắt đầu. Bằng một giọng nghiêm trang ông nói bằng nỗi niềm bức xúc “Trong lúc nước nhà đang nỗ lực chống lại quân xâm lược Bắc Việt, dân chúng hứng chịu chết chóc từng ngày từng giờ, trong đó có người thân họ hàng bạn bè các anh do Việt cộng gây ra, tại sao các anh không dồn hận thù đó lên đầu giặc mà lại dành cho chiến hữu các anh? Những binh sĩ nào đã tham gia đánh lộn vào sáng mồng một Tết, hãy bình tâm suy nghĩ, để thấy cái sai của mình mà tu chỉnh cho mai sau, quyết tâm đoàn kết với các binh đoàn bạn tiêu diệt kẻ thù cộng sản xâm lược có đúng hơn không? Có tốt hơn không? đem an bình về cho đất nước cho đồng bào hơi anh em chiến hữu!” Lời giáo huấn của người anh cả Sư Đoàn chắc chắn khai ngộ

thêm cho tôi, và tôi nghĩ cả Đại Đội 2 của tôi, từ lính đến hạ sĩ quan – sĩ quan đều thâm hiểu một cách sâu xa, đặc biệt gây hồ thẹn và ăn năn cho những ai trong đơn vị đã lỡ đại tham gia sự kiện sáng mồng một Tết. Đại Tá Ân, niên trưởng của tôi, không phán xử sự việc bằng dao to búa lớn, bằng kỷ luật trọng cấm khinh cấm, mà bằng lẽ phải trái và bằng tình huynh đệ chi binh, để cải biến những ai lầm lỗi sẽ phải ăn năn không còn tái phạm, từ nay sẽ phục vụ tốt hơn. Lối phán xử của người anh cả gây ấn tượng và cảm kích trong lòng tôi.

Nhưng về phần tôi thì sao? Tôi đang suy nghĩ, dù Đại Tá Tư Lệnh có tuyên phạt tôi nặng nề dường nào, tôi xin chấp nhận hình phạt đó mà sẽ không thanh minh thanh nga, vì sự việc xảy ra là do lỗi của tôi, tôi đã không đi sát với binh sĩ trong đơn vị, lính tôi đánh nhau ì – xèo ngoài phổ mà tôi lại không hay biết gì cả? Đang suy tư thì vị Tư Lệnh tiến về phía tôi, nhìn Ông tôi không cảm thấy bất an mà gần gũi và tôi đoán Ông sẽ nói gì, bởi tôi có cái tật xấu là thích coi tướng người, ngay cả trong giờ phút ‘dầu sôi lửa bỏng này’. Vị Tư Lệnh nghiêm trang nhìn thẳng vào tôi, với lời nói sắc bén ngắn gọn quở trách tôi: “Chẳng lẽ ngôi trường Võ Bị đào tạo ra trung úy chỉ để đánh lộn với đơn vị bạn thôi sao? Trung úy có biết vị Đại úy Thiết giáp bị lính của Trung Úy đánh là niên trưởng của Trung Úy không?” Nghe đến đây tôi giật mình sao có sự oái ăm như thế được, Đại Úy Chi Đoàn Trường 2/8 lại là niên trưởng của tôi. Chân tay tôi rụng rời, tôi nghĩ bụng không thể như thế được, chưa kể trăm đầu đồ đầu tằm thật oan cho tôi, chúng đánh nhau ngoài phổ nào tôi có hay biết gì đâu. Nhưng quân phong quân kỷ trong trường mẹ các niên trưởng khóa 19 đã dạy chúng tôi, trái ớt mà các niên trưởng bảo đó là trái cà chúng tôi phải đáp trái cà không phân bua, phải chấp nhận. Thành thử khi vị Tư Lệnh hầu như kết tội tôi là nguyên nhân của sự kiện sáng mồng một Tết tôi im lặng lãnh hội chẳng nói năng chi, hy vọng sau này sẽ có người khác minh oan cho tôi. Khoảng một tiếng đồng hồ sau, chiếc H34 nhẹ nhàng cất cánh chở Đại Tá Tư Lệnh và tùy viên rời Bảo Lộc. Rất tiếc chúng tôi đã làm phỉ phạm thời giờ của Ông, Ông rất bận bịu với trăm công ngàn việc, kể cả hành chánh và quân sự trong Khu 23 Chiến Thuật. Dư âm của cuộc hội kiến, lính của Đại Đội tôi thật sự bị

vị Tư Lệnh cảm hóa, lời của Ông vô cùng cứng rắn nhưng là lời nhấn nhủ thân tình của một người anh cả đối với đàn em lầm lỗi, nhưng đầy ấp nghĩa tình huynh đệ. Đó là nhận xét trung thực từ lính đến các sĩ quan – hạ sĩ quan trong đơn vị tôi trong cuộc hội kiến hiếm hoi đó. Riêng tôi, tôi thực sự thờ phào nhẹ nhõm, linh cảm Niên Trường của tôi chỉ dợ cao đánh khề đối với đàn em.

Tôi chỉ thắc mắc một điều, trước khi vào đề Tướng Quân mở đầu bằng câu hỏi “Có ai quên không mang theo thẻ bài không?”. Tại sao chiếc thẻ bài lại quan trọng như vậy đối với cố Tướng Quân. Sau này khi có dịp gặp lại bạn bè đồng khóa phục vụ trong Sư Đoàn, các bạn tôi cũng có chung nhận xét và thắc mắc như tôi về chiếc thẻ bài và Trương Tướng Quân. Mãi hơn 2 năm sau chúng tôi mới có câu trả lời.

Tiếp theo tôi xin kể lại lần thứ hai tôi được diện kiến với Trương Tướng Quân, lần này xảy ra trong một trận chiến khốc liệt.

Ngày 26 tháng 2 năm 1968, cộng sản Bắc Việt hợp đồng cùng cả nước mở cuộc tổng tấn công Mậu Thân đợt 2 vào Quân Khu 2. Tại Tây Nguyên, chúng huy động toàn bộ lực lượng của Mặt Trận B3 do tướng cộng sản Hoàng Minh Thảo chỉ huy tấn công ác liệt vào hai tỉnh KONTUM và BUÔN MÊ THUỘT. Tại duyên hải chúng sử dụng toàn bộ lực lượng hùng hậu gồm chính quy và chủ lực tỉnh, áp đảo quân số tại chỗ của ta, đánh vào Tiểu Khu Bình Thuận, uy hiếp thị xã Phan Thiết. Lực lượng của chúng ghi nhận gồm các tiểu đoàn 480, 482 chính quy, C481 đặc công, C430, C450 chủ lực tỉnh cùng C485 pháo, do chính Trung Tướng CS Năm Ngà, Tư Lệnh Quân Khu 6 cộng sản chỉ huy.

Vào lúc này, tôi đang chỉ huy Đại Đội 3, Tiểu Đoàn 3, Trung Đoàn 44 Sư Đoàn 23 BB, hành quân sẵn diệt địch tại mật khu Lê Hồng Phong Bình Thuận. Mật khu này là hang ổ chính của Việt Cộng tại Duyên Hải vùng 2 CT. Sáng ngày 27 tháng 2/1968 Đại Đội tôi được lệnh khẩn cấp bôn tẩu về cứu nguy thị xã Phan Thiết đang bị lực lượng Việt Cộng vây hãm. Chúng đã chiếm được một số nơi trong thị xã, đặc biệt lao xá Phan Thiết nằm cạnh Tiểu Khu vừa bị C481 đặc công CS đánh chiếm, giải thoát khoảng 70 tù binh của chúng. Chúng tôi vừa đi vừa chạy. Tôi ra khẩu lệnh trên máy truyền tin vừa chạy vừa nha, phải cố

làm sao chúng ta phải có mặt tại Thị Xã Phan Thiết trước 4 giờ chiều nay. Thế nhưng khoảng 3 giờ chiều hôm đó thầy trò tôi đã về đến một ngôi trường bỏ hoang, cách xa mục tiêu, tức là lao xá Phan Thiết chừng 300 mét. Tôi lệnh cho hậu cứ cấp phát cho mỗi binh sĩ trong đại đội một khẩu phần lương khô loại Ration C, và anh em binh sĩ phải ăn uống xong trước 3 giờ 30, để xuất phát hành quân ngay. Phần tôi vừa ăn vừa bộ đàm theo dạng mã hóa với Thiếu Tá Mai Lang Luân, Tiểu Đoàn Trưởng để nhận khẩu lệnh hành quân. Nhận xong lệnh tôi vội phổ biến ngay đến 3 trung đội trưởng chiến đấu ý định tấn công của tôi vào lao xá Phan Thiết trong 30 phút tới đây nhằm tiêu diệt Tiểu Đoàn đặc công C481 của cộng sản Bắc Việt hiện đang cố thủ trong lao xá. Đồng thời tôi động viên toàn bộ chiến sĩ quyết chiến quyết thắng trong trận thư hùng sắp đến đây với bọn đặc công cộng sản.

Trận đánh với đội hình như sau: Đại Đội 3 của tôi là mũi tấn công chính, dàn hàng ngang trước lao xá Phan Thiết đối diện địch, mặt cách mặt từ 60 đến 100 mét, không loại trừ cận chiến. Đại Đội 2 của Vũ Phúc Sinh, (Sinh cùng khóa 20 Đà Lạt với tôi, lại cùng đại đội D, cùng luôn cả trung đội 3 khi chúng tôi thụ huấn trong trường) hợp đồng tác chiến với tôi, bố trí mặt sau lao xá, nhiệm vụ chính dùng hỏa lực triệt tiêu các điểm kháng cự, đồng thời yểm trợ hỏa lực cho đại đội tôi trong các đợt xung phong đánh vào chính diện. Sợ dĩ phải sử dụng lối đánh này vì lực lượng của ta tiếp cận địch với khoảng cách rất gần, pháo binh và không lực của ta không can thiệp được.

Tôi rất tin tưởng Sinh ngay khi còn ở trong trường Mẹ, Sinh thông minh và tháo vác, trong trận thư hùng này. Chính Sinh đã xử dụng 2 khẩu cối 60 ly rất tài tình. Súng hầu như đặt thẳng đứng khi rót vào đầu địch, tác xạ như liên hồi. Người nghỉ nhưng súng không được nghỉ. Bọn đặc công cố thủ trong một khu đất chật hẹp như vậy làm sao chịu nổi hàng trăm quả đạn 60 ly rót vào, do xạ thủ cừ khôi như Sinh. Vì đoán được như vậy, tôi ra lệnh cho các xạ thủ M 79, đại liên 30 bắn thật rất vào các ổ kháng cự của đặc công địch, đồng thời sử dụng tối đa hỏa lực của khẩu 60 cơ hữu, hợp đồng hỏa lực cùng đại đội 2, tạo thiên la địa võng trùm lên đầu địch. Địch ắt phải thất kinh hồn vía, tinh thần xuống dốc hoang mang. Vào lúc 4 giờ 15 tôi mở cuộc xung phong thăm

dò đầu tiên trực diện vào lao xá, nhưng bất thành, vì hỏa lực B40 của địch tại các cứ điểm từ lao xá bắn ra xem chừng còn mạnh. May mắn binh sĩ của tôi vẫn an toàn. Tôi nghĩ rằng cứ với cái đà này, địch bị vây nằm trong rọ, 3 khẩu pháo nhỏ 60 hợp lực cùng 10 khẩu phóng lựu hung dữ của tôi cày xới tan nát vào chiếc rọ đó. Mỗi một phút qua đi mang thêm thảm họa ghê ghớm cho cộng quân đang nằm chịu trận trong lao xá, trừ phi chúng mở đường máu để chém về. Do đó tôi quyết định đúng 30 phút nữa tôi sẽ phát lệnh thần tốc xung phong vào lao xá. Khi đó nhất định chúng tôi sẽ đánh tan địch.

Tôi đang chuẩn bị tinh thần và kế hoạch cho binh sĩ tôi phải đánh thắng trong trận quyết tử gần kề. Tình cờ tôi nhìn ra phía sau cách tôi khoảng 20 mét, sừng sững uy nghi một vị Đại Tá, mang sắc phục dù, sáng ngời lon đại tá trên cổ áo, súng lục, bi đông nước không quên mang theo, và tất nhiên không thể thiếu chiếc thẻ bài (tôi trộm nghĩ như thế). Người đó là Trương Quang Ân, người anh cả của Sư Đoàn 23 BB, vị niên trưởng huyền thoại đối với chúng tôi. Tôi vội đến trình diện Ông, vẫn tất trình bày kế hoạch điều quân của tôi, Đại Đội sẽ dàn hàng ngang xung phong thần tốc đánh trực diện vào lao xá, ngay khi thời cơ đến, khi địch phản công rời rạc, và thời cơ đó đã gần kề chỉ trong vòng 30 phút nữa. Sau cùng tôi hứa với Ông, “Đại Đội 3 của chúng tôi quyết tâm sẽ quét sạch địch dành lại lao xá, đem chiến thắng về cho Sư Đoàn.” Nhìn vào mắt Ông tôi đoán Tư Lệnh đồng ý với kế hoạch điều quân sắp đến của tôi, tôi xin phép trở về với trận chiến đang đến hồi khốc liệt. Ông vẫn đứng tĩnh bơ quan sát trận địa, xem bọn đặc công cộng sản trước mặt như cỏ rác. Vô tình binh sĩ của tôi nhìn thấy Ông tinh thần của họ vươn cao lên, tựa như đang chờ tiếng còi xung trận! Thật quả thế. Đúng 4 giờ 30, tôi cất cao tiếng hét “Đại Đội 3 xung phong!” Cả Đại Đội đồng hét lên tiếng hét cam hờn “xung phong. Tiếng hét hòa với tiếng súng, bọn đặc công C481 lần này kháng cự rời rạc - trông chừng đuổi sức, cuối cùng tan rã. Đại Đội 2 và Đại Đội 3 chúng tôi đã chiếm lại lao xá Phan Thiết. Binh sĩ của hai đại đội gặp nhau xiết bao vui mừng, riêng tôi bắt tay Sinh cảm ơn sự yểm trợ hỏa lực vô cùng hiệu quả và tài tình, giúp Đại Đội 3 chúng tôi đạt chiến thắng vẻ vang. Sinh ca ngợi chúng tôi đã chọn thời điểm tấn công

vào lao xá rất hợp lý, rất uy dũng và dứt khoát, cộng quân không thể ngờ được, hoàn toàn bị động để rồi chuốt lấy thảm bại. Chúng tôi chia nhau lục soát và thu nhặt chiến lợi phẩm, xác địch và súng đạn vất ngổn ngang. Khắp chiến hào cộng quân ôm nhau chết. Có lẽ trước khi chết họ đã vô cùng khiếp sợ trước hỏa lực ghê ghớm của chúng tôi dâng lên đầu họ. Đa số họ trông còn trẻ, có đứa tôi đoán chỉ chừng 16-17 tuổi và từ miền Bắc mới xâm nhập vào Nam, trông thảm thương làm sao. Họ không gây tội ác mà chính bọn Bắc Bộ phủ mới là tác nhân gây tội ác, đẩy họ vào Nam tìm lấy cái chết đau thương.

Trước khi xung trận, tôi mong sao giết được thật nhiều quân địch, đem về chiến thắng vinh quang, được thưởng nhiều anh dũng bội tinh. Thế nhưng sao hôm nay Đại Đội tôi đánh trận thắng lớn, tôi lại không cảm thấy vui mà buồn, khi thấy đám đặc công da thịt chấy nám còn khét lẹt mùi thuốc súng. Phải chăng đây là một cuộc chiến nổi da xáo thịt, huynh đệ tương tàn. Tôi thoáng nghĩ như thế nên lòng tôi cảm thấy bất an.

Sau cuộc hành quân giải tỏa lao xá Phan Thiết thắng lợi, tôi còn nắm giữ chức vụ Đại Đội Trưởng Đại Đội 3 thêm hai tháng nữa, hai tháng vất vả. Hầu như ngày nào Tiểu Đoàn 3 của chúng tôi cũng đối đầu với địch, trận lớn trận nhỏ, cho đến khi cộng quân rút chạy vào rừng, kết thúc cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân đợt 2 tại Phan Thiết nói riêng và cả nước nói chung. Theo thống kê Quân Đội ta thắng lớn trên khắp 4 Vùng Chiến Thuật, địch đại bại cả hai đợt Tổng Công Kích do chính chúng phát động.

Sau đây, nói về linh ứng của chiếc thẻ bài mà sinh thời Trương Tướng Quân thường hay nhắc nhở, xin mời đọc tiếp:

Một buổi chiều đầu Thu, Pleiku cũng như mọi ngày, cũng gió núi mưa mùa, những chiếc xe GMC lằm lũi chở đầy lính với nhiều sắc áo ra mặt trận khốc liệt trên vùng Tây Bắc, Kontum – Dakto – Benhet, hay đưa lính từ mặt trận về hậu cứ, Biển Hồ-Hàm Rồng. Thế nhưng chiều nay lòng tôi bỗng thấy có một nỗi buồn không tên chất chứa, khác với những chiều trước đây, không biết sẽ có gì xảy ra cho tôi chăng? Tôi cố dẹp hết những suy nghĩ vô cớ đó, tập trung giải quyết một số văn thư các nơi gửi về, ngồi cạnh tôi là Trung Tá Đệ, Trưởng Ban Kế Hoạch –

Hành Quân Phòng 3 Quân Đoàn. Ông nghiêng người qua tôi với nét mặt vừa căng thẳng vừa buồn. Tôi hỏi nhỏ lại có tin gì buồn phải không Trung Tá?

Ông run giọng trả lời tôi: “Tướng Trương Quang Ân đã tử nạn sáng nay, chiếc H34 chở Ông đã phát hỏa trên vùng hành quân BUPRANG-ĐỨC LẬP do phòng không địch.” Hung tin quá bất ngờ, lòng tôi vô cùng đau xót, như có giọt nước mắt rơi trên má tôi. Trương Tướng Quân hy sinh khi tuổi đời còn rất trẻ chỉ mới 36 tuổi. Quân Đội đã mất đi một tướng tài, trong sạch. Tiếc thay!

Mấy hôm sau tôi tháp tùng Trung Tướng Tư Lệnh bay xuống Buôn Mê Thuộc nghiên cứu tình hình và tìm hiểu cái chết bị thương của Trương Tướng Quân và phu nhân.

Theo tường trình của Trung Tá Điều Ngọc Chánh, Trưởng Phòng 3 SD 23 tại Trung Tâm Hành Quân trước Bộ Tư Lệnh QĐ II, chiếc trực thăng H34 chở Chuẩn Tướng Trương Quang Ân và Phu Nhân vừa rời khỏi căn cứ Đức Lập lúc đó vào khoảng 10 giờ 30 sáng ngày 8 tháng 9 năm 1968 thì bị phát hỏa do phòng không của cộng sản Bắc Việt. Ngoài hai xạ thủ người Mỹ văng ra xa bị thương nhưng còn sống, còn tất cả các người khác hiện diện trên chiếc trực thăng H34 đều chết cháy, trong đó có Tướng Trương Quang Ân và Phu Nhân và có cả Đại Tá Cố



Vấn Trường của Sư Đoàn 23 BB, cùng các sĩ quan tùy viên. Vì bị chết cháy nên xác người tử nạn biến dạng hoặc bị phân hủy, may thay nhờ các tấm thẻ bài mang trên người họ nên mới nhận ra được xác nạn nhân, ai là chủ của các tấm thẻ bài đó.

Những chiếc thẻ bài linh ứng mà lúc sinh thời Trương Tướng Quân thường nhắc nhở thuộc cấp phải mang theo mỗi lần có dịp đứng trước hàng quân. Nghiệm ra, trên thế gian này mọi việc xảy ra dù lớn dù nhỏ thấy đều có lý do. Lý do mà Trương Tướng Quân rất mực quan tâm đến tấm thẻ bài khi còn sinh tiền cũng không nằm ngoài cái lẽ bất dịch đó.

Hai lần trước tôi diện kiến Trương Tướng Quân khi Người còn sống. Lần gặp thứ ba khi châu thân của Tướng Quân đã nằm trong chiếc quan tài buồn. Đó là sáng ngày 10 tháng 9 năm 1968, tôi tháp tùng Trung Tướng Lữ Lan, Tư Lệnh QĐ II dự tang lễ của Trương Tướng Quân và Phu Nhân tại cư xá Lê Đại Hành.

Hai chiếc quan tài của nhị vị khiêm tốn đặt ở trong sân trước nhà. Tôi chạnh nghĩ trong lúc đó các tướng tham có nhà cao cửa rộng, biệt thự nguy nga, nhìn hai chiếc quan tài nằm song song trước mặt tôi, lòng tôi quặn đau. Thương biết bao người tướng tài ba liêm khiết, và thương biết bao vị niên trưởng nêu gương sáng cho đàn em, cho hậu duệ noi theo.

Tham dự tang lễ hôm đó có:

- Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

- Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ.

- Thủ Tướng Trần Văn Hương.

- Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng

QLVNCH.

- Đại Tướng Creighton W. Abrams, Tổng tư lệnh quân lực Hoa Kỳ tại Việt Nam.

- Tr. Tướng Lữ Lan, Tư Lệnh Quân Đoàn II Quân Khu 2.

Tại tang lễ, Chuẩn Tướng Trương Quang Ân được truy thăng Thiếu Tướng và truy tặng Đệ Tam Đẳng BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG. Phu nhân, Bà Dương Thị Kim Thanh được truy tặng Đệ Ngũ Đẳng BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG.

Buổi chiều cùng ngày tang lễ tiễn đưa Ông Bà được tổ chức trọng thể, an táng tại nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Hai quan

tài được chở trên hai thiết vận xa M113. Tôi tháp tùng theo đoàn người đưa tiễn. Có một điều lạ lùng là trời đang trong xanh, thế nhưng lúc hạ huyết quan tài của Nhị Vị, mây đen phủ kín tứ bề, sấm chớp và mưa bỗng dưng đổ xuống. Trong giây phút đó tôi nghĩ thầm phải chăng trời đất cũng thương tiếc lúc đưa tiễn Trương Tướng Quân và Phu Nhân chăng? Thương tiếc lắm thay!

Để kết luận bài này, tôi xin kể lại một câu chuyện nhỏ sau đây, trong đôi điều chưa nói về Trương Trương Quang Ân.

Tết Trung Thu năm sau 1969, tôi được chỉ định đại diện BTL/ QĐ II mang quà Trung Thu biếu cho các con của cô Thiếu tướng. Ngôi nhà quạnh hiu buồn bã làm sao! Một bà già (tôi đoán là thân mẫu của cô Thiếu Tướng) đang nhẫn nại ngồi un mấy luống khoai lang, không nhận ra tôi. Các cháu đi học chưa về, duy nhất chỉ có cô em gái của cô Thiếu tướng đón tôi. Nhìn chung ngôi nhà trông đạm bạc lắm, không có vẻ gì là nhà của một tướng lãnh ngày trước. Mà cũng phải thôi, Trương Tướng Quân trước đây nổi tiếng thanh liêm, sống chết vì Quân đội vì xã tắc. Người chẳng bao giờ nghĩ đến lợi danh, một mực trong sạch tiếng thơm vẫn còn lưu truyền.

Tôi chào cô và nêu lý do xin đến gặp gỡ gia đình. Đại tang còn mới quá tôi thấy cô rơm rệ khi chào tôi, tôi cảm thấy áy náy vì đã khơi lại cho cô một hoài niệm đau buồn mà thời gian chưa dễ xóa mờ. Tôi xin phép cô thắp nén nhang cho người quá cố. Buồn lắm sao cho cả chủ và khách trong giây phút này!

Thắp xong nén nhang, tôi nhìn vọng vào bàn thờ phía sau, bỗng tôi giật mình. Ôi! Sao lại có di ảnh của Phạm Văn Ngô thờ ở đây? Tôi có nhìn lầm chăng? Tôi cố nhìn kỹ lại một lần nữa. Nhất định là Ngô rồi không thể nhầm lẫn được! Ngô là bạn đồng khóa 20 Võ Bị Đà Lạt với tôi, lại cùng chung đại đội thời sinh viên.

Từ ngày ra trường, Ngô về SD7 BB, còn tôi thì về SD23 BB, đũa nào cũng nặng nợ binh đao đâu có thời gian để biết tin nhau! Sau khi đốt nhang và van vái trước anh linh của Liệt Vị, tôi trở lại chỗ ngồi, tiếp tục vấn an sức khỏe của thân mẫu và hỏi thăm các cháu về học hành. Chuyện càng về sau càng cởi mở, nhân cơ hội này tôi xin phép hỏi cô về trường hợp của bạn tôi Phạm Văn Ngô liên hệ thế nào mà được thờ chung ở đây. Câu

hỏi này làm cô rớm lệ, ngậm ngùi trả lời: “Anh Ngô là vị hôn thê của tôi, nhưng anh đã hy sinh trước khi đám cưới của chúng tôi được tiến hành. Trong một đêm tối trời, anh họp các sĩ quan để ban hành lệnh hành quân, thì bọn nội tuyến tung lựu đạn vào, anh bị tử thương. Sinh thời tôi thương anh Ngô lắm, lại sợ anh phục vụ ở đơn vị tác chiến nguy hiểm, nên đã có lần tôi xin anh Ân cho anh Ngô về Bộ Tham Mưu làm việc chung với anh trong lúc anh đang giữ chức vụ Tư Lệnh SĐ 23BB“, nhưng anh Ân một mực từ chối. Mỗi lần tôi đề cập đến chuyện này, anh Ân đều nghiêm nghị trả lời: “Làm trai phải đáng thân trai, Ngô là sĩ quan tốt nghiệp từ trường VÕ BỊ QUỐC GIA ĐÀ LẠT. Làm trai thời chinh chiến phải chết sống ngoài trận mạc với đồng đội, da ngựa bọc thây. Em đừng làm nhục chí nam nhi của Ngô. Hãy để Ngô sống xứng đáng với thiên chức của người trai xuất thân từ trường Võ Bị Đà Lạt“.

Nói đến đây bỗng cô khóc thành tiếng. Có lẽ cô nhớ đến Ngô, người hôn phu không bao giờ cưới, và cô cũng nhớ đến người người anh trai dũng khí với tinh thần “quân bất vị thân“ áp dụng trong quãng đời binh nghiệp. Tôi chạnh nghĩ mà xót xa trong dạ, chỉ trong vòng hai năm mà cô mất đi ba người thân yêu ruột thịt. Với tuổi đời còn trẻ liệu cô có chịu đựng được cuộc đời đang tới với cô hay không?

Hoàng hôn dần khuất bóng, ngoài kia phố xá đã lên đèn. Tôi từ giã cô và từ giã Chư Vị đã khuất trong tâm trạng u buồn. Tôi tự hứa với lòng tôi mai sau khi cuộc chiến tàn, nếu tôi còn sống, thì dù có ở chân trời góc bể nào, và chữ nghĩa của tôi dù có hạn chế đến mức nào tôi cũng không ngại, tôi có trách nhiệm phải viết những gì tôi biết được về tấm gương sáng ngời, vì nước vong thân của Tướng Quân TRƯỞNG QUANG ÂN. Tôi đang thực hiện tâm nguyện đó trong giờ phút này trên trang giấy này.

Portland, Oregon ngày 14 tháng 6 năm 2023.



HỘI KHÓA VÀ SỐ LA MÃ

Nguyễn Nho, K19

Kính thưa Quý NT và các bạn,

Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN hải ngoại được thành lập từ năm 1980 và đã có 22 lần tổ chức Đại Hội Đồng. Theo Nội Quy của TH, phạm vi hoạt động của TH bao trùm toàn thể Thế Giới và chia làm 5 vùng: Hoa Kỳ, Âu Châu, Úc Châu, Gia Nã Đại và Á Châu. Tất cả các CSVSQ xuất thân từ Trường Võ Bị đều là Hội Viên không phân biệt khóa.

Từ ĐHD XX trở về trước, TH gồm có 41 hội được phân chia như sau:

Tại Hoa Kỳ: 25 hội

Tại Âu Châu: 8 hội

Tại Úc Châu: 6 hội

Tại Canada: 2 hội

Á Châu: không

Phạm vi sinh hoạt căn cứ vào tính chất địa lý của từng vùng, như tại Hoa Kỳ, phạm vi sinh hoạt của Hội là tiểu bang, tại Âu Châu là quốc gia v.v.v. . . . Như vậy Hội có tính chất giới hạn về địa lý và nhân số. Có hội có rất nhiều hội viên như Nam, Bắc Cali, nhưng có hội chỉ vài ba người như ở Âu Châu.

Hội được thành lập theo nhu cầu sinh hoạt và từng giai đoạn. Hoa kỳ có 50 tiểu bang, nhưng không phải tiểu bang nào cũng có hội. Có hội sinh hoạt lâu dài, có hội chỉ một thời gian ngắn rồi tan hàng.

Hội viên của hội là tất cả CSVSQ cư trú trong phạm vi sinh hoạt của Hội. Những CSVSQ này thuộc nhiều khóa khác

nhau và các thành viên khóa thường liên kết với nhau thành từng nhóm nhằm yểm trợ sinh hoạt của hội được hữu hiệu hơn. Thực tế cho thấy đây chỉ là một nhóm thành viên của khóa cư ngụ trong phạm vi sinh hoạt của hội mà thôi, thường gọi một cách nôm na là khóa và từ đó có thói quen nói hay viết “Trong hội có các khóa . . .”

Nhưng thực ra, trong Hội không có khóa, mà chỉ có các thành viên của Khóa mà thôi.

Điều này đã được Nội qui Tổng hội qui định rõ ràng trong “Điều 12: Hội viên chính thức gồm các CSVSQ/ TVBQGVN qua các danh xưng từng giai đoạn phát triển của QLVNCH như Trường Sĩ Quan Huế, TVBLQ Dalat và TVBQGVN, 31 khóa chính thức và 3 khóa phụ (9, 10, 11 phụ)”

Cũng cần phải minh định rằng Khóa được hình thành trong buổi lễ khai giảng của Trường VBQGVN và có xưng danh bằng con số theo thứ tự theo các Khóa hiện hữu, khi mãn khóa mới được vị chủ tọa đặt tên khóa

Như vậy KHÓA là một tập thể duy nhất của Trường VBQGVN và trường tồn mãi mãi theo thời gian và lịch sử của TVBQGVN. Về phương diện sinh hoạt, thành viên của Khóa hiện diện khắp nơi trên thế giới dưới sự điều hợp bởi một vị Đại Diện Khóa do Đại Hội Khóa bầu lên. Mỗi khóa có một tâm tư tình cảm, một trình độ giống nhau và một bản thể đặc thù của riêng mình, không có khóa nào giống khóa nào.

Cho nên, tất cả các hội đoàn, đặc biệt hội đoàn của các đơn vị QLVNCH đã thành lập Hội chứ không thành lập Khóa, hội nay còn, mai mất, còn khóa thì trường tồn, không thể thay thế. Tương tự như vậy, Hội CSVSQ/ TVBQGVN được thành lập và Hội là đơn vị căn bản. Tất cả các hội kết hợp với nhau thành một Tổng Hội, lấy tên là Tổng Hội CSVSQ (theo NQ Điều 1). Mỗi hội có một ban chấp hành điều hành bởi nội quy của hội (nếu có) hay theo thông lệ. Về phương diện điều hành và tài chánh, sinh hoạt của hội có tính cách độc lập, nhưng thống thuộc TH như NQ ấn định.

Như vậy, trong Hội không có Khóa, mà hội là đơn vị của TH, vậy TH gồm nhiều hội kết hợp lại, chứ không phải nhiều khóa kết hợp lại làm thành TH.

Do đó nói rằng Tổng Hội gồm 27 Khóa là hoàn toàn không có khả năng thuyết phục. Một cách rất đơn giản, Tổng Hội nghĩa là gồm nhiều hội kết hợp, Tổng Hội không thể nói gồm nhiều Khóa kết hợp, nhưng nếu nói nói Liên khóa gồm nhiều khóa kết hợp lại thì hợp lý, vừa đúng với ngữ pháp vừa đúng với từ ngữ.

TH/ CSVSQ/ TVBQGVN sinh hoạt từ năm 1980 cho đến nay qua 22 lần nhóm họp Đại Hội Đồng và con số thứ tự của ĐHD được đánh dấu bằng số La Mã từ I đến XXII. Nhưng đến năm 2021, Hội CSVSQ/TVBQGVN tại San Jose, tự đứng ra tổ chức Đại Hội lần thứ 21. Hai năm sau, Đại Hội Đồng lần thứ 22 tổ chức tại Nam Cali dưới danh xưng “TỔNG HỘI CỰU SVSQ TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM – ĐẠI HỘI TOÀN CẦU KỶ THỨ 22” từ ngày June 30 đến July 01, 02, 2023.

Năm 2020 Đại Hội Đồng XXI và năm 2022 ĐHD XXII được tổ chức tại Nam Cali do Hội CSVSQ/ TVBQGVN Nam Cali trách nhiệm tổ chức, dưới danh xưng TH/ CSVSQ/ TVBQGVN, là Tổng Hội của tất cả các hội trên thế giới, nghĩa là gồm các hội tại Hoa Kỳ, Canada, Âu Châu và Úc Châu.

Theo Tâm Thư của Ban Tổ Chức ĐHV B Toàn Cầu Kỳ Thứ 22, thì CSVSQ Lư Xuân Phước, Tổng Hội Trưởng của Bắc Cali “phải tiến hành ĐHV B TC Kỳ Thứ 22 vào năm nay, 2023 . . .” Như vậy, TH này chỉ là TH của Bắc Cali và đồng thời của 27 khóa.

Sự giống nhau giữa hai TH là: Cùng sử dụng danh xưng TH/CSVSQ/TVBQGVN.

Trong khi đó, sự khác biệt giữa hai TH là:

Một bên áp dụng danh xưng TH/ CSVSQ/ TVBQGVN của NQ TH ấn hành năm 1999 và tu chính năm 2012.

Một bên không có NQ nhưng vẫn lấy danh nghĩa TH/ CSVSQ/ TVBQGVN của NQ 1999.

TH/ CSVSQ/ TVBQGVN, TH của tất cả các hội trên thế giới, sử dụng số thứ tự các Đại Hội Đồng bằng số La Mã.

Trong khi TH của Bắc Cali (theo ngôn từ của Bức Tâm Thư của BTC ĐHTCKT 22 đã phổ biến) lại dùng số 21 và 22.

Theo ngữ pháp của tiếng Anh và kể cả tiếng Việt (mặc dầu chưa có Hàn Lâm Viện), việc sử dụng số thứ bằng chữ La Mã trong các trường hợp sau đây:

Tên của các vị vua, như nước Anh, mới có Vua Charles III

Tên của Đức Giáo Hoàng: BENEDICT XVI

Tên của đại hội thể thao: Super Bowl LVIII (2024)

Tên đại hội tôn giáo: Đại Hội Thánh Mẫu La Vang lần thứ II, Orange County

Tên Quân Đoàn của QLVNCH: Quân Đoàn I, Quận Đoàn II . . .

Như vậy có thể nói, con số La Mã để chỉ thứ tự của một biến cố, một danh xưng, một sự kiện . . . có tính cách quan trọng, nổi tiếng, nhiều người biết đến; hoàn toàn khác biệt với số Ả Rập là số đếm trong toán học hay để chỉ số thứ tự một cách bình thường và đơn giản không mang tính nổi bật.

Tóm lại, CSVSQ xuất thân từ TVBQGVN đều là hội viên của Hội và tất cả các hội được thành lập trên thế giới này, kết hợp lại thành một Tổng Hội duy nhất, không có TH của Nam Cali mà cũng không có TH của Bắc Cali, lại càng không có TH của khóa. Ước gì tất cả chúng ta cùng có một quan điểm và lập trường như vậy, thì may ra Đại Hội Đồng kế tiếp của TH/ CSVSQ/ TVBQGVN sẽ không còn thấy số thứ tự mang tính chất toán học bình thường nữa, ngược lại là thứ tự của một sự kiện quan trọng, nổi bật và hữu danh.

Trân trọng kính chào

CSVSQ Nguyễn Nho K19
Seattle, 7-7-2023

Thơ

TRƯỜNG THỊNH

THU HOÀI VỌNG

*Gió đón Thu về nhẹ tiếng ru
Ngả nghiêng chiếc lá chợt bay vù
Nắng chiều tai tái đường đưa Hạ
Mưa sớm sụi sùi chắc đón Thu
Chim nhận hững hờ chao cánh lượn
Lữ hành mòn mỏi bước vân du
Từng Thu hoài vọng phương trời cũ
Nơi ấy giờ đây vẫn mịt mù.*

THU ĐƠN CÔI

*Thu về tô sắc lá thêm vàng
Cho gió heo may lạnh phục trang
Đông vắng lẻ loi con sáo nhỏ
Bến buồn cô độc chiếc đò ngang
Bao la cúc dại, sừng đôi xám
Bát ngát lúa vàng, ruộng nấc thang
Thu đến sắc máu dù quyền rũ
Sao lòng vẫn cứ nhớ mệnh mang*

HƯƠNG TÓC BUỒN

*Nhớ xưa hong tóc nắng vàng
Có anh ngồi chải từng hàng nhớ thương
Mỗi sợi là một vấn vương
Mỗi sợi là một mùi hương đa tình
Giờ đây hong tóc một mình
Mùi hương đã nhạt khi tình xa bay
Nhớ xưa lúc tựa bên vai
Có anh vuốt tóc, tóc dài ngân ngơ
Tóc em là cả bài thơ
Tóc em là cả suối mơ diễm kiều
Gió bay sợi tóc đều hiu
Giờ đây hong tóc, sầu hiu hắt sầu
Hong cho khô hết niềm đau
Chải cho rụng hết những câu ngọt bùi
Vấn vương sợi tóc một đời
Thì đem gội sạch những lời dối gian
Một mai mưa tạnh, mây tan
Ngồi hong tóc rồi mong tàn nhớ nhung
Mùi hương còn chẳng vương lòng
Làm sao còn nhớ người hong tóc buồn.*

*Tường Thuý
Tucson AZ 2012-2023*

PHAN RANG:

TRẬN CHIẾN CUỐI CÙNG CỦA Liên Đoàn 31/BĐQ

(13 - 04 - 1975 đến 16 - 04 - 1975)

BĐQ Nguyễn Quốc Khuê

Trong những ngày cuối tháng 3 năm nay, thời tiết bang Cali thật đẹp, bầu trời xanh tươi, không một cụm mây, nắng ấm với gió thoáng man mát. Thấm thoát đã 29 năm trôi qua, tháng tư đen lại sắp đến – Phái – Ngày 30-4-75 là ngày đen tối của lịch sử Việt Nam cận đại, ngày đã ghi vào lòng dân Việt một dấu ấn khó phai, nhất là những người lưu vong ở hải ngoại, trong đó có tôi – Bao luyến tiếc mỗi khi nhớ tới những kỷ niệm oanh liệt hay đau buồn trong cuộc đời trận mạc mà tôi đã trải qua.

Là một cựu chiến sĩ của binh chủng BĐQ mà thời gian quân ngũ lại ít hơn thời gian bị Việt cộng cầm tù khổ sai, ở các trại tù từ Nam ra Bắc. Vì trong suốt thời gian phục vụ quân đội, tôi chỉ phục vụ ở một đơn vị duy nhất, đó là Liên Đoàn 3 BĐQ (đến năm 1973 thì cải danh là LĐ 31 BĐQ). Đó là một đơn vị đã gặt hái được nhiều chiến tích lẫy lừng, với các chiến thắng qua các cuộc hành quân cấp Liên Đoàn và Chiến Đoàn. Ở ngoại biên như những cuộc hành quân “Quang Trung” hay “Toàn Thắng”, càn quét tiêu diệt địch ở Kampuchia năm 1969-1970-1971, ở các địa danh Svay Riêng, Konpongcham, Snoul, Krek và hành quân lùng, diệt địch ở các mật khu như Ba Thu, Mỏ Vẹt tỉnh Tây Ninh, tử thủ kháng địch ở Bình Long, An Lộc rồi Chơn Thành. Rồi cuối cùng trong trận chiến ở Phan Rang từ 13-4-75 đến 16-4-75, Liên Đoàn đã hoàn toàn tan rã, một cách tức tưởi trong một bàn cờ quốc tế, giữa hai chủ thuyết “Tự Do Dân Chủ” và “Cộng Sản”.

Cuối tháng 3-1975, Liên Đoàn đã trải qua một trận đánh vô cùng khốc liệt, đẩy lui hàng sư đoàn địch tấn công quận lỵ

Chơn Thành, bẻ gãy âm mưu của địch định chiếm Chơn Thành để làm bàn đạp tấn công Thủ Đô Sài Gòn – Tuy vậy để đáp ứng nhu cầu chiến trường có những biến chuyển hàng ngày, theo lệnh điều động của Quân Đoàn III, Liên Đoàn phải rút quân khỏi Chơn Thành để nhận nhiệm vụ khác – Cuộc rút quân thật gian nan, nguy hiểm. Ba ngày đêm rờn rã trong rừng, vừa di chuyển, vừa chiến đấu với địch – Trong một trận quyết tử với địch vào ngày



Tr/tướng Nguyễn Vĩnh Nghi

cuối, hàng trăm lá cờ vàng ba sọc đỏ đã thổi thúc sức chiến đấu can trường của toàn thể quân nhân các cấp – Tất cả cùng quyết tâm tìm sự sống trong cái chết, họ đột nhiên đồng loạt đứng dậy, miệng hô “xung phong” “Biệt Động Quân, Sát”, vừa bắn xối xả, vừa càn qua tuyến địch đang bao vây chặn đánh Liên đoàn. Địch hốt hoảng, luống cuống và đoàn quân đã thoát khỏi sự kềm chế của địch .

Đầu tháng 4-75, toàn bộ Liên Đoàn di chuyển về hậu cứ, trại Phan Hạnh, để bổ sung quân số và quân trang, quân dụng, chuẩn bị nhận nhiệm vụ mới –

Thời gian ngắn ngủi này, tinh thần binh sĩ chưa được ổn định, trang bị chưa được đầy đủ, nhưng đơn vị vẫn được đặt trong tình trạng ứng chiến 100%, sẵn sàng di chuyển khi có lệnh .

Rời chuyện đến phải đến, toàn bộ Liên Đoàn được không vận bằng phi cơ vận tải C.130, từ phi trường Biên Hòa ra phi trường Phan Rang để tăng cường cho Bộ Tư Lệnh tiền phương Quân Đoàn III & QK3 đặt ở tỉnh Phan Rang, do Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Tư Lệnh tiền phương Quân Đoàn chỉ huy. Cuộc không vận bắt đầu từ 10 giờ sáng và diễn ra rất nhanh chóng, liên tục – Khoảng gần 12 giờ trưa, tất cả BCH/ LĐ và Tiểu Đoàn

52/ BĐQ đã được đổ xuống phi trường Phan Rang dưới trời nắng gắt. Theo lệnh Bộ Tư Lệnh tiền phương Quân Đoàn, BCH/ LĐ di chuyển đến 1 nhà vòm cuối phi đạo, đóng quân bên cạnh BTL/ Tiền Phương. Tiểu Đoàn 52/ BĐQ tạm thời di chuyển đến vòng đai nội vi phi trường ở hướng đông bắc BCH/ LĐ đóng quân chờ lệnh kế tiếp.

Trong khi chờ 2 tiểu đoàn còn lại đến nơi, Đại Tá Biệt, LĐT và tôi đi bộ qua BTL/ Tiền Phương, để trình diện Tướng Nghi và để nhận lệnh – Tướng Nghi trông vẫn còn đẹp trai, ông luôn đeo cặp kính mát đất tiền. Ông niềm nở bắt tay Đại Tá LĐT, miêng nở nụ cười nói nhanh: “Liên Đoàn các anh ra đúng lúc”. Vừa nói ông vừa chỉ trên giá bàn đồ phòng thủ của mặt trận Phan Rang, ông nói tiếp như để chỉ thị cho Đại Tá Biệt: “Liên Đoàn 31/ BĐQ ra thay thế cho Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù, đang chuẩn bị để rút về Sài Gòn”. Tay ông chỉ lên các vị trí của Lữ Đoàn 2 Dù mà Liên Đoàn sẽ phải thay thế, nói thêm: “Lực lượng Dù họ vừa chuẩn bị rút, nhưng họ vẫn còn chờ các anh đến để bàn giao vị trí đó.” Ông quay sang giới thiệu Đại Tá Lương, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 2 Dù và Chuẩn Tướng Sang, Tư Lệnh Sư Đoàn 6 Không Quân, đang đứng cạnh ông. Đại Tá Biệt nghiêm chỉnh chào hai vị rồi trình lên Tướng Nghi phối trí lực lượng như sau:

1/ BCH/ LĐ đặt vị trí tại phi trường Phan Rang, trong 1 nhà vòm cuối phi đạo, bên cạnh Bộ Tư Lệnh tiền phương Quân Đoàn.

2/ Tiểu Đoàn 52/ BĐQ phòng thủ vòng đai phi trường, hướng Đông và Đông Bắc, thay thế vị trí của Tiểu Đoàn 7 Dù – BCH/ TĐ nằm ở đầu phi đạo hướng Bắc, với 2 ĐĐ làm lực lượng trừ bị, để hành quân tiếp ứng khi có lệnh, đồng thời cùng với ĐĐ/Trinh sát 3 bảo vệ BCH/ LĐ.

3/ Tiểu Đoàn 36/ BĐQ, thay thế vị trí TĐ 3 Dù, BCH/ Tiểu Đoàn đặt tại đồn Đại Hàn, vòng đai ngoài phi trường Phan Rang về hướng Bắc, cùng 2 ĐĐ bảo vệ căn cứ và chiếm lĩnh các cao điểm hướng Bắc và Đông Bắc căn cứ để làm tiền đồn – Còn lại 2 ĐĐ lần lượt trám vào vị trí lực lượng Dù ở xã Ba Tháp và Ba Râu dọc quốc lộ 1, hướng Bắc thị xã Phan Rang.

4/ Tiểu Đoàn 31/ BĐQ xuống sau cùng trong ngày 13-4-75 sẽ di chuyển bộ, đến thay thế Tiểu Đoàn 11 Dù, từ quận Du

Long trở xuống xã Ba Râu, dọc theo Quốc Lộ 1, nhiệm vụ phòng thủ quận Du Long và bảo vệ đoạn quốc lộ 1 này.

Sự phối hợp của Liên Đoàn được Tướng Nghi chấp thuận ngay và trước khi trở về BCH/ LĐ, tôi được Phòng 3 cấp thêm một số bản đồ vùng hành quân và bản đồ chi tiết phòng thủ phi trường Phan Rang. Đồng thời ngay sau đó, Trung Tá Lê Văn Bút, Không Đoàn Trưởng Trục Thăng, người cùng quê và là bạn từ hồi nhỏ của Đại Tá Biệt cho Đại Tá hay là sẽ biệt phái hẳn 1 trục thăng chỉ huy, xuống BCH/ LĐ, túc trực ngày đêm để Đại Tá xử dụng bay chỉ huy hành quân hay quan sát vùng trách nhiệm.

Khi chúng tôi trở về BCH/LĐ thì thấy trục thăng đã đậu sẵn ở bãi đáp bên cạnh. Đại Úy Toàn, phi công trưởng đã trình diện để đặt dưới quyền sử dụng của Đại Tá LĐT.

Tại BCH/ LĐ lúc này, các Ban Tham mưu đã vào vị trí đóng quân và làm việc theo sự điều động của Thiếu Tá Lê Quang Giai – Theo lệnh Đại Tá LĐT, Thiếu Tá Giai tạm thời xử lý thường vụ chức vụ Liên Đoàn Phó, thay thế trung Tá Hồng Khắc Trân đang theo học khóa Chỉ Huy & Tham Mưu ở Long Bình. Có sự phụ tá đặc lực của Thiếu Tá Giai, các Ban thuộc BCH/ LĐ đã vào vị trí sẵn sàng làm việc một cách nhanh gọn.

Đại Úy Lâm, Trưởng Ban Truyền Tin và Nhân Viên đã thiết lập xong hệ thống liên lạc hàng ngang và hàng dọc cũng như nội bộ đều thông suốt. Đại Úy Tài, Trưởng Ban 2, người dù chỉ còn một mắt sau trận An Lộc 1972, vẫn trở lại Liên Đoàn để tiếp tục phục vụ và chiến đấu trên mặt trận tình báo và phòng thủ của BCH/ LĐ – Anh đã nhanh nhẹn phổ biến các tin tức tình báo về địch đến các tiểu đoàn, đồng thời tại vị trí đóng quân Liên Đoàn. Anh rất linh động phối hợp với Thượng Sĩ Thường Vụ LĐ, điều động các toán lao công và binh sĩ tu bổ các vị trí phòng thủ và chiến đấu trong BCH/ LĐ.

Bác Sĩ Đức, Trưởng Ban Quân Y, người thay thế BS Cảnh sau 1972, cũng bạo dạn và gan lì không thua ai, cũng xông xáo trong lần đạn pháo hay tấn công của địch cùng với các binh sĩ quân y thuộc quyền lo cứu thương và tân thương. Trong thời gian kỷ lục, Ban quân Y của ông đã sẵn sàng ở cuối nhà vòm của BCH. Loáng thoáng tôi vẫn còn nghe tiếng ông chỉ huy thuộc cấp chuẩn bị các y cụ và thuốc men sẵn sàng hành nghề. Lý do Ban Quân Y

nhận nhiệm vụ vì lúc này phi trường cũng đang bị địch pháo lai rai, vu vơ, từ xa rớt vào trong vòng đai. Mỗi lần như vậy, tôi thấy mọi người bên hướng Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn chạy nhón nháo vào các nhà vòm để tránh pháo. Vì một số phòng của BTL làm việc trong các nhà bạt ngoài trời, không an toàn, nên mỗi lần có trái pháo rớt gần đâu đó là họ ù té chạy vào nhà vòm, với hy vọng được an toàn hơn chút đỉnh, mặc dù trên nóc các mái nhà vòm này chỉ có một lớp bao cát mỏng mà thôi.

Cuộc không vận của Liên Đoàn liên tục tiếp diễn, ngay khi Tiểu Đoàn 52 báo đã vào vị trí vô sự thì Tiểu Đoàn 36 xuống đến nơi. Thiếu Tá Minh, Tiểu Đoàn Trưởng vào BCH/ LĐ gặp Đại Tá LĐT để nhận lệnh vào vị trí được ấn định. BCH/ Tiểu Đoàn và hai ĐĐ di chuyển bộ về đồn Đại Hàn, hai ĐĐ còn lại về hướng xã Ba Tháp và Ba Râu. Khoảng 3 giờ chiều cùng ngày, Tiểu Đoàn 36 báo cáo đã vào vị trí vô sự, đã thay thế cho lực lượng Dù xong, mặc dầu tại mỗi vị trí chỉ còn lại một lực lượng nhỏ của đơn vị Dù ở lại bàn giao thôi, còn số lớn họ đã rút đi rồi qua lời báo cáo của Thiếu Tá Minh.

Đúng lúc này, Tiểu Đoàn 31 cũng đã xuống đến nơi. Thiếu Tá Tú vào gặp Đại Tá nhận lệnh. Ông chỉ thị Tiểu Đoàn 31 di chuyển lên xã Ba Râu, bắt tay với ĐĐ của Tiểu Đoàn 36 ở đó để dừng quân nghỉ đêm tại đây. Từ đó, sáng hôm sau 14-4-75, bắt đầu xuất phát tiến lên quận Du Long dọc theo Quốc Lộ 1, để trám vào các vị trí của Tiểu Đoàn 11 Dù đang đóng quân trong vùng. Đại Tá LĐT còn dặn thêm Thiếu Tá Tú cố gắng phòng thủ và bảo vệ quận Du Long vì đây là tuyến đầu của mặt trận tiền phương Phan Rang.

Mỗi lần các đơn vị đến nơi, các vị tiểu đoàn trưởng đều nhận được thêm bản đồ và đặc lệnh truyền tin, hệ thống liên quân, để liên lạc hàng ngang khi chuyển quân và thay quân. Tiểu đoàn 31 là đơn vị xuống sau cùng. Trời đã về chiều nên TĐ cũng thận trọng di chuyển đến vùng trách nhiệm một cách chậm chạp, mãi đến gần 8 giờ tối mới báo cáo về BCH/LĐ vị trí đóng quân của TĐ và các ĐĐ trực thuộc trong vùng xã Ba Râu. Đúng 10 giờ tối ngày 13-4-75, toàn bộ kết quả cuộc không vận và phối trí lực lượng của Liên Đoàn đã được báo cáo đầy đủ về BCH/ BĐQ/ Quân Đoàn III.

Sáng sớm ngày 14-4-75, lúc tờ mờ sáng, Tiểu Đoàn 31 BÐQ báo cáo bắt đầu tung 1 ĐĐ di chuyển về hướng Bắc, dọc Quốc Lộ 1 và xin thông báo cho lực lượng Dù tránh ngộ nhận. Tôi đề nghị Thiếu Tá Tú liên lạc hàng ngang với TĐ 11 Dù ở vùng này – Sau đó được biết TĐ 31/ BÐQ đã liên lạc hàng ngang tốt với TĐ 11/ Dù và đang trám vào vị trí Dù trong vùng dọc theo Quốc Lộ 1. Lúc này, trong vùng Bắc Ba Râu, TĐ31/ BÐQ đã thay thế TĐ11/ Dù ở đây, Thiếu Tá Tú cho biết là ở trên Du Long, Tiểu Đoàn Dù chỉ có 1 ĐĐ mà thôi. Ngoài ra Thiếu Tá Tú còn cho biết thêm là bàn giao vị trí đóng quân, chớ sự thực vị trí đóng quân không có hệ thống phòng thủ gì cả, chỉ có chăng là những hầm hố cá nhân mà thôi – Tôi nói với ông là họ chuẩn bị rút, nên đã cuốn chiếu hết rồi, đến phiên mình phải lo củng cố, làm lại theo ý mình thôi.

Ngoài ra Thiếu Tá Tú còn cho biết thêm là ĐĐ đầu, tiến lên Du Long, thỉnh thoảng cũng gặp một tốp lính Địa Phương Quân, hay một vài lính Dù, lơ lửng, hốt hoảng đi bộ trên Quốc Lộ 1, ngược về hướng Nam. Lính 31/ BÐQ có hỏi gì họ cũng không nói mà còn bỏ chạy cho lẹ, hoặc im lặng lắc đầu bỏ đi. Mãi đến chiều ngày 15-4-75, Thiếu Tá Tú bắt thần báo về BCH/ LD là quận Du Long đã bị địch chiếm rồi, qua lời khai của một lính Dù và hai lính Địa Phương Quân ở hướng Du Long chạy về và gặp TĐ 31 BÐQ giữa đường. Họ còn cho biết là địch đã vây Du Long từ sáng sớm, tấn công mạnh bằng chiến xa và bộ binh cùng với pháo nặng, nên ĐĐ Dù ở đây cùng Địa Phương Quân và các lực lượng Quận đều đã bỏ chạy và bị địch bắt sống một số lớn.

Qua báo cáo của Thiếu Tá Tú như vậy nên Đại Tá LĐT bảo tôi gọi điện thoại qua Trung Tâm Hành Quân Quân Đoàn Tiền Phương để xác nhận lại xem Du Long còn hay mất và lực lượng Dù có còn ở đó hay không? Quân Đoàn trả lời và xác nhận quận Du Long vẫn còn. Quân Đoàn vẫn còn liên lạc tốt với quận và lực lượng Dù ở đây. Quân Đoàn cũng chỉ thị phải nhanh chóng đưa Tiểu Đoàn 31/ BÐQ lên Du Long. Theo lệnh này, Đại Tá Biết đích thân chỉ thị Thiếu Tá Tú để lại 1 ĐĐ nằm đường từ Ba Râu lên – Còn lại dồn toàn lực do đích thân Thiếu Tá Tú chỉ huy, đánh thăm dò lên Du Long. Sau đó, ông chỉ thị tôi xin phi cơ L.19 và phi cụ oanh kích, để sẵn sàng yểm trợ cho TĐ31/ BÐQ.

Thiếu Tá Tú thi hành lệnh nghiêm chỉnh, trên đường tiến quân, các cánh quân chỉ chạm địch lẻ tẻ ở khoảng giữa đường Du Long xuống Ba Râu, rồi địch bỏ chạy. Thiếu Tá Tú cho 2 ĐĐ chia làm 2 cánh, tiến thận trọng hai bên hướng Tây và Đông quốc lộ 1. Bất thần khoảng gần 4 giờ chiều cùng ngày, cánh quân hướng Tây Quốc Lộ 1, cách Du Long gần 1 cây số bị chạm địch mạnh. Thiếu Tá Tú xin Pháo binh yểm trợ, pháo binh Dù yểm trợ yếu ớt và không hiệu quả (có lẽ họ lo cuốn chiếu) có tính cách cầm chừng. Tôi báo L.19 xin phi tuần yểm trợ. Sau vài phút A.37 lên đánh mục tiêu theo hướng dẫn của L.19, qua chỉ điểm của TD 31/BĐQ Nhưng A.37 đánh 1 loạt bom, tới loạt thứ 2 thì bị trúng SA 7 của địch bắn lên, trúng đuôi phi cơ bốc cháy và rớt trên vùng Du Long. Sau khi chiếc A.37 bị bắn cháy, thì không yểm trợ chẳng hiệu quả, bị gián đoạn. Tôi hỏi L.19 được biết là kho xăng và kho đạn ở phi trường bị pháo trúng, nên phi cơ không lên vùng được, còn phi cơ ở Biên Hòa thì không lên kịp.

Sau cùng gần 5 giờ chiều, Đại Tá Liên Đoàn Trưởng lệnh cho Tiểu Đoàn 31/BĐQ, tìm vị trí tốt tại chỗ, tổ chức phòng thủ qua đêm, rồi sáng mai tiến tiếp. Thì ngay sau đó, Thiếu Tá Tú báo về, cánh quân bên hướng Tây Quốc Lộ 1 đã bị địch tấn công mạnh, bằng pháo trực xạ và xe tăng, nên đã tan rã. Một số chạy thoát được về hướng Tiểu Đoàn, và Tiểu Đoàn đang rút lên sườn núi hướng Đông quốc lộ, để tổ chức phòng thủ. Tại đây, nhờ vào những vách núi đá và các miệng hang đá rất tốt để cố thủ.

Tình hình Tiểu Đoàn 31/BĐQ đang bị dạt như vậy, mà phi trường Phan Rang lúc này địch lại gia tăng nhịp độ pháo vào, gây cảnh chạy hỗn loạn tránh pháo, do một số lớn quân nhân làm việc trong các căn nhà lều dựng lên ngoài trống trong phi trường.

Đúng 7 giờ tối ngày 15-4-75, Tiểu Đoàn 31/BĐQ báo cáo, TD đang cố thủ trên sườn núi đá, bên hướng Đông Quốc Lộ 1, cách Du Long khoảng 800 mét về hướng Đông Nam. Sau những đợt xung phong của địch bị đẩy lui, Tiểu Đoàn xin tiếp tế đạn dược, nhất là lựu đạn và đạn M.79 đã gần cạn, không thể thủ lâu được nữa, nếu địch vẫn tiếp tục tấn công.

Lúc này, nhìn nét mặt Đại Tá LĐT, tôi thấy ông rất bối rối. Tôi hiểu được tình hình thế này, khó lòng mà tiếp tế cho TD 31/BĐQ được, huống chi trời đang bắt đầu về chiều. Ngay

sau thoáng suy nghĩ đó, tôi nghe tiếng Thiếu Tá Tú trong máy muốn gặp tôi – Tôi nghe ngay và ông cho biết là trước mặt ông bây giờ là 2 binh sĩ Dù và 2 người lính trong quận Du Long, đã chạy lên đến đây trốn từ chiều. Họ cho biết quận Du Long đã bị địch tràn ngập, ĐĐ Dù ở đây đã tháo chạy, một số nhân viên quận đường bị địch bắt sống, cùng với toàn bộ chỉ huy ĐĐ Dù ở đây. Bởi vậy tụi địch mới dùng số người này liên lạc với Trung Tâm Hành Quân Quân Đoàn như bình thường. Làm sao họ không xác nhận với mình là Du Long còn!?!?

Thiếu Tá Tú nói tiếp, báo tôi trình với Đại Tá là nếu đêm nay địch tấn công mạnh lên, có lẽ anh phải “bung” thôi, chịu không nổi pháo 100 ly và 75 ly trực xạ. Tôi quay qua nhìn Đại Tá, ông nhìn lại tôi im lặng lắc đầu như đã hiểu. Sau đó ông lệnh cho tôi cứ báo cáo thẳng tất cả lên Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn Tiền Phương.

Cùng ngày chiều hôm 15-4-75, lúc hơn 6 giờ, TĐ 36/BĐQ báo cáo, các tiền đồn ngoài căn cứ Đại Hàn đều chạm địch, mỗi lúc một mạnh thêm và các tiền đồn phải rút vào căn cứ để tăng cường phòng thủ. Thiếu Tá Minh báo đã thấy địch đang áp sát căn cứ, bắt đầu pháo vào bằng hỏa tiễn 122 ly và súng cối 82 ly liên tục. TĐ đang chiến đấu và đã đẩy lui được đợt tấn công đầu tiên của địch. Lúc này đã hơn 7 giờ tối, Thiếu Tá Minh xin phi cơ soi sáng và phi tuần oanh kích địch. Tôi xin về BTL Quân Đoàn. Mãi đến gần 8 giờ tối mới có C.47 lên soi sáng với danh hiệu Hỏa Long 1. Tôi bàn giao HL.1 cho TT Minh sử dụng, vừa soi sáng vừa tác xạ vào địch quân, yểm trợ cho TĐ36. Tôi nghe qua hệ thống không trợ, TT Minh điều chỉnh mục tiêu rất chính xác và nhanh nhẹn. Hỏa Long 1 vừa soi sáng vừa tác xạ rất chính xác vào quân địch, với những khẩu đại liên 6 nòng trên phi cơ khắc đạn liên tục xuống đầu địch, đốn ngã bọn chúng đợt này qua đợt khác, trong khi chúng vẫn điên cuồng xung phong vào phòng tuyến phòng thủ của TĐ 36/BĐQ trong đồn Đại Hàn này. Nhờ sự yểm trợ hữu hiệu của Hỏa Long, địch quân đã chùn bước, chúng ngưng tấn công, nhưng vẫn tiếp tục pháo vào đều đặn để cảm chân. Căn cứ này là một cái gai chúng phải nhổ, để thẳng cánh tiến vào chiếm phi trường, nên chúng đã dùng một số lớn lực lượng, mong san bằng cứ điểm này, không ngờ gặp sức kháng cự

mãnh liệt và liều lĩnh của TĐ 36/BĐQ, cùng với sự yểm trợ đặc lực của C.47, nên đã đẩy lui được những đợt xung phong ác liệt của địch, gây tổn thất rất lớn cho chúng về nhân mạng, xác địch chết ngổn ngang ngoài vòng đai căn cứ. Có xác nằm vắt ngang lên vòng rào kẽm gai, do sự tác xạ chính xác của M.79 đạn chày mà LD được cấp phát sau trận An Lộc 1972 – Loại đạn này chống tấn công biển người rất hữu hiệu .

Sau hơn 1 giờ quần thảo, địch rút lui không tấn công nữa, Hỏa Long 1 báo sắp rời vùng. TT Minh gọi tôi xin tiếp tục cho soi sáng lên vùng, vì nghi ngờ địch rút để chuẩn bị tiếp tục tấn công nữa. Tôi xin Quân Đoàn và được thỏa mãn ngay vì Hỏa Long 2 đang trên đường lên vùng – Tôi báo cho TT Minh biết để yên tâm đồng thời Đại Tá LĐT cũng bảo anh cố gắng phòng thủ cho vững. Quân Đoàn sẽ yểm trợ tối đa cho anh.

Đúng ngay lúc này, TĐ 31 báo về, địch đã không tấn công vào TĐ nữa mà chỉ pháo cầm chân họ ở đây thôi. Nhưng TT Tú cho biết ngoài quốc lộ, từng đoàn xe chờ đại quân của địch đang di chuyển công khai trên quốc lộ và có xe tăng chạy song song hai bên quốc lộ để bảo vệ nữa. Đoàn quân xa này còn kéo theo đại pháo trên đường, chúng đang xuôi Nam. TT Tú cho biết ông nghi ngờ địch tập trung lực lượng đánh phi trường và chiếm tỉnh Phan Rang.

Tuy địch bỏ ý định tấn công TĐ 31, nhưng vẫn cầm chân TĐ này bằng chiến xa và pháo để chúng dễ dàng di chuyển đại quân ở ngoài quốc lộ, do đó TT Tú báo cáo về là anh vẫn còn tại vị trí cũ hồi chiều tối .

Trở lại với TĐ 36/BĐQ, suốt đêm đó, Hỏa Long 2 bao vùng, soi sáng và yểm trợ cho TĐ này, địch nhúc nhích định tấn công là bị phát giác và bị hỏa lực của phi cơ, của lực lượng phòng thủ tiêu diệt, đẩy lui ngay. Tuy nhiên, lúc này TĐ 36 báo cáo đã mất liên lạc với ĐĐ trú đóng ở xã Ba Râu và cho biết, địch đang rầm rộ di chuyển quân xa, kéo theo pháo, hướng vào thị xã Phan Rang, có chiến xa hộ tống, bảo vệ. Tin này do ĐĐ ở Ba Râu báo về Tiểu Đoàn trước khi rút chạy.

Ngay khi đó, TT Tú gọi xin gặp địch thân Đại Tá, ông bắt máy nghe TT Tú báo là vẫn ở vị trí cũ. TĐ tổn thất khá sau các đợt tấn công và pháo địch, nhưng hiện nay địch không tấn công

nữa mà chỉ pháo cầm chân. TĐ hiện nay không nhúc nhích gì được, xin Đại Tá quyết định và chỉ thị. Đại Tá cũng chỉ biết bảo TT Tú cố cầm cự ở đó qua đêm, tới sáng rồi ông sẽ trình Quân đoàn, để có giải pháp.

Đúng 8 giờ sáng hôm sau, tức ngày 16-4-75, Đại Tá được Quân Đoàn mời sang họp duyệt xét tình hình. Đại Tá bảo tôi đi theo, mang bản đồ hành quân để ông báo cáo tình hình hành quân lên Quân đoàn. Trong buổi duyệt xét tình hình này, ngoài Tướng Nghi, Tướng Sang, Đại Tá Lương, còn có cả Tướng Nhựt, Sư đoàn 2/BB mới đến cùng với Đại Tá Tư, Tỉnh Trưởng Phan Rang

Sau khi chào hỏi, Tướng Nghi hỏi ngay Đại Tá Biết mà không chờ ông thuyết trình: “Đêm qua anh báo cáo là quận Du Long đã mất, trong khi đó hai anh Đại Tá Lương và Tư, Tỉnh Trưởng vẫn nói là còn và vẫn liên lạc tốt bằng vô tuyến với quận Du Long mà”. Nghe đến đây, Đại Tá Biết tức đến xám cả mặt, vì ông biết rằng Tướng Nghi đã không tin những gì ông báo cáo, qua sự khai báo của lính quận và lính Dù ở Du Long chạy thoát, đang ở chung với TT Tú.

Cho tới cuộc họp sáng nay, các ông vẫn cứ khẳng định với Tướng Nghi là còn liên lạc tốt với Du Long. Sau cùng, vẫn không tin những gì BĐQ báo cáo, Tướng Nghi trong buổi họp, đã quay qua Đại Tá Biết ra lệnh: “Anh lấy ngay trực thăng bay lên Du Long quan sát và coi lại TĐ 31 của anh trên đó ra sao, nếu cần, tôi sẽ cho TĐ 52 lên tăng cường để giữ Du Long. Dưới này tôi sẽ cho Sư Đoàn 2 thế chỗ TĐ 52 của anh sau.” Nói xong ông bắt tay Đại Tá Biết, như thúc dục Đại Tá về làm ngay. Ông quay qua hỏi Tướng Nhựt, như để muốn ra lệnh gì đó, nhưng lúc này tôi không thấy Tướng Nhựt còn ở trong phòng họp nữa, mà ông đã lánh mặt lúc nào không ai biết. Sau cùng ông bảo sĩ quan Phòng 3 ra lệnh cho Sư đoàn 2 chuẩn bị 1 lực lượng để trám vào chỗ TĐ52, sẽ được điều động đi.

Đại Tá Biết và tôi trở về BCH/LĐ, ông bảo tôi gọi Đại Ủy Toàn cho lệnh quay cánh để bay lên vùng Du Long. Ông cho gọi TT Nga đi theo quan sát địa thế, để sau này dễ dàng trong việc dẫn quân lên tăng cường, giải vây cho TĐ31. Khi chúng tôi lên trực thăng, đã có sẵn Đại Ủy Lâm, Trưởng Ban Truyền Tin và 2 âm thoại viên mang máy PRC.25 sẵn sàng rồi. Ngay lúc đó,

Thiếu Tá Giai xin đi theo để quan sát tình hình trên TD31, vì ông rất nóng lòng cho TT Tú (hai ông là bạn cùng khóa). Đại Tá Biệt không nói gì và trực thăng bắt đầu cất cánh, lấy cao độ rồi trực chỉ Du Long. Trên đường bay lên Du Long, tôi gọi báo TD 31 là Đại Tá đang trên đường bay đến TD và hỏi TD còn ở vị trí cũ không? TT Tú đích thân trả lời là vẫn còn ở vị tríเดิม qua, vẫn bị địch đang cầm chân. Tôi chỉ vô vị trí anh trên bản đồ cho Đại Tá xem, trực thăng lúc này đang ở trên vùng. Quả nhiên, vị trí TT Tú đang chiếm lĩnh rất chắc chắn, có những vách đá lớn và các cửa hang làm công sự chiến đấu và trú pháo rất tốt. Chúng tôi nhìn xuống đất, bên Quốc Lộ 1, khói hay bụi đang bốc cao mù mù. Tôi hỏi TT Tú, anh cho biết quân xa địch đang chuyển quân, xe tăng địch di chuyển dọc hai bên quốc lộ, men theo chân núi. Đại Tá bảo tôi nói Đại Úy Toàn bay qua quận Du Long, trực thăng đảo 1 vòng rồi bay về hướng Du Long. Gần đến nơi, tôi nghe Toàn la lên trong máy là ở dưới Du Long đầy cờ đỏ sao vàng, mọi nhà đều treo cờ VC rồi. Vậy rõ ràng Du Long đã mất thật rồi!! Đại Tá cũng nghe và ông lạnh lùng bảo tôi cho trực thăng quay về Phan Rang, nhưng Đại úy Toàn đã đảo 1 vòng trên Du Long, để Đại Tá được nhìn rõ Du Long với đầy cờ đỏ sao vàng ở dưới. Đúng lúc TT Tú gọi lên báo là đừng bay thấp, địch có phòng không và SA 7, hôm qua đã bắn rớt A 37 rồi đó, ngay tức thì, Toàn la lên: “Tụi nó bắn lên rồi.” Tôi báo Đại úy Toàn lấy cao độ rồi bay về phi trường Phan Rang.

Trên đường bay trở về, Đại Tá LĐT bảo tôi liên lạc với Trung Tâm Hành Quân Quân Đoàn để ông gặp Trưởng Phòng 3 báo cáo tình hình. Nhưng tôi liên lạc mãi không trả lời, Đại Úy Lâm sốt ruột, đòi qua tần số giải tỏa gọi, cũng không thấy trả lời. Sau cùng, tôi nói Đại Úy Toàn liên lạc hệ thống Không Quân xem sao. Khi trực thăng trên bầu trời phi trường Phan Rang thì Đại Úy Toàn liên lạc được với Không Quân. Anh cho biết là địch đang pháo mạnh vào phi trường, sau đó chiến xa và bộ binh địch đã tràn ngập phi trường rồi, vì thế mất liên lạc với Quân Đoàn là phải, có lẽ BTL/Tiền Phương Quân Đoàn đã rút chạy, hoặc địch đã bắt sống tất cả rồi.

Đó là đúng 10 giờ sáng 16-4-75. Sau đó Đại Tá Lê Bảo Toàn cho trực thăng bay ở độ cao an toàn, vòng vòng vùng trời

Phan Rang, để ông trực tiếp liên lạc với các vị Tiểu Đoàn Trưởng ở dưới đất và ra lệnh cho họ. Trước hết, ông gọi TT Minh, TĐT/ TĐ36/ BĐQ, bảo anh lo thu gom con cái, rồi tìm đường xuôi Nam. Xong, Đại Tá cũng gọi TĐ31/BĐQ, chỉ thị TT Tú tìm cách thoát khỏi vùng này, gom con cái tìm đường xuôi Nam. Ông cũng cho họ biết, tất cả Phan Rang đã thất thủ thật sự rồi. Ông quay qua định ra lệnh cho TT Nga TĐT/ TĐ52/ BĐQ thì thấy TT Nga đang liên lạc với TĐ ở dưới đất. Ông cũng nói với họ y như lời Đại Tá đã nói: “Tìm đường xuôi Nam.” Theo lệnh Đại Tá, tôi bảo Đại Úy Toàn bay về Phan Thiết và tìm một bãi đáp an toàn để chờ ở đó, xem có đơn vị nào của Liên Đoàn về đến đó chưa? Trước khi bay về Phan Thiết, Toàn bảo phải vứt bỏ bớt các quân trang không cần thiết khỏi trực thăng, để bay được nhanh và an toàn hơn. Thế là chúng tôi, không ai bảo ai, tất cả từ các anh binh sĩ âm thầm viên đến chúng tôi, đều vứt bỏ hết ba lô. Thiếu Tá Giai cố vớt vát liên lạc với BCH/LĐ ở dưới đất, xem có thể gặp được Đại Úy Tài hay không. Cuối cùng, ông cũng phải lắc đầu chịu thua không gọi nữa.

Trực thăng trên đường về Phan Thiết, chúng tôi nhìn Đại Tá lòng ái ngại, lo lắng. Chúng tôi thấy nét mặt ông thật buồn, qua đôi kính mát trên mặt, chúng tôi nhận thấy đôi giòng lệ đang tuôn trào, chảy dài trên gò má cao, đen xạm của ông. Lần đầu tiên tôi thấy ông khóc và ông đã khóc thương cho bao số phận của thuộc cấp. Ông đã đem họ ra đây, để họ ở lại và rồi sẽ bị địch bắt, giam cầm. Bao binh sĩ đã bỏ mình, phơi xác trên trận tuyến này. Trận chiến cuối cùng mà cuộc đời binh nghiệp của ông, qua bao chiến công hiển hách. Ngày hôm nay lại bị thiệt hại thảm khốc, đau đớn là dường nào!

Chúng tôi đáp xuống Phan Thiết, tại một bãi đáp an toàn. Chờ đến 4 giờ chiều, không gặp một đơn vị nào của Liên Đoàn trở về, mà chỉ toàn một dòng người, xe lẫn lộn, dân sự có, quân sự có, họ cùng nhau bỏ Phan Thiết chạy về Sài Gòn. ên Tiểu Khu gần đó, chúng tôi thấy cũng vắng tanh. Đại Úy Toàn, trưởng phi cơ xin Đại Tá cho cất cánh, vì sợ có đoàn quân ô hợp nào đó, lợi dụng tình hình đến cướp trực thăng thì nguy. Đại Tá đồng ý cho cất cánh. Trực thăng lên cao dần. Đại Úy Lâm theo lệnh Đại Tá, liên lạc BCH/ BĐQ/ QĐIII/ QK3 để báo cáo xin lệnh. Chúng tôi

được lệnh bay thẳng về Sài Gòn, đáp xuống trường đua Phú Thọ, sẽ có xe Jeep của BCH/ BĐQ/ TƯ ra đón về Bộ Chỉ Huy.

Khoảng gần 6 giờ chiều ngày 16-4-75, trực thăng đáp xuống trường đua Phú Thọ, đã có sẵn xe của BCH chờ đón. Chúng tôi chào từ giã phi hành đoàn lên xe về BCH. Đại Tá vào trình diện Thiếu Tướng Chỉ Huy Trường, còn chúng tôi qua Câu lạc bộ nghỉ ngơi, ăn uống. Lúc này chúng tôi mới cảm thấy đói và nhớ ra rằng từ sáng sớm tới giờ, chúng tôi chưa có một chút gì vào bụng cả. Có lẽ vì quá bận rộn và lo lắng, nên cái đói đã bị bỏ quên chăng?

Sau khi rời BCH/ Trung Ương, chúng tôi được xe đưa về hậu cứ ở trại Phan Hạnh, Hồ Nai, Biên Hòa để nghỉ qua đêm, rồi sáng sớm hôm sau lên trình diện BCH/ BĐQ/ QK3 ở Biên Hòa. Trên đường về hậu cứ, Đại Tá bảo tôi tối nay cố làm bản tường trình diễn tiến hành quân của Liên Đoàn ở Phan Rang, với mọi chi tiết đầy đủ, kèm phóng đồ hành quân phối trí Liên Đoàn, để báo cáo lên trên vào sáng mai ở BCH/ BĐQ/ QĐIII/ QK3.

Đúng 9 giờ sáng ngày 17-4-75, Đại Tá Liên Đoàn Trường và tôi trình diện Đại Tá Nguyễn Thành Chuẩn, Chỉ Huy Trường BĐQ/ QĐIII/ QK3 ở Biên Hòa. Đại Tá thân mật tiếp đón chúng tôi với câu nói ngắn gọn: “Ồ đây tôi đã theo dõi tình hình và diễn tiến các anh ngoài đó, tôi rất hiểu và thông cảm cái hậu quả này.” Chúng tôi vẫn trình ông bản tường trình của Liên Đoàn mà tôi đã hoàn tất trước 12 giờ khuya đêm qua.

Sau cuộc gặp mặt riêng với Đại Tá Biệt, Đại Tá CHT/ BĐQ/ QK3 vui vẻ tiễn chúng tôi ra xe trở về hậu cứ. Trên đường về, Đại Tá cho tôi biết tin là binh chủng BĐQ sẽ thành lập Sư Đoàn và BCH/ BĐQ/ QĐIII sẽ thành Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 101/BĐQ, gồm có 3 Liên đoàn 31,32 và 33. Riêng Sư Đoàn 106/BĐQ đã thành lập xong và sắp ra quân. Đại Tá còn cho tôi biết thêm một tin vui nữa là ông đã được Đại Tá Chuẩn đề cử làm Tư Lệnh Phó Sư Đoàn, Trung Tá Tổng Viết Lạc, LĐT/ LĐT6 BĐQ sẽ làm Tham Mưu Phó hành quân tiếp vận, hay Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn. Còn tôi sẽ theo ông về Sư Đoàn làm việc với chức vụ Trung Tâm Trưởng Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn và được thăng cấp Thiếu Tá thực thụ luôn.

Tin này đã làm tôi nửa vui, nửa lo. Vui vì mình được thưởng cấp tin tưởng cất nhắc. Buồn lo vì không biết mình có khả năng để hoàn tất nhiệm vụ mới hay không? Tuy nhiên với mặt trận Phan Rang vừa rồi, Liên đoàn đã bị tan rã, mà theo giòng lịch sử sau này hiểu ra được, nó cũng chỉ là con chốt đã bị thí trong một ván cờ quốc tế, giữa hai thế lực Tự Do và Cộng Sản, mà VNCH chúng ta chỉ là một con chốt, đã bị chủ nghĩa Tư bản đem thí trong ván cờ với Cộng sản, vì quyền lợi của Mỹ là trên hết .



Tôi viết lại đây những gì chính tôi nghe được và thấy được tại mặt trận Phan Rang, chiến trận cuối cùng của đơn vị tôi mà tôi trực tiếp tham dự. Một mặt trận đã ghi đậm trong tâm não mà tôi không bao giờ quên được, nhất là vào những dịp tháng 3 và tháng 4 hàng năm.

California những ngày cuối tháng 3/ 2004

Sự Thật Cho Lịch Sử

Đặng Kim Thu, Khóa 19

Nếu muốn phán xét một sự kiện về lịch sử, trước nhất là phải tìm hiểu sự thật của lịch sử. Nếu xét đoán các biến cố xảy ra theo cảm tính chứ không theo các bằng chứng có giá trị, tìm cách che đậy hay biện minh cho những sai lầm, tìm cách che đậy hay bóp méo những sự kiện lịch sử, hoặc đứng về một phía để nhìn... đều sẽ đưa tới những sai lệch. Tuy nhiên, việc trả lại sự thật cho lịch sử không phải là chuyện dễ làm.

Trước hết, mặc dù đã xảy ra quá lâu nhưng cho đến nay nhiều tài liệu lịch sử vẫn chưa được sáng tỏ. Chúng ta nhớ lại hồi tháng Năm năm 2006, Văn Khố An Ninh Quốc Gia (National Archive) của Hoa Kỳ đã cho phổ biến 2.100 bản văn dài 23.000 trang, có tên: “The Kissinger Transcripts: A Verbatim Record of US Diplomacy, 1966 – 1977), mà đa số nội dung liên quan đến cuộc chiến Việt Nam. Những tài liệu này đã thay đổi khá nhiều cách nhìn của một số người về cuộc chiến này. Tuy nhiên vẫn còn số đông, vì đã dính chặt với bên này hoặc bên kia, vẫn nhất quyết bảo vệ phe mình bằng mọi giá, bất chấp sự thật lịch sử.

Một số người khác có dính líu đến các biến cố đã viết hồi ký, bình luận, nhận định để nói lên quan điểm của họ. Tuy nhiên, đa số đã trình bày ý kiến của họ dựa theo cảm tính, mà không dựa vào các bằng chứng đáng tin cậy, không nghiên cứu đến nơi đến chốn hay tìm cách bôi bác, hoặc xuyên tạc sự thật để che đậy những sai lầm của mình. Có những người chỉ viết để phô trương “cái tôi đáng ghét” của mình. Vì thế những sự kiện của họ nêu ra thường không đúng sự thật.

Như W. Bayant đã nói: “The truth crushed to earth shall rise again.” (*Sự thật dù có vùi xuống đất rồi cũng sẽ trỗi dậy.*)

Những sự kiện lịch sử mà người ta che giấu, hay cố tình bóp méo rồi cũng sẽ bị lộ ra ánh sáng.

Năm 1954 khi biết chắc Việt Nam sẽ bị chia đôi, Cựu Hoàng Bảo Đại đã quyết định đưa ông Ngô Đình Diệm về nước để cứu vãn tình thế, nhất là để bảo vệ ngôi vị của nhà Nguyễn vì ông Diệm vốn là cựu thần của nhà triều đại Nguyễn.

Tuy nhiên, tình hình của các phe phái chống Cộng Sản lúc đó rất lộn xộn. Trong Nam, Pháp dùng lực lượng vũ trang của các giáo phái và Bình Xuyên như là lực lượng bổ túc (forces supplétives) để giữ lãnh thổ, cũng như dùng các viên chức thân Pháp để cai trị. Tại miền Bắc, Pháp dùng Đảng Đại Việt và Việt Nam Quốc Dân Đảng để bình định nông thôn. Khi tình hình trở nên bất ổn, mỗi lực lượng chiếm cứ một vùng trở thành những sứ quân. Lực lượng Hòa Hảo “hùng cứ” ở miền Tây Nam Việt; Lực lượng Cao Đài chế ngự vùng Tây Ninh và phụ cận; Lực lượng Bình Xuyên của Bảy Viễn ngự trị tại Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, với một khu vực gọi là Đại Thế Giới và Kim Chung ở Chợ Lớn, nơi mà khách làng chơi đến đó tha hồ rượu chè, cờ bạc, dĩ điểm, hút sách mà mức độ không thua những gì đang xảy ra tại Ma Cao.

Một biến cố quyết định để tiến tới thành lập chính thể Việt Nam Cộng Hòa cho miền Nam Việt Nam, chính phủ của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cũng đã phải trải qua nhiều phen cực kỳ gay cấn. Trong phạm vi bài này, người viết chỉ xin kể lại một biến cố cốt lõi được coi là một cơ hội đưa đến việc thiết lập Việt Nam Cộng Hòa.

Theo như hồi ký của ông Bảo Đại, việc đề cử ông Ngô Đình Diệm làm thủ tướng đã bị Pháp chống đối, vì biết ông Diệm có tính thần chống Pháp cực đoan. Pháp đã chỉ thị cho tướng Paul Ély, Cao Ủy Pháp tại Việt Nam, dùng các thành phần thân pháp, các lực lượng giáo phái và Bình Xuyên để gây khó khăn cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Pháp tin rằng ông Diệm chỉ có thể cầm quyền trong một thời gian ngắn ngủi mà thôi. Trong khi đó Mỹ ủng hộ giải pháp Ngô Đình Diệm nên đã cử Đại Tá Edward Lansdale đến giúp ông Diệm đối phó tình hình.

Đụng vào quyền lợi sống còn của Bảo Đại.

Vào ngày 25 tháng 4 năm 1955, Thủ Tướng Diệm công bố quyết định:

1. Chấm dứt nhiệm vụ Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An của Lai Văn Sang (Bình Xuyên), giải tán Công An Xung Phong của Bảy Viễn, và cử Đại Tá Nguyễn Ngọc Lễ (sau này lên trung tướng) thay thế Lai Văn Sang.

2. Cử Trung Tá Trần Vĩnh Đắc thay thế Lai Hữu Tài làm Giám Đốc Công An Nam Việt.

Lai Văn Sang lên đài phát thanh tuyên bố ông được Quốc Trưởng Bảo Đại bổ nhiệm nên chỉ nhận lệnh của Bảo Đại. Ông không tuân hành lệnh của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và không bàn giao.

Đối với Bảo Đại, việc giải tán Công An Xung Phong của Bảy Viễn và đóng cửa Đại Thế Giới là một sự thiệt thòi lớn đối với ông. Bởi lẽ hồi cuối tháng 12 năm 1950, chính Bảo Đại đã gọi Bảy Viễn đến giúp ông lấy lại sòng bài Đại Thế Giới ở Chợ Lớn do người Tàu ở Ma Cao làm chủ. Mỗi tháng, Bảy Viễn nộp cho Bảo Đại 240.000 đồng, như đã giao kết. Còn rượu và gái Bảo Đại muốn bao nhiêu cũng có. Ngày 22 tháng 04 năm 1952, Bảo Đại ký sắc lệnh phong cho Bảy Viễn cấp bậc Thiếu Tướng Quân Đội Quốc Gia Việt Nam.

Theo tài liệu chính thức, Bảo Đại đã qua Pháp ngày 1 tháng 8 năm 1953 để yêu cầu Pháp kiện toàn việc thực hiện trao trả độc lập cho Việt Nam, theo bản tuyên ngôn ngày 3/7/1953 của Thủ Tướng Pháp. Ngày 28 tháng 11 năm 1953, Bảo Đại đã trở về nước. Ngày 9 tháng 4 năm 1954, Bảo Đại ký Sắc Lệnh số 22 BNV cử Lai Văn Sang, Cố vấn của Bảy Viễn, làm Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An thay thế Đại Tá Mai Hữu Xuân (sau này lên trung tướng). Ngày hôm sau, Bảo Đại rời Việt Nam qua Pháp trở lại.

Lansdale cho biết Bảo Đại thiếu tiền ăn chơi ở Riviera nên đã về bán chức Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An cho Bảy Viễn với giá 44 triệu đồng, tương đương với 1.250.000 Đô La Mỹ theo thời giá chính thức lúc đó.

Vì thế, khi hay tin Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã cất chức Lai Văn Sang, Bảo Đại từ Paris đã yêu cầu Mỹ phải có biện pháp

giải quyết trong vòng 48 giờ. Nếu không, ông ta sẽ đơn phương giải quyết. (*Ý nói sẽ bãi nhiệm Thủ Tướng Diệm.*)

Tướng cũng nên viết thêm, Tướng Paul Ély, Cao Ủy Pháp tại Việt Nam, là bạn thân với Collins. Vì thế Ély muốn nhờ ông này gây áp lực với chính phủ Mỹ thay thế ông Diệm. Trước tình hình căng thẳng như đã nói trên Tướng Collins, Đại Sứ Đặc Mệnh Toàn Quyền (Plenipotentiary Ambassador) tại Việt Nam của Mỹ, đã bay về Hoa Thịnh Đốn gặp Ngoại Trưởng Dulles trình bày tình hình và đề nghị thay thế ông Diệm.

Ngoại Trưởng Dulles đồng ý thay ông Diệm bằng Bác Sĩ Phan Huy Quát, hoặc Trần Văn Đỗ. Ông đã thông báo quyết định này cho Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn biết, nhưng bảo cần biết rõ quan điểm của Tổng Thống Eisenhower rồi mới thi hành.

Ở Mỹ, Tổng Thống Eisenhower chủ tọa phiên họp của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia bàn về tình hình Nam Việt Nam. Khi tham dự, Tướng Collins đã đề nghị thay thế ông Diệm. Ngược lại với đề nghị này, Tướng Lansdale trình bày với “White House” (Nhà Trắng) rằng không một thủ tướng thân Pháp nào có thể thắng Việt Minh và ông Diệm là lá bài tốt nhất hồi đó. Ngoài ra ngày 30 tháng 04 năm 1955, Thượng Nghị Sĩ Mansfield, ủng hộ ông Diệm, đã tuyên bố:

- “Nếu ông Diệm bị lật đổ, Hồ Chí Minh có thể đi bộ vào chiếm miền Nam mà không gặp bất cứ khó khăn nào.”

Sau khi thảo luận, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia của Mỹ quyết định ủng hộ ông Diệm, tiếp tục yểm trợ chính phủ Ngô Đình Diệm và viện trợ cho miền Nam Việt Nam. Chính Phủ Mỹ cũng gây áp lực với Pháp không được chống phá Chính Phủ của ông Diệm.

Tuân theo quyết định của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ, Ngoại Trưởng Dulles ra lệnh hủy bỏ công điện về việc thay thế Ông Diệm trước đó.

Sài Gòn hoa lệ bỗng ra chiến trường.

Ngày 28 tháng 04 năm 1955 súng bắt đầu nổ tại Đô Thành Sài Gòn khiến khu vực giữa cầu Nancy và đường Trần Hưng Đạo đã bị cháy dữ dội. Lúc 13 giờ, Công An Xung Phong của Bình Xuyên bắt thần tấn công Bộ Tổng Tham Mưu ở đường Trần Hưng Đạo, nã xuống cối và Dinh Độc Lập, đốt cháy Phủ Tổng

Ủy Diệm, mở cuộc tấn công vào trường Trung Học Pétrus Ký. Thủ Tướng Diệm điện thoại cho Tướng Ély thông báo rằng, nếu Bình Xuyên không ngưng pháo kích ông sẽ cho mở cuộc tấn công. Ông cũng cho Tướng Ély biết Quân Đội Quốc Gia, dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Dương Văn Minh, đang phản công và đương tiến đến bao vây khu Đại Thế Giới của Bảy Viễn.

Tướng Ély liền ra lệnh cho Đại Tá Dương Văn Minh không được mở cuộc tấn công mà chỉ án binh bất động, vì không biết Dương Văn Minh đã theo Thủ Tướng Diệm.

Cùng lúc, Đài Phát Thanh Bình Xuyên loan tin Quốc Trưởng Bảo Đại đã gửi công điện cho ông Diệm, yêu cầu trao quyền Tổng Tư Lệnh Quân Đội Quốc Gia cho Tướng Nguyễn Văn Võ. Công điện cũng yêu cầu ông Diệm cùng với Tướng Lê Văn Ty, Tổng Tham Mưu Trưởng, sang Paris nhận lệnh.

Không rõ vì lý do gì mãi đến trưa ngày hôm đó, ông Diệm mới nhận được hai công điện của Bảo Đại.

- Công điện thứ nhất từ văn phòng Quốc Trưởng ở Cannes thông báo cho Thủ Tướng Diệm biết quyết định bổ nhiệm Tướng Nguyễn Văn Võ làm Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Quốc Gia có quyền giải quyết tranh chấp giữa các giáo phái với Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Công điện cũng yêu cầu ông Diệm phải chấp hành.

- Công điện thứ hai cho biết Bảy Viễn phản đối việc cất chức Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An của Lê Văn Sang.

Các công điện cũng yêu cầu ông Diệm và Tướng Lê Văn Ty qua Pháp đề trình bày tình hình, khi dự hội nghị tại Cannes, Pháp.

Bất đồng giữa ông Nhu và ông Diệm:

Theo lời ông Cao Xuân Vỹ, hai công điện này đã khiến ông Diệm và ông Nhu có nhiều bất đồng. Vấn bị ảnh hưởng nhiều với triết lý Nho Giáo, ông Diệm không muốn trái ý kiến của ông Bảo Đại. Ngoài ra, ông cũng muốn nhân cơ hội này trình bày cho Bảo Đại biết những gì đang xảy ra tại Việt Nam và cách đối phó. Ông Nhu đã phản đối vì cho rằng việc mời Thủ Tướng Diệm qua Pháp lúc này chỉ là kế "điều hồ ly sơn". Ông Diệm sẽ không có cơ hội trở về Việt Nam nữa. Nếu ông Diệm ra đi là kể như mất chính quyền luôn.

Một khi chính quyền nằm trong tay Bình Xuyên, Pháp sẽ sắp xếp để liên lạc với Việt Minh như ông Diệm đã từng được khuyến cáo. Trước sau gì miền Nam cũng rơi vào tay Việt Minh. Ông Diệm không đồng ý cho rằng trong tình thế rối ren hiện nay việc ông đi gặp Bảo Đại là hợp lý. Sau khi nghe ông trình bày, Bảo Đại không còn cách nào khác là phải nhờ ông trở về ổn định tình hình.

Ông Nhu thất vọng bỏ Dinh Độc Lập trở về văn phòng của mình, liên lạc với nhóm Tinh Thần, tại số 8 đường Nguyễn Văn Tráng - Quận 1 (*noi sau này là viện đại học Minh Đức*), ngồi yên lặng trầm ngâm suy nghĩ. Người trong nhóm bàn với ông Nhu cần lập ra một phái đoàn, vào gặp Thủ Tướng Diệm ngay, để trình với ông Diệm rằng nhận định của ông Nhu là đúng.

Và lại nếu ông Diệm ra đi, Bảy Viễn sẽ lên nắm quyền. Lúc đó, ông ta sẽ cho thanh toán tất cả những người bảy lâu nay hợp tác với ông Diệm. Lúc đó mọi người sẽ trốn ở đâu?

Ông Nhu nói rằng ai muốn trình bày ý kiến của mình với Thủ Tướng thì cứ tùy nghi. Riêng ông cần liên lạc với những người ở Nha Trang và Huế, yêu cầu thành lập ngay hai chiến khu: Một ở Phan Rang và một ở Huế, để khi tình hình trở nên nguy ngập mọi người có thể vào đó ẩn náu tổ chức kháng chiến chống lại Bình Xuyên.

Ông Cao Xuân Vỹ sau đó đã cho biết ông và một số người đã vào dinh Độc Lập để thuyết phục ông Diệm. Mọi người đã trình bày với ông Diệm rằng cách nhìn của ông Nhu là hoàn toàn đúng. Đặc biệt, họ đã nhấn mạnh đến số phận của mình nếu Thủ Tướng Diệm qua Pháp và không trở về nữa.

Lúc đó, Bảy Viễn và phe thân Pháp chắc chắn sẽ không dung tha cho họ. Họ đã đề nghị ông Diệm nên hoãn việc đi Pháp để đợi tình hình thuận lợi hơn.

Cuối cùng ông Diệm đồng ý và cho gọi ông Nhu vào thực hiện ngay những biện pháp sau đây:

1- Gửi cho Quốc Trưởng Bảo Đại ngay một công điện nói rằng trong tình thế hiện tại Thủ Tướng Ngô Đình Diệm không thể rời Việt Nam được.

2- Khẩn cấp triệu tập hội nghị các chính đảng và đoàn thể vào sáng ngày kế tiếp tại Dinh Độc Lập, để yêu cầu hội nghị cho

biết trong tình thế hiện tại Thủ Tướng Ngô Đình Diệm có nên tuân theo lệnh của Bảo Đại gọi ông qua Pháp hay không?

3- Soạn thảo sắc lệnh thăng hai Đại Tá Trần Văn Đôn và Trần Văn Minh (*Minh nhỏ*) lên thiếu tướng để có tư thế nói chuyện với Bảy Viễn và Nguyễn Văn Võ.

Sáng ngày 29 tháng 4 năm 1955, ông Diệm đã gửi một công điện cho Bảo Đại từ chối đi Pháp vì tình hình không cho phép, đồng thời tuyên bố không chấp nhận Tướng Nguyễn Văn Võ làm Tổng Tư Lệnh Quân Đội Quốc Gia.

Các tướng Nguyễn Thành Phương (*Cao Đài*), Nguyễn Giác Ngô (*Hòa Hảo*), và Trịnh Minh Thế (*Cao Đài Liên Minh*) đồng thanh tuyên bố không chấp nhận Tướng Nguyễn Văn Võ làm Tổng Tư Lệnh Quân Đội.

Hội nghị muốn nắm quyền để quyết định:

Trong khi tiếng súng vẫn nổ giữa hai phe Bình Xuyên và Chính Phủ thì đại diện 18 đảng phái, đoàn thể và 29 nhân sĩ có tên tuổi đã đến dự buổi họp tại phòng Khánh Tiết của Dinh Độc Lập. Ba vị Tướng Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Giác Ngô, và Trịnh Minh Thế cũng có mặt.

Buổi họp còn có các nhân sĩ, bao gồm các Luật Sư Hoàng Cơ Thụy, Vũ Văn Mẫu, Trần Thanh Hiệp, Giáo Sư Phạm Việt Tuyên, các ông Nguyễn Bảo Toàn, Huỳnh Minh Ý, Nguyễn Hữu Khai...

Đúng 10 giờ sáng, ông Diệm xuất hiện giữa phòng họp cảm ơn các đoàn thể và nhân sĩ đã đến tham dự. Ông cho biết ông vừa nhận được công điện của Quốc Trưởng Bảo Đại yêu cầu ông qua Pháp trình bày về tình hình trong nước. Sau đó, ông nêu lên câu hỏi:

- "Xin quý vị cho biết trong tình thế hiện tại, tôi có nên đi Pháp theo lệnh của Quốc Trưởng Bảo Đại hay không?"

Hỏi xong ông xin rút lui để các đại diện đoàn thể và các nhân sĩ để thảo luận.

Để điều hành buổi họp, Ông Nguyễn Bảo Toàn được bầu làm chủ tọa, Giáo Sư Phạm Việt Tuyên làm thư ký.

Mặc dù buổi họp được gọi là hội nghị của các đảng phái, đoàn thể, và nhân sĩ, nhưng các vị sau đây được coi như đã chủ động điều khiển phiên họp:

- Ông Nguyễn Bảo Toàn, thuộc phe Phật Giáo Hòa Hào của Tướng Nguyễn Giác Ngộ.

- Ông Hồ Hán Sơn, thuộc nhóm Cao Đài Tây Ninh của Tướng Nguyễn Thành Phương.

- Ông Nhị Lang Lê Khắc Hoài, thuộc nhóm Cao Đài Liên Minh của Tướng Trịnh Minh Thế.

Ba giáo phái này đang ủng hộ ông Diệm. Vì có quân đội trong tay nên họ đóng vai trò quyết định.

Lúc đầu hội nghị thảo luận về câu hỏi đã được ông Diệm nêu ra. Đa số đều cho rằng công điện của Bảo Đại gọi ông Diệm qua Pháp là kẻ “điệu hổ ly sơn” nên ông Diệm không nên tuân hành.

Sau đó có một số đại diện muốn đi xa hơn.

Trong cuộc phỏng vấn ông Nguyễn Hữu Khai tham dự hội nghị, ông đã kể lại rằng các Ông Nguyễn Bảo Toàn và Tướng Nguyễn Thành Phương cho rằng vai trò của Bảo Đại không còn thích hợp nữa nên phải truất phế, bỏ luôn chế độ hiện tại, và thành lập chế độ Cộng Hòa. Các ông Nguyễn Hữu Khai, Bùi Quang Nga, Huỳnh Minh Ý,... không đồng ý giải pháp này viện lý do quyền truất phế Bảo Đại là quyền của toàn dân và quyền phế bỏ chế độ hiện tại, để thiết lập Chế Độ Cộng Hòa, là quyền của Quốc Hội Lập Hiến.

- “Chúng ta sẽ tổ chức bầu cử sau, vì hội nghị hôm nay không có quyền quyết định.”

Theo ý kiến của những vị này thì hội nghị chỉ nên đề nghị trưng cầu dân ý để truất phế Bảo Đại và tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến để thành lập Chế Độ Cộng Hòa mà thôi.

Cuộc thảo luận rất sôi nổi kéo dài từ 10 giờ 30 sáng tới 4 giờ chiều hội nghị mới thảo xong bản Tuyên Cáo. Nguyên văn như sau:

1- Truất phế Bảo Đại kể từ ngày 29 tháng 04 năm 1955.

2- Giải tán Chính Phủ Ngô Đình Diệm, do Bảo Đại đề cử, kể từ ngày 29 tháng 04 năm 1955.

3- Do tình hình nghiêm trọng hiện nay, ủy nhiệm Chí Sĩ Ngô Đình Diệm thành lập Chính Phủ Lâm Thời Quốc Gia Việt Nam kể từ ngày 29 tháng 4 năm 1955, với ba nhiệm vụ:

- Bình Định bọn phiến loạn để duy trì an ninh trật tự.

- Gấp rút tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến để thành lập chính quyền do dân bầu.

- Thu hồi trọn vẹn nền độc lập của quốc gia, yêu cầu quân đội viễn chinh Pháp triệt thoái khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Sài Gòn ngày 29 tháng 04 năm 1955.

(Đại diện các đảng phái và đoàn thể có mặt trong buổi họp đồng ký tên.)

Hội Nghị đã thành lập một ủy ban lấy tên là “Ủy Ban Cách Mạng Quốc Gia” để thực hiện những quyết định được ghi trong bản Tuyên Cáo, cũng như đề cử Ông Nguyễn Bảo Toàn làm Chủ Tịch, Ông Hồ Hán Sơn làm Phó Chủ Tịch, Ông Nhị Lang Lê Khắc Hoài làm Tổng Thư Ký.

Những người được bầu làm Ủy Viên bao gồm các Luật Sư Hoàng Cơ Thủy và Trần Thanh Hiệp, Nhân Sĩ Huỳnh Minh Ý và Ông Nguyễn Hữu Khai.

Lúc năm giờ chiều, Ông Nguyễn Bảo Toàn đi đón Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đến để nghe quyết định của hội nghị. Nghe xong bản Tuyên Cáo, mặt ông Diệm tái đi vì không ngờ Hội Nghị đã đi quá xa như vậy. Sau một phút suy nghĩ, ông trầm tĩnh nói:

- “Xin quý vị cho tôi được có thì giờ suy nghĩ kỹ về vấn đề trọng đại này.”

Mặc dù chưa có ý kiến của ông Diệm, ngay ngày hôm sau 30 tháng 4 năm 1955, Hội Đồng Cách Mạng đã tổ chức một buổi họp báo tại phòng Khánh Tiết của Tòa Đô Chánh Sài Gòn. Đã có khoảng 200 người tham dự. Việc xuất hiện cùng một lúc của ba vị Tướng Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Giác Ngộ, Trịnh Minh Thế đã được dân chúng vỗ tay hoan hô nhiệt liệt. Các đại diện đã thay nhau lên diễn đàn tố cáo Bảo Đại là bù nhìn, không xứng đáng làm Quốc Trưởng Việt Nam. Sau đó Hội Đồng công bố bản tuyên cáo đã được soạn thảo hôm trước. Trong không khí sôi sục, một số người đã trèo lên Tòa Đô Chánh gỡ chân dung Bảo Đại, ném xuống đường giữa trời mưa.

Tướng Vỹ và cuộc đảo chánh bất thành.

Nhận được sắc lệnh của Bảo Đại cử làm Tổng Tư Lệnh Quân Đội nhưng bị từ chối bàn giao nên tới ngày 29 tháng 4/1955 Tướng Nguyễn Văn Vỹ đã ra lệnh đưa hai tiểu đoàn Ngự Lâm

Quân từ Đà Lạt về Sài Gòn chiếm Bộ Tổng Tham Mưu, Bộ Điện, Ngân Hàng Quốc Gia, Đài Phát Thanh, và bao vây quanh Dinh Độc Lập.

Sáng ngày 30 tháng 04 năm 1955, Tướng Nguyễn Văn Võ bắt Tướng Lê Văn Ty, Đại Tá Trần Văn Đôn, Đại Tá Trần Văn Minh, và một số sĩ quan cao cấp khác buộc họ phải vào Dinh Độc Lập yêu cầu ông Diệm phải từ chức.

Ông Nhị Lang Lê Khắc Hoài kể lại, sau khi ra mắt tại Tòa Đô Chánh, toàn thể thành viên của Hội Đồng Cách Mạng vào Dinh Độc Lập để trình bày diễn tiến công việc với Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, trong đó có cả ba Tướng Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Giác Ngộ, và Trịnh Minh thế.



Thống Tướng Lê Văn Ty

Phái đoàn đến dinh Độc Lập lúc sáu giờ chiều thì thấy có khoảng 30 sĩ quan đang ngồi trong phòng khách ở tầng dưới. Khi lên lầu, Ông thấy một vị tướng đang ngồi trong phòng nhỏ với Tướng Lê Văn Ty. Ông Nhị Lang nhờ Đại Úy Tạ Thành Long, Sĩ Quan Tùy Viên của Tướng Trịnh Minh Thế, đi thăm dò. Lúc đó, ông mới được biết Tướng Nguyễn Văn Võ đang đến làm áp lực đòi Thủ Tướng Diệm trao quyền cho ông ta.

Bất chợt, Ông Nhị Lang nghĩ ra ý định phải bắt Tướng Võ tại chỗ. Sau khi hội ý nhanh chóng với Tướng Trịnh Minh Thế và Tướng Nguyễn Thành Phương, Ông Nhị Lang lặng lẽ đi ra hành lang phía sau Dinh Độc Lập, tới phòng Tướng Võ đang ngồi rút súng colt 45 ra chĩa vào Tướng Vi vào hô to:

- Giơ tay lên. Nếu không tôi bắn.

Bị bất ngờ không phản ứng kịp, Tướng Võ đành đứng dậy đưa hai tay lên đầu. Ông Nhị Lang ra lệnh cho Đại Úy Tạ Thành

Long đến lộn lộn của Tướng Võ. Khi Tướng Ty chạy đến ôm Ông Nhị Lang năn nỉ để cứu tướng Võ, Ông Nhị Lang đã yêu cầu Tướng Ty đừng gây trở ngại.

Ông Diệm được báo tin đã vội chạy đến căn trước họng súng của Ông Nhị Lang và nói:

- “Tôi xin ngài đừng gây đổ máu tại đây. Việc gì còn có tôi giải quyết. Xin ngài đừng nóng giận.”

Sau đó, ông Diệm đẩy Tướng Võ ra khỏi phòng và dẫn vào phòng ngủ của ông.

Ông Nhị Lang liền ra lệnh cho mọi người trong Dinh Độc Lập phải ngồi yên tại chỗ không được ra vào. Hai Tướng Nguyễn Thành Phương và Trịnh Minh Thế đã gọi về Tổng Hành Dinh của hai người ra lệnh đưa quân về cứu Dinh Độc Lập gấp. Đoàn quân tiếp viện đã tới Sài Gòn ngay trong tối hôm đó, bố trí bọc sau lưng Ngự Lâm Quân của Tướng Võ.

Lúc đó bên trong Dinh Độc Lập, lực lượng phòng vệ do Đại Tá Nguyễn Vinh chỉ huy bắt đầu quay súng ra ngoài. Trước gọng kềm đó, Ngự Lâm Quân không dám động binh. Biết trong Dinh đang có biến cố, họ gọi vào xin nói chuyện trực tiếp với Tướng Võ. Trước mũi súng của Ông Nhị Lang, Tướng Võ buộc lòng phải nói:

- “Tôi đang hầu chuyện Thủ Tướng đây. Cứ an tâm.”

Mặc dầu như vậy, ông ta vẫn hy vọng được giải cứu. Đến khi thấy Ngự Lâm Quân không còn làm chủ tình hình nữa, lúc 3 giờ sáng ngày 1 tháng 5 năm 1955, Tướng Võ đã yêu cầu đưa giấy bút ra để viết một bản tuyên cáo ngăn từ bỏ mọi chức tước và quyền hành đã được Bảo Đại trao.

Tướng Võ được trả “lon” lại và được dẫn xuống phòng Khánh Tiết để đọc đề bố tuyên bố mà Ông vừa đã viết. Tướng Ty báo các sĩ quan trong Bộ Tổng Tham Mưu đến báo cho Ngự Lâm Quân biết bản tuyên bố của tướng Võ và yêu cầu họ rút lui. Không có kháng cự nào xảy ra, sau đó.

Lúc 10 giờ sáng ngày 1 tháng 5 năm 1955, Hội Đồng Cách Mạng họp tại Dinh Độc Lập ra quyết nghị ủng hộ Quân Đội Quốc Gia, công nhận Tướng Lê Văn Ty vẫn là Tổng Tham Mưu Trưởng, và không nhìn nhận những quyền hành do Bảo Đại trao cho Tướng Võ.

Các tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp, cũng họp tại Bộ Tổng Tham Mưu, quyết định gửi công điện cho Bảo Đại yêu cầu giữ nguyên tình trạng trước khi có biến cố xảy ra:

- Tướng Lê Văn Tỵ vẫn là Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Quốc Gia.

- Tướng Nguyễn Văn Võ là Tổng Thanh Tra Quân Đội.



Tr/Tướng Nguyễn Văn Võ

Các tướng cũng tuyên bố trung thành với Chính Phủ Ngô Đình Diệm. Nếu chính phủ này không được còn nữa, quân đội sẽ tuân lệnh chính phủ nào do dân bầu ra.

Ngày 12 tháng 5 năm 1955, Tướng Võ bị cách chức Tổng Thanh Tra Quân Đội. Lúc 13:30 cùng ngày ông rời Sài Gòn sang định cư bên Pháp.

Sơ lược về Tướng Nguyễn Văn Võ:

- Sinh tháng 11 năm 1916 tại Hà Nội.

- Học trường Albert Sarraut tại Hà

Nội. Đậu Tú Tài Hai Pháp năm 1937.

- Đậu Cử Nhân Luật năm 1940 tại Đại Học Luật Khoa Hà Nội.

Tốt nghiệp Khóa 1 Trường Võ Bị Tông, Sơn Tây (*bị động viên*) với các bậc chuẩn úy, trung đội trưởng một trung đoàn Bộ Binh Bắc Việt.

- Năm 1945 sau khi Nhật đảo chánh Pháp, ông đi theo chiến đoàn của Tướng Pháp Alexandri vượt biên sang Trung Hoa.

- Năm 1946, đại úy, Chỉ Huy Trưởng Liên Đội Biệt Kích Trinh Sát hỗn hợp Việt Pháp.

- Năm 1947 - 1948, Đại Đội Trưởng Đại Đội 4 Biệt Kích thuộc Tiểu Đoàn Lưu Động Đông Dương. Sau đó toàn bộ đại đội được tách ra đi học nhảy dù và được đổi tên là Đại Đội Nhảy Dù Bắc Việt.

- Năm 1951, theo học khóa Tham Mưu Cao Cấp tại Pháp và được thăng cấp thiếu tá.

- Năm 1952, Bộ Quốc Phòng Pháp cho nghỉ dài hạn không lương để chuyển sang Quân Đội Quốc Gia Việt Nam với cấp bậc đại tá. Ngày 3 tháng 3 được bổ nhiệm làm Chánh Văn Phòng của Quốc Trưởng Bảo Đại, thay thế Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hinh lên làm Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Quốc Gia.

- Ngày 10 tháng 3 Năm 1954, thiếu tướng.

- Sau vụ tranh chấp với Thủ Tướng Diệm bất thành, sống lưu vong bên Pháp từ năm 1955.

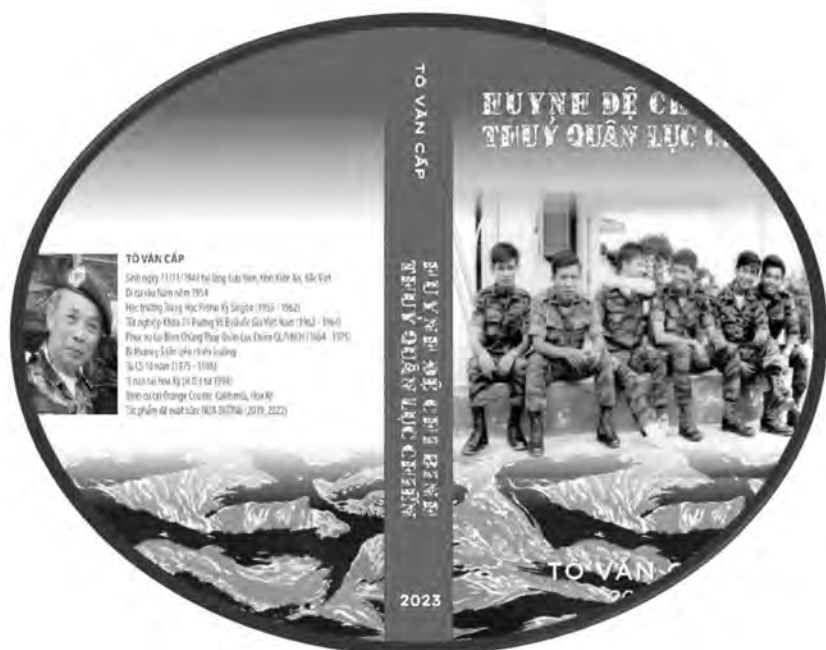
- Khi Dương Văn Minh đảo chánh Tổng Thống Diệm thành công, Ông mời Tướng Vỹ về nước hợp tác và được phục hồi cấp bậc thiếu tướng.

- Tới ngày 30 tháng giêng 1964, Tướng Khánh chinh lý bắt Tướng Vỹ quản thúc tại Đà Lạt cùng với 4 Tướng Đôn, Kim, Xuân, Đính.

Dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Tướng Vỹ được thăng trung tướng và được cử giữ chức Bộ Trưởng Quốc Phòng tới giữa năm 1972.

Tháng 3 năm 1973, giải ngũ.

**Bài này chỉ tóm lược một phần về một trong các biến cố đưa đến việc truất phế Bảo Đại và thành lập Việt Nam Cộng Hòa, được ghi lại trong cuốn "Những Bí Ẩn Lịch Sử thuộc Phòng 5 - Ban Quân Sự, Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa".*



***Một nén nhang nhớ ơn các Anh Linh Tử Sĩ.
Một gói quà thân tặng các anh Thương Phế Bình***

Lời Giới Thiệu Sách: “Huynh Đệ Chi Binh.”

Khôi An

Bao năm quân thảo với địch quân để giữ vững miền Nam, vô số lần đau đớn đến xé lòng khi nhìn đồng đội gục ngã, để rồi cuối cùng phải buông súng và bị trả thù một cách man rợ trong những trại tù. Đó là tóm tắt binh nghiệp quá nhiều khổ đau, cay đắng của hầu hết những người lính tác chiến VNCH.

Tuy vậy, mấy mươi năm sau, khi gặp lại nhau, họ vẫn hàn huyên mãi về quãng đời gian nan nhưng hào hùng đó. Cây bút Thủy Quân Lục Chiến (TQLC) Tô Văn Cấp cũng thế, nhưng ông không chỉ nói mà còn miệt mài ghi lại trong nhiều bài viết.

Tôi quen ông qua nhịp nối của những bài viết đó, và tôi gọi ông một cách thân tình là “chú Cấp”.

Chú Cấp viết nhiều, nhưng, không phải vì muốn làm “nhà văn”. Viết là cách chú chia sẻ những tiếc thương cho người đã khuất, những băn khoăn cho các chiến hữu còn chạt vật ở quê nhà, và thăm hỏi những người còn sống. Chú tâm sự nhẹ nhàng: “Nay đã bước vào tuổi tám mươi có lẽ, tuy không khoẻ, nhưng còn tinh táo nhớ đến quý anh, viết lên trang giấy để nhớ lại một thời còn súng đạn đầy đủ là niềm hạnh phúc...”

Chú ghi lại chuyện lính, chuyện hậu phương, và cả chuyện tù như người mẹ già thu góp yêu thương – nhưng vô cùng tha thiết - để trao cho những đứa con, lúc cuối đời.

Tuyển tập Huynh Đệ Chi Binh TQLC còn đặc biệt hơn nữa vì các bài viết không chỉ là lời của riêng chú Cấp mà còn từ nhiều chiến sĩ Mũ Xanh khác. Mỗi người một chuyện nhưng đều là kỷ niệm quý giá về tình đồng đội gắn bó chẳng kém gì ruột thịt.

Là những ký ức không thể nào quên nên các câu chuyện đều rất thật, chính xác đến từng ngày tháng. Hồi hộp và đầy tự hào là chuyện sát cánh nhau trong gian khổ, hiểm nghèo như khi Tiểu Đoàn Trường Đồ Sơn suốt đêm dẫn dắt và giữ vững tinh

thần cho binh sĩ đang chiến đấu giữa vòng vây địch. Vui và cảm động là những chuyện về các cấp chỉ huy đối xử với thuộc cấp bằng sự cảm thông, độ lượng như Tiểu Đoàn Trưởng Sông Hương Phạm Văn Sắt lệnh cho ban quân lương ứng trước tiền lương cho lính về thăm nhà.

Ấm áp là các chuyện về những lần chia sẻ từng miếng cơm khô, điều thuốc ướt giữa các chiến sĩ TQLC, từ vị sĩ quan cho đến người chuẩn úy mới về trình diện. Nhưng nhiều nhất vẫn là những chuyện đau lòng từ chiến trường.

Trong phạm vi của các bài viết ngắn, những sự việc khốc liệt năm xưa chỉ được nhắc một cách ngắn gọn, nhưng nếu lắng lòng, người đọc vẫn cảm thấy niềm đau đớn của những vết thương không bao giờ lành hẳn. Chẳng hạn như những lời đứt ruột khi chú Cáp nghe tin các bạn cùng khoá, cùng Binh Chủng TQLC là Thiếu Úy Võ Thành Kháng và Nguyễn Văn Hùng vừa ra trường đã hy sinh trong trận Bình Giả ngày 31/12/1964:

“Chúng tôi vừa tốt nghiệp ngày 28/11/1964, mới hưởng xong 15 ngày phép mãn khoá. Những cặp lon Thiếu Úy TQLC kim tuyến trắng tinh, chưa dính bụi trần, tưởng như vẫn còn hương thơm và dấu tay của người yêu, nay vừa mới ra trận đã nhuộm máu! Các bạn tôi đã hy sinh, đã trả xong nợ nước trong khi các đồng khoá khác còn đang ngồi chờ lệnh bổ nhiệm về đơn vị!”

Hay ký ức của chú Cáp về hai đồng đội Phạm Văn Sắt và Nguyễn Văn Hường.

“Sáng 29/3/75 ở bờ biển Non Nước, anh Sắt và tôi ôm poncho bơi bên nhau, khi sắp ‘hy sinh vì nước’ thì được kéo lên tàu Hải Quân. Để ăn mừng, anh móc túi áo ra bao thuốc lá Ruby Queen còn vài điều chia nhau, thuốc ẩm ướt, châm mãi cũng chưa cháy thì nghe bên hông tàu nhiều tiếng la, ‘Rớt xuống rồi!’

(Đại Úy Nguyễn Văn Hường K17 Thủ Đức được anh em kéo lên, nhưng nửa chừng thì tuột tay rơi trở lại và Hường mất tích từ đó.)”

Đặng cay nhất mà cũng đáng quý nhất là những câu chuyện các chiến hữu chia sẻ đùm bọc nhau trong tù ngục. Như câu chuyện đêm Giáng Sinh, 1975 trong bài Như Mới Hôm Qua đã làm người đọc nghẹn ngào:

“Tôi không ngủ được vì lý do cái lon guigoz chè mà Hợp giao cho tôi nấu hồi chiều đã bị đổ hết rồi! Tôi treo lon guigoz chứa ít vỏ bí ngô và nước vo gạo lên cái móc sắt ở đầu khúc cây, gọi là “cần câu” để đưa lon guigoz vào lò nấu cơm của nhà bếp trại tù. Chẳng may sơ ý để sâu vào giữa lò, lửa nóng quá, cháy đầu cần câu, lon guigoz rớt xuống đồng than hồng, “cao lương mỹ vị” bị vùi vào trong đồng tro, tôi tưởng như mình bị rơi xuống địa ngục!”

Chỉ những lời đơn giản thể thôi, nhưng như bóp vào tim. Những chiến hữu dành dụm từng chút thức ăn nhật được để chia sẻ với nhau. Phải thương nhau đến thế nào thì người lính từng dạn dày gian khổ mới đau xót như “rơi vào địa ngục” khi làm vuột mất niềm an ủi hiếm hoi của anh em.

Nhưng sau lúc ghen ngào, Huynh Đệ Chi Bình lại có những đoạn dí dỏm, khôi hài như chuyện chàng thương bệnh binh Tô Văn Cấp khổ vì cái đào hoa của người bạn Nguyễn Kim Tiền nằm giường bên cạnh, hoặc kỷ niệm vui như câu chuyện của Mũ Xanh Trần Như Hùng khi vào trình diện Tango-Đại Tá Tư Lệnh Phó Sư Đoàn, vì tội đánh nhau:

“Vào trình diện, Ông ngó tôi chăm chăm một lúc rồi phán:

- Cái mặt học trò mà muốn có bộ giò ăn cướp hay sao mà?

Nghe tôi trình bày xong thì Tango nhếch mép mỉm cười:

- Đúng là thẳng ngu hết cỡ, hết chỗ rồi sao mà về đây đánh lộn?

...

Tôi nhớ hoài cái nhìn và nụ cười mỉm của Ông... Từ đó trải qua bao sóng gió, sau 30/4, nghe tin Ông cũng ở lại và chịu cảnh tù đầy tang thương, rồi nhận Houston làm quê hương tạm dung, tôi ước ao được một lần nhìn lại ông.”

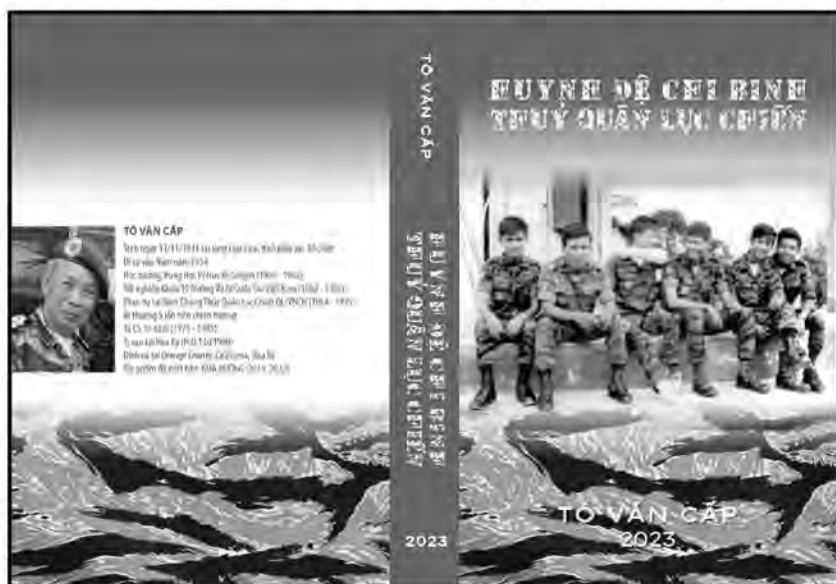
Như thế đó, các chiến sĩ TQLC, dù đã tan tác khắp thế giới, vẫn còn kết nối với nhau và nhắc mãi những ân tình năm xưa.

Quyển Huynh Đệ Chi Bình là sưu tập những lời chân thành của các người lính viết cho nhau. Nhiều nhân vật đã qua đời, vì thế khá nhiều đoạn trong tuyển tập chính là những bài điều trần của các chiến sĩ Mũ Xanh dành cho đồng đội vừa ra đi. Đó

là những lời chia sẻ từ trái tim còn đang roi lệ, không còn mục đích nào ngoài sự tiếc thương và tưởng nhớ quãng đời bên nhau.

Bên cạnh những bài viết của Cọp Biển cho Cọp Biển, tuyển tập có sự góp mặt của những chiến hữu từ các sư đoàn bạn. Ly kỳ và cảm động đến rơi nước mắt là lời kể của một Thiếu Úy Không Quân bị trọng thương được TQLC cứu giữa chiến trường:

“Hai anh lính TQLC lại bò đến bên tôi, một anh nắm sát đất, anh kia nâng tôi lên lưng anh nọ, rồi cả ba trườn vào nơi ẩn núp, nơi tuyến đầu xen kẽ cài rặng lược giữa quân ta với địch.”



Còn nữa là những chuyện các chiến sĩ VNCH cu rư mang nhau sau khi đã gãy súng, tan hàng vì vận nước. Những “chàng” lính ngang tàng, đã từng đầu đội trời, chân đạp đất, nay chịu đứng cả ngày trước cửa chợ để bán vé cho nhạc hội Cám Ôn Anh Thương Phế Binh. Người lính nằm trên giường bệnh cuối đời nhưng chỉ lo lắng ai sẽ thay mình giúp đỡ thương phế binh ở quê nhà. Và những người đã tìm kiếm các đồng đội đau yếu, neo đơn để an ủi, săn sóc họ cho tới khi vĩnh viễn chia tay.

Những thân thiết, hào hùng, tiếc thương, đau khổ, và cả uất nghẹn của đời lính tác chiến được kể lại bằng cách hành văn rất “lính”, rất mộc mạc. Nhưng chính sự đơn sơ đó đã chạm vào

tim người đọc. Rải rác trong sách còn có những hình ảnh của các Mũ Xanh ngày còn tại ngũ, những thanh niên trẻ trung, ngời ngời sức sống dù có đứng bên cạnh đống nát, hoang tàn. Nhìn hình rất nhiều người sẽ băng khuâng nhớ thời thanh xuân của các trai hùng nước Việt ngày ấy và của cả chính mình.

Dù vui hay buồn, những câu chuyện trong tuyển tập này đều làm tôi bồi hồi. Buông sách, tôi mừng vì mình đã đọc. Đọc để thấm thìa ý nghĩa ngàn cân của bốn chữ “Huynh Đệ Chi Binh”. Đọc để cảm kích và để trân trọng khi nhận ra rằng các câu chuyện này đang trở thành vô giá vì những người kể đang đi – quá nhanh – vào cõi già và miền miền viễn.

“Một ngày TQLC là một đời TQLC”, câu nói của vị Tư Lệnh Phó Sư Đoàn TQLC đã trở thành câu nằm lòng của hầu hết các chiến sĩ Mũ Xanh. Nhưng sống cho xứng danh TQLC không phải là điều ai cũng làm được.

Vì thế, tuyển tập Huynh Đệ Chi Binh quả thật là một làn gió mát cho người đọc hiểu được rằng hầu hết các Mũ Xanh vẫn giữ nguyên vẹn tinh thần TQLC, kính quý cấp trên, cru mang cấp dưới, và thương mến nhau, không chỉ giữa những người còn sống mà còn với cả những người đã khuất.

Cám ơn chú Cấp đã gom góp lại những lời viết cho nhau để người đọc được biết về tâm tình của các chiến sĩ TQLC.

Xin cám ơn tất cả những ký ức của các bác, các chú, các anh chiến sĩ VNCH trong tuyển tập đặc biệt này./.

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẬP SAN ĐA HIỆU

1. CSVSQ	Trần	Văn	Trung	K01	\$100.00
2. CSVSQ	Võ	Đại	Khôi	K.03	\$ 50.00
3. Mrs	Nguyễn	Xuân	Thịnh	K. 03/1	\$100.00
4. CSVSQ	Nguyễn	Đình	Hoà	K04	\$ 50.00
5. Mrs	Tạ	Thái	Bình	K04/1	\$ 40.00
6. Mrs.	Dương	Đình	Thụ	K06/1	\$ 50.00
7. Mrs	Tru'ong	Minh	Tam	K07/1	\$ 50.00
8. CSVSQ	Điêu	Ngọc	Chánh	K08	\$ 50.00
9. CSVSQ	Lương	Văn	Dan	K08	\$ 50.00
10. CSVSQ	Nguyễn	Du	An	K08	\$ 60.00
11. CSVSQ	Trần		Kiên	K08	\$ 40.00
12. CSVSQ	Vu	Ngoc	Ly	K08	\$ 50.00
13. Mrs	Nguyễn	Quốc	Hoàng	K08/1	\$ 30.00
14. CSVSQ	Dương	Cao	Sơn	K10	\$ 50.00
15. CSVSQ	Lê	Bá	Đô	K10	\$ 30.00
16. CSVSQ	Nguyễn	Văn	Lạc	K10	\$ 30.00
17. CSVSQ	Phạm	Thế	Phiệt	K10	\$ 50.00
18. CSVSQ	Võ	Thành	Quan	K10	\$ 30.00
19. CSVSQ	Nghiêm	Viết	Thành	K10/1	\$ 30.00
20. CSVSQ	Dương	Văn	Chương	K12	\$ 50.00
21. CSVSQ	Lê	Văn	Giàu	K12	\$ 50.00
22. CSVSQ	Nguyễn	Cuu	Dac	K/12	\$ 30.00
23. CSVSQ	Trần	Thượng	Khái	K12	\$ 30.00
24. CSVSQ	Đỗ	Huy	Huệ	K13	\$ 30.00
25. CSVSQ	Nguyễn	Hoài	An	K13	\$ 60.00
26. CSVSQ	Nguyễn	Quốc	Đổng	K13	\$ 30.00

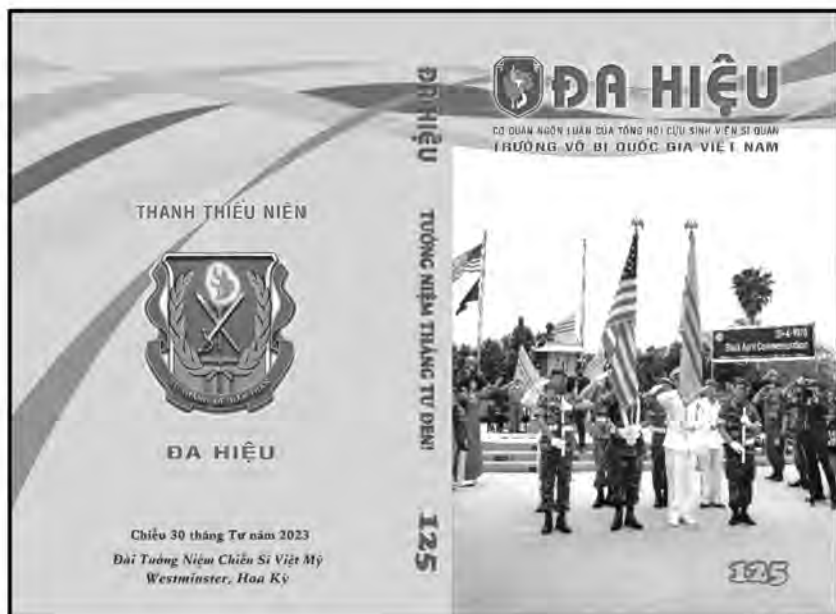
27.SVSQ	Vũ	Manh	Hung	K13	\$ 50.00
28.CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Thạch	K14	\$ 50.00
29.CSVSQ	Lê	Văn	Trước	K15	\$ 30.00
30.CSVSQ	Trần	Văn	Một	K15	\$ 20.00
31.CSVSQ	Hồ	Khắc	Đàm	K16	\$ 50.00
32.Mrs.	Nguyễn	Xuân	Thắng	K16	\$ 50.00
33.CSVSQ	Phạm	Minh	Đức	K16	\$ 50.00
34.CSVSQ	Phạm	Văn	Nghĩa	K16	\$ 60.00
5.CSVSQ	Nguyễn	Như	Phú	K16/1	\$ 20.00
36.CSVSQ	Nguyễn	Duy	Diễm	K17	\$ 50.00
37.CSVSQ	Nguyễn	Văn	Dùng	K17	\$ 50.00
38.CSVSQ	Nguyễn		Phung	K17	\$ 50.00
39.Mrs.	Nguyễn	Quang	Trung	K17	\$ 50.00
40.CSVSQ	Phùng	Xuân	Vinh	K17	\$ 50.00
41.CSVSQ	Võ		Y	K17	\$ 40.00
42.Mrs.	Hoàng	Thien	Huu	K17/1	\$ 50.00
43.Ms	Nguyễn	Văn	Nhạc	K17/1	\$ 40.00
44.Ms.	Nguyễn	Hồ Diễm	Anh	K17/2	\$100.00
45.CSVSQ	Bùi	Văn	Miêu	K18	\$ 30.00
46.CSVSQ	Đỗ	Văn	Hạnh	K18	\$100.00
47.CSVSQ	Hoàng	Xuân	Thời	K18	\$ 30.00
48.CSVSQ	Huỳnh	Văn	Giai	K18	\$ 50.00
49.CSVSQ	Lã	Quý	Trang	K18	\$ 50.00
50.CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Ánh	K18	\$ 50.00
51.CSVSQ	Nguyễn		Bê	K18	\$ 50.00
52.CSVSQ	Nguyễn	Van	Khuong	K18	\$ 30.00
53.CSVSQ	Phan	Bắc	Giac	K18	\$ 50.00
54.Mrs.	Lê	Văn	Hoạt	K18/1	\$ 30.00
55.CSVSQ	Trần		Toán	K18/1	\$ 30.00
56.CSVSQ	Bùi	Văn	Nam	K19	\$ 50.00
57.CSVSQ	Chu	Văn	Hải	K19	\$ 30.00
58.CSVSQ	Đặng	Kim	Thu	K19	\$100.00
59.CSVSQ	Đỗ		Đặng	K19	\$ 50.00
60.CSVSQ	Hồ	Văn	Hạc	K19	\$ 50.00
61.Mr.	Huỳnh	Văn	Phú	K19	\$ 30.00
62.CSVSQ	Kâng	Tum	Sơn	K19	\$ 50.00

63.CSVSQ	Nguyễn	Quang	Bộ	K19	\$ 30.00
64.CSVSQ	Nguyễn	Văn	Gio	K19	\$ 20.00
65.CSVSQ	Nguyễn	Đình	Hạnh	K19	\$100.00
66.CSVSQ	Nguyễn	Anh	Linh	K19	\$ 40.00
67.CSVSQ	Nguyễn	Bá	Luân	K19	\$ 35.00
68.VSQ	Nguyễn	Hồng	Miên	K19	\$ 50.00
69.CSVSQ	Nguyễn	Thành	Sơn	K19	\$ 30.00
70.CSVSQ	Nguyễn	Phước	Tây	K19	\$ 40.00
71.Mrs.	Nguyễn	Xuân	Thi	K19	\$ 30.00
72.CSVSQ	Nguyễn	Anh	Ton	K19	\$ 30.00
73.CSVSQ	Phạm	Kim	Khôi	K19	\$ 20.00
74.CSVSQ	Phạm	Dinh	Long	K19	\$ 30.00
75.CSVSQ	Tôn	Thạt	Ban	K19	\$ 50.00
76.CSVSQ	Vũ	Đình	Khang	K19	\$ 20.00
77.Mrs.	Lê	Văn	Cứ	K19/1	\$ 30.00
78.Mrs.	Nguyen	Thi	Minh	K19/1	\$ 50.00
79.CSVSQ	Đào	Kim	Minh	K20	\$ 30.00
80.Mrs.	Hoàng	Văn	Ngọc	K20	\$ 30.00
81.CSVSQ	Hoàng	Đặng	Xúng	K20	\$ 50.00
82.CSVSQ	Lê	Thanh	Phong	K20	\$ 50.00
83.CSVSQ	Lê	Văn	Toán	K20	\$ 50.00
84.CSVSQ	Nguyễn	Thanh	Đức	K20	\$ 50.00
85.CSVSQ	Nguyễn		Hai	K20	\$ 50.00
86.CSVSQ	Nguyễn	Khắc	Tung	K20	\$ 40.00
87.CSVSQ	Trần	Phi	Cơ	K20	\$ 50.00
88.Mrs	Quách		Thường	K20/1	\$100.00
89.CSVSQ	Hồ		Thiêm	K21	\$ 30.00
90.CSVSQ	Nguyễn	Đào	Đoán	K21	\$ 30.00
91.CSVSQ	Nguyễn	Văn	Tung	K21	\$100.00
92.CSVSQ	Lê	Văn	Kiện	K22	\$ 40.00
93.Mrs.	Mai	Vĩnh	Phú	K22	\$100.00
94.CSVSQ	Nguyễn	Thành	Chức	K22	\$ 30.00
95.CSVSQ	Phạm	Quang	Thành	K22	\$ 30.00
96.CSVSQ	Trần	Châu	Giang	K22	\$ 50.00
97.CSVSQ	Trần	Văn	Tiến	K22	\$ 30.00
98.CSVSQ	Trương	Văn	Phổ	K22	\$ 30.00
99.CSVSQ	Bui	Van	Tre	K23	\$ 50.00

100.CSVSQ	Lê	Văn	Bá	K23	\$ 30.00
101.CSVSQ	Nguyễn	Trọng	Việt	K23	\$ 25.00
102.SVSQ	Trần	Văn	Tâm	K23	\$ 50.00
103.CSVSQ	Trần	Vĩnh	Thuần	K23	\$ 50.00
104.CSVSQ	Vương		Chước	K23	\$ 50.00
105.Mrs	Bùi	Văn	Hồng	K23/1	\$ 30.00
106.CSVSQ	Vũ	Văn	Tin	K24	\$ 54.00
107.CSVSQ	Đặng	Văn	Khanh	K25	\$108.00
108.CSVSQ	Hoàng	Trọng	Chiểu	K25	\$ 50.00
109.CSVSQ	Lai	Dinh	Hoi	K25	\$ 50.00
110.CSVSQ	Lâm	Minh	Vân	K25	\$ 50.00
111.CSVSQ	Ngô	Hồng	Sương	K25	\$100.00
112.CSVSQ	Trần		Đức	K25	\$ 50.00
113.CSVSQ	Võ		Khôi	K25	\$ 50.00
114.CSVSQ	Võ	Văn	Xuyên	K25	\$ 50.00
115.	Đặng	Như	Thạch	K26	\$ 30.00
116.Mr.	Ngô	Văn	Nơi	K26	\$ 50.00
117.CSVSQ	Nguyễn	Văn	Lượng	K26	\$100.00
118.CSVSQ	Nguyễn	Văn	Trí	K26	\$ 50.00
119.CSVSQ	Phạm	Đình	Lê	K26	\$ 30.00
120.CSVSQ	Tô		Thành	K26	\$100.00
121.Ms.	Vũ	Thế	Thủ	K26	\$ 30.00
122.CSVSQ	Vũ	Kim	Trọng	K26	\$100.00
123.CSVSQ	Châu		Lân	K27	\$ 40.00
124.CSVSQ	Lê	Văn	Hồng	K27	\$ 20.00
125.CSVSQ	Nguyễn	Văn	Lễ	K27	\$ 27.27
126.CSVSQ	Nguyễn	Hoàng	Phước	K27	\$ 45.00
127.CSVSQ	Trương	Văn	Hơn	K27	\$ 30.00
128.CSVSQ	Nguyễn	Trung	Long	K28	\$ 50.00
129.CSVSQ	Nguyễn	Văn	Nghĩa	K28	\$ 50.00
130.CSVSQ	Phạm	Duc	Vinh	K28	\$ 50.00
131.CSVSQ	Phạm	Công	Thành	K28	\$ 50.00
132.CSVSQ	Trần		Tường	K28	\$ 50.00
133.CSVSQ	Đỗ	Trọng	Đạt	K29	\$ 50.00
134.CSVSQ	Nguyễn		Trữ	K29	\$ 50.00
135.CSVSQ	Phạm	Tấn	Lộc	K29	\$ 20.00
136.CSVSQ	Từ		Thanh	K29	\$100.00

137.CSVSQ	Lê	Hoàng	Sơn	K30	\$ 50.00
138.CSVSQ	Nguyễn	Bạch	Châu	K30	\$ 54.00
139.CSVSQ	Phạm	Xuân	Sơn	K30	\$ 32.40
140.CSVSQ	Hoàng	Tôn	Long	K31	\$ 32.40
141.CSVSQ	Nguyễn	Văn	Nghiêm	K31	\$100.00
142.Ms.	Bùi	Thị	Báu	TH	\$ 30.00
143.Mr.	Cao	Minh	Tri	TH	\$ 30.00
144.Mr	Dam	Viet	Trung	TH	\$ 50.00
145.Mr.	Đặng	Đức	Nghiêm	TH	\$ 50.00
146.Mr	Dao	Van	Bình	TH	\$ 30.00
147.Mr.	Đỗ	Kim	Bằng	TH	\$ 20.00
148.Mr.	Đỗ	Hữu	Lê	TH	\$ 20.00
149.Mr.	Đoàn	K.	Phụng	TH	\$ 50.00
150.Mr.	Hà	Đức	Bản	TH	\$100.00
151.Mr.	Lai		Nam	TH	\$ 30.00
152.Mrs.	Lê	Hồng	Hải	TH	\$ 50.00
153.Mr.	Lê	Đặng	Khoa	TH	\$ 50.00
154.Mr.	Lưu	Đức	Tín	TH	\$ 50.00
155.Mr	Ngô		Nguyễn	TH	\$ 20.00
156.Mr.	Ngô		Nhi	TH	\$ 30.00
157.Mr.	Nguyễn	D.	Hùng	TH	\$ 30.00
158.Ms	Nguyễn	Thị	Nga	TH	\$ 54.00
158b.Mr.	Nguyễn	Văn	Ngân	TH	\$ 20.00
159.Mr.	Nguyễn	Thanh	Phong	TH	\$ 30.00
160.Mr.	Nguyễn	Ngoc	Phuong	TH	\$150.00
161.Mr.	Nguyễn	Hữu	Thời	TH	\$ 50.00
162.Dr.	Nguyễn		Thomas	TH	\$ 60.00
163.Ms	Nguyễn	Thị	Xuân	TH	\$ 43.20
164.Mrs	Nguyet		Dao	TH	\$100.00
165.Mr	Nong	Quang	Lợi	TH	\$ 50.00
166.Mr.	Phạm	Van	Thanh	TH	\$ 50.00
167.Mr.	Tạ		Tuấn	TH	\$ 50.00
168.Mr	Tran	Dang	Trình	TH	\$ 20.00
169.Mrs.	Trần	Thị	Hoa	TH	\$ 40.00
170.Mr	Trần	Văn	Khởi	TH	\$ 50.00
171.Mr.	Trần	Đình	Lộc	TH	\$ 40.00
172.Mr.	T		Nham	TH	\$ 20.00

173.Mr.	Trần		Thanh	TH	\$100.00
174.Mr	Triệu	Thiên	Tường	TH	\$ 40.00
175.Mr.	Trương		Nghĩa	TH	\$ 20.00
176.Mr.	Trương		Phương	TH	\$ 60.00
177.Mr.	Vo		Jamesnico	TH	\$ 90.00
178.Mr.	Lê	Trọng	Lập	VHV	\$ 30.00
179.Mr.	Nguyễn	Hào	Kiệt	VHV	\$100.00
180.Mr.	Trần	Huy	Bich	VHV	\$100.00
	Hội Võ Bì				
	Nam				\$300.00
	California				
	Phân Hội				
	Tây Nam				
	(Pháp,				\$216.00
	Anh,Thụy				
	Sĩ)				
	Tổng Cộng:				\$ 9,226.27



Bảng Tổng Kết Chi Thu tính tới ngày 31 tháng 8 năm 2023

1. Chi Phí cho Đa Hiệu 125

Ấn Loát ĐH125	5,300.00
Bưu Phí trong Hoa Kỳ	1,548.36
Bưu Phí ngoài Hoa Kỳ	1,079.79
Chuyên Chở	400.00
Chi \$ mua giấy, bì thư, bao nylon	744.06
Phát Hành, Âm Thực & Linh tinh	910.00

Buru Phí Phụ Trội+Dịch Vụ TS, VP Phẩm	829.02
Tổng Số Chi cho ĐH125	\$ 10.811.23
2. Thu	
Quỹ còn lại sau khi chi cho ĐH124	\$ 10,355.51
Tổng Số Thu ĐH125	9,226.27
Tổng Cộng	\$ 19,581.78
Quỹ còn lại sau khi chi cho ĐH125	
\$19,581.78 - \$10,811.23	\$ 8,770.55

TỔNG HỘI CSVSQ/TVBQGVN THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

CSVSQ PHAN VĂN ANH, K14

Từ trần ngày 15/4/2023

Tại Fountain Valley, California

Hưởng thọ 88 tuổi

CSVSQ TRẦN VĂN CAO, K12

Từ trần ngày 8/5/2023

Tại San Diego, California

Hưởng thọ 87 tuổi

CSVSQ LÊ QUANG TRANG, K17

Từ trần ngày 11/5/2023

Tại Garden Grove, California

Hưởng thọ 84 tuổi

CSVSQ Dominic TỪ VĂN, K12

Từ trần ngày 16/5/2023

Tại Sacramento, California

Hưởng thọ 87 tuổi

CSVSQ NGUYỄN VĂN NGÀ, K22

Từ trần ngày 28/4/2023
Tại Springfield, Virginia
Hưởng thọ 78 tuổi

CSVSQ ĐOÀN VĂN LIÊU, K6

Từ trần ngày 17/5/2023
Tại Garden Grove, California
Hưởng thọ 93 tuổi

CSVSQ HUỶNH HỮU CHÍ, K29

Từ trần ngày 9/6/2023
Tại San Jose, California
Hưởng thọ 69 tuổi

CSVSQ HOÀNG TRỌNG BỬU, K16

Từ trần ngày 9/6/2023
Tại Illinois, HK
Hưởng thọ 88 tuổi

CSVSQ PHẠM THỂ VINH, K9

Từ trần ngày 4/6/2023
Tại Anaheim, California
Hưởng thọ 97 tuổi

CSVSQ NGUYỄN MINH CHÁNH, K16

Từ trần ngày 30/6/2023
Tại Orange County, California
Hưởng thọ 87 tuổi

CSVSQ CAO ĐĂNG TƯỜNG, K8

Từ trần ngày 29/6/2023
Tại San Jose, California
Hưởng thọ 95 tuổi

GS NGUYỄN PHÚC ỨNG HIỀN

Từ trần ngày 26/6/2023
Tại Sugarland, Texas
Hưởng thọ 92 tuổi

CSVSQ PHẠM QUANG MỸ, K10

Từ trần ngày 9/7/2023
Tại San Jose, California
Hưởng thọ 92 tuổi.

GS NGUYỄN NGỌC BỘI

Giáo Sư Khoa Học, Xã Hội
Từ trần ngày 18/7/2023
Tại Nam California
Hưởng thọ 85 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN VĂN TRỌNG, K13

Từ trần ngày 31/7/2023

Tại Dorchester, Massachusetts

Hương thọ 88 tuổi

CSVSQ NGUYỄN VĂN LƯỢNG, K19

Từ trần ngày 31/7/2023

Tại Riverside, California

Hương thọ 82 tuổi

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

TỔNG HỘI CSVSQ / TVBQGVN

Thành kính chia buồn cùng tang quyến.

Sự ra đi vĩnh viễn của các Vị nêu trên

Là những tổn thất lớn lao

Của đại gia đình Võ Bị và cho Gia đình mỗi người.

Nguyện cầu hương linh những người đã khuất

Sớm được siêu thoát

Và được về cõi Vĩnh Hằng.
